



**ĐỒNG TIỀN TÀI CHÍNH
VIỆT NAM**



1911

BỘ TÀI CHÍNH
KÍNH BIỂU

ĐỒNG TIỀN
TÀI CHÍNH
VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH
HÀ NỘI 2013

LỜI GIỚI THIỆU

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, nhận thức được vai trò quan trọng của tiền tệ trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của một quốc gia độc lập, Trung ương Đảng, Chính phủ quyết định giao cho Bộ Tài chính tổ chức in và phát hành giấy bạc tài chính Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp, sâu sát, của đồng chí Phạm Văn Đồng khi đó là Ủy viên Lâm thời Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính thời kỳ đầu thành lập và tiếp đó là Bộ trưởng Tài chính Lê Văn Hiến, cộng với tinh thần và ý chí Cách mạng của các cán bộ Tài chính trong Cơ quan Ấn loát Đặc biệt ở Trung ương, Trung Bộ và Nam Bộ của Bộ Tài chính đã vượt qua khó khăn thách

thức, hy sinh xương máu để in và phát hành đồng tiền Tài chính Việt Nam - còn được gọi với cái tên thân thương “giấy bạc Cụ Hồ” trên cả ba miền đất nước.

Có thể nói, những chiến công của những cán bộ in ấn, phát hành đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ năm xưa từ khi thành lập Nhà nước Cách mạng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ, xuyên suốt cuộc kháng chiến 9 năm của Dân tộc mãi là bài ca hào hùng, là mốc son lịch sử, truyền thống vẻ vang trường tồn của đất nước nói chung và của các thế hệ cán bộ ngành Tài chính nói riêng.

Tiếp theo việc xuất bản cuốn sách “Đồng tiền Tài chính - Giấy bạc Cụ Hồ ở Nam Bộ”, Bộ Tài chính tiếp tục

tổ chức biên soạn và cuốn sách “Đồng tiền Tài chính Việt Nam” nhằm tái hiện lại những hoạt động đầy gian nan vất vả nhưng rất đổi tự hào về quá trình chuẩn bị, tổ chức in và phát hành Đồng tiền Tài chính - Giấy bạc Cụ Hồ trên cả ba miền Bắc - Trung - Nam làm vũ khí sắc bén đấu tranh trên mặt trận kinh tế, tài chính, tiền tệ với địch trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, qua đó khẳng định những giá trị lớn lao, những đóng góp vào việc xác lập chủ quyền về kinh tế, tài chính, tiền tệ của một quốc gia độc lập trong thời kỳ đầu của Nhà nước Cách mạng non trẻ, cũng như góp phần xây dựng nền móng vững chắc của nền Tài chính Việt Nam.

Đồng thời, cuốn sách này với nhiều tư liệu lịch sử còn là một tài liệu quý phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập và giáo dục truyền thống sâu sắc cho các thế hệ cán bộ ngành Tài chính.

Bộ Tài chính chân thành cảm ơn những đồng chí trong Ban liên lạc Ban Ấn loát Đặc biệt của cả nước, các đồng

chí cán bộ lão thành trong và ngoài ngành Tài chính, các nhà nghiên cứu, các nhà báo đã tiếp tục nhiệt tình đóng góp tư liệu, tham gia góp ý để hoàn thành cuốn sách này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện cuốn sách, tuy Ban biên soạn đã có nhiều cố gắng, nhưng do thời gian hạn hẹp, chưa tiếp cận khai thác đầy đủ hết các nguồn thông tin, tư liệu... nên chắc chắn sẽ không tránh khỏi những sai sót, hạn chế. Bộ Tài chính rất mong các thế hệ cán bộ trong và ngoài ngành Tài chính, bạn đọc tiếp tục đóng góp ý kiến giúp cho Ban biên soạn có thêm tư liệu bổ sung, hoàn chỉnh một cách toàn diện, đầy đủ, sâu sắc hơn về lịch sử Đồng tiền Tài chính Việt Nam - Giấy bạc Cụ Hồ trong thời gian tới.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

GS.TS NGUYỄN CÔNG NGHIỆP

Thứ trưởng Thường trực
Bộ Tài chính

... Việc ra đời đồng tiền Tài chính
- Giấy bạc Cụ Hồ là sự đòi hỏi tất
yếu của thực tế khách quan và yêu
cầu của lịch sử Cách mạng, đó cũng
chính là chủ trương, đường lối của
Đảng và Chính phủ ta sau khi đã
lãnh đạo nhân dân làm cuộc Cách
mạng Tháng 8 thành công, đánh đổ
đế quốc Pháp và phát xít Nhật, giành
lại chính quyền về tay Cách mạng,
mang lại độc lập tự do cho dân tộc.

Đây là một quan điểm chủ trương
hoàn toàn đúng đắn phù hợp với xu
thế chung của thời đại và đó cũng
là cơ sở khoa học đảm bảo cho một
quốc gia giữ vững được nền độc lập
tự do một cách ổn định, bền vững
và lâu dài...



BỐI CẢNH LỊCH SỬ
& SỰ RA ĐỜI TẤT YẾU
CỦA ĐỒNG TIỀN
TÀI CHÍNH VIỆT NAM



CHÍNH SÁCH “CHIA ĐỂ TRỊ” & SỬ DỤNG TIỀN ĐÔNG DƯƠNG CỦA THỰC DÂN PHÁP

Ngày 1/9/1858, liên quân Thực dân Pháp và Bồ Đào Nha nổ súng đánh chiếm bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), bắt đầu tiến hành cuộc vũ trang xâm lược nước ta. Sau gần 30 năm tiến hành cuộc chiến tranh, với Điều ước Ác Mãng (Harmand) 1883 và Điều ước Đatonốt (Datenote) 1884 thực dân Pháp đã buộc triều đình nhà Nguyễn đầu hàng và ký các văn tự chính thức thừa nhận nền bảo hộ của Pháp trên toàn bộ đất nước Việt Nam.

Để thực hiện chính sách cai trị nước ta,

chính quyền Pháp đã thiết lập bộ máy cai trị thuộc địa theo kiểu thực dân mới với hình thức hình thành ba cấp: Trung ương, Kỳ, Tỉnh cho cả Trung - Bắc Kỳ.

Ở cấp trung ương, đứng đầu toàn Trung - Bắc Kỳ là một viên Tổng Trú sứ (Re'saden Général), đương thời thường gọi là Toàn quyền Lương Kỳ. Từ 6/6/1884 đến 7/4/1886 viên chức này thuộc ngạch võ quan nên trực thuộc Bộ trưởng Bộ Chiến tranh Pháp. Từ 8/4/1886 đến 9/5/1889, chức Tổng Trú sứ chuyển sang ngạch quan văn và

trực thuộc Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp. Chức danh này bị bãi bỏ ngày 9/5/1889.

Ở cấp Kỳ, kể từ ngày 27/1/1886 đứng đầu bộ máy thống trị Bắc Kỳ là viên Thống sứ (Résedent Superieur). Ở Trung Kỳ là viên Khâm sứ (cũng là Résedent Superieur). Hai viên chức này đều trực thuộc viên Tổng Trú Sứ, khi chức danh này tồn tại. Khi Tổng Trú sứ bị bãi bỏ thì hai viên chức này đứng đầu mỗi kỳ.

Ở cấp tỉnh, đứng đầu cấp tỉnh ở Bắc Kỳ là viên Công sứ, được thiết lập theo quy ước năm 1883. Đối với các tỉnh Trung Kỳ, chức Công sứ được thiết lập theo quy ước năm 1885. Công sứ trực thuộc Thống sứ hoặc Khâm sứ tùy theo địa bàn Bắc Kỳ hay Trung Kỳ.

Như vậy, từ một nước Việt Nam thống nhất, sau khi đánh chiếm nước ta và thi hành chính sách cai trị thực dân kiểu mới, thực dân Pháp đã chia cắt nước ta làm 3 miền và giao quyền thống trị

cho hai Bộ: Bộ Hải quân và Thuộc địa phụ trách Nam Kỳ; Bộ Chiến tranh và sau đó là Bộ Ngoại giao phụ trách Trung - Bắc Kỳ. Tiếp sau đó, để tạo sự thống nhất trong khâu chỉ đạo việc cai trị các lãnh địa thuộc các thể chế chính trị khác nhau do chúng áp đặt như Thuộc địa, Bảo hộ, Lãnh địa thuê, thực dân Pháp đã ban hành Sắc lệnh ngày 17/10/1887 xóa bỏ tên nước Việt Nam để lập ra cái gọi là “Liên bang Đông Dương” (Union Indochinoise) mà đứng đầu là viên Toàn quyền Đông Dương (Le Gouverneur général de l’Indochine) đặt dưới sự chỉ đạo duy nhất của Bộ Hải quân và thuộc địa Pháp.

Tới năm 1894 bộ phận đặc trách thuộc địa trong Bộ Hải quân và Thuộc địa Pháp tách riêng ra để thành lập Bộ Thuộc địa thì Liên Bang Đông Dương trực thuộc Bộ này. Ngày 19/4/1899 Tổng thống Pháp ra Sắc lệnh sáp nhập thêm Lào vào Liên Bang Đông Dương.

Trong Liên Bang Đông Dương, Nam



Việt Nam thế kỷ 19

Kỳ là đất thuộc địa hoàn toàn do Pháp nắm. Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Lào, Campuchia là xứ bảo hộ của Pháp, vẫn còn giữ chính quyền phong kiến về hình thức. Với hình thức này thực dân Pháp đã xóa tên ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia trên bản đồ thế giới.

Đứng đầu Liên Bang Đông Dương là Toàn quyền. Toàn quyền là người thay mặt Chính phủ Pháp cai trị Đông

Dương vừa là người chịu trách nhiệm trước Chính phủ Pháp về mọi mặt, đặc biệt là về tài chính. Toàn quyền nắm quyền lập pháp; lập quy và quyền hành pháp. Hội đồng tối cao Đông Dương do Toàn quyền là chủ tịch, các Ủy viên Hội đồng tối cao hầu hết là người Pháp, chỉ có hai người Việt đại biểu cho nhân dân “bản xứ”. Hội đồng họp mỗi năm một lần để bàn bạc và thông qua ngân sách Đông Dương,

ngân sách hàng “xứ”, cùng các công việc do Toàn quyền đề xuất có liên quan đến việc thống trị và khai thác tài nguyên của Đông Dương. Giúp việc cho Toàn quyền có Văn phòng Phủ Toàn quyền.

Dưới Toàn quyền là một viên chức thực dân cao cấp đứng đầu mỗi “xứ” và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của toàn quyền Đông Dương.

Ở Bắc Kỳ, sau ngày thiết lập chế độ Toàn quyền, bộ máy cai trị của thực dân Pháp được củng cố và hoàn chỉnh dần. Trước năm 1889 đứng đầu Bắc Kỳ là một viên Thống Sứ đặt dưới quyền chỉ đạo của Tổng Trú Sứ Trung - Bắc Kỳ (Toàn quyền lưỡng kỳ).

Từ sau năm 1889 Thống sứ Bắc Kỳ chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Toàn quyền Đông Dương. Thống Sứ có quyền hạn tối cao trong “Xứ”. Thống Sứ thông qua Kinh lược để nắm mọi hoạt động của hệ thống quan lại người Việt thuộc quyền quản lý của triều đình Huế.

Năm 1899 chức Kinh lược bị bãi bỏ thì mọi quyền hành đều tập trung vào tay Thống Sứ.

Chế độ Bảo hộ thực tế đã bị thay thế bằng chế độ trực trị ở Bắc Kỳ, giúp cho Thống Sứ có một số tổ chức phụ tá cao cấp để thực hiện việc cai trị.

Ngoài cấp “Kỳ”, bộ máy cai trị của Thực dân Pháp ở Bắc Kỳ còn được tăng cường từ cấp tỉnh trở xuống. Chúng phân chia lại các khu vực địa lý hành chính thành những tỉnh, thành phố và thiết lập các Đạo Quan binh, một hình thức thống trị đặc thù của riêng Bắc Kỳ (tương đương với cấp tỉnh). Đứng đầu các cấp ấy (Công Sứ, Đốc Lý, Tư lệnh Đạo quan binh) là người Pháp.

Thống sứ nắm toàn bộ mọi hoạt động của các cấp. Tuy nhiên, do vẫn núp dưới chiêu bài “Bảo hộ”, nên cấp tỉnh, phủ, huyện, đạo, châu vẫn do người Việt cai trị dưới sự chỉ đạo, giám sát và kiểm soát trực tiếp của Công Sứ hoặc Tư lệnh Đạo Quan binh.

Ở Trung Kỳ có hai hệ thống chính quyền song song tồn tại: Nam Triều do nhà vua đứng đầu và Tòa Khâm do viên Khâm Sứ Pháp đứng đầu.

Hệ thống chính quyền Nam Triều vẫn được giữ lại về mặt hình thức từ Trung ương đến tỉnh, phủ, huyện, đạo, châu và xã. Nhưng điều quan trọng là cùng với quá trình củng cố và thiết lập bộ máy thống trị của mình, thực dân Pháp đã tổ chức và điều hành thể chế hoạt động. Việc bổ nhiệm đội ngũ quan lại của triều đình dần dần bị giới thực dân thôn tóm.

Song song với hệ thống chính quyền Nam triều là hệ thống chính quyền thực dân. Cũng như ngoài Bắc Kỳ, thực dân Pháp chỉ trực tiếp nắm cấp Trung ương, cấp tỉnh và thành phố. Đứng đầu bộ máy cai trị thực dân ở Trung Kỳ là Khâm sứ người Pháp nắm quyền lập quy, hành pháp, có quyền ban phát phẩm hàm cho các công chức và binh lính người Việt làm trong công sở của Pháp. Song một quyền lực đặc biệt

quan trọng mà Thống sứ Bắc Kỳ không có được, đó là mọi văn bản như: Sắc, Dụ, Chỉ của nhà Vua và các Điều lệ, Qui tắc của Hội đồng Thượng thư đều phải được Khâm sứ Pháp duyệt, sau đó chính quyền Nam triều mới được phép lưu hành ở Trung Kỳ.

Giúp việc cho Khâm sứ là các tổ chức phụ tá cao cấp. Đốc lý và Công Sứ đứng đầu thành phố và cấp tỉnh nắm toàn bộ mọi hoạt động kể cả nhân sự từ tỉnh xuống đến xã và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Khâm sứ Trung Kỳ.

Ở Nam Kỳ, từ sau năm 1889 tổ chức cai trị của thực dân Pháp ở đây có những thay đổi căn bản: Thống đốc ở Nam Kỳ tương đương với Thống Sứ Bắc Kỳ và Khâm sứ Trung Kỳ và cũng có những tổ chức phụ tá cho Thống đốc lần lượt ra đời cùng với quá trình triển khai công cuộc nô dịch và khai thác thuộc địa như bãi bỏ khu hành chính lớn, chuyển tiểu khu hành chính thành tỉnh, lập Sở Tham Biên (Inspection) để phụ tá cho quan Chủ tỉnh. Lập Sở



Tượng đài ở trường ĐHSP (địa điểm trước đây Tòa Khâm sứ Trung Kỳ).
Tại đây, tháng 4/1908 đã diễn ra cuộc biểu tình đòi giảm sưu giảm thuế
của nhân dân Thừa Thiên Huế

đại lý để phụ tá cho các viên chức đứng đầu các Trung tâm hành chính trong tỉnh. Việc tuyển người Việt Nam vào làm trong guồng máy cai trị cấp tỉnh đều thông qua Kỳ thi và chương trình thi do Thống đốc quy định.

Như vậy, để thực hiện chính sách đô hộ và vơ vét của cải tài nguyên của đất

nước ta, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách thực dân kiểu mới, tổ chức bộ máy cai trị theo hệ thống chia để trị, đồng thời thực hiện những chính sách bóc lột thậm tệ thông qua những chính sách tiền tệ, ngân sách chính sách thuế hà khắc và bằng những thủ đoạn khai thác tài nguyên, thực dân Pháp ra sức vơ vét của cải tài nguyên

làm cho nền kinh tế của chúng ta vốn đã yếu lại càng đi vào suy kiệt.

Không những thế, bằng những chính sách tàn bạo, thâm độc và nguy hiểm của thực dân Pháp đã biến nước ta thành một xứ độc canh, chuyên trồng lúa để xuất khẩu. Hàng triệu nông dân Việt Nam luôn bấp bênh, bởi vì gạo Nam Kỳ chỉ đem bán ở Viễn Đông, nên năm nào Trung Quốc, Nhật Bản, Nam Dương (Indonexia) được mùa thì gạo Nam Kỳ bán ra không được mấy. Nông nghiệp khủng hoảng sẽ kéo theo tất cả các ngành khác và nếu kéo dài tình trạng khủng hoảng này sẽ làm cho số đông nông dân và một số điển chủ bị phá sản. Giá lúa tụt xuống trong khi giá cả các mặt hàng khác vọt lên bởi chính sách thuế thương chính mới của Pháp đã làm cho tình cảnh của những người nông dân vô cùng khốn đốn. Dân thì nghèo đi mà các loại thuế đều tăng.

Hơn nữa, để thu được nhiều tiền thuế, thực dân Pháp chỉ cho xuất khẩu lúa

mà không cho xuất khẩu gạo, vì thuế đánh theo bao, bao gạo và bao lúa thuế suất như nhau (0 đồng 15/1 bao), xuất khẩu lúa sẽ nhiều bao thu được nhiều thuế hơn. Kết quả là nhiều nhà máy xay đong cửa, nhiều dân sống bằng nghề này bị mất đường sinh sống. Số người dùng cày để chăn nuôi, mua bán tấm cũng khó tồn tại.

Trong khi thực dân Pháp cố vơ vét lúa gạo của Nam Kỳ để xuất khẩu thì ở Trung - Bắc Kỳ thiếu gạo phải nhập khẩu gạo từ Hồng Kông vào để bán cho dân với giá cắt cổ, càng làm cho cuộc sống của người dân trong giai đoạn này thêm điêu đứng.

Những việc làm của thực dân Pháp trong thời kỳ này thực chất là một hình thức cai trị thực dân kiểu mới, vừa là chia để trị, vừa là dùng chính sách hà khắc để vơ vét của cải làm giàu cho chính quốc và cũng là chính sách tàn bạo để bản cùng hóa, bắt người dân Việt Nam phải làm nô lệ cho bọn chúng.

Để thực hiện ý đồ cai trị và chi phối, điều hành nền kinh tế tài chính, nắm “chiếc dũa dày” của các nước Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng bằng chính sách tiền tệ, trong đó sử dụng đồng tiền Đông dương. Ngày 21/1/1875 Chính phủ Pháp đã ra Sắc lệnh thành lập Ngân hàng Đông Dương để thực hiện vai trò của ngân khố và thu phát cho ngân sách Đông Dương.

Là một quốc gia nhưng mọi khoản thu chi của các cấp chính quyền Việt Nam thời kỳ này đều phải thông qua Ngân hàng Đông Dương, nghĩa là phải hoàn toàn lệ thuộc vào “Chính Quốc”. Còn đối với người dân, mọi khoản thu chi, mọi hoạt động giao dịch, mua bán trên thị trường đều phải thực hiện bằng đồng tiền Đông Dương.

Để thực hiện được âm mưu thâm độc là dùng tiền Đông Dương chi phối toàn bộ các hoạt động kinh tế tài chính và trở thành công cụ cai trị hiệu quả, thực dân Pháp đã quy định giá trị của đồng

tiền Đông Dương rất cao, thời kỳ đầu 1 đồng Đông Dương có giá trị bằng 10 đồng Franc Pháp nên giá trị 1 tạ gạo ngoài thị trường chỉ bằng 3 đồng Đông Dương.

Thời điểm này, đồng tiền Việt của triều đình phong kiến nhà Nguyễn chỉ là những đồng tiền kim loại đúc bằng đồng có 1 lỗ vuông thường được gọi là đồng trinh (trong lưu thông người dân thường gọi là “xèng”) với tên gọi là tiền Khải Định Thông Bảo và Bảo Đại Thông Bảo, được lưu thông trên thị trường để thực hiện sứ mệnh mua bán, trao đổi trên thị trường và thực hiện thu chi của các cấp chính quyền phong kiến.

Khi đồng tiền Đông Dương xuất hiện trong lưu thông, đồng tiền của triều đình nhà Nguyễn so với giá trị đồng tiền Đông Dương rất thấp. Theo cách nói của dân gian là “Một quan là 600 đồng, chất chiu thảng thảng cho chổng đi phu” đã phản ánh lại sự chua xót, mỉa mai của người dân Việt Nam khi

thấy giá trị của đồng tiền triều đình phong kiến Việt Nam là quá nhỏ bé so với đồng tiền Đông Dương. Cho nên trên thực tế, đồng tiền của triều đình phong kiến ở thời điểm này thực tế chỉ còn được sử dụng để mua thuốc Lào, quả cau, quả chuối, củ khoai... nơi chốn quê nghèo.

Sau này khi đồng tiền Bảo Đại Thông

Bảo ra đời còn có giá trị thấp hơn nữa vì giá trị chỉ bằng 1/3 đồng tiền Khải Định Thông Bảo, nên trong dân gian truyền tụng câu ca “Ba con đổi lấy một cha, làm cho thiên hạ xót xa vì tiền”. Điều này nói lên đồng tiền của triều đình phong kiến Việt Nam, hầu như không còn giá trị gì mấy trong nền kinh tế tài chính và trong lưu thông tiền tệ, mua bán trao đổi giao dịch hàng ngày,



Giấy bạc Đông Dương mệnh giá 1 đồng vàng

tất cả đều bị lệ thuộc vào đồng tiền Đông Dương của thực dân Pháp.

Có thể nói việc thành lập và phát hành đồng tiền Đông Dương là một chính sách thâm độc và nguy hiểm của thực dân Pháp đã thôn tính và biến đồng tiền của triều đình phong kiến nhà Nguyễn tuy vẫn còn hiện hữu nhưng đã hoàn toàn bị vô hiệu hóa, vì thực tế đồng tiền có cũng như không, mất hết chức năng vai trò là phương tiện mua bán, trao đổi lưu thông hàng hóa trên thị trường và để thực hiện vai trò ngân khố, thu chi ngân sách của chính quyền các cấp.

Đồng tiền Đông Dương đã thực sự soạn vai trò vị trí của đồng tiền triều đình phong kiến Việt Nam và trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho chính sách thực dân kiểu mới của thực dân Pháp, trong quá trình điều hành, chi phối toàn bộ nền kinh tế tài chính của Việt Nam, qua đó để bắt buộc dân tộc Việt Nam phải hoàn toàn lệ thuộc vào bọn chúng nhằm chủ động trong

việc cai trị và vơ vét tài nguyên, của cải các nước thuộc địa mang về làm giàu cho chính quốc.

Đến thập kỷ 30 của thế kỷ 20 khi cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới bắt đầu và xảy ra chiến tranh thế giới thứ hai (1938 - 1945), đồng tiền Đông Dương cũng bị ảnh hưởng và bị chao đảo trầm trọng, không còn được vai trò ổn định như trước đây nhưng vẫn là công cụ của thực dân Pháp để điều hành, chi phối nền kinh tế tài chính và phục vụ đắc lực cho chính sách cai trị của bọn chúng. Tuy nhiên, nó không thể tồn tại mãi mãi và cuối cùng phải sụp đổ cùng với sự sụp đổ của chính quyền thực dân phong kiến, sau khi dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Bác Hồ và Đảng Cộng sản Việt Nam đã đứng lên đấu tranh, làm nên cuộc thắng lợi Cách mạng Tháng 8/1945, xây dựng nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mang lại nền độc lập tự do của dân tộc, mở ra một kỷ nguyên mới, chấm dứt sự đô hộ của thực dân Pháp và chế độ phong kiến.

TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, XÃ HỘI & LƯU THÔNG TIỀN TỆ KHI NƯỚC TA GIÀNH ĐỘC LẬP

Tình hình chính trị, kinh tế xã hội của nước Việt Nam độc lập non trẻ

Cách mạng tháng 8/1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời mở đầu một kỷ nguyên mới độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội trong lịch sử dân tộc, đem lại một cuộc đời chưa từng có đối với người Việt Nam.

Ngày 2/9/1945 tại Quảng trường Ba Đình Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập trước quốc dân đồng bào, khai sinh ra nước Việt

Nam Dân chủ Cộng hòa, một nhà nước độc lập non trẻ ở Đông Nam Á.

Nước nhà mới thành lập nhưng đã phải đương đầu ngay với bao gian nan thử thách, nhiều vấn đề cấp bách được đặt ra nhằm ổn định an ninh xã hội, vực dậy nền kinh tế từ ngân khố trống rỗng, lại phải chuẩn bị đối phó với sự trở lại xâm lược của thực dân Pháp và quân xâm lược của nhiều nước khác.

Có thể nói, ngay trong thời kỳ này, tình hình chính trị, kinh tế xã hội của đất nước là vô cùng khó khăn phức tạp.



Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập ngày 2/9/1945
tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội

Ở miền Nam, quân đội Hoàng gia Anh vào giải giáp quân đội Nhật, đã tiếp tay cho bọn thực dân Pháp quay trở lại gây chiến, mở đầu cuộc xâm lược đất nước ta một lần nữa từ ngày 23/9/1945.

Ở miền Bắc, hai chục vạn quân đội Tưởng Giới Thạch cũng vào tước khí giới quân đội Nhật, cùng bè lũ Việt gian tiến hành phá hoại, âm mưu lật đổ chính phủ lâm thời nước Cộng hòa Việt Nam non trẻ mới thành lập.

Với sách lược tài tình của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ, bằng Hiệp

định sơ bộ ngày 6/3/1946 ký với Pháp, ta đã đuổi một cách êm thấm hai chục vạn quân Tưởng và bọn tay sai ra khỏi bờ cõi Việt Nam, nhưng mặt khác, ta bắt buộc phải tạm thời chấp nhận cho Thực dân Pháp đưa một số đơn vị quân đội vào đóng tại một số nơi trên miền Bắc với danh nghĩa thay thế quân đội Tưởng. Sau khi đặt được chân lên miền Bắc, bọn chúng đã liên tục khiêu khích, lấn chiếm, thậm chí tàn sát đẫm máu nhiều thương dân vô tội ở khu vực chúng đóng quân.

Trong bối cảnh chúng ta chưa đủ

... Công quỹ và ngân sách hết sức khó khăn. Lúc Cách mạng Tháng 8 thành công, ngân quỹ Trung ương chỉ vồn vện còn 1.250.000 đồng Đông Dương, trong đó có 500.000 đồng tiền hào nát chờ tiêu hủy. Ngân sách Đông Dương mới thi hành đến tháng 8/1945 đã thâm hụt tới 185 triệu đồng, ngoài ra còn nợ các khoản tới 564 triệu đồng Đông Dương (Báo cáo Bộ Tài chính ngày 20/5/1948)...

manh, nên phải thực hiện chủ trương vừa đánh vừa đàm, Chính phủ ta tiếp tục thương lượng với Pháp ở các Hội nghị Đà Lạt, Phôngtennoblô và ký Tạm ước ngày 14/9/1946, đồng thời tiếp tục gửi các đoàn quân Nam tiến vào chi viện cho Chiến trường miền Nam, ra lệnh cho các lực lượng vũ trang ở các địa phương trên miền Bắc kiên quyết đánh trả các hoạt động khiêu khích, lấn chiếm của quân đội thực dân Pháp và tiến hành các công việc cần thiết để chuẩn bị cho công cuộc kháng chiến trường kỳ có nguy cơ sớm bùng nổ trong phạm vi cả nước.

Để thực hiện chính sách quốc gia liên hiệp, đại đoàn kết toàn dân. Chỉ trong vòng nửa năm, kể từ ngày 28/8/1945 đến ngày 2/3/1946, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ba lần cải tổ mở rộng Chính phủ từ Ủy ban Dân tộc Giải phóng được thành lập trước ngày Tổng khởi nghĩa ở Chiến khu Việt Bắc thành lập Chính phủ lâm thời, rồi Chính phủ liên hiệp lâm thời và cuối cùng là Chính phủ liên hiệp kháng chiến gồm

đại diện các tầng lớp, đảng phái, nhân sỹ trí thức và cả cá nhân Vua Bảo Đại đã thoái vị với chức danh Cố vấn tối cao.

Hậu quả cộng hưởng chính sách bóc lột dã man của đế quốc Pháp, phát xít Nhật và thiên tai của trận lụt thế kỷ năm 1945 gây ra vỡ đê, mất mùa, cùng với khủng hoảng kinh tế, lạm phát và chiến tranh đầy tuyệt đại đa số nhân dân ta, trước hết là nông dân lâm vào cảnh bần cùng cơ cực, mà đỉnh cao là nạn đói khủng khiếp năm 1944 - 1945, cướp đi sinh mạng gần 2 triệu đồng bào ta. Không những thế, nhân dân ta ở các vùng bị bão lụt, mất mùa vẫn còn bị nạn đói mới đe dọa.

Nền kinh tế của chúng ta bị kiệt quệ nặng nề, nông nghiệp sa sút, công nghiệp đình đốn, tiểu thủ công nghiệp hoạt động cầm chừng, giao thông vận tải gián đoạn, thương nghiệp mua bán câu đăm, hàng hóa khan hiếm, giá cả leo thang, đấu cơ tích trữ hoành hành, thị trường hỗn loạn. Đã thế, hai chục

vạn quân Tưởng còn tung ra hàng bao tải tiền Quan kim và Quốc tệ để vơ vét nốt bất kỳ hàng hóa nào còn sót lại trên thị trường, góp phần đẩy vật giá lên cao, lạm phát ngày càng thêm trầm trọng, khiến đời sống người lao động thêm khốn đốn.

Công quỹ và ngân sách hết sức khó khăn. Lúc Cách mạng Tháng 8 thành công, ngân quỹ Trung ương chỉ vòn vẹn còn 1.250.000 đồng Đông Dương, trong đó có 500.000 đồng tiền hào nát chờ tiêu hủy. Ngân sách Đông Dương mới thi hành đến tháng 8/1945 đã thâm hụt tới 185 triệu đồng, ngoài ra còn nợ các khoản tới 564 triệu đồng Đông Dương (Báo cáo Bộ Tài chính ngày 20/5/1948).

Trước bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế, xã hội vô cùng rối ren, phức tạp đó, Đảng và Chính phủ đã phải thực hiện cùng một lúc những nhiệm vụ cấp bách và nặng nề là vừa phải xây dựng, củng cố chính quyền Cách mạng và lực lượng vũ trang nhân dân,

vừa phải bảo vệ và giữ vững nền độc lập, tự do, chống lại các âm mưu và hành động bạo loạn, lật đổ cùng hành động xâm lược của các thế lực thù địch, đồng thời vừa phải khôi phục, phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm, giải quyết hậu quả nạn đói, nạn lụt và phát động rộng rãi phong trào bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ. Hàng loạt chính sách cùng đồng thời được thực thi, trước hết là phát động phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm để chống đói và cải thiện đời sống nhân dân.

Theo quan điểm của Đảng và Chính phủ, đây là một vấn đề chính trị - xã hội lớn, có ảnh hưởng quyết định đến vận nước và nhân dân, trước hết là mối liên minh công nông. Mặt khác, đây cũng là điểm mấu chốt để giải quyết vấn đề tài chính nhà nước vì nhân dân có sản xuất ra nhiều của cải vật chất, có đảm bảo được đời sống thì mới có khả năng đóng góp cho nhà nước.

Để đảm bảo phong trào tăng gia sản

xuất và thực hành tiết kiệm đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra, Đảng và Chính phủ đã đề ra và thực thi nhiều biện pháp đồng bộ, trong đó có những biện pháp thích hợp về kinh tế - tài chính, tiền tệ và tín dụng như đã ban hành Sắc lệnh bãi bỏ thuế Thân một thứ thuế vô lý mà chế độ thực dân phong kiến thực hiện, trái ngược với tinh thần dân chủ cộng hòa của chúng ta. Đồng thời, đề ra các chính sách, biện pháp để bài trừ các tệ nạn xã hội như nghiện hút, rượu chè,... nhằm đảm bảo sức khỏe, hạnh phúc cho mọi người dân cũng như tiết kiệm được hàng ngàn tấn lương thực để cứu đói cho người dân.

Đặc biệt, Chính phủ đã ra lệnh chia lại ruộng đất công, giảm tô 25%, tạm giao ruộng đất không canh tác cho nông dân, giảm 20% thuế điền thổ trong cả nước, miễn hẳn thuế điền thổ cho những vùng bị lụt. Cho nông dân vay vốn tín dụng bằng tiền, trâu bò hoặc nông cụ, khuyến khích nông dân tổ chức hợp tác xã nông nghiệp bằng các chính sách ưu đãi về thuế...

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ
CỘNG HÒA

SS 173

Chiếu theo đề-nghị của Bộ Tài-chính,
Sau khi ban Thường-trực Quốc-hội và Hội-đồng Ch
phủ đã thỏa hiệp;

RA SẮC LỆNH :

Điều thu nhất - Để chấn-hưng nền tài-chính quốc-
gia và gây căn-bản vững vàng cho tiền-tệ trong nước,
các số thuế trực-thu, gián-thu, các số tiền nợ phải
nộp có thể nộp bằng các thứ tiền-tệ sau này :

- 1 - Giấy bạc Việt-nam
- 2 - Giấy bạc Đông-duong
- 3 - Vàng
- 4 - Bạc

Điều thu hai - Vàng hay bạc nộp thay giấy bạc,
phải được nguyên-chất, và sẽ thu theo giá chính-thức của
thị-trường.

Điều thu ba - Trong khi chờ đợi trong nước có thể
tiền bằng vàng hay bằng bạc do Chính-phủ đưa ra, vàng
và bạc nộp thay giấy bạc có thể bằng thời hay bằng la.

Điều thu tư - Ông Bộ Trưởng bộ Tài-chính sẽ an-
sính các chi-tiết về việc thi-hành sắc-lệnh này.

Điều thu năm - Bộ Trưởng bộ Tài-chính phụ-trách
thi-hành sắc-lệnh này.

Bản sao
TTLTQC III

HA-NOI, ngày 4-9-46
Thay mặt Chủ-tịch Chính-phủ
BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI-VỤ

Pho-thư
BỘ-TRƯỞNG BỘ TÀI-CHÍNH

Levan Phay

Sắc lệnh của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 4/9/1946
quy định nộp thuế bằng giấy bạc Việt Nam, tiền Đông Dương, vàng, bạc...

Đối với diêm dân, đối với người sản xuất, kinh doanh công thương nghiệp,... Chính phủ cũng có những chính sách thuế, chính sách khuyến khích sản xuất kinh doanh phù hợp.

Bên cạnh chính sách khuyến khích sản xuất, Chính phủ cũng đã tổ chức cuộc vận động thực hành tiết kiệm rộng rãi trong cán bộ và tầng lớp nhân dân.

Với các chính sách, biện pháp thúc đẩy tăng gia sản xuất kinh doanh và thực hành tiết kiệm của Chính phủ đã mang lại những hiệu quả thiết thực, từng bước chúng ta đã giải quyết được hậu quả của nạn đói, nạn lũ lụt, từng bước cải thiện đời sống nhân dân và góp phần bảo vệ nền độc lập tự do mới giành được.

Tuy nhiên, những chính sách biện pháp nêu trên mà Chính phủ thực thi cũng chỉ là những chính sách, biện pháp để giải quyết tình thế khó khăn ban đầu khi nước nhà mới giành được độc lập, tự do. Cho nên Đảng và Nhà

nước ta nhận thấy để bảo vệ vững chắc nền độc lập tự do cần phải xây dựng một nền kinh tế tài chính độc lập và đủ mạnh, trước hết là phải động viên nhân dân đóng góp thông qua việc dựa vào dân, kêu gọi sự tham gia đóng góp tự nguyện của nhân dân trên tinh thần đường lối chính sách đại đoàn kết dân tộc.

Trên tinh thần ấy, ngày 4/9/1945 Chính phủ đã ban hành Sắc lệnh lập Quỹ Độc lập nhằm “thu nhận các món tiền và đồ vật mà nhân dân sẵn lòng quyên giúp Chính phủ để ủng hộ nền Độc lập của quốc gia”. Trong khuôn khổ của Quỹ Độc lập Chính phủ đã quyết định tổ chức Tuần Lễ vàng với mục đích “thu góp số vàng trong nhân dân và nhất là của các nhà giàu có để dùng vào việc cần kíp, quan trọng nhất là quốc phòng”.

Nhờ làm tốt cuộc vận động và khơi dậy được lòng yêu nước của nhân dân nhất là nhân dân lao động, chúng ta đã thực hiện thắng lợi Quỹ độc lập và

Tuần Lễ vàng. Theo báo cáo của Bộ Tài chính ngày 20/5/1948 thì Quỹ Độc lập đã thu được trên 20 triệu đồng tiền Đông Dương. Tuần Lễ vàng đã động viên được khoảng 370 kg vàng, tương đương số thuế thu được trong một năm dưới chế độ cũ ở nước ta.

Song song với việc vận động nhân dân đóng góp, Chính phủ cũng đề ra nhiều chính sách, biện pháp để huy động nguồn lực tài chính như nghiên cứu cải cách chế độ thuế cũ, bãi bỏ các thứ thuế bất hợp lý do Pháp, Nhật đặt ra, đồng thời xây dựng một hệ thống thuế mới công bằng, hợp lý đỡ gánh nặng cho dân nhằm cải thiện một bước đời sống của người lao động, giải phóng sức sản xuất của xã hội đã bị kìm hãm từ bao đời nay do một trong những nguyên nhân là sưu cao, thuế nặng.

Mặt khác, Chính phủ cũng ban hành Sắc lệnh đặt một khoản thu đặc biệt, gọi là “Đảm phụ Quốc phòng” với đạo lý trong khi các chiến sĩ ngoài mặt trận mang xương máu ra bảo vệ Tổ quốc thì

... Song song với việc vận động nhân dân đóng góp, Chính phủ cũng đề ra nhiều chính sách, biện pháp để huy động nguồn lực tài chính như nghiên cứu cải cách chế độ thuế cũ, bãi bỏ các thứ thuế bất hợp lý do Pháp, Nhật đặt ra, đồng thời xây dựng một hệ thống thuế mới công bằng, hợp lý đỡ gánh nặng cho dân nhằm cải thiện một bước đời sống của người lao động, giải phóng sức sản xuất của xã hội đã bị kìm hãm từ bao đời nay do một trong những nguyên nhân là sưu cao, thuế nặng...



Tình hình ngân khố và lưu thông tiền tệ sau Cách mạng Tháng 8/1945

Sau ngày Cách mạng Tháng 8/1945 thành công, đồng tiền lưu hành trong cả nước ta vẫn là giấy bạc do Ngân hàng Đông Dương phát hành. Nhận thức được vai trò quan trọng của tiền tệ trong đời sống kinh tế - xã hội của một quốc gia, tuy nhiên chính quyền Nhà nước Cách mạng cũng ý thức được rằng trong bối cảnh chúng ta vừa phải tập trung dồn toàn tâm, toàn lực để giành lại độc lập, chưa đủ sức

và điều kiện để có thể hình thành một nền Tài chính có đồng tiền riêng, cho nên trong giai đoạn đầu cần phải có chính sách tài chính tiền tệ mềm dẻo, linh hoạt, tương kế, tựu kế, chúng ta sử dụng ngay chính đồng tiền Đông Dương do thực dân Pháp phát hành để thực hiện quyền độc lập, chủ quyền về kinh tế tài chính của một quốc gia.

Chính vì vậy, sau khi thực hiện cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng 8/1945 ở Hà Nội thắng lợi, chính quyền Cách Mạng không chiếm trụ sở Ngân hàng Đông Dương “không phải lý do Ủy ban



Khởi nghĩa không nhìn thấy tầm quan trọng của vấn đề tài chính, tiền tệ mà chủ yếu vì lực lượng của ta không cho phép, nếu ta nhất định đánh chiếm thì quân Nhật sẽ phản kháng lại mạnh mẽ hơn và một cuộc chiến đấu lớn có thể xảy ra, không có lợi cho việc giữ chính quyền Cách mạng là vấn đề chủ yếu lúc đó”. (Trường Chinh - Cách mạng Tháng 8 - trang 50).

Tuy không chiếm được Ngân hàng Đông Dương, nhưng trong chừng mực nhất định và trong thời gian nhất định, chúng ta đã tìm cách để sử dụng Ngân

... Tuy không chiếm được Ngân hàng Đông Dương, nhưng trong chừng mực nhất định và trong thời gian nhất định, chúng ta đã tìm cách để sử dụng Ngân hàng Đông Dương, phục vụ vào lợi ích chung của Nhà nước Cách mạng...

hàng Đông Dương, phục vụ vào lợi ích chung của Nhà nước Cách mạng.

Như phần trên đã đề cập, tình hình tiền mặt trong ngân khố hầu như trống rỗng, nhưng Chính phủ ta đã vận dụng vào một hợp đồng ký kết giữa Ngân hàng Đông Dương và chính quyền thuộc địa cũ, ngân khố Nhà nước có một tài khoản ở Ngân hàng Đông Dương, mỗi khi ngân khố có yêu

cầu, Ngân hàng Đông Dương phải xuất tiền cho ngân khố trong giới hạn tối đa cho mỗi lần, ngày 28/8/1945, ngân khố Trung ương đã gửi tấm séc đầu tiên sang Ngân hàng Đông Dương rút tiền và Ngân hàng Đông Dương phải xuất tiền chi cho Chính phủ Nhà nước Cách mạng.

Việc làm này cũng chỉ diễn ra trong gần 2 tháng và chúng ta đã rút được



Mẫu giấy bạc do Ngân hàng Đông Dương phát hành

từ Ngân hàng Đông Dương 22 triệu đồng. Đến cuối tháng 10/1945, Ngân hàng Đông Dương đình chỉ việc phát tiền cho ngân khố với lý do là làm theo lệnh cấp trên của họ ở bên Pháp.

Sở dĩ Ngân hàng Đông Dương có hành động đơn phương hủy bỏ hợp đồng đã ký kết với chính quyền cũ như vậy là vì họ dựa vào việc quân đội Thực dân Pháp được quân đội Anh giúp đỡ đã

quay trở lại xâm lược Nam Bộ và còn âm mưu mở rộng chiến tranh xâm lược ra toàn quốc, nhưng chính điều đó tạo điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý để chúng ta tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm quét sạch đồng tiền Đông Dương ra khỏi đất nước.



Trước sức đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân ta, áp lực của quân đội Tưởng và các lực lượng có liên quan, Ngân hàng Đông Dương buộc phải nhượng bộ, thoả thuận đổi cho ta mỗi tháng một số giấy bạc 500 đồng bằng những loại tiền có giá trị đang lưu hành.

Tiếp tục dùng chính sách tài chính tiền tệ phá Chính quyền Cách mạng non trẻ của thực dân Pháp và tay sai

Tiếp theo việc ngừng phát hành tiền cho ngân khố, Ngân hàng Đông Dương còn dùng nhiều thủ đoạn như tuyên bố hủy bỏ loại giấy bạc 500 đồng do Ngân hàng Đông Dương phát hành là một ví dụ. Nhưng chúng ta đã kiên quyết đấu tranh chống lại và đã đạt được những thắng lợi nhất định. Việc tuyên bố hủy bỏ một cách độc đoán loại giấy bạc 500 đồng do Ngân hàng Đông Dương phát hành không chỉ ảnh hưởng đến nhân dân ta mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến quân đội Tưởng, các kiều dân nước ngoài và các nhà buôn bán lớn vì loại giấy 500 đồng này chiếm số lượng và giá trị lớn trong lưu thông, do đó gây ra một không khí căm phẫn của mọi đối tượng trong xã hội.

Đứng trước tình hình đó, Nhà nước Cách mạng đã khôn khéo tìm cách lôi kéo các đối tượng trên liên kết với ta

đấu tranh phản đối thực dân Pháp vô nợ, đòi họ phải đổi tiền có giá trị cho những người còn lưu giữ số giấy bạc 500 đồng Đông Dương.

Trong cuộc đấu tranh tài chính và tiền tệ với thực dân Pháp ở thời điểm mới giành được độc lập là một cuộc chiến đầy cam go trên mặt trận kinh tế, tài chính, tiền tệ. Thực dân Pháp tuy đã thất bại trên mặt trận chính trị, quân sự nhưng vẫn muốn dùng quân bài Ngân hàng Đông Dương để phá chúng ta về mặt kinh tế, trước hết là dùng đồng tiền Đông Dương để lũng đoạn nền kinh tế của chúng ta hòng làm suy yếu vai trò tự chủ tài chính của một quốc gia mới giành được độc lập để từ đó gây áp lực và làm mất lòng tin của nhân dân đối với chính quyền Cách mạng.

Với bản chất và thủ đoạn của một kẻ xâm lược thực dân kiểu mới, thực dân Pháp vẫn hy vọng chính quyền Cách mạng của chúng ta không thể tồn tại và đứng vững trên vị thế của một quốc

gia độc lập, có chủ quyền về kinh tế, tài chính, do đó chúng đã dùng mọi âm mưu, thủ đoạn để sớm trở lại đô hộ Việt Nam một lần nữa, đồng thời luôn coi mình có chủ quyền ở Việt Nam.

Để thực hiện được mục đích của mình, thực dân Pháp đã tranh thủ Chính phủ Quốc dân đảng Trung Hoa bằng cách đã ký với Tưởng Giới Thạch Hiệp ước Trùng Khánh ngày 28/2/1946 giành nhiều quyền lợi đặc biệt cho phía Trung Hoa trong đó có điều khoản về tài chính, thuế khóa để đổi lại việc Chính phủ Quốc dân đảng Trung Hoa cho phép quân đội Pháp thay thế quân đội Trung Hoa ở phía bắc vĩ tuyến 16 làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật, thực chất là đưa quân chiếm lại miền Bắc nước ta.

Đứng trước tình hình trên, Chính phủ Cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ đã hết sức tỉnh táo và khôn ngoan, một mặt không công nhận Hiệp ước Trùng Khánh về mặt pháp lý và mặt khác để bảo vệ chính quyền nhân

dân “giành lấy thời gian, đảm bảo thực lực, giữ vững lập trường đặng mau tiến tới độc lập hoàn toàn”, đã đàm phán và ký với Pháp Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946, trong đó Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do có Chính phủ, Nghị viện, tài chính của mình.

Hiệp định sơ bộ ngày 06/3/1946 là cơ sở pháp lý để chúng ta đấu tranh với Pháp, hạn chế quyền phát hành của Ngân hàng Đông Dương, không công nhận những giấy bạc Đông Dương phát hành sau ngày ký Hiệp định, cấm lưu hành các loại giấy bạc kiểu mới, mở đầu cho giai đoạn quét sạch toàn bộ đồng tiền Đông Dương ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

Có thể nói Hiệp định sơ bộ ngày 06/3/1946 của Chính phủ ký với Pháp là một thắng lợi hết sức cơ bản về lĩnh vực tài chính tiền tệ. Đây là cái mốc rất quan trọng trong khẳng định quyền tự chủ về kinh tế tài chính của một quốc gia độc lập được chính thực dân Pháp,

kẻ đã đô hộ nước ta gần 100 năm qua phải thừa nhận.

Trong công cuộc đấu tranh về tài chính tiền tệ, khẳng định quyền tự chủ về kinh tế tài chính của một quốc gia độc lập trong bối cảnh đất nước vừa giành lại chính quyền từ tay thực dân Pháp là một cuộc đấu tranh toàn diện trên các mặt, cả thể và lực, vừa quyết liệt lại vừa hết sức khôn khéo, mềm dẻo linh hoạt, bởi chúng ta không chỉ đấu tranh về tiền tệ với thực dân Pháp còn phải đấu tranh tiền tệ với quân đội Tưởng.

Sau khi quân đội Nhật đầu hàng quân đội đồng minh, quân đội Tưởng Giới Thạch được quân đội đồng minh cử đến nước ta để giải giáp quân đội Nhật đã mang vào nước ta một lượng tiền Quan kim và Quốc tệ.

Ngay sau khi đặt chân lên nước ta cuối tháng 9/1945, ban tham mưu của tướng Lư Hán, chỉ huy trưởng quân đội Tưởng đã yêu cầu chúng ta phải đổi cho họ mỗi tháng 3 tỷ đồng Quan

Kim lấy 4,5 tỷ đồng Đông Dương là loại tiền đang lưu hành ở Việt Nam theo tỷ giá hối đoái 1 đồng Quan kim bằng 1,5 đồng Đông Dương, 1 đồng Đông Dương bằng 13,3 đồng Quốc tệ.

Đó là mảnh khóc xảo quyệt của quân đội Tưởng, họ thừa biết rằng tổng số giấy bạc do Ngân hàng Đông Dương phát hành và đang lưu hành trong lưu thông lúc đó kể cả số lạm phát do Nhật

gây ra, chỉ khoảng 2 tỷ đồng. Như vậy, chắc chắn chúng ta không thể nào thỏa mãn được yêu sách đó và họ có cơ sở để buộc chúng ta phải cho lưu hành trên đất nước ta tiền Quan kim và tiền Quốc tệ song song với đồng tiền Đông Dương.

Trong giai đoạn này, một thực tế là quân đội Tưởng cũng hết sức thực dụng, nếu trong vấn đề giấy bạc 500



Hiệp định sơ bộ ngày 06/3/1946 là cơ sở pháp lý để chúng ta đấu tranh với Pháp, hạn chế quyền phát hành của Ngân hàng Đông Dương, không công nhận những giấy bạc Đông Dương phát hành sau ngày ký Hiệp định, cấm lưu hành các loại giấy bạc kiểu mới, mở đầu cho giai đoạn quét sạch toàn bộ đồng tiền Đông Dương ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

đồng Đông Dương, họ đứng về phía ta, dựa vào ta để đấu tranh bảo vệ quyền lợi bản thân họ, thì trái lại khi giải quyết vấn đề tiền tệ giữa ta và họ, thì quân đội Tưởng đã dùng mọi âm mưu thủ đoạn và áp lực để bắt bí ta hòng đặt toàn bộ gánh nặng của quân đội chiếm đóng lên nhân dân ta.

Ngày 13/10/1945, tướng Lữ Hán cho dán thông báo khắp nơi ra lệnh cho nhân dân và các cơ quan Nhà nước của chính quyền Cách mạng phải thu nhận hai loại tiền của họ theo tỷ giá đã công bố và từ sau ngày đó quân đội Tưởng đã thi nhau tung tiền Quan kim và Quốc tệ để vơ vét bất cứ thứ gì có bán trên thị trường. Các cửa hàng Việt, Hoa, Pháp, Ấn... đều tràn ngập hai loại tiền này. Bản thân Ngân hàng Đông Dương cũng không tránh khỏi việc thu nhận hai loại tiền trên. Để hạn chế ảnh hưởng của việc giá tiền Quan kim và Quốc tệ lên xuống thất thường, các nhà buôn đối phó lại bằng cách đặt hai giá: Nếu trả bằng tiền Quan kim thì giá cao hơn là trả bằng tiền Đông Dương.



Giấy bạc Đông Dương mệnh giá Một đồng vàng

Về phía chính quyền Cách mạng, để đối phó với việc lũng đoạn của tiền Quan kim và Quốc tệ, đã quy định từ ngày 05/11/1945 các cơ quan Nhà nước chỉ nhận một nửa tiền Quan kim, còn một nửa phải bằng tiền Đông Dương.

Tỷ lệ này sau đó tiếp tục lại được rút xuống còn một phần ba (1/3). Mặt khác Chính phủ cũng chỉ thị cho các cơ quan Nhà nước phải gấp rút chi ra ngay số tiền Quan kim đã thu được, không để lâu trong công quỹ. Vì vậy, tỷ giá tiền Quan kim mỗi ngày một giảm sút, từ 1,5 đồng tiền Đông Dương xuống còn 0,5 đồng Đông Dương, sau

đó còn 0,2 đồng và thấp hơn nữa. Ngày 31/03/1946, quân đội Tưởng rút khỏi nước ta cũng là ngày đồng tiền Quan kim và Quốc tệ mất bóng trên lãnh thổ nước ta.

Có thể nói tình hình ngân khố và lưu thông tiền tệ sau Cách mạng Tháng 8/1945 của đất nước ta là vô cùng khó khăn và hết sức phức tạp, đặt ra cho Đảng và Chính phủ một nhiệm vụ cấp thiết và phải nhanh chóng khẩn trương in và phát hành đồng tiền Việt Nam độc lập để phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Cách mạng non trẻ.

SỰ RA ĐỜI TẤT YẾU CỦA ĐỒNG TIỀN TÀI CHÍNH VIỆT NAM

Những khó khăn của nền tài chính Cách mạng non trẻ

Sau khi nước ta giành được độc lập, nhu cầu chi tiêu là rất lớn, một mặt nhu cầu chi tiêu để khôi phục nền kinh tế xã hội đã gần như kiệt quệ sau gần 100 năm dưới sự đô hộ của thực dân Pháp, mặt khác nhu cầu chi tiêu cho bộ máy của chính quyền Cách mạng từ Trung ương đến cơ sở mới được thành lập sau khi giành được độc lập. Ngoài ra, nhu cầu chi tiêu cho quốc phòng để đảm bảo phục vụ cho công cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập, tự do và hàng loạt các nhu cầu chi tiêu khác để duy trì an ninh trật tự, bảo đảm an sinh xã hội...

Trong khi nhu cầu chi tiêu thì rất lớn còn nguồn thu thì hầu như chưa có gì, ngân khố gần như trống rỗng. Chính vì vậy, ngân sách của Nhà nước Cách mạng rơi vào tình trạng cực khó khăn, “ngàn cân treo sợi tóc”, luôn luôn trong tình trạng bội chi lớn.

Đứng trước bối cảnh đó, Đảng và Chính phủ ta đã bàn và đưa ra nhiều chính sách, biện pháp tài chính hết sức tài tình, mềm dẻo, linh hoạt để chèo lái con thuyền tài chính của nhà nước Cách mạng non trẻ vượt qua được những khó khăn thách thức.

Như phần trên đã đề cập, để giải quyết

khó khăn, Đảng và Chính phủ ta đã đưa ra chủ trương đường lối dựa vào nhân dân, động viên mọi người dân cùng tham gia đóng góp để cùng với Đảng, Chính phủ bảo vệ nền độc lập, tự do mới giành được thông qua các chính sách, các biện pháp huy động nguồn lực tài chính từ trong dân như khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân để phát động phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm; kêu gọi sự tham gia đóng góp tự nguyện của nhân dân thông qua Quỹ Độc lập, Tuần lễ vàng, Quỹ Đảm phụ quốc phòng... hoặc có chính sách khuyến khích sản xuất kinh doanh, lưu thông hàng hóa thông qua việc cải cách chính sách, chế độ thuế khóa, chia ruộng đất công cho dân nghèo, khuyến khích khai hoang vỡ hóa...

Đặc biệt Đảng và Chính phủ ta đã có nhiều chính sách, biện pháp vận dụng tài tình, sử dụng ngay công cụ tài chính của thực dân Pháp để phục vụ cho nền tài chính Cách mạng non trẻ... Tuy nhiên, tất cả những biện pháp nêu trên cũng chỉ nhằm mục đích giải quyết

những khó khăn trước mắt. Chính vì vậy, chúng ta luôn chủ trương là muốn bảo vệ nền độc lập tự do của đất nước lâu dài và vững chắc cần phải nhanh chóng xây dựng một nền tài chính độc lập tự chủ, có đồng tiền riêng để đảm bảo ngân sách chủ động trong thu chi và trở thành công cụ, phương tiện đấu tranh về kinh tế tài chính với các lực lượng thù địch trong và ngoài nước, đồng thời để đảm bảo phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Trên tinh thần ấy, một mặt Đảng, Chính phủ ta vận dụng các chính sách mềm dẻo, linh hoạt để giải quyết những khó khăn của nền tài chính Cách mạng non trẻ, nhưng mặt khác tích cực khẩn trương nghiên cứu chuẩn bị để sớm cho ra đời đồng tiền Việt Nam, nhằm khẳng định chủ quyền của một quốc gia, củng cố niềm tin của các tầng lớp nhân dân đối với Đảng và Nhà nước Cách mạng. Đồng thời đó cũng chính là tiền đề và động lực để thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

... Việc ra đời đồng tiền tài chính - đồng bạc Cự Hồ là sự đòi hỏi tất yếu của thực tế khách quan và yêu cầu của lịch sử cách mạng, đó cũng chính là chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ ta sau khi đã lãnh đạo nhân dân làm cuộc Cách mạng Tháng 8 thành công, đánh đổ đế quốc Pháp và phát xít Nhật, giành lại chính quyền về tay Cách mạng, mang lại độc lập tự do cho dân tộc...

Sự ra đời của đồng tiền Tài chính Việt Nam - giấy bạc Cự Hồ là tất yếu của lịch sử Cách mạng

Một quốc gia độc lập có chủ quyền là một quốc gia phải đáp ứng được những yếu tố cơ bản là phải có Chính phủ riêng, có quân đội riêng, có ngôn ngữ riêng, có chữ viết riêng... và phải có nền kinh tế - tài chính độc lập, tự chủ.

Nói đến nền kinh tế tài chính độc lập tự chủ là nói đến một nền tài chính quốc gia chủ động về thu chi ngân sách và được thực hiện bằng chính đồng tiền mỗi quốc gia đó in và phát hành.

Xét trên mọi yếu tố, chúng ta đã hội đủ nhưng việc có đồng tiền riêng do những nguyên nhân khách quan và chủ quan cho nên thời kỳ ban đầu mới giành được độc lập Chính phủ Cách mạng chưa thực hiện được mà vẫn còn bị lệ thuộc vào đồng tiền Đông Dương do thực dân Pháp phát hành.

Như vậy, xét trên giác độ của một quốc gia độc lập, chúng ta mới chỉ đảm bảo độc lập về mặt chính trị chứ chưa thực sự độc lập về mặt kinh tế - tài chính và trên khía cạnh nào đó việc độc lập về chính trị cũng là hình thức vì một khi chưa độc lập, tự chủ về mặt kinh tế - tài chính thì đương nhiên nền độc lập chính trị đó cũng sẽ bị chi phối bởi bọn địch sẽ dựa vào những hoạt động kinh tế tài chính để phá hoại, làm cho nền chính trị độc lập đó cũng dễ bị lung lay, không thể đảm bảo tính ổn định, bền vững.

Vì vậy, việc ra đời đồng tiền tài chính - đồng bạc Cự Hồ là sự đòi hỏi tất yếu của thực tế khách quan và yêu cầu của lịch sử Cách mạng, đó cũng chính là chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ ta sau khi đã lãnh đạo nhân dân làm cuộc Cách mạng Tháng 8 thành công, đánh đổ đế quốc Pháp và phát xít Nhật, giành lại chính quyền về tay Cách mạng, mang lại độc lập tự do cho dân tộc. Đây là một quan điểm chủ trương hoàn toàn đúng đắn phù

hợp với xu thế chung của thời đại và đó cũng là cơ sở khoa học đảm bảo cho một quốc gia giữ vững được nền độc lập tự do một cách ổn định, bền vững và lâu dài.

Chính trị và kinh tế tài chính của một quốc gia là một phạm trù có mối quan hệ chặt chẽ và tương tác với nhau. Một nền chính trị ổn định, vững chắc chỉ có thể dựa trên một nền kinh tế tài chính độc lập tự chủ, ổn định và ngược lại chỉ có thể có một nền kinh tế tài chính độc lập, tự chủ, ổn định cũng phải dựa trên nền tảng chính trị ổn định, vững chắc.

Do đó, việc đầu tiên có thể nói chủ trương của Đảng và Chính phủ lâm thời cho ra đời đồng tiền tài chính Việt Nam - giấy bạc Cự Hồ chính là để khẳng định với thế giới và quốc dân đồng bào: Việt Nam là một quốc gia độc lập có chủ quyền cả về mặt chính trị và cả về kinh tế - tài chính, tiền tệ, không thể có thế lực nào có thể làm thay đổi chủ quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.

Việc phát hành đồng tiền Tài chính Việt Nam còn có một ý nghĩa thực tế là địch dùng đồng tiền Đông Dương do thực dân Pháp phát hành để chống phá nền độc lập tự do của chúng ta, để chống lại chúng tất yếu chúng ta cũng phải có đồng tiền riêng để làm công cụ, phương tiện và vũ khí để đấu tranh trên mặt trận tài chính tiền tệ với chúng.

Trong cuộc đấu tranh trên mặt trận tài chính tiền tệ này chúng ta có đồng tiền tài chính Việt Nam sẽ có nhiều lợi thế, dựa trên nền tảng chính trị của một quốc gia độc lập có chủ quyền và được nhân dân đồng tình ủng hộ, quyết tâm hy sinh cả xương máu để bảo vệ nền độc lập tự do vừa giành được. Đồng thời nếu đồng tiền tài chính Việt Nam ra đời còn có tác dụng khích lệ lòng tự hào dân tộc và tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân, làm cho mọi người càng thêm tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, càng sát cánh quyết tâm cùng Đảng, Chính phủ phá tan âm mưu, thủ đoạn dùng đồng tiền Đông Dương

của kẻ địch chống phá tài chính, tiền tệ và nền độc lập tự do của đất nước ta. Ngược lại, kẻ địch đã là kẻ thất bại dù muốn quay lại chiếm nước ta một lần nữa, không thể dựa trên một nền tảng chính trị đã tàn lụi để dùng đồng tiền Đông Dương phá hoại nền kinh tế tài chính của chúng ta được nữa một khi đất nước ta đã phát hành đồng tiền Việt Nam của một quốc gia độc lập có chủ quyền.

Vì vậy, khi đồng tiền Tài chính Việt Nam ra đời, chắc chắn sẽ là một công cụ, một phương tiện, một vũ khí sắc bén có hiệu quả để đấu tranh trên mặt trận tài chính tiền tệ với địch. Xét trên cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn, điều này là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại và có thể khẳng định chúng ta sẽ giành thắng lợi to lớn trên mặt trận đấu tranh tài chính tiền tệ này.

Hơn nữa, trong giai đoạn đầu đất nước mới giành được độc lập, như phần trên đã đề cập ngân khố hầu như trống

rỗng không còn đủ tiền để chi tiêu cho các nhu cầu cần thiết của Chính phủ Cách mạng, Chính phủ lâm thời đã vận dụng tài tình, khéo léo, mềm dẻo để sử dụng chính ngay ngân hàng Đông Dương phục vụ cho công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc mà trước hết là bảo vệ quyền độc lập, tự do vừa giành được, trong đó để đáp ứng một yêu cầu quan trọng, một yêu cầu thiết yếu của đời sống xã hội là làm phương tiện giao dịch, lưu thông hàng hóa, bảo đảm mọi hoạt động sinh hoạt của người dân được bình thường.

Tuy nhiên, việc sử dụng đồng tiền Đông Dương của địch để thực hiện mục đích nêu trên, thực ra đó chỉ là biện pháp nhất thời để giải quyết những khó khăn trước mắt vì dù sao cũng khó tạo được thế chủ động bởi một lẽ đơn giản là kẻ địch cũng không dễ dàng để ta có thể nắm quyền chủ động, vả lại kẻ địch cũng đã có âm mưu, thủ đoạn dùng đồng tiền Đông Dương để chống phá, gây khó khăn cho chúng ta về mặt kinh tế - tài chính.

Do vậy phát hành đồng tiền tài chính Việt Nam là mục tiêu chiến lược, là kế hoạch của Đảng và Chính phủ ta để bảo đảm thực hiện chủ quyền của đất nước độc lập tự do và tạo thế chủ động trong lĩnh vực kinh tế tài chính, trong đó trước hết là làm phương tiện giao dịch, lưu thông hàng hóa của nhân dân và của đất nước. Đây cũng chính là yếu tố quan trọng để củng cố niềm tin cho nhân dân đối với nhà nước Cách mạng non trẻ, qua đó tạo ra những tiền đề và động lực cách mạng mới để khích lệ các tầng lớp nhân dân tin tưởng và tiếp tục ủng hộ công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và các thế lực phản động đi đến thắng lợi cuối cùng.

Tóm lại, sự ra đời của đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ là đòi hỏi của thực tế khách quan và tất yếu của lịch sử Cách mạng Việt Nam, đồng thời đây là thời điểm đã chín mùi và là cơ hội thuận lợi để thực hiện nhằm bảo đảm phục vụ kịp thời, hiệu quả những mục tiêu của Cách mạng Việt Nam là xây dựng và bảo vệ nền độc lập tự do của đất nước.





ĐỒNG TIỀN TÀI CHÍNH VIỆT NAM

... Sáng ngày 3/9/1945 Chính phủ lâm thời dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã họp phiên đầu tiên để bàn về những vấn đề trọng yếu của đất nước, trong đó một trong những vấn đề quan trọng, cấp thiết được bàn là vấn đề tài chính tiền tệ.

Chủ trương của Chính phủ Lâm thời được nhất quán là tuy không quốc hữu hóa ngân hàng Đông dương nhưng phải kiểm soát và tìm cách sử dụng một cách hiệu quả phục vụ kịp thời các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước Cách mạng non trẻ; đồng thời cần phải gấp rút cho ra đời đồng tiền của Nhà nước Việt Nam độc lập. Việc này được giao cho Bộ Tài chính và trực tiếp phụ trách là Bộ trưởng Bộ Tài chính Phạm Văn Đồng...

Ngày 2/9/1945, trên quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra mắt quốc dân đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, công bố trước quốc dân và thế giới chính thức khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngay sau đó, sáng ngày 3/9/1945 Chính phủ lâm thời dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã họp phiên đầu tiên để bàn về những vấn đề trọng yếu của đất nước, trong đó một trong những vấn đề quan trọng, cấp thiết được bàn là vấn đề tài chính tiền tệ.



ĐỒNG TIỀN TÀI CHÍNH
TẠI BẮC BỘ



QUÁ TRÌNH IN ẤN, PHÁT HÀNH ĐỒNG TIỀN TÀI CHÍNH TẠI BẮC BỘ

Ngày 2/9/1945, trên quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra mắt quốc dân đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, công bố trước quốc dân và thế giới chính thức khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngay sau đó, sáng ngày 3/9/1945 Chính phủ lâm thời dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã họp phiên đầu tiên để bàn về những vấn đề trọng yếu của đất nước, trong đó một trong những vấn đề quan trọng, cấp thiết

được bàn là vấn đề tài chính tiền tệ.

Chủ trương của Chính phủ Lâm thời được nhất quán là tuy không quốc hữu hóa ngân hàng Đông dương nhưng phải kiểm soát và tìm cách sử dụng một cách hiệu quả phục vụ kịp thời các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước Cách mạng non trẻ; đồng thời cần phải gấp rút cho ra đời đồng tiền của Nhà nước Việt Nam độc lập. Việc này được giao cho Bộ Tài chính và trực tiếp phụ trách là Bộ trưởng Bộ Tài chính Phạm Văn Đồng.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ lâm thời, ngày 24/9/1945 Bộ Tài chính

đã ban hành Nghị định số 1-TC về việc chỉ huy và kiểm soát các nội dung đúc tiền và in giấy bạc của Quốc gia.

Nội dung Nghị định có ba khoản trong đó quy định rõ:

Khoản thứ nhất: Kể từ ngày ban hành Nghị định này, các công việc:

1. Đúc tiền tại phố Lò Đúc.
2. In giấy bạc nhỏ tại nhà in “Imqrimere d’Extreme Orent”.

Đặt dưới quyền chỉ huy và kiểm soát của ông Giám đốc Sở Ngân khố Nguyễn Văn Khoát và ông Phạm Quang Chúc - ủy viên Bộ Tài chính.

Khoản thứ hai - Ông giám đốc Sở Ngân khố phải tổ chức lại việc quản trị và kiểm soát hai nơi nói trên này.

Khoản thứ ba: Các ông giám đốc Sở Ngân khố tài chính và Sở Mỏ phải thi hành Nghị định này.

Tiếp đó ngày 12/10/1945 Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Nghị định số

10-TC quy định các vấn đề liên quan đến việc thực hiện Nghị định số 1-TC ngày 24/9/1945 và ngày 15/11/1945 thành lập Cơ quan Ấn loát thuộc Bộ Tài chính.

Theo ông Trần Huy Bá, nguyên Giám đốc Viện Bảo tàng Quốc gia (nay là Bảo tàng Lịch sử) kể lại, một chiều cuối năm Ất Dậu, trời se lạnh, ông đang ngồi trong nhà riêng ở 18 - 20 Harmac (nay là phố Trần Xuân Soạn) thì thấy một ô tô con đỗ trước cửa. Hai người đàn ông xuống xe, đi vào và tự giới thiệu là Ủy viên Chính phủ lâm thời. Sau này ông mới biết, một trong hai người đó là Bộ trưởng Bộ Tài chính Phạm Văn Đồng. Ông Đồng hỏi thẳng: “Máy dập tiền trình Bảo Đại mà Tây sử dụng hiện đang ở đâu ông đưa chúng tôi đến xem”. Ông Bá đáp: “Dạ hiện ở dưới hầm nhà Bát giác trong viện bảo tàng (viện bảo tàng này thời đó được gọi là nhà Bát giác), nhưng nay hết giờ không vào được. Xin mời các ông 6h00 sáng mai đến thẳng viện, tôi đợi để đưa các ông đi xem”.

Như kế hoạch, hôm sau mọi người mở cửa căn phòng có máy dập tiền, ở đây vẫn còn những đồng trình đang dập dở, một số mảnh nhôm chưa cắt còn vương vãi cạnh máy. Hai người xem kỹ và tỏ rõ sự mừng rỡ khi thấy máy vẫn còn sử dụng tốt.

Ông Đông hỏi tên và địa chỉ những người trực tiếp vận hành cỗ máy rồi dặn ông Bá hết sức bí mật chuyện này.

Hai ngày sau, anh Hoàng Như Ngọc người điều khiển cỗ máy và anh Đặng Thế Khải nhân viên của viện đến gặp ông Bá để bàn công việc được giao. Ông Phạm Văn Đông nói: Loại tiền đầu tiên sẽ dập là đồng 5 hào, chất liệu nhôm. Hình ảnh mặt thứ nhất là cái đỉnh vàng, xung quanh phía trên có sáu chữ “Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”. Dưới chân đỉnh có số 1946. Mặt sau đồng tiền có ngôi sao 5 cánh. Trong nền sao có chữ 5 hào. Năm cánh của ngôi sao khắc năm cái triệu quả trám. Ở cạnh rìa xung quanh đồng đồng tiền có khía răng cưa.

Anh Khải được giao nặn hình mẫu làm bằng đất to gấp ba lần rồi chụp ảnh thu nhỏ đúng bằng kích cỡ thật. Khuôn được tạo xong, mọi người tập trung dập thử. Cỗ máy chạy rì rì với những bánh răng cũ kỳ và rất quen thuộc, nhưng hôm nay đối với mọi người là rất trọng đại, thiêng liêng. Đồng tiền đầu tiên sáng bóng, trắng lấp lánh, leng keng rơi xuống.

Một người cầm lên, mọi đôi mắt đều dán vào dòng quốc ngữ “Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” mà nghẹn ngào đến rơi nước mắt”.

Ít hôm sau, xưởng dập tiền được lệnh làm mẫu 1 đồng. Đồng tiền này có một mặt in ảnh nghiêng của Bác Hồ vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc, xung quanh có 6 chữ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Dưới hình Bác có khắc thêm chữ “H. Ngọc” rất nhỏ. Đây là tên tắt của anh Hoàng Như Ngọc, vì ghi nhận công sức của anh cấp trên cho phép anh ghi vào mặt đồng tiền). Còn mặt sau đồng tiền là hình bông lúa, số 1946 và vành

cùng có răng cưa.

Mấy ngày sau thì kháng chiến bùng nổ, máy dập tiền phải chuyển đi nơi khác những những đồng tiền của Nhà nước Cách mạng non trẻ đã kịp phát hành, đưa vào cuộc sống phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, kịp thời giải quyết những khó khăn ban đầu về tài chính tiền tệ trong những năm tháng mới giành được độc lập tự do.

Tuy chỉ trong một thời gian ngắn, nhưng Chính phủ Cách mạng Lâm thời cũng đã sản xuất được một số tiền kim loại với các mệnh giá khác nhau như 20 xu, 2 hào, 5 hào, 1 đồng và cho phép lưu hành để thay thế những tiền hào rách nát đã lưu hành từ thời Pháp, Nhật.

Ngày 01/12/1945, Sở Ngân khố đã bắt đầu phát hành các loại tiền 2 hào, 5 hào, 1 đồng bằng nhôm và 2 đồng bằng đồng. Sau khi những đồng tiền kim loại này được phát hành, nhân

dân chấp nhận ngay vì thuận tiện cho việc tiêu dùng, hơn nữa lại là đồng tiền do chính Nhà Nước Cách mạng non trẻ phát hành và có hình ảnh Bác Hồ kính yêu nên càng thêm phấn khởi, tin tưởng. Tuy nhiên do số lượng phát hành không lớn nên những loại tiền bằng kim loại này không thể làm vũ khí đấu tranh trên mặt trận tài chính tiền tệ để loại hủ tiền Đông Dương ra khỏi nước ta, mà muốn thực hiện được điều này cần phải phát hành giấy bạc Việt Nam. Đó là một chủ trương lớn, có ý nghĩa quan trọng để xây dựng một nền tài chính, tiền tệ riêng của một quốc gia độc lập nhằm đảm bảo chủ động nguồn lực tài chính phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đây là bộ tiền kim loại đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, được chế tạo vào cuối tháng 9 năm 1945 tại Hà Nội, dập trên máy dập tiền trình cũ của Pháp, tại tầng hầm Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Họa sĩ nặn mẫu khuôn là ông Đặng

Đây là bộ tiền kim loại đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, được chế tạo vào cuối tháng 9 năm 1945 tại Hà Nội, dập trên máy dập tiền trình cũ của Pháp, tại tầng hầm Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Thế Khải, người khắc khuôn là ông Hoàng Như Ngọc, phố Hàng Bạc, hai ông đều là công nhân của nhà máy dập tiền trình Bảo Đại cho thực dân Pháp trước đây.

Cùng đồng thời với việc dập tiền kim loại, ngay trong tháng 10/1945 Chính phủ đã thực hiện chủ trương chuẩn bị để in và phát hành giấy bạc Việt Nam.



Mẫu tiền kim loại phát hành năm 1945

Trong thời kỳ này, cơ sở vật chất của Chính quyền Cách mạng còn rất nghèo nàn, chưa có thể có một xưởng in riêng, cho nên vấn đề xưởng in là một trong những vấn đề nan giải đầu tiên cần phải giải quyết.

Trước Cách mạng tháng 8/1945, cả Đông Dương chỉ có hai nhà máy in lớn là nhà máy in Viễn Đông (Imprimeried' Extreme Orient - IDEO và Nhà in Tô-panh (Taupin). Nhà in Viễn Đông có máy in Ốp-xét (Offset) có thể in giấy bạc nhưng lúc đó quân Tàu Tưởng đang chiếm đóng, ta không thể sử dụng được. Còn nhà in có kỹ thuật in bạc tốt nhất là Ngân hàng Đông Dương ta không chiếm được.

Đứng trước tình hình đó, Chính phủ đã phải trực tiếp giải quyết bằng cách tạm thời trưng dụng một số nhà in tư nhân ở Hà Nội và giao cho Ban Ấn loát.

Vấn đề xưởng in đã được giải quyết, nhưng khó khăn tiếp theo là chúng ta thiếu máy móc, thiếu những công

nhân kỹ thuật in có tay nghề giỏi phục vụ cho việc in giấy bạc Việt Nam. Bằng cách vận động khôn khéo, khơi dậy lòng yêu nước của các chủ nhà in, những công nhân in có lòng yêu nước, giỏi tay nghề ở các nhà in Tô-panh, nhà in Quốc Hoa, nhà in Hà Ninh, nhà in chuyên in nhãn bánh khảo ở phố Hàng Than... giúp đỡ và sang làm việc cho Chính quyền Cách mạng để in giấy bạc Việt Nam, nên cuối cùng chúng ta cũng đã giải quyết được khó khăn, đảm bảo đủ điều kiện và lực lượng cho việc in giấy bạc Việt Nam do Bộ Tài chính trực tiếp tổ chức thực hiện.

Nhưng vẫn còn một vấn đề quan trọng nữa, đó là mẫu giấy bạc, đây là một công việc đòi hỏi phải rất khẩn trương. Đích thân Bộ trưởng Tài chính Phạm Văn Đồng đã cho mời bốn họa sĩ nổi tiếng đương thời của Hà Nội là các ông Mai Văn Hiến, Nguyễn Đỗ Cung, Nguyễn Văn Khanh và Nguyễn Huyền và tiếp sau nữa là các họa sĩ Nguyễn Sáng, Bùi Trang Chước, Lê Khả đến tham gia vẽ mẫu giấy bạc.

Các họa sĩ trên đều hăng hái nhận nhiệm vụ và bắt tay ngay vào công việc vẽ mẫu các loại giấy bạc. Số họa sĩ này được chia ra các nhóm:

- Nhóm của họa sĩ Mai Văn Hiến vẽ mẫu giấy bạc 5 đồng;
- Nhóm của họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung vẽ mẫu giấy bạc 10 đồng;
- Nhóm của họa sĩ Nguyễn Văn Khang vẽ mẫu giấy bạc 20 đồng;
- Nhóm của họa sĩ Nguyễn Huyền vẽ mẫu giấy bạc 100 đồng;

Trong quá trình vẽ mẫu giấy bạc, các họa sĩ đã phải làm việc miệt mài, quên cả trưa, tối, thậm chí phải đi thực tế xuống tận công trường, xưởng máy, về các vùng nông thôn để cố gắng đưa vào mẫu vẽ các hình ảnh sinh động, thể hiện được chủ trương, đường lối của Đảng, của Chính phủ Cách mạng qua từng thời kỳ xây dựng và phát triển của đất nước, đảm bảo khi đồng tiền phát hành được nhân dân phấn khởi và tin tưởng đón nhận.

Bác Hồ tuy bận trăm công nghìn việc

nhưng vẫn thường xuyên quan tâm theo dõi và thông qua Bộ trưởng Tài chính Phạm Văn Đồng để nhắc nhở, động viên các họa sĩ vẽ mẫu đồng tiền sao cho nhanh, cho đẹp và có ý nghĩa.

Trong thời kỳ này, các họa sĩ làm việc đều chưa có lương bổng hoặc phụ cấp gì nhưng tất cả vì lòng yêu nước và nhiệt tình Cách mạng, lòng tự hào dân tộc nên vẫn hăng say làm việc, coi đó là niềm hạnh phúc lớn lao của người dân nước Việt Nam độc lập.

Cho nên chỉ trong một thời gian ngắn, các mẫu vẽ đã được hoàn tất và được duyệt chính thức. Ngay lần in thử đầu tiên những tờ giấy bạc Việt Nam đã thành công tốt đẹp, làm cho mọi người tham gia đều cảm thấy xúc động và lâng lâng niềm tự hào về công việc mình đang làm, về những thành quả đã đạt được sẽ góp phần xây dựng nền móng của một nền tài chính tiền tệ quốc gia độc lập. Sau khi in thử thành công, Chính phủ Cách mạng đã quyết định cho in hàng loạt. Như vậy, chỉ

trong một thời gian ngắn, guồng máy sản xuất giấy bạc Việt Nam đã đi vào hoạt động, liên tiếp cho xuất xưởng những kiện tờ bạc Việt Nam chuẩn bị sẵn sàng phục vụ cho các đợt phát hành đầu tiên.

Các loại giấy bạc sau khi chế bản xong được in ở nhà máy in Tô-Panh (sau này là cửa hàng bách hóa Cửa Nam số 5 Nam Bộ - Hà Nội). Đây là nhà máy in của một chủ người Pháp do nhà tư sản yêu nước Đỗ Đình Thiện mua lại và ủng hộ Chính phủ Cách mạng. Nhà in Tô-Panh là một trong những nhà in hiện đại nhất của miền Bắc trong giai đoạn này, có hệ thống máy móc từ máy chụp ảnh, máy đánh bản kẽm, buồng phơi, máy in ộp sét và máy li nô líp đánh chữ, số, khuôn bạc để in trên máy Vich-tô-ti-a...

Ngoài ra, thời kỳ ban đầu, giấy bạc Việt Nam còn được in ở một số nhà in khác như mượn máy in của nhà in Quốc Hoa (Phố Hàng Bông) đưa xuống ấp Thái Hà (Đống Đa) đặt trong

nhà mượn của anh Khôi hoặc để tăng nhanh số lượng giấy bạc, phải sử dụng thêm nhà in Nguyễn Ninh (Phố Hàng Than), nhà in Việt Hưng (Phố Cửa Nam) và nhà in Ngô Tử Hạ ở phố Lý Quốc Sư, nhà in Lê Văn Tươi, nhà in ở ngoại thành Hà Nội...

Việc in tiền đòi hỏi phải đảm bảo tuyệt đối bí mật, an toàn để che mắt địch và bọn phản Cách mạng phá rối, nhà in tiền được đổi tên là Việt Nam Quốc gia Ấn thư cục.

Từ tháng 3/1946, quân Tưởng và quân Pháp thường xuyên khiêu khích, tìm mọi cách phá hoại cơ sở Cách mạng của ta. Có lần khi công nhân ta ở nhà in Tô Panh ló đầu ra cửa sổ nhìn ra đường phố đã bị quân Tàu Tưởng nã súng bắn chết một người. Công nhân ta nổ súng bắn trả làm chúng bị thương nặng mấy tên. Chúng kéo đến bao vây đòi bắt những người bắn chúng, trong lúc đó nhà in đang in bạc Việt Nam, ta phải đưa thi hài người công nhân bị chúng bắn ra đấu tranh mới dẹp yên

được vụ việc.

Sau vụ việc này, đồng chí Lê Văn Hiến (Lúc này là Bộ trưởng Bộ Tài Chính thay đồng chí Phạm Văn Đồng được Chính phủ bổ nhiệm là Phó Thủ tướng) đã quyết định ra lệnh di chuyển

một bộ phận của nhà in Tô Panh lên xã Cổ Nghĩa, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Bộ phận nhà máy in tiền được đóng tại đồn điền Chi Nê.

Đồn điền Chi Nê trước đây thuộc quyền sở hữu của ông chủ người Pháp



Toàn cảnh Đồn điền Chi Nê - Hòa Bình năm 1947

tên là Borel và năm 1943 được nhà tư sản yêu nước Đỗ Đình Thiện mua lại và cho Bộ Tài chính mượn một phần đất trong đồn điền Chi Nê để đặt nhà máy in tiền.

Quá trình vận chuyển máy móc thiết bị in tiền được thực hiện bằng ô tô qua đường Phủ Lý để đến đồn điền Chi Nê. Do có sẵn nhà xưởng, nên máy móc thiết bị vận chuyển vào được lắp đặt nhanh chóng và tiến hành vận hành chạy thử.

Công tác quản lý bảo vệ nhà máy được tổ chức rất chặt chẽ. Đội tự vệ của nhà máy bảo vệ ở vòng trong, lực lượng vũ trang của huyện đội bảo vệ ở vòng ngoài và cuối cùng là quân đội bảo vệ từ xa, có điểm cách xa nhà máy tới gần 20 cây số.

Việc đặt nhà máy in tiền ở đồn điền Chi Nê người dân xung quanh đều biết, nhưng người dân đều có ý thức giữ gìn bảo mật, quan hệ giữa công nhân in tiền và người dân đều bình

... Trong quá trình vẽ mẫu giấy bạc, các họa sĩ đã phải làm việc miệt mài quên cả trưa, tối, thậm chí phải đi thực tế xuống tận công trường, xưởng máy, về các vùng nông thôn để cố gắng đưa vào mẫu vẽ các hình ảnh sinh động, thể hiện được chủ trương, đường lối của Đảng, của Chính phủ Cách mạng qua từng thời kỳ xây dựng và phát triển của đất nước...

thường và hoàn toàn không bị ngăn cách hoặc bí mật như thời gian đặt in tiền ở Hà Nội.

Tiền in tại nhà máy in ở đồn điền Chi Nê có rất nhiều mệnh giá như mệnh giá 5 đồng, 50 đồng, 100 đồng. Tiền in xong có một bộ phận đóng gói chuyển ra nhà ở cũ của Borel xóm Đồng Thung cách khoảng 4 km để nhập kho.

Trong các loại tiền được in tại nhà máy ở đồn điền Chi Nê, Hòa Bình có đồng tiền mệnh giá 100 đồng là khá đặc biệt. Đồng tiền này có màu xanh, nâu với chủ đề Diệt giặc đói. Họa sĩ Lương Văn Tuất thể hiện mặt sau của đồng tiền này là hình ảnh con trâu béo mập. Theo quan niệm của người dân con trâu là đầu cơ nghiệp của nhà nông và kèm theo đó là những người nông dân đang ra sức khai hoang vỡ đất, tăng gia sản xuất. Chính vì vậy khi đồng tiền mệnh giá 100 đồng phát hành thường được người dân gọi đồng tiền trên với cái tên trìu mến là tiền “Con trâu xanh”.

Nhà máy in tiền ở đồn điền Chi Nê luôn được Bác Hồ vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc đặc biệt quan tâm và đã hai lần đến thăm, làm việc với nhà máy.

Theo nhật ký của Bộ trưởng Tài chính Lê Văn Hiến thì ngày 18/2/1947 trên đường vào Thanh Hóa, đêm đó Bác Hồ đã đến Chi Nê và rời Chi Nê vào tối 19/2/1947. Vì đi bí mật nên rất ít người biết.

Theo các tài liệu có được thì Bác đến Thanh Hóa lúc 3 - 4 giờ sáng ngày 20/2/1947 và sau khi làm việc với lãnh đạo Tỉnh, gặp gỡ các cán bộ phụ trách chính quyền huyện, đại biểu công nông, thanh niên, phụ nữ, Việt Minh... Đêm 20/2/1947, Bác lại rời Thanh Hóa để đến 3 - 5 giờ sáng ngày 21/2/1947 Bác lại về đến Chi Nê, thăm và nói chuyện với anh chị em công nhân và tự vệ chiến đấu của nhà máy. Bác động viên mọi người nỗ lực góp phần cho kháng chiến và tin tưởng vào thắng lợi. Người nói: “Người công nhân là người Cách mạng nhất, các chú là người công



Nhà máy in Tô-Panh
(sau này là Cửa hàng Bách hóa Cửa Nam, số 5 Nam Bộ - Hà Nội)

nhân phải sống và làm việc gương mẫu, các chú phải giữ gìn phẩm chất của người cách mạng. Hiện nay kẻ thù của chúng ta đang tìm các cơ sở kháng chiến như nhà máy để đánh phá. Các chú phải giữ gìn bí mật. Trong lao động các chú phải đoàn kết thương yêu nhau...". Sau đó Bác cùng với đồng chí Nguyễn Lương Bằng thăm các làng của đồng bào dân tộc, vào từng nhà thân

mật nói chuyện với tất cả mọi người. Bác đi thăm cả chợ Đầm Đa... Trong các cuộc nói chuyện, Bác luôn luôn nhắc nhở mọi người phải đề cao cảnh giác vì đây rất dễ là mục tiêu mà giặc Pháp có thể dùng máy bay đánh phá.

Đúng như nhận định của Bác, ngày 22/2/1947 máy bay của giặc Pháp đã oanh tạc tại đồn điền Chi Nê. Nhật ký



Giấy bạc 100 đồng được in tại Nhà máy in tiền Đồn điền Chi Nê, Hòa Bình năm 1946

của Bộ trưởng Lê Văn Hiến đã viết rất rõ về cuộc oanh tạc như sau:

“Ngày 22 hồi 3 giờ 30, 8 chiếc khu trục Pháp đến tấn công tại khu vực đây, 4 chiếc bắn phá Đồng Làng, 4 chiếc oanh tạc và bắn phá tại cơ quan ấn loát. Tại đây thả tất cả 8 quả bom, 2 quả trúng đích làm hư hỏng nhà ở của vợ chồng anh Đỗ Đình Thiện. Chúng bắn đạn lửa rất nhiều vào cơ quan ấn loát làm cháy kho cà phê và kho vật liệu, thiệt hại khá lớn. Nhưng máy móc được

nguyên vẹn, không hư hỏng gì cả...

Cuộc tấn công của phi cơ Pháp cũng khá quan trọng, nhưng cả hai nơi Đồng Làng cũng như Cơ quan ấn loát Cổ Nghĩa sự thiệt hại cũng thường. May mà không thiệt hại tính mạng người nào. Ở Đồng Làng 1 người chết và 1 người bị thương.

Ra lệnh để nguyên tình trạng tàn phá nhưng máy móc sửa chữa chút ít và cho chạy để làm việc ngay, không để



mất một ngày một phút nào. Địch tìm cách tàn phá, ta tìm cách gây dựng, có thể gây dựng trên đồng tro tàn.

Hôm nay cho tập hợp tất cả nhân viên, công nhân, tự vệ và vệ quốc, công an lại để giải thích và phân phối công việc. Mọi người cần phải trấn tĩnh trước sự tấn công của địch và sẵn sàng chiến đấu.

Nói chung, tinh thần mọi người có phần kinh hoàng vì cuộc ném bom

nhưng sau cuộc giải thích, ai nấy đã yên tâm và hăng hái tiếp tục công việc.

Theo đánh giá, số thiệt hại về người và máy móc thì không có gì, nhưng về vật liệu trong kho thì cũng khá quan trọng, kể cũng đến non 2 triệu đồng, trong đó gần 1 triệu vì sự sơ suất của một nhân viên. Hai vựa cà phê của ông Đỗ Đình Thiện bị thiêu ra tro, cháy trong một tuần lễ vẫn chưa tắt. Trong cuộc kháng chiến này, sự hy sinh của gia đình ông Đỗ Đình Thiện đối với quốc gia là rất

lớn, một sự nghiệp to tiêu tán không mấy chốc”.

Vì mục tiêu nhà máy in tiền tại đồn điền Chi Nê đã bị lộ, hơn nữa nơi đây không thể là vùng đất có thể tính kế an toàn, ổn định lâu dài, cho nên ngày 3/3/1947, Chính phủ đã cho phép chuyển nhà máy in bạc cơ quan ấn loát lên phía Bắc, đặt tại một vùng núi hiểm trở có tên gọi Bản Thi thuộc huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Cạn.

Việc di chuyển cả một nhà máy bao gồm nhiều loại máy móc thiết bị nặng nề, công kênh với nhiều loại nguyên vật liệu phức tạp khác nhau với một lộ trình mấy trăm cây số vừa bằng đường bộ, vừa đường thủy, đường mòn, đường goòng... trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, địch thường xuyên bắn phá quả là không đơn giản, dễ dàng. Phương tiện vận tải thiếu tới mức nghiêm trọng, đường sá bắt đầu bị phá hủy theo lệnh tiêu thổ kháng chiến, máy bay địch thường xuyên, liên tục rà soát trên đầu, sẵn sàng tiêu

diệt mọi mục tiêu di động trên khắp các nẻo đường, cán bộ công nhân áp tải vốn quen sống và làm việc ở thành phố, chưa qua chịu đựng đói khát, gian khổ, dãi dầu mưa nắng, sơn lam chướng khí đã phát sinh đau ốm bệnh tật hàng loạt, không đủ thuốc men cứu chữa... Tất cả những khó khăn trở ngại đó đã ảnh hưởng nhiều đến tiến độ vận chuyển, cho nên rờn rã suốt hai tháng trời, đến đầu tháng 5/1947, mọi sự mới cơ bản ổn định, nhà máy mới đặt tại Bản Thi mới có thể tiếp tục hoạt động.

Trong đợt di chuyển máy in từ Chi Nê - Hòa Bình qua sông Lô, sông Gâm lên chiến khu Việt Bắc này, ngày 25/4/1947, đồng chí Phạm Văn Khang, Tổ trưởng tổ sản xuất - Sở Đúc tiền - Bộ Tài chính và đồng đội đã bị máy bay Pháp phát hiện, truy kích. Đồng chí Phạm Văn Khang và 8 đồng đội khác đã anh dũng hy sinh tại địa phận thông Minh Tân, xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (hiện nay Bộ Tài chính đã xây dựng Bia lưu niệm và khu mộ tại đúng nơi các đồng chí đã ngã xuống).

Việc sản xuất giấy bạc của cơ quan Ấn loát tại Bản Thi được tiếp tục và đảm bảo tuyệt đối an toàn cho đến đầu tháng 10/1947, sau khi nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn, địch đã cho quân đến lùng sục, đốt phá, nhưng do đã có sự chuẩn bị đối phó kịp thời, cho nên tất cả cán bộ công nhân viên đều được an toàn và toàn bộ thiết bị máy móc, nguyên vật liệu cũng như mấy trăm triệu đồng mới in xong, chưa kịp giao cho cơ quan phát hành cũng đều được bảo vệ nguyên vẹn. Sau khi quân địch rút hết, cơ quan Ấn loát lại tiếp tục hoạt động in tiền bình thường.

Nhằm chủ động đảm bảo việc in tiền trong mọi tình huống Thực dân Pháp tiếp tục tấn công, cùng với việc đưa nhà máy in tiền Bản Thi vào sâu trong rừng, chúng ta đã xây dựng thêm nhà máy in tiền Khánh Thi tại thôn Ngẫu Một, xã Hùng Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Nhà máy được trang bị máy in Typo và máy in Offset để in các giấy bạc loại 1 đồng, 5 đồng, 10 đồng, 50 đồng, 100 đồng, 500 đồng.

... Đúng như nhận định của Bác, ngày 22/2/1947 máy bay của giặc Pháp đã oanh tạc tại đồn điền Chi Nê. Nhật ký của Bộ trưởng Lê Văn Hiến đã viết rất rõ về cuộc oanh tạc như sau: "Ngày 22 hồi 3 giờ 30, 8 chiếc khu trục Pháp đến tấn công tại khu vực đây, 4 chiếc bắn phá Đồng Làng, 4 chiếc oanh tạc và bắn phá tại Cơ quan Ấn loát. Tại đây thả tất cả 8 quả bom, 2 quả trúng đích làm hư hỏng nhà ở của vợ chồng anh Đỗ Đình Thiện. Chúng bắn đạn lửa rất nhiều vào cơ quan ấn loát làm cháy kho cà phê và kho vật liệu, thiệt hại khá lớn. Nhưng máy móc được nguyên vẹn, không hư hỏng gì cả...".





Khu làm việc của Nhà máy in tiền tại Đồn điện Chi Nè.
Nơi Bác Hồ đã đến thăm ngày 21/2/1947

Nhà máy in tiền Khánh Thi hoạt động từ tháng 11/1947 đến cuối năm 1950, sau đó tiếp tục di dời về cơ sở in tiền tại Bản Thi, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Cạn.

Trong sản xuất giấy bạc có một vấn đề rất quan trọng là nguyên liệu. Nguyên liệu sản xuất giấy bạc là loại giấy in chuyên dùng có hình chìm ngôi sao 5 cánh để có tác dụng chống làm giả. Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ do Bộ Tài chính quản lý là đơn vị đã sản xuất và cung cấp đầy đủ loại giấy này cho cơ quan Ấn loát.

Tiền thân của nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ là nhà máy giấy Đáp Cầu, Bắc Ninh của một Công ty tư nhân Pháp, sau đó Nhật đảo chính Pháp và nhà máy giấy này rơi vào tay Nhật. Sau ngày Cách mạng Tháng 8 thành công nhà máy giấy này thuộc quyền quản lý của Chính phủ Cách mạng, cụ thể là thuộc quyền quản lý của Bộ Tài chính và được đặt tên là nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ.

Trước khi Cơ quan Ấn loát được giao nhiệm vụ sản xuất những đợt giấy bạc đầu tiên để chuẩn bị đưa vào phát hành thì Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ đã được giao nhiệm vụ sản xuất giấy chuyên dùng, để làm nguyên liệu cho công nghệ in bạc của Cơ quan Ấn loát.

Với đội ngũ công nhân lành nghề sẵn có và phương tiện máy móc hiện đại, nhà máy đã bắt tay ngay vào việc thực hiện nhiệm vụ được giao và đã cung cấp kịp thời cho cơ quan Ấn loát số giấy in chuyên dùng cần thiết để in giấy bạc.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ, nhà máy được lệnh chuyển lên địa điểm mới là Chợ Chu - tỉnh Thái Nguyên để đảm bảo an toàn và được tiếp tục giao nhiệm vụ cũ.

Tuy nhiên cũng có tài liệu nói rằng thời gian đầu cơ quan Ấn loát sử dụng giấy của xưởng giấy Đồng Minh - Thanh Hóa để in giấy bạc, sau đó năm 1947 do tình hình địch đánh phá mạnh, xưởng

giấy Đông Minh phải chia đôi, một bộ phận được để lại Thanh Hóa (vẫn được gọi là xưởng giấy Đông Minh) một bộ phận được chuyển lên Việt Bắc đặt tại chợ Chu - Thái Nguyên và được trang bị thêm thiết bị máy móc, hình thành nên một nhà máy giấy tương đối hoàn chỉnh và được đặt tên là nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, do Đồng chí Đỗ Văn Sửu làm giám đốc.

Cùng đồng thời với việc giải quyết nguyên liệu quan trọng là giấy chuyên dùng để in tiền, chúng ta phải giải quyết một nguyên liệu quan trọng khác là mực in. Tuy nhiên do chủ động từ trước nên việc giải quyết nguyên liệu mực in thuận lợi và dễ dàng hơn. Ngoài việc dự trữ được khá nhiều mực in từ trước, chúng ta còn mua mực in từ nội thành Hà Nội và chuyển đến cơ sở in tiền.

Có thể nói trong thời kỳ Nhà nước mới giành độc lập để in được giấy bạc Việt Nam phát hành là vô cùng gian nan vất vả do thiếu thốn phương tiện máy

móc hiện đại, do thiếu nguyên liệu sản xuất, thiếu nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, hơn nữa lại luôn luôn bị địch dòm ngó, chống phá ác liệt nhằm phá hoại cơ sở in để chúng ta không thể in được tiền và đưa vào phát hành... Nhưng dưới sự lãnh đạo tài tình khôn khéo của Đảng và Chính phủ lâm thời, chúng ta đã vượt qua được tất cả mọi khó khăn thách thức, thậm chí đổ cả xương máu để thực hiện bằng được chủ trương in và phát hành những đồng tiền Việt Nam độc lập nhằm làm công cụ, phương tiện đấu tranh trên mặt trận kinh tế - tài chính - tiền tệ với địch, phục vụ đắc lực, hiệu quả công cuộc bảo vệ và xây dựng tổ quốc.

Việc in giấy bạc của nhà nước Việt Nam đã được thực hiện thành công ngay trong lòng địch và các cơ sở kháng chiến thuộc khu vực Bắc Bộ, tất cả chỉ còn chờ lệnh của Chính phủ để phát hành vào trong lưu thông.



Nhà in Topin - nơi in tiền cho Chính phủ

PHÁT HÀNH ĐỒNG TIỀN TÀI CHÍNH TẠI BẮC BỘ

Tuy giấy bạc tại Việt Nam được in đầu tiên ở khu vực miền Bắc, nhưng do đặc thù trong thời kỳ này Chính phủ lâm thời vẫn đang còn sử dụng Ngân hàng Đông Dương như một công cụ, một phương tiện để phục vụ cho các nhu cầu chi tiêu của Chính phủ theo cách tương kế tựu kế, dùng ngay chính đồng tiền Đông Dương do thực dân Pháp phát hành để phục vụ cho công cuộc Cách mạng, xây dựng và bảo vệ nền độc lập của nhà nước Cách mạng non trẻ.

Chính vì vậy việc phát hành tiền Việt Nam được Đảng và Chính phủ lâm thời

cân nhắc kỹ và đi tới quyết định ban hành Sắc lệnh số 18/b ngày 31/1/1946 phát hành đồng bạc Việt Nam tại miền Nam Trung Bộ từ vĩ tuyến 16 về Nam (sẽ đề cập cụ thể ở các phần sau).

Như vậy, điều rất đặt biệt trong việc phát hành Tiền Tài chính là Bắc Bộ, nơi in ra những đồng tiền đầu tiên nhưng lại phát hành trước ở miền Trung.

Ở Bắc Bộ, như phần trên đã đề cập chúng ta mới chỉ phát hành tiền kim loại do chúng ta sản xuất bằng nhôm và hợp kim đồng để kịp thời giải quyết những khó khăn ban đầu về tài chính tiền tệ trong những năm tháng đất

nước mới giành được độc lập - tự do.

Đồng giấy bạc Việt Nam được phát hành ở Trung Bộ đã đạt được kết quả tốt và mang lại những hiệu ứng tích cực. Trong quá trình lưu thông hàng hóa, đồng giấy bạc Việt Nam phát hành ở miền Trung qua thẩm thấu của thị trường, đồng giấy bạc Việt Nam cũng được phát triển dần ra miền Bắc. Đặc biệt qua việc phát hành đồng giấy bạc Việt Nam ở Trung Bộ, qua thu đổi chúng ta đã tập trung được một khối lượng lớn tiền Đông Dương để mang ra tiêu dùng ở Bắc Bộ và Nam Bộ.

Có một điểm cần phải đề cập là bản Tạm ước giữa ta và Pháp ký kết ngày 14/9/1946 công nhận nguyên tắc thống nhất tiền tệ giữa các nước Đông Dương phần nào đã gây trở ngại về chính trị và pháp lý cho việc chính thức phát hành đồng giấy bạc Việt Nam. Nhưng càng về cuối năm 1946, tình hình quan hệ giữa ta và Pháp ngày càng căng thẳng, chúng ta xé bỏ trong thực tế toàn bộ những gì đã ký kết với

ta, cho nên Quốc Hội khóa I, kỳ họp ngày 3/11/1946 đã thống nhất cho giấy bạc Việt Nam lưu hành trong cả nước. Đó là một quyết định kiên quyết và kịp thời vì chỉ hơn một tháng sau, ngày 19/12/1946 cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ trong cả nước và từ đó tờ giấy bạc Việt Nam có mặt ở khắp mọi miền Tổ quốc, trở thành một vũ khí sắc bén để đấu tranh có hiệu lực trên mặt trận kinh tế - tài chính - tiền tệ góp phần quyết định vào việc bảo đảm cung cấp cho các nhu cầu to lớn về mọi mặt của cuộc kháng chiến.

Theo đó, ngày 15/5/1949 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 48/SL cho phép những giấy bạc Việt Nam loại mệnh giá 1 đồng, 5 đồng, 10 đồng, 20 đồng, 50 đồng, 100 đồng và 500 đồng được phép lưu hành trong toàn cõi Việt Nam.

Tiếp đó Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 51/SL ngày 1/6/1949 trong đó quy định giá một đồng bạc Việt Nam bằng 20 đồng tiền do triều đình phong kiến

18b

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ LÂM THỜI

Kết sự cần thiết phát hành đồng bạc giấy Việt-Nam để làm nền tảng cho nền tài chính quốc gia ở chỗ nào có đủ điều kiện phát hành;

Chiều lời yêu cầu của Ủy-Ban Hành-Chính Trung-Bộ và lời đề nghị của Bộ Trưởng bộ Tài-Chính, sau khi hỏi đồng Chính-Phủ đồng ý;

RA SẮC LỆNH :

Điều thu nhất. - Tại miền Nam Trung-Bộ từ vĩ tuyến 16 về Nam sẽ phát hành đồng bạc giấy Việt-Nam.

Điều thu hai. - Việc phát hành đồng giấy bạc Việt-Nam do Ủy-Ban Hành-Chính Trung-Bộ tổ chức và điều khiển.

Điều thu ba. - Kê nào làm giả hay có hành động phá hoại giả tiền của đồng bạc giấy Việt-Nam sẽ bị đưa ra tòa án quân sự.

Điều thu tư. - Bộ Trưởng bộ Tài-Chính, Bộ Trưởng bộ Nội-Vụ, Bộ Trưởng bộ Tư-Pháp và Ủy-Ban Hành-Chính Trung-Bộ chịu trách nhiệm thi hành sắc lệnh này. /.

Hanoi, ngày 31 tháng 1 năm 1946
CHỦ TỊCH CHÍNH-PHỦ VIỆT-NAM DÂN-CHỦ CỘNG-HÒA

P.V. Dour

Bản sao
TTLTQG III



2.

Sắc lệnh số 18b ngày 31/1/1946 của Chính phủ qui định tại miền Nam Trung Bộ từ vĩ tuyến 16 trở về Nam sẽ phát hành Giấy bạc Việt Nam

nhà Nguyễn phát hành trước đây.

Sau khi có Sắc lệnh, đồng tiền tài chính - giấy bạc cụ Hồ được phát hành ở Bắc Bộ là một thông điệp chính thức tuyên chiến với địch là nước Việt Nam độc lập đã có đồng tiền riêng và đồng tiền này sẽ là công cụ, là phương tiện, là vũ khí sắc bén để đấu tranh trên mặt trận kinh tế tài chính, tiền tệ lưu thông với một quyết tâm cao cả là đánh bại âm mưu, thủ đoạn của địch dùng tiền Đông dương và các đồng tiền ngoại lai chống phá Cách mạng nhằm bảo vệ chủ quyền của đất nước trong đó có chủ quyền về lĩnh vực tiền tệ.

Việc phát hành tiền tài chính - giấy bạc cụ Hồ ra lưu thông được nhân dân đón nhận, nhiệt liệt hoan nghênh và đồng tình ủng hộ, nhưng thời kỳ ban đầu không phải người dân nào cũng có may mắn được cầm và sử dụng đồng tiền này, nên nhiều người háo hức, mong chờ được thấy tận mắt, được sờ tận tay đồng tiền tài chính - giấy bạc cụ Hồ.

Nhiều câu chuyện cảm động đến rơi nước mắt khi người dân được thấy và được sử dụng đồng tiền này, đã được báo chí phản ánh khá nhiều.

Dưới đây là một câu chuyện.

Bà Chu Thị Mỹ, một người dân ở thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây cũ vẫn nhớ cái ngày đồng tiền độc lập đầu tiên ra đời: hôm ấy nhà có giỗ, bà cùng cô em gái ra chợ mua hương, hoa, gà, đậu... và mang theo ba vuông lụa đi bán. Gần tàn chợ vẫn còn vuông vải đỏ chưa có khách mua.

Toan ra về thì một người đàn ông trung niên đạp xe đến xem hàng. Xem xong ông rút ra một tờ bạc xanh nhìn rất mới lạ và nói: “Tôi mua vải cho cơ quan của Chính phủ Cách mạng. Đây là tiền của Chính phủ mới phát hành, tiền của Cụ Hồ, tôi không biết đắt rẻ thế nào nhưng cứ trả chị 100 đồng...”. Hai chị em bà Mỹ nghe nói đến chính phủ Cụ Hồ đã mừng quýnh, lại được nhìn thấy đồng tiền mới màu xanh, có

51/SL

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Kết vi cần phải có một chế độ tiền tệ duy nhất;

Kết vi sự lưu hành tiền đồng mang niên hiệu Minh-mạng, Thiệu-tri... tại các tỉnh ở Bắc-Trung-bộ là một trong những nguyên nhân làm cho sự sinh hoạt trở nên vất vả;

Theo đề nghị của Bộ-trưởng Bộ Tài-chính;

Sau khi ban Thường-trước quốc-hội và hội-đồng Chính-phủ đã thỏa thuận

RA SẮC LỆNH:

ĐIỀU 1 - Trong khi chờ Bộ Tài-chính phát-hành một thứ tiền thích hợp để thay thế các tiền đồng, tạm thời định giá một đồng bạc Việt-nam là hai mươi đồng tiền đồng.

ĐIỀU 2 - Thứ tiền đồng mới ở điều thứ nhất hình tròn, có bông vuông, mang niên hiệu Minh-mạng, Thiệu-tri... vẫn thường lưu-lành tại các tỉnh miền Bắc-Trung-bộ.

ĐIỀU 3 - Các sự đổi-tráo, giao dịch... bằng tiền đồng sẽ định giá theo tỷ lệ mới ở điều thứ nhất.

*ba chữ và
mười năm đầu*

ĐIỀU 4 - Những người phạm pháp với điều thứ 3 kể trên sẽ bị truy tố theo quan pháp và tang vật sẽ bị tịch thu.

ĐIỀU 5 - Bộ-trưởng Bộ Tài-chính, Bộ-trưởng Bộ Pháp-pháp chịu trách nhiệm thi-hành sắc-lệnh này ./.

**Bản sao
TTLTQG III**

Ngày 1 tháng 6 năm 1949

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ
CỘNG HÒA

Tiếp ký:
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Levan

Hồ Chí Minh

in dòng chữ quốc ngữ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và hình ảnh Bác Hồ trên mặt đồng tiền thì vô cùng xúc động.

Hai chị em ríu rít hỏi chuyện người mua hàng thì cả chợ đổ xô lại giành nhau ghé mắt xem kỳ được đồng tiền mới của Chính phủ. Bán vải xong hai bà phải mua đồ làm giỗ, nhưng vì không muốn trả đồng tiền Cụ Hồ nên cả hai không biết làm thế nào. Cuối cùng họ dẫn nhau về nhà với thúng, làn không. Đám giỗ không có cỗ bàn nhưng cả họ, cả làng Bà xum họp vui mừng khôn xiết như có hội lớn vì họ được nhìn tận mắt tờ giấy bạc Cụ Hồ. Tờ giấy bạc 100 đồng đó được mẹ Bà Mỹ bày trên bàn thờ như báo cáo với tổ tiên rằng người Việt Nam, nước Việt Nam đã có đồng tiền riêng, đồng tiền của một quốc gia độc lập.

Một câu chuyện nữa, là ông Hà Văn Việt, cán bộ địa chất về hưu ở Nam Dương - Hưng Yên vẫn kể lại: “Hôm ấy tôi cơm nắm, cơm vắt đi bộ từ Đại Từ - Thái Nguyên về Hà Nội để vay tiền

người anh mua xe đạp. Đó là lần đầu tiên tôi được nhìn thấy đồng tiền Việt Nam màu xanh, màu vàng, màu nâu có hình ảnh Bác Hồ với cảnh làng quê thanh bình, tôi xúc động đến rơi nước mắt vì biết là dân mình đã có đồng tiền riêng. Tôi quyết không mua xe đạp mà giữ những tờ tiền quý giá ấy và đi bộ về nhà. Cả làng xúm vào xem tiền của Chính phủ, cán bộ lãnh đạo xã cũng đến xem và xin được cầm trên tay một lát. Hôm sau, lãnh đạo xã lại tới xin tôi cho mượn những tờ tiền mới đem ra xã trưng bày cho người dân trong xã cùng xem. Ai ai cũng vô cùng xúc động...

Qua hai câu chuyện trên đủ thấy đồng tiền tài chính - giấy bạc Cụ Hồ được phát hành có ý nghĩa vô cùng to lớn về mọi mặt đặc biệt là về mặt chính trị vì qua đó củng cố thêm niềm tin của mọi người dân đối với Chính phủ Cách mạng. Đó cũng chính là những tiền đề, những động lực Cách mạng mới khích lệ và thôi thúc người dân đoàn kết cùng chính phủ Cách mạng, quyết tâm bảo vệ nền độc lập tự do của đất

BỘ TÀI-CHÍNH

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ VIỆT-NAM DÂN CHỦ CÔNG HÒA

Số 48-SL

Chiếu theo sắc-lệnh số 18/B ngày 31/1/1946 và số 154 ngày 13/8/1946 cho phép phát-hành giấy bạc Việt-Nam tại Trung Bộ
Chiếu theo tinh-thệ hiện thời;
Theo lời đề-nghị của Ông Bộ-trưởng Bộ Tài-Chính;
Sau khi Ban Thường-trực Quốc-Hội và Hội-dồng Chính-Phủ đã
thoả-thuận,

RA SẮC LỆNH :

ĐIỀU 1.- Những giấy bạc Việt-Nam sau này được phép lưu-hành trong toàn cõi Việt-Nam :

đ
1.00 (một đồng)
5.00 (năm đồng)
10.00 (mười đồng)
20.00 (hai mươi đồng)
50.00 (năm mươi đồng)
100.00 (một trăm đồng)
500.00 (năm trăm đồng).

ĐIỀU 2.- Kẻ nào làm giả hay có hành-dộng phá-hoại giá-trị của giấy bạc Việt-Nam sẽ bị truy-tố trước Toà-àh Quân-Sự.

ĐIỀU 3.- Các ông Bộ-trưởng Bộ Tài-Chính, Bộ Nội-Vụ, Bộ Tư-Pháp và Bộ Quốc Phòng chịu ủy-nhiệm thi-hành sắc-lệnh này./.

Ngày 15 tháng 5 năm 1947

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ,

Tiếp ký :

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH,

Nguyễn Văn Xuân

Ho Chi Minh

Bản sao
TTLTQG III

Số gửi các khu
Đ.Đ. T.Đ. 4
T.P.
17.5.47

Không từ bỏ âm mưu, thủ đoạn dùng tiền Đông Dương để chống phá ta, thực dân Pháp đã lệnh cho Ngân hàng Đông Dương phát hành thêm những loại tiền mệnh giá mới 100 đồng, 500 đồng tung vào thị trường hòng làm cho thị trường hỗn loạn và làm cho đồng tiền tài chính - giấy bạc Cự Hồ mất giá, ảnh hưởng đến tình hình kinh tế tài chính của chúng ta, qua đó làm cho nhân dân suy giảm lòng tin đối với Chính phủ Cách mạng.

nước, thực hiện công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đi tới thắng lợi cuối cùng.

Thời kỳ ban đầu mới phát hành đồng tiền tài chính - giấy bạc Cự Hồ, trong lưu thông vẫn song song tồn tại cả hai loại tiền là tiền do Chính phủ Cách mạng phát hành và tiền Ngân hàng Đông Dương do thực dân Pháp phát hành. Tuy nhiên đồng tiền tài chính - giấy bạc Cự Hồ được nhân dân phấn khởi đón nhận, giấy bạc của chúng ta nhanh chóng chiếm lĩnh được thị trường cả nước, gây sự bất ngờ lớn cho kẻ địch.

Không từ bỏ âm mưu, thủ đoạn dùng tiền Đông Dương để chống phá ta, thực dân Pháp đã lệnh cho Ngân hàng Đông Dương phát hành thêm những loại tiền mệnh giá mới 100 đồng, 500 đồng tung vào thị trường hòng làm cho thị trường hỗn loạn và làm cho đồng tiền tài chính - giấy bạc Cự Hồ mất giá, ảnh hưởng đến tình hình kinh tế tài chính của chúng ta, qua đó làm

cho nhân dân suy giảm lòng tin đối với Chính phủ Cách mạng.

Đứng trước tình hình đó, Chính phủ đã có biện pháp cứng rắn để chống lại âm mưu, thủ đoạn của thực dân Pháp. Ngày 30/04/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành Sắc lệnh 180/SL, trong đó tại Điều 1 qui định: “Kể từ ngày Sắc lệnh này được công bố, các loại giấy bạc Đông Dương do Đông Dương ngân hàng phát hành sẽ coi là không có giá trị trong toàn cõi Việt Nam” và tại Điều 3 qui định: “Một nghị định của Bộ trưởng Bộ Tài chính sẽ ấn định loại giấy bạc Đông Dương nào có thể tạm thời được phép lưu hành”.

Như vậy, theo Sắc lệnh này, từ ngày 30/04/1948, đồng tiền Đông Dương sẽ chính thức không còn có giá trị lưu hành trên thị trường Việt Nam và chỉ còn lại duy nhất đồng tiền tài chính - giấy bạc Cụ Hồ thống lĩnh trên thị trường.

Đây chính là một quyết định sáng suốt

của Đảng và Chính phủ Cách mạng và với quyết định này, chúng ta đã đập tan âm mưu thủ đoạn và dã tâm của thực dân Pháp dùng tiền Đông Dương để chống phá Cách mạng, chống phá nền kinh tế - tài chính, tiền tệ độc lập, tự chủ nhưng non trẻ của chúng ta, qua đó một lần nữa khẳng định quyết tâm của Đảng, Chính phủ và toàn thể dân tộc Việt Nam có đầy đủ trí tuệ và khả năng để xây dựng một nền kinh tế tài chính tiền tệ độc lập, có chủ quyền nhằm phục vụ đắc lực cho công cuộc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, cụ thể hơn là phục vụ cho công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đi tới thắng lợi, giữ vững những thành quả Cách mạng vừa giành được và bảo vệ nền độc lập tự do của nước Việt Nam.

Sau khi Sắc lệnh được ban hành, tại các vùng tự do, đồng tiền Đông Dương không còn có giá trị lưu hành (trừ giấy bạc một đồng Đông Dương còn tạm thời được phép lưu hành một thời gian để phục vụ cho việc lưu thông hàng hóa), chúng ta nắm độc quyền

về phát hành và lưu thông tiền tệ, vừa chống được âm mưu của địch dùng tiền Đông Dương phá giá tiền ta, vừa sử dụng tiền Đông Dương thu được qua đổi bạc như một ngoại tệ đưa vào vùng địch mua hàng hóa, vật tư, thuốc men... cần thiết phục vụ cho công cuộc kháng chiến và đời sống sinh hoạt của nhân dân trong vùng tự do.

Để đấu tranh trên mặt trận kinh tế tài chính, tiền tệ với địch, ngoài việc phát hành đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ, Chính phủ còn dùng nhiều biện pháp, chính sách đồng bộ khác như chủ trương bỏ những thứ thuế ở thành thị như thuế lương bổng, lãi doanh nghiệp, thuế lợi tức, thổ trạch, du hý, vận tải đặc biệt..., đơn giản hóa biểu thức xuất nhập khẩu theo hướng đấu tranh kinh tế với địch, thu hút hàng cần thiết cho sản xuất, đời sống ở vùng tạm chiếm ra vùng tự do với ít chủng loại để dễ nhớ, dễ thu, giữ lại các thứ thuế môn bài, điền thổ, sát sinh. Trong đó thuế điền thổ vẫn là nguồn thu lớn nhất, được điều chỉnh cho phù hợp với thực

tế, bảo đảm dễ thu và công bằng hơn.

Ngoài ra, Chính phủ chủ trương mở rộng các hình thức đóng góp tự nguyện như “Hũ gạo nuôi quân”, “Quỹ mùa đông binh sỹ”, “Bán thóc khao quân”, “Giúp binh sỹ bị nạn”, “Giúp đồng bào tản cư”, “Quỹ bình dân học vụ”, “Đón thương binh về làng”, “Đỡ đầu bộ đội”... để động viên nhân dân đóng góp cho kháng chiến, được nhân dân đồng tình ủng hộ và tin tưởng tích cực hăng hái tự nguyện tham gia và góp nhiều công sức, của cải phục vụ cho sản xuất và chiến đấu.

Bên cạnh những hình thức đóng góp như trên, còn có một số hình thức đóng góp khác được phổ biến thời kỳ bấy giờ như: ăn cơm nhà làm việc nước, bụng đói nhưng vẫn hăng hái luyện tập quân sự, canh gác suốt ngày đêm, đi dân công phục vụ tiền tuyến, một gia đình có con em đi bộ đội, đi dân công thì cả xóm phân công nhau giúp đỡ để người đi được yên tâm và ruộng đồng không bị bỏ hóa... Những hình thức



đóng góp nói trên rất to lớn, không thể tính được bằng tiền hay thóc nhưng đã làm cho những khoản chi trực tiếp của tài chính nhà nước giảm đi rất nhiều.

Đi đôi với chính sách động viên, đóng góp phong phú, đa dạng, Đảng và

Chính phủ còn chủ trương đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, giảm tô cho nông dân, phân chia công bằng ruộng đất lĩnh canh trong các đồn điền do chính quyền địa phương quản lý, tạm giao ruộng đất của việt gian, phản quốc cho

dân nghèo canh tác, cho vay tín dụng bằng tiền hoặc bằng trâu bò, nông cụ... không đòi hỏi thế chấp bằng ruộng đất.

Chính sách tiết kiệm chi tiêu, tiết kiệm sức dân, tiết kiệm tiêu dùng đã trở thành “quốc sách”... Mặt khác tăng cường công tác quản lý tài chính, sau chiến thắng thu đông 1947, Nhà nước đã quy định hệ thống ngân sách gồm hai cấp: Ngân sách nhà nước và ngân sách xã.

Ngân sách nhà nước gồm 2 phần:

- Phần chi tiêu thường xuyên (chi hành chính, chi kinh tế, chi văn hóa xã hội do các nguồn thu thường xuyên (thuế, công trái...) đảm bảo.

- Phần chi tiêu quốc phòng, chủ yếu dựa vào phát hành giấy bạc.

Ngân sách xã có nguồn thu riêng để bảo đảm nhu cầu chi tiêu cần thiết của xã, trường hợp thiếu có thể được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Nhìn chung nguồn lực tài chính trong thời kỳ này còn rất hạn chế, số thu ngân sách Nhà nước mới chỉ đáp ứng được 1/4 nhu cầu chi tiêu, số còn lại phải dựa vào phát hành tiền, một lợi thế mà Chính phủ có được là lòng tin của nhân dân đối với Cách mạng. Việc phát hành tiền để đáp ứng nhu cầu chi tiêu là việc làm cần thiết và đã mang lại những tác dụng to lớn, nhưng cũng gây ra những hậu quả không tốt, liên quan đến lạm phát và giá trị đồng tiền.

Để thu bớt về một phần số tiền đã phát hành quá mức nhằm củng cố giá trị đồng tiền và hạn chế lạm phát, Chính phủ đã thực hiện chính sách vay dân bằng hình thức phát hành công trái.

Năm 1948, phát huy thắng lợi của chiến thắng Việt Bắc thu đông năm 1947, Chính phủ đã cho phát hành trong toàn quốc một đợt công trái lấy tên là Công phiếu Kháng chiến.

Theo kế hoạch, tổng số Công phiếu Kháng chiến phát hành là 500 triệu

đồng với lãi suất 3%/năm, thời hạn hoàn trả là 5 năm, nhưng do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, nhất là công tác tuyên truyền chưa thực tốt nên đến hết năm 1949 kết quả đợt công trái này chỉ đạt được 40% kế hoạch ban đầu đề ra.

Rút kinh nghiệm của hai đợt phát hành Công trái và Công phiếu Kháng

chiến trước đây, cuối năm 1950 Chính phủ đã cho phát hành một đợt công trái mới lấy tên là “Công trái quốc gia”. Công trái quốc gia được ghi mệnh giá bằng thóc để đảm bảo giữ nguyên giá trị số tiền vay. Tổng số phát hành là 100.000 tấn thóc, lãi suất 3%/năm, thời hạn hoàn trả là 5 năm.

Nhờ kế hoạch phát hành được triển

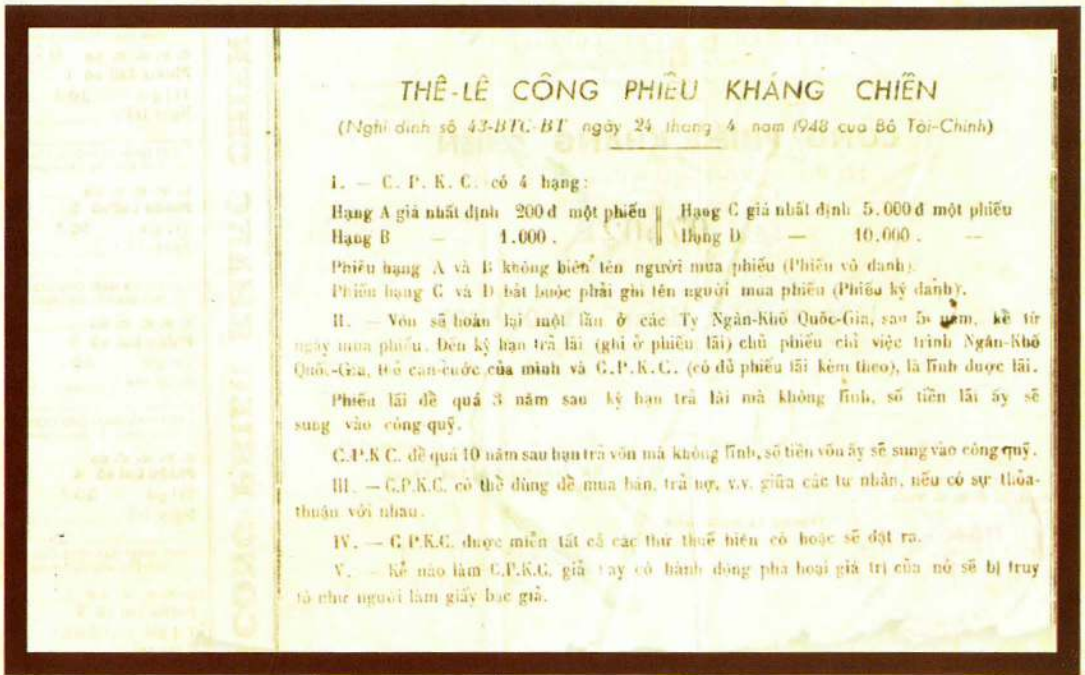


... Bên cạnh việc phát hành đồng tiền tài chính - giấy bạc Cự Hồ, Chính phủ đã thực thi hàng loạt chính tài kinh tế tài chính đồng bộ khác để củng cố và bảo đảm cho đồng tiền tài chính - giấy bạc Cự Hồ được phát hành ra có được giá trị và vị thế nhất định để thực sự là một công cụ, một phương tiện, một vũ khí sắc bén, hiệu quả để đấu tranh trực diện trên mặt trận kinh tế - tài chính - tiền tệ với địch...

khai chu đáo hơn, công tác tuyên truyền cổ động sâu rộng hơn đợt phát hành Công phiếu Kháng chiến, cho nên đợt này được nhân dân các nơi hưởng ứng mạnh mẽ, công trái quốc gia được bán nhanh hơn, nhiều hơn.

Tuy nhiên trong thời kỳ này tình hình kinh tế xã hội nói chung của đất nước đang có nhiều khó khăn, trình độ hiểu biết của cán bộ và nhân dân về tài chính, tiền tệ cũng vẫn còn có hạn, mọi người vẫn chưa quen với việc mua công trái, cho nên mặc dù công trái bán ra được nhanh hơn, thời gian bán công trái ngắn hơn hai đợt Công thái, Công phiếu Kháng chiến, nhưng kết quả thu được vẫn còn hạn chế.

Như vậy, bên cạnh việc phát hành đồng tiền tài chính - giấy bạc Cự Hồ, Chính phủ đã thực thi hàng loạt chính tài kinh tế tài chính đồng bộ khác để củng cố và bảo đảm cho đồng tiền tài chính - giấy bạc Cự Hồ được phát hành ra có được giá trị và vị thế nhất định để thực sự là một công cụ, một phương tiện,



một vũ khí sắc bén, hiệu quả để đấu tranh trực diện trên mặt trận kinh tế - tài chính - tiền tệ với địch, từng bước làm chủ thị trường và loại hẳn đồng tiền Đông Dương do Ngân hàng Đông Dương phát hành đã thống trị gần một thế kỷ đối với đất nước ta trên lĩnh vực tài chính - tiền tệ và lưu thông hàng hóa ra khỏi đời sống xã hội của nước ta nhất là những vùng tự do do Chính phủ Cách mạng quản lý.

Thắng lợi to lớn của việc phát hành đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ ở khu vực Bắc Bộ đã cho thấy sự

lãnh đạo sáng suốt tài tình của Đảng, Chính phủ mà đứng đầu là sự lãnh đạo tài giỏi của Bác Hồ kính yêu đã chọn đúng thời cơ, thời điểm và biết dựa vào lòng yêu nước của nhân dân để thực hiện. Điều này cũng là điều mà kẻ địch không thể ngờ tới là chúng ta có thể thực hiện được nhất là thời kỳ đầu Nhà nước Cách mạng mới giành được độc lập, còn đầy rẫy những khó khăn. Chính vì vậy mà kẻ địch trở tay không kịp, mặc dù sau đó đã tìm mọi âm mưu, thủ đoạn để chống phá nhưng cuối cùng cũng phải hứng chịu thất bại nặng nề. Đồng tiền tài chính - giấy

VIỆT-NAM DÂN-CHỦ CỘNG-HÒA

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÜC

CÔNG PHIẾU KHÁNG CHIẾN

Sắc lệnh số 100-SL, ngày 6 tháng 4 năm 1948

Số 07502 B

PHIẾU :  MỘT nghìn đồng (1.000 đ 00)

Lãi đồng niên : ba phần (3%)



Thị trấn, ngày tháng 4 năm 19

Bộ Trưởng Bộ Tài Chính

Chu Hinh
U. B. K. C. H. C. Tiab

Trưng Ty Ngân Khố



Levan Duyen

Mẫu Công phiếu Kháng chiến

CONG PHIEU KHANG CHIEN

VIỆT NAM DÂN CHỦ CÔNG HÒA
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

C. P. K. C. Số 07501B

Phiếu Lai số 1

Trị giá 30 đ

Ngày trả : _____

VIỆT NAM DÂN CHỦ CÔNG HÒA
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

C. P. K. C. Số _____ B

Phiếu Lai số 2

Trị giá 30 đ

Ngày trả : _____

VIỆT NAM DÂN CHỦ CÔNG HÒA
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

C. P. K. C. Số _____ B

Phiếu Lai số 3

Trị giá 30 đ

Ngày trả : _____

VIỆT NAM DÂN CHỦ CÔNG HÒA
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

C. P. K. C. Số _____ B

Phiếu Lai số 4

Trị giá 30 đ

Ngày trả : _____

VIỆT NAM DÂN CHỦ CÔNG HÒA
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

C. P. K. C. Số _____ B

Phiếu Lai số 5

Trị giá 30 đ

Ngày trả : _____

bạc Cự Hồ ngày càng được củng cố và đứng vững trên thị trường, chính thức trở thành đồng tiền duy nhất của Nhà nước Cách mạng, một quốc gia độc lập có chủ quyền và quan trọng hơn nữa là đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cự Hồ đã thực sự trở thành một công cụ, một phương tiện, một vũ khí sắc bén, hiệu quả để đấu tranh trên mặt trận kinh tế tài chính, tiền tệ với địch, phục vụ đắc lực cho công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đi tới thắng lợi cuối cùng.

... Việc phát hành đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cự Hồ thời kỳ ban đầu tuy mới chỉ trong phạm vi ở miền Nam Trung Bộ nhưng bắt đầu từ thời điểm này được coi là một mốc son lịch sử, đồng tiền Việt Nam do Nhà nước Việt Nam độc lập chính thức phát hành trên lãnh thổ Việt Nam, đánh dấu sự chấm hết quá trình lệ thuộc hoàn toàn vào đồng tiền Đông Dương do Thực dân Pháp phát hành qua gần 1 thế kỷ. Một lần nữa khẳng định tính độc lập, tự chủ về kinh tế - tài chính - tiền tệ của một quốc gia độc lập...

Đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cự Hồ phát hành ở miền Nam Trung Bộ đã có tác dụng, ảnh hưởng nhiều mặt đối với toàn bộ đất nước. Người dân của cả nước khi nghe tin Chính phủ phát hành tiền Việt Nam đã vô cùng hào hứng, tự hào vì từ nay đất nước Việt Nam có đồng tiền riêng của một quốc gia độc lập và chờ đón một ngày nào đó Chính phủ phát hành tiền Việt Nam đến địa phương mình để được cầm trong tay và được sử dụng đồng tiền này...



ĐỒNG TIỀN TÀI CHÍNH
TẠI TRUNG BỘ



QUÁ TRÌNH IN ĐỒNG TIỀN TÀI CHÍNH Ở TRUNG BỘ

Tùng đồng thời với việc in tiền ở Bắc Bộ, để chuẩn bị cho kế hoạch lâu dài, theo sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính ủy nhiệm cho đồng chí Nguyễn Văn Tấn, Giám đốc Nha Tài chính Trung Bộ, đại diện Bộ trưởng Bộ Tài chính ở miền Trung chỉ đạo việc thành lập cơ quan Ấn Loát Đặc biệt ở Trung ương tại miền Trung.

Từ quý I/1946, chúng ta đã sử dụng nhà in Ngô Tử Hạ ở đường Hàng Bè - Thành phố Huế (nay là đường Huỳnh Thúc Kháng) làm cơ sở bí mật in thử giấy bạc Việt Nam (đây là một bộ phận của nhà in Ngô Tử Hạ ở Hà Nội do con gái ông Ngô Tử Hạ là bà Ngô Thị Hòa

cùng với chồng là ông Phạm Văn Duật quản lý).

Ban đầu, ở Nha Tài chính Trung Bộ, không phải ai cũng biết được đây là cơ sở in tiền vì tất cả công việc tuy được khẩn trương chuẩn bị nhưng rất bí mật. Cán bộ, công nhân lúc đầu được điều đến cũng chỉ biết mình được phân công để làm nhiệm vụ đặc biệt.

Cơ sở in bạc Tài chính Việt Nam ở Trung Bộ đặt ở Huế được gọi là Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ. Trong thời kỳ phôi thai, cơ sở in bạc chỉ chiếm diện tích rất nhỏ, được che chắn kín đáo trong một phần nhà in Ngô Tử Hạ, cách biệt hẳn với các bộ phận in khác.



Giấy bạc, Tín phiếu phát hành tại Trung Bộ

Máy in cũng mới chỉ có hai máy đứng nhỏ: Mars và Victoria, máy xén giấy (massrcat) đều trưng dụng của nhà in này. Giấy in, loại giấy đặc biệt có hình ngôi sao 5 cánh chìm, mực in và khuôn mẫu đều do cơ quan Ấn loát Trung ương đưa vào. Cán bộ phụ trách gồm có các đồng chí Lê Trọng Tú, Nguyễn Thực, Nguyễn Mai của Nha Tài chính Trung Bộ chuyển sang; đồng chí Trần

Quốc Dự bên Sở Tài chính Trung Bộ phái đến hình thành Ban phụ trách đầu tiên của nhà máy in tiền do đồng chí Lê Trọng Cự làm Giám đốc.

Thời gian đầu công nhân cũng chỉ có vùn vện khoảng 10 người là những thợ lành nghề và tin cẩn Hoàng Toại, Nguyễn Hữu Thảo, Nguyễn Hữu Nhẫn, Ngô Văn, Cao Trọng, Trần Đại



Vùng núi rừng Phong Điền - Thừa Thiên Huế, nơi đặt cơ sở in tiền năm 1946

Phú, Lê Trí, Trần Dung...

Để canh gác bảo vệ cơ sở in có một số tự vệ Việt Minh tỉnh Nguyễn Tri Phương (tên riêng của tỉnh Thừa Thiên Huế lúc bấy giờ) phải sang chuyên trách gồm Nguyễn Lạc, Tháo Vang, Đặng Tiết.

Do cơ sở in tiền nhỏ, thiết bị máy móc, lực lượng cán bộ công nhân hạn chế và công việc còn mới mẻ nên lúc đầu chỉ in các loại bạc nhỏ, mệnh giá 1 đồng và 5 đồng với màu vàng úa xen hình màu xanh lá cây. Đây là thời kỳ in thử nghiệm, số lượng giấy bạc in ra ít nhưng rất được mọi người quý trọng nâng niu vì đây là sản phẩm đầu tay, nên được đóng gói cất giữ rất cẩn thận. Về sau số giấy bạc này được chuyển cho Ủy ban Tổng phát hành giấy bạc Việt Nam tại Trung Bộ làm nhiệm vụ phân phối.

Sau khi Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946 và Thỏa hiệp 14/9/1946 được ký kết, tình hình Trung Bộ càng trở nên căng thẳng, nhận thấy cơ sở in bạc trong

thành phố không đảm bảo an toàn, cấp trên ra lệnh cho Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ dời ra Hiền Sỹ thuộc xã Phong Thái, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên cách thành phố Huế 25 cây số về phía Tây Bắc.

Cuộc di chuyển cơ sở in được tiến hành rất khẩn trương và bí mật. Ta đã mang theo một số máy móc gồm: 4 máy đứng nhỏ, 1 Apiat, 1 voisin, 2 máy xén giấy (massecat), bộ phận đúc, chữ in và các nguyên vật liệu cần thiết khác.

Ban phụ trách vẫn như cũ. Cán bộ kỹ thuật có ông Nguyễn Thuật của trường kỹ nghệ Huế hướng dẫn lắp ráp máy nổ rồi giao cho hai công nhân là Đỗ Hai và Hoàng Kháng vận hành. Ngoài ra có thêm một số thanh niên ở thành phố Huế và người địa phương mới được tuyển chọn vào.

Địa điểm in mới ở ven một đồi tràm, bên một con dốc và đã có 2 dãy nhà làm sẵn và cũng đã có 2 máy in nằm Marinoni do nhà in Ánh Sáng giao

lại. Ban kiến thiết gồm người của địa phương đã nhanh chóng làm thêm 3 gian nhà nữa. Vậy là có đủ chỗ đặt máy móc, nhà văn phòng, nhà ăn, ở tập thể, kho và hầm cất bạc... Một cơ sở in bạc mới nhanh chóng được hoàn thành và đi vào hoạt động.

Do Hiến Sỹ một địa danh vùng trung du vắng vẻ có nhiều khác lạ so với thành phố, cho nên mọi hoạt động lúc đầu bị đảo lộn đôi chút, nhưng dần dần cũng được khắc phục và đi vào nề nếp nhất là sau khi cơ quan Ấn loát Tài chính Trung ương cử thêm 2 công nhân vào giúp đỡ, hướng dẫn kỹ thuật...

Hoạt động của cơ sở in bạc tại Hiến Sỹ đi vào hoạt động đều đặn, máy nhỏ in được 6 - 8 bát (tờ bạc), máy lớn 12 - 14 bát trên 1 tờ giấy được sắp xếp lại ngay ngắn để rồi chuyển sang in số. Những tấm giấy A₀ sẽ được xếp đúng 500 tờ một tập, đưa vào máy xén tách ra từng tập nhỏ 500 tờ bạc (1 đồng hoặc 5 đồng) do một nhóm công nhân thuộc bộ phận cắt xén buộc lại từng gói,

dán nhãn rồi đóng vào thùng gỗ, ràng thép, đóng xi niêm phong múi thép lại. Những việc này được thực hiện tại một phòng riêng, có anh em tự vệ theo dõi việc ra vào rất nghiêm ngặt. Các thùng bạc được đưa vào kho để sau đó chuyển cho cơ quan phát hành.

Tại đây về sau còn in thêm giấy bạc 10 đồng, 20 đồng. Các bộ phận của cơ sở in hoạt động ngày đêm liên tục và khẩn trương để in thật nhiều tiền để phục vụ cho công cuộc kháng chiến mau chóng đi đến thắng lợi.

Có thời gian, nguyên vật liệu ở Trung ương chuyển vào phục vụ cho việc in bạc không kịp, nhà máy còn chuyển sang in một số tài liệu chính trị theo yêu cầu của cấp trên như: tài liệu Duy vật biện chứng - Duy vật lịch sử, Các Mác và chủ nghĩa Mác... là những tài liệu rất quý để phục vụ cho công tác tuyên truyền, nâng cao hệ tư tưởng cho cán bộ, nhân dân trong thời kỳ này.

Tuy nhiên, cơ sở in bạc ở Hiến Sỹ cũng

không được lâu, bởi càng về cuối năm 1946 tình hình quan hệ giữa ta và Pháp ngày càng trở nên căng thẳng, thực dân Pháp không từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa. Những cuộc đụng độ giữa ta và địch thường xuyên xảy ra làm cho tình hình thêm nghiêm trọng. Đứng trước bối cảnh đó, nhiều cơ quan Trung Bộ được lệnh của cấp trên di chuyển ra phía Bắc liên khu IV hoặc vào liên khu V trong đó Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ được lệnh chuyển ra Hà Tĩnh.

Mọi việc lại được khẩn trương chuẩn bị sắp xếp một cách gấp gáp. Ban giám đốc thông báo tình hình và lấy ý kiến anh em công nhân, mọi người đều nhất trí đi theo kháng chiến đến cùng.

Ngày 18/12/1946 cả thành phố Huế chuẩn bị cho công cuộc toàn quốc kháng chiến, các nẻo đường người người lo đắp ụ, xây công sự,... chuẩn bị chiến đấu chống thực dân Pháp.

Còn ở Hiến Sỹ nơi cơ sở in bạc của

Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ cũng khẩn trương chuẩn bị để di chuyển nhà máy. 20 cán bộ và công nhân Ấn loát Tài chính Trung Bộ được lệnh tập kết tại ga Văn Xá cách thành phố Huế 12 km về phía Bắc với đầy đủ máy móc, thiết bị in bạc để chuyển lên xe lửa, chạy suốt đêm ra ga Chợ Thượng - huyện Đức Thọ - tỉnh Hà Tĩnh. Ngay sáng hôm sau 19/12/1946 mọi người đều xúc động trước một tin quan trọng: Hồ Chủ Tịch đã kêu gọi và ra lệnh toàn quốc kháng chiến. Toàn thể cán bộ công nhân viên nhà ga, đoàn tàu, Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ và nhân dân quanh vùng đều sục sôi khí thế Cách mạng và căm thù giặc Pháp xâm lược.

Để đề phòng địch oanh tạc, phá hoại, công việc đầu tiên của Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ là phân tán số máy móc thiết bị trên tàu, đưa xuống đò và cất giấu dọc bờ sông La. Trong lúc đó, một số đồng chí lãnh đạo khẩn trương liên hệ với địa phương tìm nơi đặt nhà máy in tiền.

Đầu năm 1947, sau khi được Ủy ban Kháng chiến hành chính tỉnh Hà Tĩnh, huyện Hương Sơn và xã Thịnh Văn (nay là xã Thịnh Sơn) bố trí nhà máy in tiền đặt tại xóm Văn Giang, xã Thịnh Văn, huyện Hương Sơn ở vùng đồi tranh bên bờ dốc Dọng, phía ngoài là sông Ngàn Phố và xa xa về phía Đông Nam là dãy núi Thiên Nhẫn. Công sức vận chuyển máy móc, thiết bị được tiến hành gấp rút. Từ ga chợ Thượng đến xóm Văn Giang khoảng 10 cây số và phải vận chuyển bằng đường sông La. Tuy chỉ có 10 cây số nhưng phải gần 2 tháng vừa vận chuyển, vừa xây dựng, vừa lắp đặt, nhà máy in tiền mới hoàn thành và đi vào hoạt động.

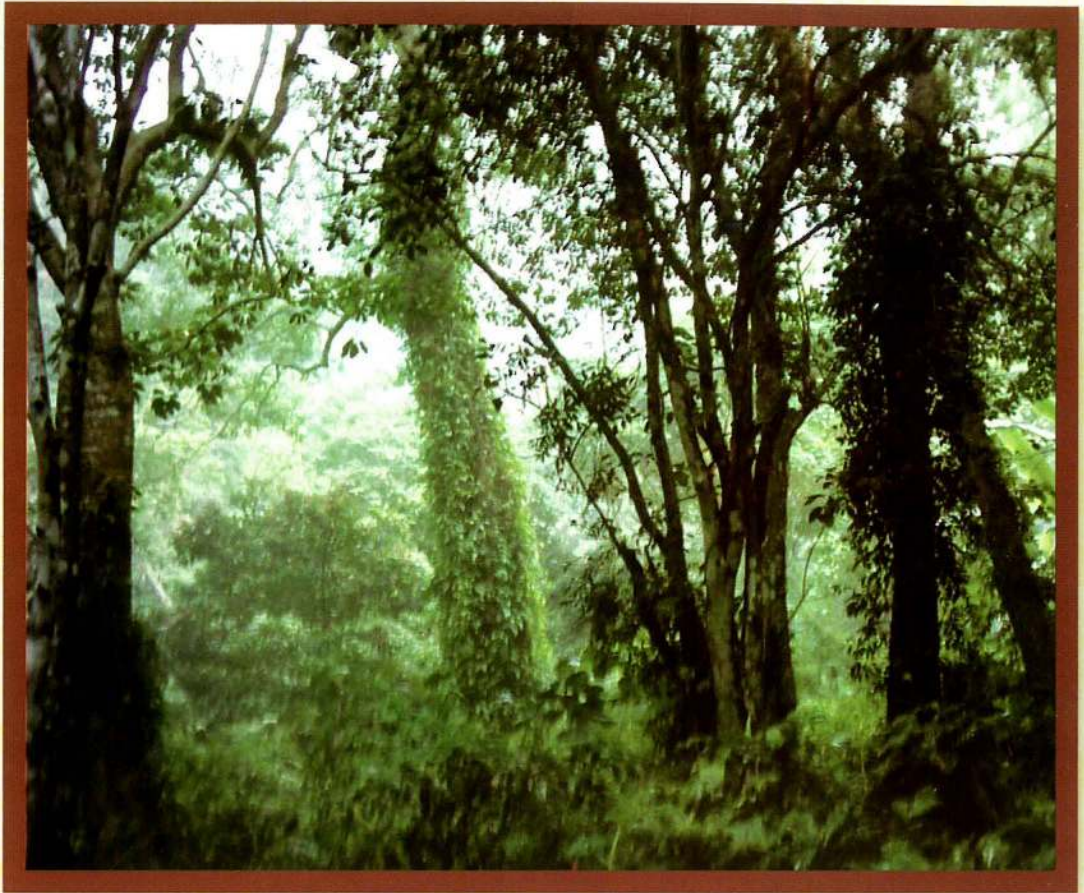
Lúc này nhà máy in tiền tiếp nhận thêm một số máy móc thiết bị mang từ Huế ra, nên việc in tiền đã thuận lợi hơn và số lượng tiền in được tăng nhiều. Ngoài các loại giấy bạc mệnh giá 1 đồng, 5 đồng, 10 đồng, 20 đồng, nhà máy in tiền tại đây còn in thêm loại tiền mệnh giá 50 đồng.

Cùng với máy móc thiết bị được tăng cường, lực lượng công nhân cũng được bổ sung tăng thêm nên hoạt động của nhà máy in tiền ngày càng đi vào hoạt động ổn định và có chiều hướng phát triển tốt.

Tuy nhiên, đến giữa năm 1947, việc in tiền phát sinh nhiều khó khăn mới. Chiến tranh ngày càng mở rộng, chi viện của Trung ương cho nhà máy in tiền ngày càng khó khăn hơn và có phần hạn chế về giấy, mực nhất là khuôn mẫu bạc có những lúc không đầy đủ.

Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ đã liên tiếp cử các đoàn cán bộ ra Nha Ấn loát Tài chính Trung ương xin chi viện, đi Việt Bắc hoặc vào sát vùng địch tạm chiếm để khai thác nguyên vật liệu nhằm đảm bảo cho nhà máy in tiền hoạt động bình thường.

Đầu tháng 9/1947, đoàn của các đồng chí Trần Duy Bình, Lê Đình Hanh, Lê Văn Hưu (ở Ủy ban Tổng phát hành



Núi rừng Hương Khê, Hà Tĩnh - Nơi đặt cơ sở in tiền năm xưa

giấy bạc Việt Nam tại Trung Bộ) được cử ra Việt Bắc để báo cáo tình hình và xin chi viện nguyên vật liệu nhưng vì biên giới Việt - Trung chưa khai thông và kể đó ngày 10/10/1947, quân Pháp nhảy dù xuống chợ Đồn - Bắc Kạn hướng về Bản Thi, nơi cơ quan Ấn loát Trung ương đóng, đường bị nghẽn không đi được, sau gần một tháng, anh

em trong đoàn mới tìm được đường về.

Sau thu đông 1947, địch bị thất bại ở Việt Bắc, ta lợi dụng thời cơ cử các đoàn đi các nơi, tranh thủ chi viện vật tư, kỹ thuật. Đoàn của đồng chí Lê Trọng Cự, Giám đốc và các đồng chí Nguyễn Chung Anh, Tôn Thất Mưu, Thái Văn Hòa ra Trung ương bàn việc

làm giấy in bạc tại Hòa Bình, đoàn của các đồng chí Nguyễn Mai, Trần Lai ra Chi Nê - Hòa Bình, đoàn của các đồng chí Nguyễn Thực và Trần Đại Phú ra cơ quan Ấn loát Trung ương học cách làm khuôn mẫu; đoàn của các đồng chí Trần Quốc Dụ, Trần Lại, Nguyễn Xuân Ôn, Trần Tuyên... ra xưởng giấy Đồng Minh - Thanh Hóa để bàn về việc cung cấp giấy in; đoàn của các đồng chí Lê Đình Anh, Hoàng Kháng ra Nghệ An để bàn về việc cung cấp lương thực, thực phẩm và quan hệ với các cơ sở quân giới xin cung cấp phụ tùng, máy móc... Nói chung, các đoàn trên chuyển đi gặp không ít khó khăn, dọc đường, nhiều đoàn bị phục kích, oanh tạc... nhưng rất may mắn mọi người đều được an toàn.

Với cách làm năng động sáng tạo và tích cực khẩn trương, nhà máy in tiền ở Hương Khê - Hà Tĩnh đã đảm bảo đủ nguyên vật liệu, lương thực thực phẩm phục vụ cho việc in bạc không bị đình trệ, phục vụ kịp thời giấy bạc để phát hành.

Nhà máy in tiền ở Văn Giang - Thịnh Văn - Hương Sơn cũng không được lâu, bởi cuối năm 1947, đầu năm 1948, thực dân Pháp mở rộng chiến tranh, các vùng tự do Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh cũng bị ném bom, đánh phá ác liệt suốt ngày đêm. Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ đóng ở gần trục đường số 8 (Hà Tĩnh đi Na Pê - Lào) nên có những mục tiêu máy bay địch dễ thám thính và oanh tạc như đồn Linh Cảm, rú Nấm... cho nên theo lệnh của cấp trên, Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ phải di chuyển vào vùng rừng núi để đảm bảo an toàn.

Tháng 12/1947, Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ lại tiếp tục thực hiện một cuộc di chuyển từ Văn Giang - Thịnh Văn - Hương Khê đến thượng nguồn dốc Trùng thuộc xã Hương Giang - huyện Hương Khê, chiều dài khoảng 30 km đường sông.

Với tinh thần tích cực khẩn trương chuẩn bị nhưng do thiết bị máy móc nhiều, phương tiện vận chuyển là

những con đò nhỏ, thô sơ nên rờng rã gần hai tháng, các con thuyền chở máy móc thiết bị... đã ngược xuôi qua biết bao địa danh, sông nước như Ngân Phố, Linh Cảm, Chợ Nuốt, Chợ Bông, Cửa Rào, Chợ Quánh... mới đến được địa điểm mới an toàn.

Quá trình vận chuyển qua đường sông còn phải đi bộ 5 cây số đường rừng và lội qua 25 khúc suối hết sức gian nan, vất vả.

Ngày ngày, việc vận chuyển diễn ra liên tục. Vai vác nặng, mình đắm mồ hôi những ngày nắng ráo hoặc ngâm mình dưới suối những ngày mưa lũ, nhưng mọi người vẫn hăng say với công việc, cố gắng nỗ lực hết mình quyết tâm đưa thiết bị máy móc đến địa điểm mới nhanh chóng an toàn để kịp thời đi vào hoạt động.

Những bộ phận máy nhỏ thì chia nhau gánh bộ, máy nặng hơn thì dùng thuyền đẩy theo dòng suối hoặc xúm vào cùng nhau khiêng. Thậm chí nhiều

... Với tinh thần tích cực khẩn trương chuẩn bị nhưng do thiết bị máy móc nhiều, phương tiện vận chuyển là những con đò nhỏ, thô sơ nên rờng rã gần hai tháng, các con thuyền chở máy móc thiết bị... đã ngược xuôi qua biết bao địa danh, sông nước như Ngân Phố, Linh Cảm, Chợ Nuốt, Chợ Bông, Cửa Rào, Chợ Quánh... mới đến được địa điểm mới an toàn...

nơi suối cạn, phải đắp đập cho nước dâng lên để đẩy thuyền đi. Có những bộ phận máy móc to lớn, nặng nề, sức người không khiêng nổi phải huy động cả voi kéo.

Cuối cùng toàn bộ máy móc, thiết bị, vật tư nguyên vật liệu... cũng được đưa đến nơi mới đầy đủ. Máy móc thiết bị đưa vào đến đâu được lắp đặt ngay đến đó, cho nên sau khi vận chuyển xong, nhà máy in tiền đã đi vào hoạt động ngay.

Tại địa điểm đặt nhà máy in được gọi là An toàn khu 2 (Tại vùng rừng núi Hương Khê - Hà Tĩnh có 2 An toàn khu do Ủy ban có xưởng Liên Khu IV tổ chức gọi là An toàn khu nằm ở phía Phúc Đồng - Chu Lễ với các xưởng sản xuất vũ khí, ở cách xa An toàn khu 2 bên dốc Trùng khoảng 5 cây số theo đường chim bay). Tại đây cán bộ phụ trách Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ có thêm đồng chí Lê Đình Hanh ở Ủy ban Tổng phát hành được biệt phái sang hẳn. Một số công nhân cũng được

tuyển dụng thêm cho nên đội ngũ công nhân nhà máy in tiền cũng đông đảo hơn nhiều so với trước đây.

Tại địa điểm mới này, rừng núi trùng điệp, âm u, mọi hoạt động diễn ra trong một thung lũng nhỏ lòng chảo rộng khoảng 5 - 6 ha, người dân ở đó ven ven chỉ có 5 - 7 gia đình nông dân vừa cày cấy, vừa đốn củi đưa ra chợ bán.

Trước khi Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ đến đây, đã có một số đơn vị đã vào hoạt động như Ban phụ trách An toàn khu với nhà cửa, kho tàng, cơ xưởng 3 chuyên sản xuất vũ khí, đội công trình xây dựng, Lò than, đội phòng thủ, đội vận tải...

Tổng số cán bộ, công nhân trong An toàn Khu về sau lên tới khoảng 1000 người. Ban lãnh đạo An toàn Khu có các đồng chí Đặng Ngọc Sách, Dương Phùng, Nguyễn Chung Anh, Nguyễn Chín đảm bảo việc chỉ đạo điều hành mọi hoạt động chung của An toàn Khu.

Ở An toàn Khu 2, Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ được bố trí trên một mảnh đất mới khai phá tương đối rộng. Nhà cửa, kho tàng, nơi ăn ở của cán bộ công nhân viên... tất cả núp dưới các vòm cây rậm rạp.

Đời sống ở núi rừng nơi đây thật vô cùng kham khổ nhưng chẳng có ai kêu ca phàn nàn. Việc tiếp tế các nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống sinh hoạt hàng ngày thường gặp trở ngại lớn, nắng thì khe suối cạn dòng, mưa thì lũ lụt, làm tắc nghẽn đường vận chuyển. Thực phẩm chính hàng ngày là muối mè, cá khô đã biến chất. Thỉnh thoảng có bát canh rau rừng nấu với cá bắt được dưới suối làm nên bữa ăn tươi. Còn gạo ăn đa số phải ăn gạo mốc do dự trữ lâu ngày.

Do ăn uống kham khổ, lại ở nơi rừng sâu nên bệnh tật hoành hành, không mấy ai tránh được bệnh sốt rét mặc dù thuốc men được chuẩn bị khá chu đáo, đầy đủ và bác sĩ, y sĩ, y tá tận tình chăm sóc. Có những anh em khi lên

cơ sốt cao đã chạy rông dưới suối và có những người như anh Nguyễn Sỹ Tình đã qua đời tại đây sau những cơn sốt ác tính.

Tuy khó khăn cực khổ như vậy nhưng tinh thần Cách mạng của mọi người vẫn lên rất cao, luôn tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Bác Hồ, của Chính phủ và vẫn một niềm tin cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp sẽ thành công. Do vậy tình hình hoạt động in tiền của nhà máy vẫn đều đặn và luôn chạy cả 3 ca. Nhiều lúc máy nổ hỏng, anh em công nhân thay nhau quay tay cái máy in lớn, tuy rất mệt nhọc nhưng vẫn vui vẻ, lạc quan.

Việc ra vào An toàn Khu của các đoàn diễn ra hàng ngày, có đoàn vào tiếp tế nguyên vật liệu và khi ra chở các thùng giấy bạc đã in xong và đã được niêm, nhằm bảo vệ áp tải đến các cơ quan phát hành theo lệnh của cấp trên.

Tình hình hoạt động tại nhà máy in tiền Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ

diễn ra hăng say, quên cả ngày nghỉ. Tết năm Kỷ Sửu 1949 toàn nhà máy chỉ nghỉ một buổi chiều 30, sáng mừng 1 lại rộn ràng hoạt động để sản xuất ra những đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ phục vụ kịp thời cho công cuộc kháng chiến mau chóng đi đến ngày thắng lợi.

Trên chiến trường địch càng thua đau, chúng càng điên cuồng đánh phá, oanh tạc phá hoại vùng tự do. Trên bầu trời An toàn Khu và các vùng lân cận, máy bay địch tăng cường thám thính. Mặc dầu nhà xưởng đã núp kín dưới các lùm cây cao rậm rạp, nhưng quan điểm của Ban giám đốc là không được chủ quan, vì vậy cho tổ chức một phân xưởng vào sâu hơn nữa trong rừng, đến gần dốc Trí để đảm bảo an toàn.

Điều đặc biệt là cơ quan Ấn loát Tài chính Trung Bộ không chỉ quan tâm chăm lo đến việc sản xuất in ra thật nhiều tiền cho Cách mạng, mà còn thường xuyên quan tâm chăm lo đến các hoạt động khác nhất là việc xây

dựng các tổ chức Đảng, Đoàn thể và giáo dục nâng cao nhận thức Cách mạng cho đội ngũ công nhân. Do đó các tổ chức Đảng, Đoàn thể của cơ quan Ấn loát Tài chính miền Trung được tổ chức và hoạt động rất tốt, xây dựng được sự đoàn kết, sự đồng thuận và không khí vui tươi phấn khởi trong lực lượng cán bộ công nhân viên trong cơ quan Ấn loát.

Về chi bộ Đảng: Thời kỳ đầu tổ chức Đảng của cơ quan Ấn loát Tài chính Trung Bộ là một bộ phận trong Đảng bộ An toàn Khu 2 do đồng chí Trần Quang Đạt làm Bí thư. Đồng chí Đạt và các đồng chí trong Đảng bộ An toàn Khu 2 đã tổ chức tuyên truyền vận động và tổ chức các lớp học nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê nin cho cán bộ cơ quan Ấn loát, đồng thời giúp đỡ những cán bộ ưu tú tìm hiểu về Đảng và hướng dẫn hướng phấn đấu để trở thành Đảng viên của Đảng. Các đồng chí Lê Trọng Cự, Nguyễn Thực, Nguyễn Mai, Trần Quốc Dụ, Nguyễn Hữu Thân là những người đầu tiên của

Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ được kết nạp Đảng. Về sau, số Đảng viên được kết nạp đông thêm, Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ được thành lập Chi bộ riêng trực thuộc Liên chi Đảng bộ cơ xưởng Liên khu IV (gọi tắt là Liên chi 2, Hà Tĩnh). Đây là một Đảng bộ gồm các chi bộ Quân giới Liên khu IV và các chi bộ thuộc Tài chính Trung Bộ ở Hà Tĩnh. Nhiều đồng chí như Ứng Trí, Đinh Bảy, Trần Quang Đạt, Nguyễn Văn Chung, Nguyễn Chín, Nguyễn Văn Quế, Bùi Niêm, Dương Phùng, Nguyễn Hữu Thận, Đặng Đình Cẩm là những cán bộ từng gắn bó với Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ).

Cuối năm 1949 đồng chí Nguyễn Hữu Thân được cử làm Bí thư chi bộ Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ. Sang đầu năm 1951 đồng chí Thân được cấp trên điều động chuyển công tác, đồng chí Hà Huy Từ thay thế làm Bí thư.

Chi bộ luôn quan tâm lãnh đạo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, chăm lo đến hoạt động sản xuất và đời sống,

trao đổi bồi dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lê nin cho anh em cán bộ công nhân viên trong cơ quan Ấn loát, đồng thời luôn quan tâm bồi dưỡng giúp đỡ các cán bộ công nhân tìm hiểu và phấn đấu trở thành Đảng viên. Chính vì vậy nhiều cán bộ công nhân của Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ đã được kết nạp trở thành Đảng viên làm cho Chi bộ ngày càng đông thêm, đảm bảo đủ sức lãnh đạo cơ quan Ấn loát hoàn thành nhiệm vụ được cấp trên giao cho.

Về tổ chức công đoàn, cũng được tổ chức và từng bước được củng cố kiện toàn đi vào hoạt động nề nếp, ổn định và rất sôi nổi. Hoạt động công đoàn chủ yếu là chăm lo đời sống vật chất tinh thần của cán bộ công nhân viên, lo việc học tập văn hóa bồi dưỡng nghiệp vụ và động viên khuyến khích đoàn viên hăng hái thi đua phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Thời kỳ đầu tổ chức công đoàn của Sở Ấn loát do đồng chí Phạm Xuân làm thư ký, sau đó là đồng chí Hà Huế thay

thế. Các đồng chí Ngô Văn, Cao Trọng, Hà Văn Mai và một số đồng chí trong Ban giám đốc Sở Ấn loát cùng tham gia Ban chấp hành công đoàn.

Ủy ban xí nghiệp dưới sự lãnh đạo của Công đoàn và sự chỉ đạo nghiệp vụ của Ty lao động tỉnh là một tổ chức tự quản được ra đời trong cao trào sản xuất và cải thiện đời sống cán bộ công nhân viên. Thư ký là đồng chí Phạm Xuân (do bên công đoàn cử sang) và đồng chí Lê Đình Hanh (trong Ban giám đốc) làm phó thư ký.

Nhiều phong trào được nảy nở từ tổ chức công đoàn và Ủy ban xí nghiệp như phong trào thi đua phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, phong trào chăn nuôi và sản xuất rau màu để cải thiện đời sống, phong trào học nghề, học bổ túc văn hóa, hoạt động văn nghệ... đã tạo nên một không khí thi đua sôi nổi, đã làm cho đời sống tinh thần trở nên vui tươi lành mạnh mặc dù trong điều kiện sinh hoạt vật chất còn nhiều kham khổ, khó khăn...

Ngoài các tổ chức trên, cơ quan Ấn loát còn tổ chức đội bảo vệ xí nghiệp để sát cánh cùng Trung đội tự vệ thực hiện nhiệm vụ canh gác, bảo đảm giữ gìn sự yên lành và an toàn cho sản xuất cũng như đời sống sinh hoạt của cơ quan.

Giữa năm 1949, mọi hoạt động của Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ đang trên đà phát triển tốt thì tình hình phát sinh những khó khăn mới. Nhu cầu về tiền cần phải in nhanh, in nhiều để đáp ứng cho công cuộc kháng chiến nhưng việc tiếp tế nguyên vật liệu lại bị trở ngại lớn nhất là mực in, giấy in, khuôn mẫu... đều thiếu do địch bao vây kinh tế vùng tự do và giáp ranh, chúng ta không còn mua được mực ngoại như trước, trong khi xưởng giấy Đồng Minh bị đánh phá, sản xuất bị ngừng trệ không tiếp tế đủ giấy như trước đây, còn khuôn mẫu thì bào mòn, chữ số lu mờ, nhưng Trung ương cung cấp không kịp. Trong kho dự trữ mọi thứ cạn dần mà nhu cầu lại thôi thúc phải sản xuất ra được nhiều tiền và càng nhanh càng tốt.

Trước tình hình khó khăn như vậy nhưng không thể để việc in tiền bị ngừng trệ, một mặt Ban giám đốc báo cáo lên cấp trên đề nghị hỗ trợ giúp đỡ, một mặt cùng với chi bộ, công đoàn hạ quyết tâm tìm biện pháp tháo gỡ, trước hết là phát động phong trào phát huy sáng kiến cải tiến, khắc phục khó khăn một cách mạnh mẽ, quyết liệt hơn. Khẩu hiệu “Thi đua là yêu nước, yêu nước phải thi đua” dán khắp xưởng. Mỗi máy in đều có định mức tiêu hao nguyên vật liệu, nhất là giấy, mực in, chống in bản, in hỏng... Mỗi máy còn mang một tên riêng như: Thành công, Quyết chiến, Quyết thắng, Thắng lợi... để thúc đẩy nhau quyết tâm phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Anh em công nhân mới và cũ gắn bó với nhau, hỗ trợ giúp đỡ nhau rèn luyện tay nghề, nâng cao nghiệp vụ. Trong phong trào cải tiến kỹ thuật đã có nhiều gương tốt khắc phục khó khăn để chống in lỏ, không đều như vượt mề, mịn heo lỏ... Để có khuôn mẫu và chữ số in sắc nét hơn, anh em có sáng kiến dùng giấy phơi luya mỏng làm

... Xưởng giấy Đông Minh không những cung cấp giấy cho nhà máy in tiền ở Chi Nê - Hòa Bình mà còn là nơi cung cấp giấy cho cơ quan Ấn loát Tài chính miền Trung để in tiền trong suốt cả thời kỳ dài từ khi nhà máy in tiền còn đặt tại Phố Huế cho đến khi chuyển qua Hiền Sỹ và đến hai địa điểm mới tại huyện Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh...

“flan”, tự làm “matrice”, “cliché”, đúc chữ số có chân, khắc sâu thêm đường nét các bản kẽm..., nhờ vậy mà có đủ khuôn in, đảm bảo các loại tiền mệnh giá 10 đồng, 20 đồng, 50 đồng vẫn được in ra đều đều, đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Trong khi đó những khó khăn về

mực và giấy cũng được cấp trên quan tâm giải quyết. Đồng chí Nguyễn Văn Tấn tại thời điểm đó là Đại diện Bộ trưởng Tài chính ở Trung Bộ lại vừa là Trưởng Ban phụ trách Ủy ban cơ xưởng kháng chiến Liên khu IV đã có chỉ thị cho phòng thí nghiệm Chu Lễ và giáo sư Phạm Đình Ái nghiên cứu thành công loại mực in có thể thay thế



mực in ngoại.

Phòng thí nghiệm Chu Lễ có các thiết bị hóa chất và nhiều sách, tài liệu quý được mang ra từ trường trung học Khải Định - Huế trong đó có 2 cuốn: Từ điển hóa học thuần túy và thực hành (Dictionnaire de Chimie pure et appliquee của Wurtz) và Từ điển Kỹ thuật và công nghiệp (Dictionnaire de Arts et Manufactures) xuất bản ở Pháp vào thế kỷ 18 - đầu thế kỷ 20 nên trong hoàn cảnh kháng chiến, chúng ta có thể tham khảo ứng dụng để nghiên cứu sản xuất mực in.

Phòng thí nghiệm lại có đủ các loại hóa chất và các thiết bị để làm thí nghiệm, lại được sự lãnh đạo và hướng dẫn của một vị giáo sư dày dặn kinh nghiệm về lĩnh vực hóa học là Phạm Đình Ái. Qua nghiên cứu, phòng thí nghiệm Chu Lễ đã điều chế được các màu cơ bản, cơ quan Ấn loát Tài chính Trung Bộ đã tiến hành khẩn trương xây dựng cơ sở sản xuất ở xã Bồng Giang, huyện Hương Khê.

Từ thành công trong phòng thí nghiệm đến áp dụng vào sản xuất hàng loạt phải giải quyết hàng loạt các vấn đề phức tạp khác. May mắn là giáo sư Phạm Đình Ái đã nghiên cứu, điều chế, sản xuất được axit Sunfuru, tạo điều kiện thuận lợi để cơ sở sản xuất mực in xây dựng một phòng chì nhỏ ở chợ Bồng, xã Bồng Giang để làm thiết bị sản xuất axit nitric điều chế nitrat chì làm màu vàng, xây lò phản xạ bằng gạch chịu lửa để sản xuất Cácbonát Kali, làm lò nung sừng trâu để sản xuất ferôxianuya đồng làm màu xanh nước biển...

Trong quá trình sản xuất mực in, nhiều việc phát sinh không lường trước được nên phải vừa làm vừa xử lý, từng bước tháo gỡ dần những khó khăn phát sinh, cụ thể như:

Khi sản xuất chất màu xanh lá cây, phải trộn đều bột sinh và bi-crô-nát kali rồi đốt. Sau vài tuần, các cây cọ xung quanh nhà xanh, dày lá thế bỗng ngả màu trắng bạc, rất dễ bị lộ và ảnh

hường đến môi trường sống của cây cối và con người, nên phải cấp tốc đưa ra các đôi trục xa để đốt cho khỏi ảnh hưởng đến môi trường cây cối và sức khỏe của cán bộ công nhân.

Việc lấy hèo sừng trâu (phế liệu của các cơ sở sản xuất bút máy, tiện sừng trâu làm thân và nắp bút) để làm ferôxianuya, tằm của dân nuôi xung quanh bị chết cả, công nhân cơ sở sản xuất mực in đã phải cấp tốc di chuyển bộ phận này tới điểm khác cách xa nơi dân đang ở.

Khi đã có chất màu, cơ sở sản xuất đã nghiền mịn, cho trộn đều với dầu trấu đã luyện cho mau khô để làm mực in. Có loại trộn không nhuyễn phải trà kỹ trên kính dày để tạo nên hỗn hợp bột mịn mà xưởng in có thể chấp nhận được mới thôi.

Như vậy, việc sản xuất mực in để in trong thời điểm công cuộc kháng chiến còn thiếu thốn đủ bề là một kỳ công lớn của cán bộ công nhân Sở Ấn

loát Tài chính Trung Bộ, trong đó có nhiều người như giáo sư Phạm Đình Ái và nhiều người cán bộ để tìm ra phương pháp điều chế, sản xuất mực in tại chỗ thay thế mực in ngoại, phục vụ kịp thời cho công cuộc Cách mạng. Chính nhờ đó mà cơ quan Ấn loát Tài chính Trung Bộ đã có nguyên liệu đảm bảo cho việc kịp thời in ra những đồng tiền tài chính - giấy bạc Cụ Hồ đã được cấp trên và Chính phủ Cách mạng giao cho.

Cùng đồng thời với việc giải quyết mực in là việc sản xuất giấy để phục vụ in tiền. Từ đầu năm 1947, lãnh đạo Nha Tài chính Trung Bộ mà cụ thể là đồng chí Nguyễn Văn Tấn đã giao cho đồng chí Hoàng Văn Chi xây dựng xưởng giấy Đồng Minh ở Thanh Hóa.

Xưởng giấy Đồng Minh không những cung cấp giấy cho nhà máy in tiền ở Chi Nê - Hòa Bình mà còn là nơi cung cấp giấy cho cơ quan Ấn loát Tài chính miền Trung để in tiền trong suốt cả thời kỳ dài từ khi nhà máy in tiền còn

đặt tại Phố Huế cho đến khi chuyển qua Hiến Sỹ và đến hai địa điểm mới tại huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại địa điểm sản xuất giấy, anh em cán bộ công nhân viên Xưởng giấy Đồng Minh đã có nhiều sáng kiến như lợi dụng điểm xuống cấp của dòng nước Bái Thượng - Thọ Xuân - Thanh Hóa về để lắp một máy thủy điện nhỏ, công suất 20 Kw trên dòng chảy để lấy điện phục vụ việc xay nguyên liệu làm bột giấy. Nhờ vậy khi nhà máy in tiền của cơ quan Ấn loát Tài chính Trung Bộ chuyển từ Thừa Thiên ra Hương Sơn - Hà Tĩnh và bắt đầu đi vào hoạt động đã có đủ giấy ngay để thực hiện nhiệm vụ in tiền.

Khi địch đánh phá ác liệt khu IV và lăm le đổ bộ vào Thanh Hóa, Nha Tài chính Trung Bộ đã kịp thời cho xây dựng ngay xưởng giấy Đồng Quang vào khoảng cuối năm 1949 ở xã Tân Mỹ, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Một trong những sáng kiến và cũng

được coi là kỳ công của cán bộ, công nhân xưởng giấy Đồng Quang lúc đó là đã tìm cách đưa được một máy Lô cô (đầu tàu hỏa) công kênh và nặng nề từ ga Sa Lung cách xa hàng trăm cây số để phục vụ cho công việc sản xuất bột giấy. Điều này nói lên trong khó khăn gian khổ nhưng với tinh thần ý chí Cách mạng, cán bộ công nhân của chúng ta vốn hết sức năng động, sáng tạo vượt qua mọi khó khăn, thách thức để quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Do thiếu phương tiện, thiết bị máy móc và kỹ thuật, sản xuất bột giấy ở Xưởng giấy Đồng Quang không bằng Xưởng giấy Đồng Minh nên giấy sản xuất ra chưa thực sự mịn bằng giấy sản xuất ở xưởng giấy Đồng Minh, nhưng vẫn đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật như độ dai, bền và vẫn giữ nguyên ngôi sao chìm của giấy in bạc.

Xưởng giấy Đồng Quang đã giải quyết kịp thời nhu cầu giấy tại chỗ cho Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ để in bạc,

nhờ đó mà nguyên liệu giấy không còn phải lo chờ Trung ương chi viện như những năm trước đây. Đó là một thắng lợi hết sức to lớn của Nha Ấn loát Sở Tài chính Trung Bộ và là thành tích đáng được ghi nhận đối với cán bộ công nhân viên của xưởng giấy Đồng Quang, trong đó có đồng chí Trương Thất Mưu được phân công phụ trách thời kỳ ban đầu và tiếp đó là đồng chí Nguyễn Bá.

Như vậy, suốt trong thời kỳ dài từ sau khi Cách mạng Tháng 8 năm 1945 thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa cho đến khi thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam năm 1951, cùng với các cơ quan Ấn loát Tài chính trong cả nước, cơ quan Ấn loát Tài chính Trung Bộ đã vượt qua bao khó khăn gian khổ và sự chống phá của kẻ địch, đã xây dựng và tổ chức thành công nhà máy in để in ra những đồng tiền tài chính - giấy bạc Cự Hồ của một quốc gia độc lập để phục vụ kịp thời nhu cầu tài chính cho chính phủ Cách mạng, góp phần

xây dựng một nền kinh tế - tài chính tiền tệ độc lập, tự chủ và làm công cụ, phương tiện, vũ khí sắc bén để đấu tranh trên mặt trận kinh tế - xã hội, tài chính tiền tệ với thực dân Pháp và các thế lực phản động, thực hiện thắng lợi công cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp.

Việc ra đời Cơ quan Ấn loát Tài chính Trung Bộ và quá trình hy sinh gian khổ, đầy sáng tạo để xây dựng, vận hành nhà máy trong sự phong tỏa, đánh phá ác liệt của kẻ thù để in ra những đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cự Hồ là một kỳ tích và mốc son lịch sử của dân tộc nói chung và của ngành Tài chính nói riêng, mãi mãi còn ghi sâu trong tâm khảm của mọi người dân Việt Nam.

PHÁT HÀNH ĐỒNG TIỀN TÀI CHÍNH TẠI TRUNG BỘ

AA iền Trung - sau Cách mạng Tháng 8, nhiều tỉnh, nhất là ở Quảng Ngãi, hệ thống chính quyền Cách mạng được thành lập từ tỉnh đến cơ sở. Từ cuối năm 1946, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp diễn ra trong cả nước. Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Trung Bộ ra đời, đặt tại thị trấn chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Nhân dân miền Trung nói chung và Quảng Ngãi nói riêng đã hết lòng nhiệt tình ủng hộ Chính phủ Cách mạng, tham gia đóng góp tiền bạc, của cải, đóng góp công sức để xây dựng và bảo vệ chính quyền Cách mạng, giúp cho chính quyền các cấp có đủ nguồn

tài chính để hoạt động, chỉ đạo công cuộc kháng chiến trong toàn miền Trung. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, Ủy ban Kháng chiến Hành chính miền Trung đã chỉ đạo các tỉnh phát triển thực lực cách mạng, xây dựng các lực lượng vũ trang, rèn đúc vũ khí, chuẩn bị mọi mặt tạo đủ nguồn lực sức người, sức của để kháng chiến lâu dài.

Việc xây dựng lực lượng vũ trang Cách mạng và công tác hậu cần có sự đóng góp rất lớn của các tầng lớp nhân dân thông qua các hình thức tự nguyện ủng hộ Cách mạng.

Tháng 11/1945, nạn đói xảy ra ở một

số tỉnh miền Trung nhất là tỉnh Quảng Ngãi, một số huyện miền núi như Ba Tơ, Trà Bồng và một số huyện miền biển như Bình Sơn, Sơn Tịnh, Đức Phổ. Tỉnh ủy, Mặt trận Việt Minh Quảng Ngãi thành lập “Ban cứu đói” phát động nhân dân tiết kiệm lương thực, giúp đỡ nhau theo tinh thần “lá lành đùm lá rách”. Chỉ trong ngày đầu tiên phát động, nguồn tài chính đã thu được 126.142 đồng và 70 tấn gạo.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đến tháng 10/1945 nhân dân Quảng Ngãi đã tích cực tham gia phong trào “Hũ gạo tiết kiệm” để cứu đói đồng bào miền Bắc. “Tuần lễ vàng” xây nền độc lập đã thu được 52.930 kg vàng. Đồng thời, Hợp tác xã nhân dân ở Quảng Ngãi được thành lập, thời kỳ ban đầu đã có 8.000 cổ phiếu với số vốn là 1.500.000 đồng.

Năm 1947, Ủy ban Hành chính các cấp ở miền Trung được đổi tên là Ủy ban Kháng chiến Hành chính cho phù hợp với tình hình kháng chiến chống thực

dân Pháp trong giai đoạn này. Ở cấp tỉnh có thêm các bộ phận chuyên môn phụ trách kinh tế, tài chính như: Ty kinh tế, Ty Tài chính, Ty Thực địa (phụ trách thuế quan trực thu và địa chính) và Ty Công thương. Đến năm 1952 có thêm Ban Thuế nông nghiệp.

Có thể nói tình hình miền Trung, các cấp chính quyền được củng cố kiện toàn để lãnh đạo chỉ đạo thực hiện công cuộc kháng chiến được làm hết sức tích cực, khẩn trương và chặt chẽ theo đúng tinh thần lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ Cách mạng. Còn nhân dân, tinh thần Cách mạng lên rất cao, luôn sẵn sàng ủng hộ sức người, sức của cho công cuộc kháng chiến. Đây chính là điều kiện vô cùng thuận lợi để Đảng và Chính phủ Cách mạng thực hiện các chính sách về lĩnh vực tài chính tiền tệ.

Chính vì những điều kiện như vậy, Đảng và Chính Phủ đã quyết định, Đồng tiền Tài chính - Giấy bạc Cụ Hồ

QUỐC ĐẠI BIỂU
ĐẠI HỘI

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA 023
ĐỘC LẬP — TỰ DO — HẠNH PHÚC

Số 898-Q.H.T.

HÀ-NỘI

ngày 12 tháng 8 1946

Tài chính

THƯỜNG BAN THƯỜNG TRỰC QUỐC HỘI
KINH QUẢN
CỤ CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ VIỆT-NAM

HÀ-NỘI

Thưa Cụ Chủ-Tịch,

Kính phúc công-văn số 511-VP/CT
ngày 8-8-46

Chúng tôi xin kính-trình Cụ
Chủ-Tịch rõ rằng trong phiên-họp ngày
8-8-46, Ban Thường-Trực Quốc-Hội
đã tán-thành ban dự-án 'sắc-lệnh' cho
phát-hành đồng-bạc giấy Việt-Nam tại
miền Bắc Trung-Bộ từ vi-tuyến tiền
16 trở lên.

Kính trân-trọng kính chào Cụ
Chủ-Tịch./.



Ngay kính

Nguyễn Văn Tô

Nguyễn-Văn-Tô

Công văn của Quốc hội ngày 12/8/1946 ủng hộ Chính phủ
phát hành tiền tại Bắc Trung Bộ

được in ra ở Bắc Bộ, nhưng việc phát hành tiền giấy này lại được phát hành đầu tiên ở Trung Bộ.

Ngày 31/01/1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh số 18/B phát hành đồng giấy bạc Việt Nam tại miền Nam Trung Bộ từ vĩ tuyến 16 về Nam (Công báo 1946 - trang 46; 110; 333 và 502). Việc phát hành đồng giấy bạc Việt Nam do Ủy ban Hành chính Trung Bộ tổ chức và điều khiển. Đây là một quyết định được Bác Hồ và Chính phủ cân nhắc kỹ bởi hai lý do:

Một là, quân đội ngoại quốc thời điểm này vốn còn hiện diện ở Bắc Bộ và vẫn đang dùng các đồng tiền do quốc gia họ phát hành, kể cả đồng tiền Đông Dương để lũng đoạn nền kinh tế tài chính và chống phá ta, do vậy nếu Chính phủ phát hành đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ ở Bắc Bộ tại thời điểm này chắc chắn kẻ địch sẽ gây nhiều khó khăn và sẽ không đảm bảo việc phát hành tiền của chúng ta đạt được thành công mặc dù các tầng lớp

nhân dân ở Bắc Bộ luôn tin tưởng ở Bác Hồ và Chính phủ Cách mạng, sẵn sàng đón nhận đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ của Chính phủ Cách mạng phát hành.

Hai là, trong thời điểm này khu vực Trung Bộ không còn quân đội ngoại quốc, chính quyền Cách mạng hoàn toàn làm chủ, nhân dân hăng hái quyết tâm một lòng bảo vệ nền độc lập tự do vừa giành được. Do đó việc phát hành tiền tại khu vực Trung Bộ có nhiều thuận lợi, chúng ta hoàn toàn chủ động và không bị kẻ địch làm khó dễ hoặc tìm cách chống phá, cho nên sẽ đảm bảo việc phát hành đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ sẽ đạt được thành công lớn.

Ngày 3/2/1946, tức ngày Mùng 2 tết năm Bính Tuất, ở hầu hết các tỉnh miền Nam Trung Bộ, các tờ bạc Việt Nam mệnh giá 5 đồng, 10 đồng, 20 đồng, 100 đồng... được in tại các nhà in miền Bắc và các tờ bạc Việt Nam có các mệnh giá khác nhau được in tại các

nhà in Trung Bộ đã được phát hành trước sự chào đón và hoan nghênh nhiệt liệt của đông đảo nhân dân bằng các cuộc mít-tin rầm rộ để ủng hộ và đón chờ Chính phủ phát hành tờ giấy bạc Việt Nam.

Những tờ bạc Việt Nam được phát hành tuy hình thức chưa thật đẹp, giấy chưa thật tốt, nhưng nhân dân nô nức mang tiền Đông Dương ra đổi, vì tờ bạc Việt Nam có in hình Cụ Hồ, vị cha

già dân tộc là biểu tượng của nền độc lập, tự do và chủ quyền quốc gia thiêng liêng của Tổ Quốc Việt Nam.

Do trên tờ giấy bạc có in hình Cụ Hồ nên nhân dân thường gọi nôm na là giấy bạc Cụ Hồ và do Bộ Tài chính in và phát hành nên cũng được gọi là giấy bạc Tài chính. Chính vì vậy giấy bạc Việt Nam có tên gọi là đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ cũng chính bắt nguồn từ lòng tin tưởng yêu mến của



Giấy bạc 10 đồng phát hành tại Trung Bộ

nhân dân ngay từ khi phát hành tại các tỉnh miền Trung.

Theo quy định, một đồng bạc Đông Dương được đổi 1 đồng bạc Việt Nam, nhưng nhiều người dân ở miền Trung tin tưởng và ủng hộ Cách mạng nên tự nguyện xin đổi 1,3 đồng tiền Đông Dương lấy 1 đồng tiền Việt Nam. Điều này cho thấy tinh thần ủng hộ của nhân dân miền Trung đối với Chính phủ Cách mạng lên rất cao, đây là yếu tố quyết định sự thành công của việc phát hành đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ ở Trung Bộ và cũng khẳng định chủ trương của Bác Hồ và Chính phủ Cách mạng về việc phát hành đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ ở miền Trung sớm nhất trong cả nước là hoàn toàn đúng đắn.

Việc phát hành đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ thời kỳ ban đầu tuy mới chỉ trong phạm vi ở miền Nam Trung Bộ nhưng bắt đầu từ thời điểm này được coi là một mốc son lịch sử, đồng tiền Việt Nam do Nhà nước Việt

... Những tờ bạc Việt Nam được phát hành tuy hình thức chưa thật đẹp, giấy chưa thật tốt, nhưng nhân dân nô nức mang tiền Đông Dương ra đổi, vì tờ bạc Việt Nam có in hình Cụ Hồ, vị cha già dân tộc là biểu tượng của nền độc lập, tự do và chủ quyền quốc gia thiêng liêng của Tổ Quốc Việt Nam...

Nam độc lập chính thức phát hành trên lãnh thổ Việt Nam, đánh dấu sự chấm hết quá trình lệ thuộc hoàn toàn vào đồng tiền Đông Dương do Thực dân Pháp phát hành qua gần 1 thế kỷ. Một lần nữa khẳng định tính độc lập, tự chủ về kinh tế - tài chính - tiền tệ của một quốc gia độc lập.

Quá trình phát hành đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cự Hồ được chuẩn bị chu đáo và làm có trọng tâm trọng điểm để rút kinh nghiệm và thăm dò sự đón nhận của các tầng lớp nhân dân. Trước sự thắng lợi không ngờ khi phát hành đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cự Hồ tại các tỉnh miền Trung là điều kiện thuận lợi để Chính phủ chuẩn bị phát hành tiếp các đợt sau này các khu vực trong cả nước.

Đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cự Hồ phát hành ở miền Nam Trung Bộ đã có tác dụng, ảnh hưởng nhiều mặt đối với toàn bộ đất nước. Người dân của cả nước khi nghe tin Chính phủ phát hành tiền Việt Nam đã vô cùng

hào hứng, tự hào vì từ nay đất nước Việt Nam có đồng tiền riêng của một quốc gia độc lập và chờ đón một ngày nào đó Chính phủ phát hành tiền Việt Nam đến địa phương mình để được cầm trong tay và được sử dụng đồng tiền này.

Mặt khác, qua thu đổi khi phát hành, chúng ta tập trung được một lượng lớn tiền Đông Dương để Chính phủ sử dụng chi cho các mục đích quốc gia tại các tỉnh Bắc Bộ và Nam Bộ, góp phần làm giảm áp lực ngân sách. Đồng thời, do các tỉnh miền Trung việc thông thương đi lại và giao lưu hàng hóa có nhiều thuận lợi, nên đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cự Hồ ở các vùng tự do qua quá trình lưu thông hàng hóa đã phát triển ra cả các tỉnh miền Bắc và miền Trung.

Tình hình quan hệ giữa ta và Pháp trong thời điểm cuối năm 1946 đã trở nên căng thẳng, thực dân Pháp đã xé bỏ trong thực tế những gì đã ký với Chính phủ ta, cho nên Quốc hội

18/6/46

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ LÂM THỜI

Xét sự cần thiết phát hành đồng bạc giấy Việt-Nam để làm nền tảng cho nền tài chính quốc gia ở chỗ nào có đủ điều kiện phát hành; Chiếu lời yêu cầu của Ủy-Ban Hành-Chính Trung-Bộ và lời đề nghị của Bộ Trưởng bộ Tài Chính, sau khi hỏi đồng Chính-Phủ đồng ý;

RA SẮC LỆNH :

Điều thu nhất.- Tại miền Nam Trung-Bộ từ vĩ tuyến 16 về Nam sẽ phát hành đồng bạc giấy Việt-Nam.

Điều thu hai.- Việc phát hành đồng bạc giấy Việt-Nam do Ủy-Ban Hành-Chính Trung-Bộ tổ chức và điều khiển.

Điều thu ba.- Kẻ nào làm giả hay có hành động phá hoại giá trị của đồng bạc giấy Việt-Nam sẽ bị đưa ra tòa án quân sự.

Điều thu tư.- Bộ Trưởng bộ Tài-Chính, Bộ Trưởng bộ Nội-Vu, Bộ Trưởng bộ Tư-Pháp và Ủy-ban Hành-Chính Trung-Bộ chịu trách nhiệm thi hành sắc lệnh này./.

Hanoi, ngày 31 tháng 1 năm 1946
CHỦ TỊCH CHÍNH-PHỦ VIỆT-NAM DÂN-CHỦ CÔNG-HOÀ

P.V. Dour

Bản sao
TTLTQG III

Hồ Chí Minh
CHỦ-TỊCH
CỘNG-HÒA VIỆT-NAM
LÂM-THỜI

a.

Sắc lệnh 18 cho phép UBHC Trung Bộ
phát hành tiền Tài chính Việt Nam

Khóa I trong kỳ họp ngày 3/11/1946 đã biểu quyết cho lưu hành giấy bạc Việt Nam trong cả nước. Đó là một quyết định kiên quyết và kịp thời vì chỉ hơn một tháng sau, ngày 19/12/1946 cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp bùng nổ trong cả nước.

Bước sang năm 1947, tình hình giao thông giữa các miền bị địch chia cắt, việc đi lại gặp nhiều khó khăn, cho nên việc vận chuyển đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ in ở Bắc Bộ vào miền trung phát hành gặp nhiều khó khăn, trắc trở, do vậy, ngân sách chi tiêu và lưu thông hàng hóa không còn thuận lợi như trước. Mặt khác, trong thời điểm này bọn địch cũng tìm mọi âm mưu, thủ đoạn để phá hoại đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ, hòng làm suy yếu nền kinh tế tài chính - tiền tệ của chúng ta ở miền Trung. Đứng trước tình hình đó và để phát huy tại chỗ những nhà in của miền Trung, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành Sắc lệnh số 231/SL này 18/7/1947 trong đó quy định nội dung cụ thể như sau:

Điều 1: Nay cho phép phát hành tại Nam phần Trung Bộ những “Tín phiếu” sau này có giá trị như giấy bạc Việt Nam:

| | |
|-----------|----------|
| Tín phiếu | 1 đồng |
| Tín phiếu | 5 đồng |
| Tín phiếu | 10 đồng |
| Tín phiếu | 20 đồng |
| Tín phiếu | 50 đồng |
| Tín phiếu | 100 đồng |
| Tín phiếu | 500 đồng |

Điều 2: Những “Tín phiếu” kể trên sẽ chiếu theo nguyên giá đổi lấy giấy bạc Việt Nam.

Điều 3: Tổng số giá trị những “Tín phiếu” được phát hành theo Điều 1 Sắc lệnh này không được quá 100 triệu.

Điều 4: Những “Tín phiếu” ấy được phép lưu hành như giấy bạc Việt Nam...

Xưởng in Tín phiếu ở miền Trung được đặt tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, sau đó được chuyển về Nghĩa

Số 231 SLm.

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

180

Độc-lập-Tự-do-Hạnh-Phúc

QUỐC TỊCH CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

- Xét tình thế hiện tại.
- Theo lời đề nghị của Ông Bộ trưởng Bộ Tài chính,
- Sau khi Ban Thường trực Quốc Hội và Hội Đồng Chính Phủ đã thỏa thuận,

RA SẮC LỆNH :

ĐIỀU 1.- Nay cho phép phát hành tại Nam phần Trung bộ những "Tín phiếu" sau đây có giá trị như giấy bạc Việt Nam :

| | |
|-------------|----------|
| Tín phiếu : | 1 đồng |
| - | 5 đồng |
| - | 10 đồng |
| - | 20 đồng |
| - | 50 đồng |
| - | 100 đồng |
| - | 500 đồng |

ĐIỀU 2.- Những "Tín phiếu" kể trên sẽ chiếu nguyên giá đổi lấy giấy bạc Việt Nam.

ĐIỀU 3.- Tổng số giá trị những "Tín phiếu" được phát hành theo ĐIỀU 1 sắc lệnh này không được quá một triệu triệu.

ĐIỀU 4.- Những "Tín phiếu" ấy được phép lưu hành như giấy bạc Việt Nam.

ĐIỀU 5.- Người nào có hành động phá hoại giá trị những "Tín phiếu" ấy sẽ bị truy tố trước Tòa án quân sự.

ĐIỀU 6.- Một nghị định của Bộ phái viên Chính phủ tại miền Nam sẽ ấn định những chi tiết thi hành sắc lệnh này.

ĐIỀU 7.- Các Ông Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Nội Vụ, và Chủ tịch Ủy Ban hành chính Trung bộ chiếu sắc lệnh thi hành.

Ngày 18 tháng 7 năm 1947
QUỐC TỊCH CHÍNH PHỦ VIỆT NAM

**Bản sao
TTLTQG III**

Đỗ Chí Hưng

Tiếp ký :

Bộ trưởng Bộ Tài chính Bộ trưởng Bộ Nội Vụ

Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Như vậy, tại các tỉnh Nam Trung Bộ cùng đồng thời lưu hành hai loại tiền do Chính phủ Cách mạng phát hành là đồng tiền tài chính - giấy bạc Cụ Hồ và đồng tiền Đông Dương do Ngân hàng Đông Dương phát hành.

Cùng với đó, việc phát hành Tín phiếu ở Nam Trung Bộ đã tăng thêm nguồn lực tài chính UBKCHC các tỉnh trong khu vực để chi cho các nhu cầu phục vụ công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng thời giúp đỡ phát triển sản xuất kinh doanh, lưu thông hàng hóa và xây dựng một nền kinh tế tự cung tự cấp. Ngoài ra còn có tác dụng chống lại sự phá hoại của kẻ địch đối với đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ. Trên thực tế, dần dần đồng tiền Tín phiếu đã thay thế đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ trong đời sống xã hội và lưu thông hàng hóa thông qua thu đổi đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ bằng Tín phiếu.

Sau Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương, Quảng Ngãi nằm trong vùng 300 ngày do Chính quyền Cách mạng quản lý. Ngân hàng Quảng Ngãi đã tổ chức thu hồi toàn bộ Tín phiếu và hoàn thành cùng với việc chuyển quân tập kết ra Bắc và một số tỉnh miền Trung. Tín phiếu phát hành ở Nam Trung Bộ mang ra Bắc được đổi tiền Ngân hàng quốc gia theo tỷ giá 1/5 (1 đồng ngân hàng quốc gia bằng 5 đồng tín phiếu).

Trong công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, các tỉnh Nam Trung Bộ nói chung và Quảng Ngãi nói riêng đã luôn tin tưởng và ủng hộ chính quyền Cách mạng, đóng góp tài chính phục vụ cho công cuộc kháng chiến. Thông qua UBKCHC và Mặt trận Việt Minh tỉnh, Tỉnh ủy đã phát động trong toàn tỉnh phong trào lập các quỹ ủng hộ kháng chiến với nhiều hình thức khác nhau, hết sức phong phú và đã thu được nhiều kết quả tốt. Hai năm 1947 - 1948 nhân dân đã góp vào các quỹ 6.546.981 đồng Tín phiếu, 36.356 ang gạo; đóng góp nuôi bộ đội, dân quân 83.739.800

đồng và 1.505.000 ang lúa, 140 mẫu ruộng; quỹ Đồng tâm kháng chiến 700.834 đồng. Để có thể bảo vệ vững chắc vùng tự do Quảng Ngãi, Tỉnh ủy đã vận động nhân dân đóng góp tiền, của để xây dựng “Quỹ nuôi quân”, “Quỹ mua sắm vũ khí”, “Quỹ mùa đông binh sỹ”, “Hũ gạo tiết kiệm”... Chỉ tính riêng Quỹ nuôi du kích đến tháng 3/1949 nhân dân đã đóng góp 9.200.000 đồng tín phiếu, 12.200 ang lúa (1 ang = 4kg), 121 mẫu ruộng. Ngoài ra, Tỉnh ủy Quảng Ngãi còn phát động chủ trương hậu cần toàn dân phục vụ kháng chiến được nhân dân tích cực hưởng ứng.

Như vậy, sau khi Chính phủ Cách mạng phát hành đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cự Hồ và Tín phiếu ở các tỉnh Nam Trung Bộ đã thu được nhiều kết quả tốt, thậm chí vượt cả mục tiêu ban đầu đề ra.

Trên thực tế, đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cự Hồ và Tín phiếu phát hành ở Nam Trung Bộ đã thực sự trở thành công cụ, phương tiện và lợi khí để thực

hiện thắng lợi công cuộc đấu tranh trên mặt trận kinh tế, tài chính, tiền tệ với địch, bảo vệ được nền độc lập tự do và chủ quyền quốc gia, đồng thời đáp ứng và phục vụ đắc lực cho công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên địa bàn các tỉnh trong khu vực, làm cơ sở và tạo điều kiện thuận lợi để Đảng và Chính phủ Cách mạng lãnh đạo toàn dân thực hiện công cuộc đấu tranh trên mặt trận kinh tế - tài chính, tiền tệ với kẻ địch trên phạm vi toàn quốc, cũng như thực hiện thắng lợi công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Thông qua những việc nêu trên cho thấy, nhân dân trong cả nước nói chung và nhân dân các địa phương thuộc khu vực Nam Trung Bộ nói riêng luôn tin tưởng, ủng hộ Cách mạng, sát cánh cùng Đảng, Chính phủ quyết tâm đấu tranh để bảo vệ những thành quả Cách mạng đã giành được và bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc.

... Đồng tiền tài chính được in ấn, phát hành ở các tỉnh Nam Bộ quả thực là một điều thần kỳ, đã làm cho thực dân Pháp hoàn toàn bất ngờ và không thể ngờ tới, bởi Nam Bộ ở cách xa Trung ương lại bị bọn chúng phong tỏa vẫn có thể in và phát hành những đồng tiền riêng, tạo cho mình một ngân sách, một nguồn lực tài chính để chi tiêu nuôi bộ máy, nuôi quân đội và đảm bảo mọi mặt hoạt động kinh tế xã hội trong vùng giải phóng diễn ra bình thường...

... Có thể nói đồng tiền tài chính - đồng bạc Cự Hồ chính là lời hiệu triệu và phản ánh ý nguyện của đồng bào Nam Bộ về nền độc lập tự do của Tổ quốc, là sự động viên tuyên truyền sắc bén của Đảng và Chính phủ Cách mạng, là lời kêu gọi thiết tha lòng yêu nước của các tầng lớp nhân dân, tập hợp đoàn kết toàn dân để hình thành nên sức mạnh thực hiện công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi và kiến quốc thành công...



ĐỒNG TIỀN TÀI CHÍNH
TẠI NAM BỘ

TỔ CHỨC IN TIỀN TÀI CHÍNH Ở NAM BỘ

Cách mạng Tháng 8 năm 1945 khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tuy nhiên, chính quyền Cách mạng mới thành lập chưa tròn một tháng, thực dân Pháp ra sức thực hiện âm mưu quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Được quân Anh và quân Ấn giúp đỡ, ngày 23/9/1945, quân Pháp đã dùng bạo lực quân sự đánh chiếm Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, mở đầu âm mưu lấn chiếm bình định Nam Bộ và mở rộng chiến tranh xâm lược dẫn ra cả nước.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chính quyền Trung ương, chính quyền Nam Bộ một mặt phải tập trung lực lượng để chiến đấu chống lại quân đội Pháp

và các thế lực phản động. Mặt khác phải tập trung chuẩn bị nguồn lực tài chính phục vụ cho mọi mặt hoạt động của chính quyền Cách mạng và sẵn sàng cùng nhân dân cả nước tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

Vào thời điểm cuối năm 1946, tình hình giữa ta và Pháp ngày càng căng thẳng. Thực dân Pháp đã xé bỏ thực tế những gì đã ký kết với ta, cho nên Quốc hội khóa I trong kỳ họp ngày 03/11/1946 đã biểu quyết cho lưu hành tờ bạc Việt Nam trong cả nước. Đó là một quyết định kiên quyết và kịp thời vì chỉ hơn một tháng sau, ngày 19/12/1946, cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ trong cả nước và từ đây

tờ bạc Việt Nam có mặt ở khắp mọi miền tổ quốc, trở thành một vũ khí sắc bén để đấu tranh có hiệu quả trên mặt trận kinh tế, tài chính, góp phần quyết định vào việc đảm bảo cung cấp các nguồn lực tài chính cho công cuộc kháng chiến. Tuy nhiên, Nam Bộ ở cách xa Trung ương với núi rừng hiểm trở, sông dài, biển rộng, đặc biệt là trong bối cảnh chiến tranh đang lan rộng trên phạm vi cả nước. Giao thông cực kỳ khó khăn, sự chi viện của Trung ương không thuận lợi, nên việc phát hành giấy bạc Việt Nam có nhiều hạn chế.

Trong thời gian này, Cơ quan Ấn loát Đặc biệt của Nam Bộ chưa có điều kiện in và phát hành ngay những đồng tiền tài chính - đồng bạc Cự Hồ như ở Trung Bộ và Bắc Bộ, cho nên vẫn phải dùng đồng tiền Đông Dương trong việc thu chi và trao đổi lưu thông hàng hóa.

Nguồn tài chính của chính quyền Nam Bộ trong giai đoạn này chủ yếu là sự

đóng góp, ủng hộ của nhân dân (tiền, vàng, bạc, ruộng đất, của cải khác...) và đẩy mạnh phát triển tăng gia sản xuất ở vùng địch chưa lấn chiếm, ngoài ra còn dựa vào chi viện của chính quyền Trung ương thông qua số tiền Đông Dương thu đổi được khi phát hành đồng bạc Tài chính - đồng bạc Cự Hồ ở Trung Bộ, đã chuyển một phần cho Nam Bộ.

Thời điểm này, Nam Bộ phải tiêu dùng hoàn toàn bằng tiền Đông Dương. Vì thiếu bạc lẻ có lúc Ủy ban Kháng chiến hành chính đã phải chủ trương cắt đôi tờ bạc Đông Dương loại 100 đồng trở xuống để tiêu dùng trong khu căn cứ kháng chiến. Có nơi tiêu cả giấy bạc Trung ương từ Liên khu V đưa vào. Ủy ban kháng chiến Hành chính Nam Bộ, còn chủ trương đóng dấu của chính quyền tỉnh, quận, huyện và dấu khắc khẩu hiệu “ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh đóng lên tờ bạc 100 đồng và các loại giấy bạc Đông Dương khác để cho lưu hành bình thường trong vùng kháng chiến (sẽ đề cập cụ thể ở phần

sau).

Việc sử dụng đồng tiền Đông Dương do kẻ thù phát hành trong lòng một quốc gia độc lập là một bất lợi lớn và gây ra cho chính quyền Cách mạng không ít những khó khăn phiền toái. Không những chúng ta không chủ động được ngân sách chi tiêu mà còn tổn hại ít nhiều đến lòng tự tôn dân tộc. Mặt khác, kẻ thù còn lợi dụng đồng tiền do chúng phát hành để chống phá, lung đoạn làm suy yếu chính quyền Cách mạng.

Đứng trước tình hình đó, chính quyền Cách mạng ở Nam Bộ chủ trương cần phải tích cực chuẩn bị để cho ra đời một cơ sở in bạc Việt Nam ở chính mảnh đất Nam Bộ.

Đã có nhiều phương án được đặt ra, có phương án bí mật tổ chức in tại nội thành Sài Gòn, có phương án thuê nước ngoài ở gần ta chẳng hạn như Thái Lan... Nhưng cuối cùng phương án tối ưu nhất được thống nhất thực

hiện là tổ chức một cơ sở in bạc Việt Nam của Nam Bộ ở vùng căn cứ kháng chiến để đảm bảo an toàn và tính chủ động, lâu dài.

Sau khi đã thống nhất chủ trương, Ủy ban Kháng chiến Hành chính và Sở Tài chính Nam Bộ đã tích cực chuẩn bị các máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu, đồng thời vận động anh em công nhân, trí thức, các nhà tư sản dân tộc yêu nước ủng hộ, mua sắm và bí mật chuyển mọi phương tiện từ nội thành ra bưng biển để sẵn sàng in bạc Việt Nam.

Trong thời gian này, nhiều kiều bào ta ở Thái Lan với tấm lòng yêu nước đã đóng góp để mua máy in từ Nhật bản và bí mật vận chuyển về nước ủng hộ cho chính quyền Cách mạng.

Với việc in và phát hành đồng tiền tài chính - đồng bạc Cự Hồ ở Bắc Bộ và Trung Bộ đạt kết quả tốt đã mang lại nhiều lợi ích thiết thực, hiệu quả cho chính quyền Cách mạng, Chính phủ



- Một sáng kiến của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ là đóng dấu và xé đôi đồng tiền Đông Dương để tăng lượng tiền lưu thông

Trung ương nhận thấy cần thiết phải tổ chức in và phát hành giấy bạc Việt Nam ở Nam Bộ để phục vụ kịp thời cho công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của chính quyền Cách mạng và đồng bào Nam Bộ, đồng thời qua đó để khẳng định nền độc lập, chủ quyền về kinh tế tài chính của một quốc gia

có chủ quyền. Do đó, ngày 01/11/1947, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ban hành Sắc lệnh 102/SL cho phép phát hành tại Nam Bộ những tín phiếu loại 1 đồng, 5 đồng, 10 đồng, 20 đồng, 50 đồng, 100 đồng, 500 đồng và có giá trị như giấy bạc Việt Nam. Tổng số giá trị Tín phiếu được phát hành là

VIỆT NAM DÂN CHỦ
CỘNG HÒA

Độc lập Tự do Hạnh phúc

176

BỘ TÀI CHÍNH
Phòng B1-thư

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

36' 102-SL

Xét tình thế hiện tại,
Theo lời đề nghị của ông Bộ-trưởng Bộ Tài-chính,
Sau khi Ban Thường-trực Quốc-hội và Hội-đồng Chính-phủ đã thỏa thuận,

R A S A C L E N H :

ĐIỀU 1 - Nay cho phép phát-hành tại Nam Bộ nhưng "tín phiếu" sau này có giá-trị như giấy bạc Việt-nam :

| | |
|-----------|-----------|
| Tín phiếu | 1 đồng |
| - | 5 đồng, |
| - | 10 đồng, |
| - | 20 đồng, |
| - | 50 đồng, |
| - | 100 đồng, |
| - | 500 đồng. |

ĐIỀU 2 - Nhưng "tín phiếu" kể trên sẽ chiếu nguyên giá đổi lấy giấy bạc V nam.

ĐIỀU 3 - Tổng số giá-trị những "tín phiếu" được phát hành theo điều 1 sẽ bằng với số tiền được qua HAI MƯƠI TRIỆU ĐỒNG BẠC. (20.000.000đ).

ĐIỀU 4 - Những "tín phiếu" này được phép lưu-hành như giấy bạc Việt-nam.

ĐIỀU 5 - Người nào có hành-dộng phá hoại giá-trị những "tín phiếu" ấy sẽ bị truy-tố trước tòa án quân sự.

ĐIỀU 6 - Một nghị-định của Ủy-ban hành-chính Nam-bộ sẽ ấn-định những chi tiết thi-hành sắc-lệnh này.

ĐIỀU 7 - Các ông Bộ-trưởng Bộ Tài-chính, Bộ Nội-vụ và ông Chủ-tịch Ủy-ban hành-chính Nam-bộ chiếu sắc-lệnh thi-hành ./.

Ngày 1 tháng 11 năm 1947

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ VIỆT NAM

**Bản sao
TTLQG III**

Handwritten signature

Pho thu :

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Handwritten signature

Handwritten signature

20 triệu đồng.

Trên cơ sở Sắc lệnh 102/SL của Chính phủ, Ban Ấn loát Đặc biệt ở Nam Bộ đã nhanh chóng thành lập tại chiến khu bung biển Đồng Tháp Mười (huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An) do phái viên Chính phủ tại Nam Bộ - kỹ sư Ngô Tấn Nhơn, nguyên Bộ trưởng Bộ Canh nông trực tiếp làm trưởng ban, luật sư Nguyễn Thành Vinh, Ủy viên Ủy ban kháng chiến Nam Bộ phụ trách kinh tế tài chính làm Phó ban và một số ủy viên là các ông Kha Vạn Cân, họa sĩ Huỳnh Văn Gấm (nguyên đại biểu Quốc hội khóa I), Lê Văn Lương (nguyên Chủ tịch Liên hiệp Công đoàn Nam Bộ), Hồ Văn Thế (nguyên phái viên của Bộ Tài chính). Để che mắt địch và việt gian, Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ được mang biệt danh là “Ban Trồng tria số 10”.

Thời kỳ đầu thành lập, cơ sở vật chất kỹ thuật của Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ hầu như chưa có gì, thiếu thốn đủ thứ, chưa có thầy thợ, máy móc, vật

liệu, hóa chất,... tất cả còn phải chờ tìm ở các cơ sở kháng chiến, tìm kiếm các nguồn ở thành phố Sài Gòn, Chợ Lớn - Gia Định...

Cuối cùng thì cơ sở in bạc đầu tiên cũng được trang bị một số máy móc in Typô, máy in Hồng Kông, Pedal... và một số công cụ in khác. Về lực lượng con người tham gia, chúng ta đã điều động và vận động được nhiều thợ in có tay nghề từ nhà in Quân khu 8, từ báo Tiếng Súng kháng địch (Quân khu 9), Bộ Tư lệnh Nam Bộ, ngành Công an Nam Bộ hoặc một số thợ nhà in Sài Gòn - Chợ Lớn được Liên hiệp công đoàn Nam Bộ vận động mời ra chiến khu để tham gia kháng chiến... cùng một số Vệ quốc đoàn từ các Bộ Tư lệnh, một số công nhân từ ở các đồn điền cao su ở Nam Bộ được vận động tình nguyện bổ sung vào tham gia lực lượng của Ban Ấn loát.

Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ sau khi được thành lập đã nhanh chóng đi vào hoạt động, trong đó hình thành bốn tổ

công tác đặc biệt, Tổ khảo cứu, nghiên cứu về hình họa, vẽ mẫu giấy bạc... do họa sĩ Huỳnh Văn Gấm phụ trách. Trong tổ này có các họa sĩ Lê Thiên (Ban Tuyên truyền tỉnh Tân An) và một số họa sĩ của thành phố Sài Gòn tham gia như Phạm Văn Hộ, Phạm Văn Bảo, Ngô Văn Hoa...

Giáo sư Phạm Văn Hộ là một trí thức yêu nước, giảng viên ngành khắc chạm đồng đá của Trường Mỹ thuật Gia Định có nhiều năm kinh nghiệm về phương pháp vẽ, bố cục, trộn màu... và là người có uy tín, nên qua đó cũng vận động thêm được nhiều người tham gia.

Từ khảo cứu, nghiên cứu về nhân sự chuyên lo việc bố trí sắp xếp điều động bổ sung lực lượng thầy, thợ cho các bộ phận trong Ban Ấn loát đảm bảo cho các bộ phận đủ lực lượng nhân sự có chất lượng để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Khi thiếu thầy, thiếu thợ tổ này phải

tìm đến các cơ quan của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ để xin chi viện người hoặc trực tiếp về thành phố Sài Gòn đến các cơ sở vận động mọi người tham gia Tổ khảo cứu, nghiên cứu tiếp vận mua sắm máy móc, công cụ, trang thiết bị vật tư cần thiết cho Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ đi vào hoạt động và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Nhiệm vụ của tổ này cũng khá nặng nề nhất là trong điều kiện nguồn lực tài chính của chúng ta trong thời điểm này còn có nhiều khó khăn, cho nên nhiều lúc phải tìm cách vận động các tổ chức, cá nhân có cảm tình với Cách mạng tham gia ủng hộ kháng chiến dưới nhiều hình thức như ủng hộ tiền, ủng hộ thiết bị máy móc, nguyên vật liệu hoặc tham gia ủng hộ dưới các hình thức rất khác nhau...

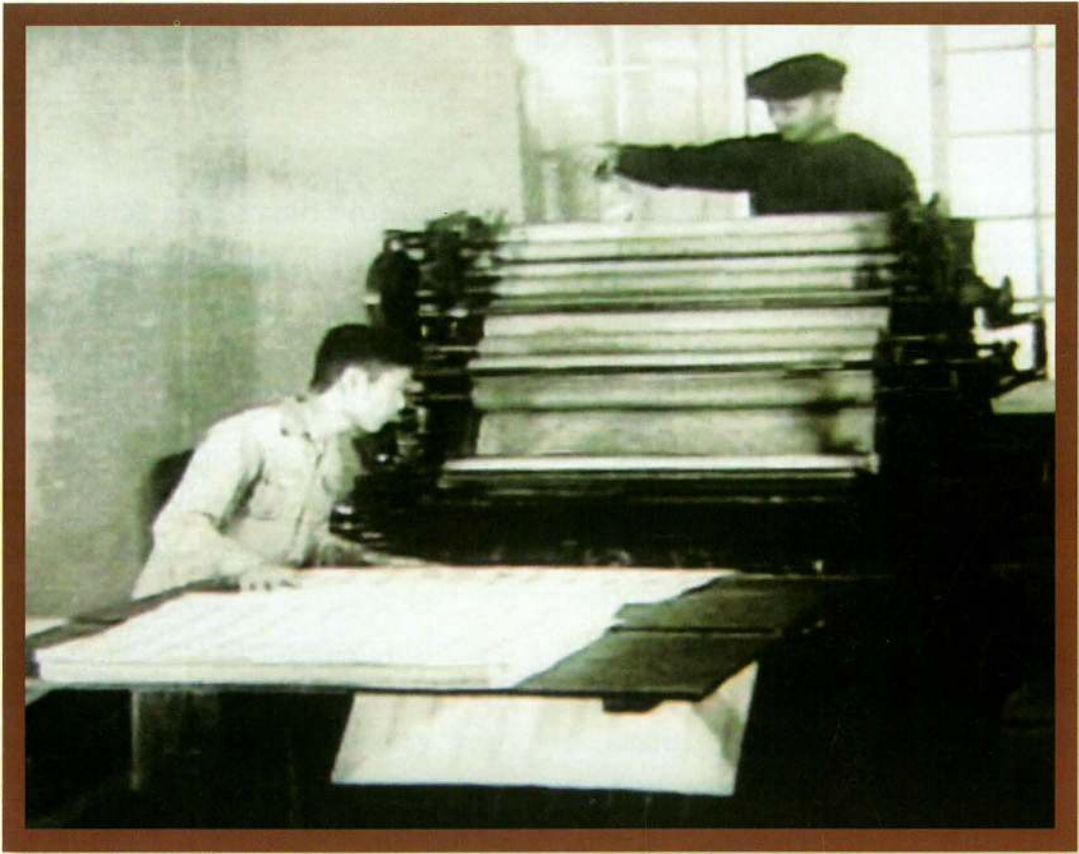
Tổ sản xuất phụ trợ công nghệ in giấy bạc thực hiện các công việc như làm ảnh kẽm, khắc bản, đúc bản chì... để chuẩn bị cho việc in giấy bạc.

Nhờ chuẩn bị tốt tất cả các khâu từ nhân sự đến cơ sở vật chất, nên Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ đã nhanh chóng đi vào hoạt động. Phần lớn các đồng chí trong Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ nêu trên là thành viên của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ cho nên quá trình chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện việc in tiền có nhiều thuận lợi. Tuy nhiên trên thực tế gặp phải không ít khó khăn, cho nên đến đầu năm 1948 sau một thời gian chuẩn bị, Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ mới chính thức đi vào hoạt động.

Thời gian đầu giành độc lập, Ban Ấn loát đặc biệt Nam Bộ mới chỉ hình thành một phân ban đóng tại vùng rừng chàm Cái Bèo thuộc chiến khu Đồng Tháp Mười, ông Thân Trọng Long và ông Lê Văn Tước được giao trách nhiệm Trưởng và Phó phân ban. Đến đầu năm 1949, Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ thành lập thêm một phân ban nữa tại Gò Bún, kênh Dương Văn Dương thuộc chiến khu Đồng Tháp Mười, ông Huỳnh Văn Gấm được giao

trách nhiệm Trưởng phân ban và sau khi ông Huỳnh Văn Gấm được điều động lên trên, ông Hồ Văn Thế được thay thế làm Trưởng phân ban (1952) và sau này ông Lê Thân (kỹ thuật in off sét) được cử làm Trưởng phân ban thay ông Hồ Văn Thế (1953 - 1954); ông Nguyễn Văn Hùng (thợ in off sét) làm Phó phân ban.

Do đây chỉ là một cơ sở in dã chiến, cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị còn nghèo nàn nên quá trình in tiền gặp nhiều khó khăn. Hàng ngày, cứ 4 - 5 công nhân có khi phải thay nhau suốt ngày đêm liên tục thay phiên nhau quay tay cho động cơ điện phục vụ máy in hoạt động. Dù khó khăn gian nan vất vả nhưng nhà máy in cũng sản xuất và cho ra đời được những tờ bạc Cự Hồ đầu tiên với mệnh giá 1 đồng, 5 đồng, 20 đồng... Tuy các loại giấy bạc này chưa đẹp, chất lượng in chưa cao nhưng khi được phát hành, lưu hành trong lưu thông, đồng tiền không chỉ được sử dụng ở những vùng tự do mà còn dùng ở cả vùng địch chiếm đóng và



In tiền Tài chính tại Nam Bộ

cả vùng ven Sài Gòn - Gia Định. Người dân Nam Bộ phấn khởi, cầm trong tay tờ bạc Cự Hồ mà rưng rưng nước mắt, thốt lên trong niềm xúc động “Trời ơi, bạc Cự Hồ, bạc thống nhất bà con ơi”.

Vào giữa năm 1948, theo yêu cầu của Xứ ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ, Chính phủ và Bộ Tài chính đã chỉ thị cho Cơ quan Ấn loát

Đặc biệt Trung ương và Ấn loát Tài chính Trung Bộ cử cán bộ, công nhân vào Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ giải quyết những khó khăn và giúp sản xuất giấy bạc Việt Nam tại Nam Bộ.

Một đoàn cán bộ của Cơ quan Ấn loát Trung ương gồm 4 đồng chí là Hồ Văn Thế, Hoàng Phương, Nguyễn Đình Tâm và Nguyễn Đình Thư đã từ Việt

Bắc vào. Còn Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ có 2 đồng chí là Nguyễn Thực và Tống Lợi đi từ An toàn khu 2 Hà Tĩnh (nơi Ấn loát Tài chính Trung Bộ đóng trụ sở) cùng với một đoàn dân công mang theo 500 khuôn mẫu, trong đó dành riêng cho Liên khu 5 một số khuôn mẫu.

Suốt chặng đường dài, qua bao gian khổ trèo đèo lội suối, vượt qua nhiều vòng vây của địch, sau hơn một năm đoàn cán bộ và số khuôn mẫu chi viện cho Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ đã đến được nơi cần đến tại rừng U Minh là địa điểm mới mà Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ đã di chuyển Phân ban B đến để đảm bảo an toàn việc in tiền.

Vào những năm 1948 - 1949, ở các vùng giải phóng của ta đã có sự phát triển về nhiều mặt, từ việc xây dựng và bảo vệ căn cứ Cách mạng, cho đến các mặt sản xuất lưu thông hàng hóa, hoạt động quân sự, an ninh đều được đẩy mạnh, nhu cầu chi tiêu ngày càng lớn, nhu cầu lưu thông tiền tệ cũng vì thế

ngày càng phát triển mạnh hơn.

Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ ngày đêm ra sức in các loại giấy bạc 1 đồng, 5 đồng, 20 đồng (có chữ ký của ông Phan Văn Bạch là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ và ông Nguyễn Thành Vĩnh là Giám đốc Sở Tài chính Nam Bộ được ủy quyền của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký tên trên tờ giấy bạc) nhưng cũng không đáp ứng được đầy đủ nhu cầu của thực tế, chủ yếu do đồng tiền thời kỳ này được in ra với mệnh giá nhỏ để giải quyết nhu cầu trao đổi hàng hóa và một phần nhỏ đáp ứng nhu cầu tài chính cho kháng chiến, lại in bằng máy typograph với giấy học sinh mua ở Sài Gòn.

In bạc mệnh giá nhỏ có giá trị ít, nên địch rất muốn phá ta nhưng chúng không làm vì giá thành cũng bằng hoặc lớn hơn không đáng kể so với mệnh giá tờ bạc, cho nên nếu in bạc giả để chống phá ta sẽ không có lợi ích gì. Hơn nữa, nếu chúng có in thì vô

hình chung chúng lại giúp giải quyết nhu cầu trao đổi hàng hóa trong vùng giải phóng, chẳng khác gì giúp ta giải quyết khó khăn. Sau này khi ta đã có máy in off sét, làm được giấy in thủ công bằng vỏ cây gai để in loại giấy bạc mệnh giá 10 đồng, 50 đồng, 100 đồng nhưng địch cũng không làm giả vì chúng không làm được giấy thủ công như ta.

Quá trình in giấy bạc ở Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ là vô cùng khó khăn nhất là từ năm 1949, địch mở rộng chiến tranh, đánh phá nhiều nơi, nhiều lần thọc sâu vào vùng căn cứ Đồng Tháp Mười, ném bom bắn phá càn quét cơ sở Cách mạng, cho nên để bảo toàn lực lượng và đảm bảo an toàn việc in giấy bạc, chúng ta đã phải nhiều lần di chuyển địa điểm từ vùng này sang vùng khác, đến U Minh Thượng rồi U Minh Hạ. Cơ quan Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ phải vận chuyển cả máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu... đi theo các kênh rạch, qua nhiều tỉnh miền Tây Nam Bộ, phải mất 1 - 2 tháng mới đến

Vùng Sác - U Minh - Cà Mau thuộc huyện Cái Nước, Trần Văn Thời, Đầm Dơi, Ngọc Hiển.

Mọi cơ chế tổ chức, mọi hoạt động của Phân ban đều được quân sự hóa để đảm bảo thích ứng với chiến trường và có khả năng cơ động nhanh.

Dù khó khăn gian khổ, dù phải hy sinh cả xương, máu nhưng tất cả mọi cán bộ, công nhân làm việc trong Ban Ấn Loát Đặc biệt Nam Bộ đầy lòng yêu nước vẫn một lòng, một dạ chung sức chung lòng vì Cách mạng, vượt lên tất cả, quyết tâm in ra những tờ giấy bạc Việt Nam để phục vụ cho công cuộc kháng chiến, bảo vệ nền độc lập tự do của tổ quốc. Nhiều người đã anh dũng hy sinh trong khi làm nhiệm vụ, tiêu biểu là đồng chí Nguyễn Thực nguyên là cán bộ lãnh đạo của cơ quan Ấn loát Tài chính Trung Bộ được cử vào chi viện cho Ban Ấn Loát Đặc biệt Nam Bộ đã hy sinh ngày 30/10/1953 tức ngày 23/9 năm Quý Tỵ tại huyện Cái Nước tỉnh Cà Mau.

Để tạo ra nguồn lực phục vụ cho công cuộc kháng chiến Ban Ấn Loát Đặc biệt Nam Bộ một mặt thành lập thêm các Phân ban ấn loát và mặt khác thành lập các phân xưởng sản xuất giấy in bạc, phân xưởng cơ khí sửa chữa máy móc, thiết bị in và tìm cách để mua sắm, trang bị thêm các máy móc hiện đại để tạo thế chủ động và nâng cấp chất lượng tờ giấy bạc Việt Nam.

Phân xưởng chuyên sản xuất giấy in bạc được ra đời với tên gọi là Phân xưởng giấy Hòa Bình đặt tại xã Tân Bằng, Cần Giáo huyện Thới Bình (nay là huyện U Minh) do đồng chí Nguyễn Đình Thứ làm giám đốc, cùng các đồng chí Hoàng Phương, Nguyễn Đình Tân là những cán bộ kỹ thuật giấy do Trung ương tăng cường cho Nam Bộ (đã đề cập ở phần trên) tham gia tổ chức thực hiện.

Do đặc thù rừng U Minh Thượng chỉ có một thứ nước màu nâu, việc sản xuất giấy in bạc tưởng là bất lợi hóa ra lại là một lợi thế. Giấy sản xuất ra có

... Suốt chặng đường dài, qua bao gian khổ trèo đèo lội suối, vượt qua nhiều vòng vây của địch, sau hơn một năm đoàn cán bộ và số khuôn mẫu chi viện cho Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ đã đến được nơi cần đến tại rừng U Minh là địa điểm mới mà Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ đã di chuyển Phân ban B đến để đảm bảo an toàn việc in tiền...



ngôi sao hình chìm lại là màu nâu tự nhiên nên khi in ra giấy bạc lại rất khó làm giả. Về việc mua sắm thiết bị máy móc in bạc cũng được Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ quan tâm và tích cực khẩn trương thực hiện.

Giữa năm 1951, Phòng mậu dịch Hải ngoại và Vận chuyển hàng hải Nam Bộ

do đồng chí Dương Quang Đông và đồng chí Võ Đăng Kỳ phụ trách dưới sự lãnh đạo của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đã nhập được một số máy móc thiết bị mới của Nhật quá cảnh qua Thủ đô Băng Cốc - Thái Lan rồi bí mật qua Vịnh Thái Lan về miền Tây Nam Bộ vào cửa sông Ông Đốc để đến với cơ quan Ấn Loát Đặc

biệt Nam Bộ. Chuyển hàng đó gồm có 2 máy in Offset HaMaĐa mới nguyên, máy phát điện xoay chiều lớn, một số động cơ, máy nổ mới, các loại hóa chất, giấy in, mực in các màu, phim ảnh...

Từ đó giấy bạc Việt Nam in ở Nam Bộ được cải tiến có màu sắc tươi sáng hơn, hình ảnh sắc sảo hơn. Trên mỗi tờ giấy bạc đều có in hình ảnh Bác Hồ, có các hình vẽ phản ánh khí thế hăng say lao động sản xuất và chiến đấu của nhân dân Nam Bộ. Các loại giấy bạc 1 đồng, 5 đồng, 20 đồng, 50 đồng cho đến 100 đồng được in ra với số lượng lớn.

Điều khác biệt với Bắc Bộ và Trung Bộ là Ban Ấn Loát Đặc biệt Nam Bộ kết thúc vai trò lịch sử muộn hơn, kéo dài mãi đến năm 1954 (Bắc Bộ là năm 1951 và Trung Bộ là năm 1952), cho nên việc in giấy Bạc Việt Nam vẫn tiếp tục được thực hiện cho đến thời điểm này. Sở dĩ có tình trạng này là do tình hình Nam Bộ trong giai đoạn Cách mạng này vẫn còn bị chia cắt với miền Bắc và miền Trung bởi quân địch vẫn

chiếm đóng và đánh phá ác liệt. Cho nên mặc dù năm 1951 Ngân hàng quốc gia Việt Nam đã được Chính Phủ thành lập, đã in và phát hành tiền Ngân hàng để thay thế đồng tiền tài chính - đồng bạc Cụ Hồ, nhưng chưa thể vận chuyển vào được Nam Bộ để phát hành. Do đó việc duy trì Ban Ấn Loát Đặc biệt Nam Bộ để in và phát hành giấy bạc Tài chính là cần thiết để phục vụ cho công cuộc kháng chiến tại các vùng miền ở Nam Bộ.

Giữa năm 1952 và những năm tiếp theo, địch tăng cường mở rộng chiến tranh nhưng đã phải gánh chịu những thất bại nặng nề. Trên chiến trường toàn quốc nói chung và Nam Bộ nói riêng quân ta liên tiếp mở các chiến dịch phản công địch và giành được những thắng lợi to lớn. Lúc này, chúng ta có nhiều lợi thế về quân sự, chính trị, ngoại giao. Đây cũng là lúc cần phải mở rộng phạm vi phát hành tiền tệ của chúng ta là ra các vùng mới giải phóng, cho nên việc in và phát hành giấy bạc Việt Nam ở Nam Bộ cũng đòi



Lễ khởi công công trình nâng cấp cải tạo Bia kỷ niệm Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ tại huyện Năm Căn, Cà Mau tháng 7/2012

hời khẩn trương và với số lượng to lớn hơn. Xuất phát từ yêu cầu của thực tế đòi hỏi Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ đã phải nhanh chóng tăng cường thêm lực lượng phục vụ cho việc in tiền. Từ lực lượng ban đầu 100 người được tăng cường lên gấp đôi 200 người và vào lúc cao điểm lên tới 400 người. Các phân

ban in tiền phải ngày đêm hoạt động, không quản ngại mệt nhọc, nắng mưa vất vả để miễn làm sao in được nhiều tiền để phục vụ cho công cuộc kháng chiến.

Đầu năm 1954, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ chủ trương in và

phát hành giấy bạc 200 đồng và 500 đồng. Tuy nhiên, đến giữa năm 1954 chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã bắt thực dân Pháp phải ký kết với Chính phủ Việt Nam dân chủ Cộng hòa Hiệp định Giơnevơ (20/7/1954), cho nên giấy bạc 200 đồng đã in xong nhưng không thể phát hành, còn loại giấy bạc 500 đồng vẫn còn đang trên bản vẽ.

Đến thời điểm này, nhiệm vụ của cơ quan Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ đã hoàn thành, thực hiện việc thanh lý tài sản chuẩn bị tập kết ra Bắc.

Sau khi tham gia việc đổi tiền cho nhân dân kết thúc (Chính quyền Cách mạng thu hồi giấy bạc Việt Nam in và phát hành ở Nam Bộ, đổi lại cho dân bạc Đông Dương của Pháp với tỷ giá 1 đồng Đông Dương bằng 40 đồng giấy bạc Việt Nam), Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ kết thúc hoạt động vào tháng 11/1954.

Như vậy, với thời gian 7 năm kể từ khi

Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành Sắc lệnh 102/SL ngày 01/11/1947 cho phép in bạc Việt Nam, tại Nam Bộ. Mặc dù trong bối cảnh chiến tranh ác liệt lại bị chia cắt hoàn toàn với miền Bắc và miền Trung, dưới sự lãnh đạo tài tình và sáng suốt của Bác Hồ, Trung ương Đảng và Chính phủ Cách mạng, sự chỉ đạo sâu sát của Bộ Tài chính và các ngành hữu quan ở Trung ương, sự chỉ đạo trực tiếp, sáng tạo của Ủy ban Kháng chiến Hành chính và Sở Tài chính Nam Bộ, Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ đã làm nên một điều kỳ diệu là vượt qua tất cả hy sinh, gian khó để thực hiện thắng lợi chủ trương của Trung ương in và phát hành những tờ bạc Việt Nam ở Nam Bộ để tạo ra nguồn lực tài chính phục vụ đắc lực cho công cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, góp phần làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, đồng thời qua đó khẳng định chủ quyền về kinh tế tài chính của quốc gia Việt Nam độc lập.

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐỒNG TIỀN TÀI CHÍNH Ở NAM BỘ

Do đặc thù của Nam Bộ, do ở xa Trung ương và bị ngăn cách bởi thực dân Pháp đánh chiếm lại Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, từ 23/9/1945 nên mặc dù Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được thành lập từ 2/9/1945 nhưng nhân dân Nam Bộ vẫn chủ yếu sử dụng đồng tiền Đông Dương do thực dân Pháp phát hành. Mệnh giá tờ bạc cao nhất là 20 đồng và có màu xanh nên thường được gọi là Bạc Đông Dương xanh. Đến thời kỳ Nhật đảo chính Pháp và đặt ách thống trị lên đất nước ta, chúng còn buộc Pháp in tiền cung cấp cho chúng tiêu xài, ngân

hàng Đông Dương phải in tiền tại Nhà máy in IDEO Hà Nội có giấy bạc mệnh giá 100 đồng màu đỏ là có giá trị lớn nhất thời đó, nên còn gọi là Bạc Đông Dương đỏ.

Năm 1946, giặc Pháp trở lại xâm chiếm nước ta một lần nữa, ở Miền Nam các cơ quan đầu não của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ, để đảm bảo an toàn đã phải di chuyển đến vùng Đồng Tháp Mười, thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp hình thành mặt trận lấy nông thôn bao vây thành thị.

Nhằm cướp đoạt tài sản của nhân

dân ta và gây khó khăn về kinh tế cho Chính quyền Cách mạng ở Nam Bộ, thực dân Pháp ra lệnh thu hồi tiền giấy 100 đồng Đông Dương đỏ trong một thời gian cực ngắn, chỉ một vài ngày rồi tuyên bố đồng Đông Dương đỏ không còn giá trị trong lưu thông. Việc làm này của thực dân Pháp đã làm cho nhiều đồng bào ta ở thành thị và nông thôn trở tay không kịp, nhất là trong những vùng chính quyền Cách mạng đang kiểm soát.

Đứng trước tình hình đó, xứ ủy Nam Kỳ và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đã có một sáng kiến thông minh, tương kế tựu kế đã lệnh cho Ủy ban Kháng chiến Hành chính các tỉnh đóng dấu kiểm soát lên tờ giấy bạc 100 đồng Đông Dương đỏ và cho lưu hành trong chiến khu. Ngoài việc đóng dấu kiểm soát như trên, Ủy ban Kháng chiến Hành chính các tỉnh và nhân dân còn in chữ: “Ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh” lên tờ giấy bạc 100 đồng Đông Dương đỏ để thể hiện sự ủng hộ toàn diện đối với Chính phủ Cách

mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Việc làm này đã có tác động ảnh hưởng tích cực, không những Chính phủ Cách mạng tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân vùng giải phóng cũng như vùng tạm chiến của thực dân Pháp, mà còn giúp cho mọi mặt hoạt động, lưu thông hàng hóa trong chiến khu vẫn đảm bảo diễn ra bình thường, đồng thời qua đó đã hình thành mặt trận tiền tệ giữa hai vùng kháng chiến và bị tạm chiến ở Nam Bộ, giúp cho Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ và các tỉnh giải quyết được những khó khăn trước mắt nhất là trong giai đoạn chúng ta chưa in và phát hành đồng tiền tài chính, đồng bạc Cự Hồ ở Nam Bộ.

Giải quyết được khó khăn này thì khó khăn khác lại phát sinh, do đồng tiền Đông Dương đỏ có mệnh giá khá lớn trong khi quá trình lưu thông hàng hóa đòi hỏi phải có những đồng tiền mệnh giá nhỏ mới đảm bảo thuận lợi trong mua bán. Một sáng kiến nữa của Ủy

ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ được ban hành kịp thời, cho phép có thể xé đôi tờ 100 đồng Đông Dương đổ thành 2 phần và mỗi phần được thừa nhận giá trị 50 đồng trong quá trình lưu thông ở vùng kháng chiến và tiếp đó còn cho phép thực hiện tương tự đối với các loại giấy bạc khác do Ngân hàng Đông Dương phát hành.

Với cách làm này, trong toàn khu kháng chiến Nam Bộ đã giải quyết được lượng tiền độ trong lưu thông để phục vụ kịp thời nhu cầu phát triển kinh tế, nhu cầu tiền lẻ trong lưu thông và các nhu cầu tạo ra nguồn lực tài chính của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ và các tỉnh để thúc đẩy công cuộc kháng chiến, bảo vệ căn cứ chiến khu Cách mạng ở Nam Bộ.

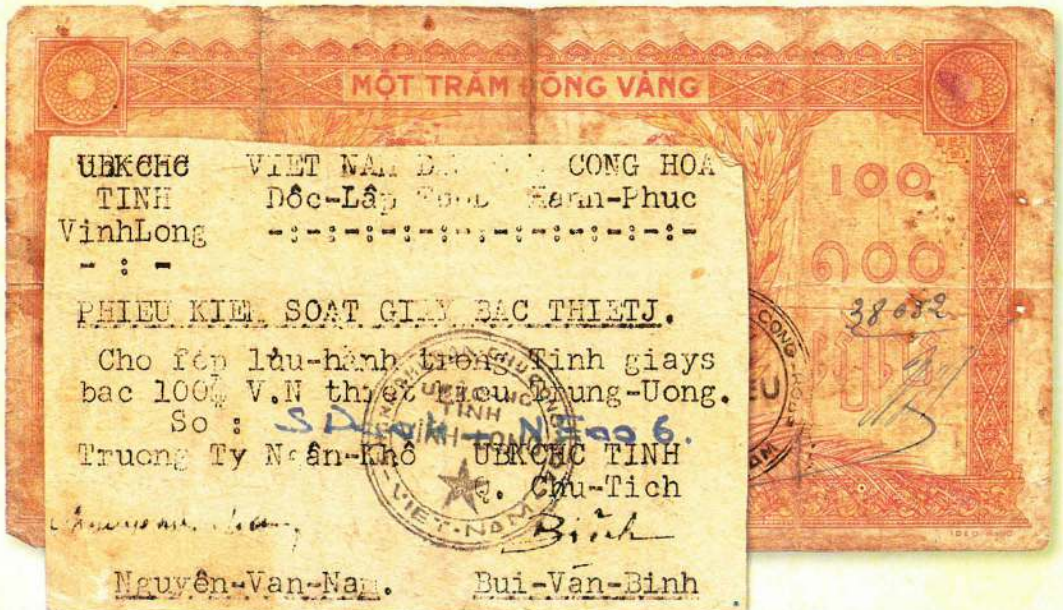
Cũng trong thời gian này, thông qua các đoàn cán bộ chi viện của Trung ương và nhất là khi những đồng tiền tài chính - đồng bạc Cự Hồ được chính thức phát hành ở cực Nam Trung Bộ, bằng nhiều con đường khác nhau các

tờ giấy bạc Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phát hành đã lưu thông đến các vùng chiến khu kháng chiến Nam Bộ và ngay cả các vùng ven Sài Gòn - Gia Định, hình thành nên một thị trường tiền tệ đan xen trong lưu thông, trong đó giấy bạc Việt Nam được nhân dân tín nhiệm cao và vô cùng phấn khởi đón nhận coi đó như là một vật báu. Nhiều người đã rưng rưng nước mắt khi cầm trên tay đồng tiền tài chính, đồng bạc Cự Hồ mà thốt ra từ đáy lòng “Trời ơi, Bạc Cự Hồ, bạc của chúng ta bà con ơi”. Những hình ảnh đó thật vô cùng cảm động.

Như vậy, không phải đến khi Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ in và phát hành giấy bạc Việt Nam, đồng tiền tài chính, đồng bạc Cự Hồ mới có mặt trong lưu thông ở Chiến khu Nam Bộ, mà trên thực tế đồng tiền Việt Nam đã có mặt rất sớm ở Nam Bộ, nghĩa là chỉ sau một thời gian ngắn ngủi khi giấy bạc Việt Nam được phát hành ở cực Nam Trung Bộ. Điều này cho thấy sự khao khát mong chờ của đồng bào cả nước



Giấy bạc 100 đồng được đóng dấu kiểm soát



Giấy bạc 100 đồng Đông Dương được UBKC đóng dấu kiểm soát và lưu hành tại tỉnh Vinh Long (còn được gọi là tiền “đập mền”)

BỘ TÀI CHÍNH

VIỆT-NAM DÂN-CHỦ CỘNG-HÒA 552
Độc-Lập -- Tự-Do -- Hạnh-Phúc

Số _____

Ngày _____ tháng _____ năm 194

**Bản sao
TTLTQG III**

**CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ VIỆT NAM
DÂN CHỦ CỘNG HÒA**

Căn cứ sắc-lệnh số 18-b ngày 31/1/1946 cho phép phát-hành giấy bạc Việt-nam tại miền Nam Trung-bộ, từ vĩ-tuyến 16 trở xuống,
Căn cứ sắc-lệnh số 154 ngày 13/8/46 cho phép phát hành giấy bạc Việt-nam tại miền Bắc Trung-bộ, từ vĩ-tuyến 16 trở lên,
Căn cứ sắc-lệnh số _____ ngày _____ cho phép phát-hành giấy bạc Việt-nam tại Bắc-bộ,
Theo đề-nghị của Bộ-trưởng Bộ Tài-chính,
Sau khi Ban Thường-trực Quốc-hội và Hội-đồng Chính-phủ đã thảo luận,

SA SẮC LỆNH :

ĐIỀU 1 - Nay cho phép phát-hành, tại Nam-bộ, và lưu-hành trong toàn quốc, giấy bạc Việt-nam loại mỗi 1 đồng, 5 đồng, 20 đồng, 50 đồng và 100 đồng.
Tổng số giấy bạc phát-hành ấn-định là BA TRĂM TRĂM MƯƠI ĐỒNG (300.000.000đ).

ĐIỀU 2 - Việc phát-hành do Ủy-ban Kháng-chiến kiêm hành-chính Nam-bộ tổ-chức và điều khiển.
Những đặc-điểm của giấy bạc nói trên tuân do Ủy-ban ấy ấn-định.
Giấy bạc phải có chữ ký của Chủ-tịch Ủy-ban Kháng-chiến kiêm hành-chính Nam-bộ, đại-diện Bộ-trưởng Bộ Tài-chính và Giám-đốc Ngân-kho Nam-bộ, đại-diện Tổng Giám-đốc Ngân-kho Quốc-gia.

ĐIỀU 3 - Kẻ nào làm giả hay có hành-động phá-hủy giá-trị giấy bạc nói trên, sẽ bị truy-tố trước tòa-án quân-sự.

ĐIỀU 4 - Bộ-trưởng Bộ Tài-chính, Bộ-trưởng Bộ Nội-vụ, Bộ-trưởng Bộ Tư-pháp và Ủy-ban Kháng-chiến kiêm hành-chính Nam-bộ phụ-trách thi-hành sắc-lệnh này. /.

Ngày _____ tháng _____ năm 1946

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ VIỆT NAM

Pho thu

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Levan Hien

Khai Chien

nói chung và Nam Bộ nói riêng đối với đồng tiền của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phát hành, và đó cũng là sự thể hiện khát khao sự độc lập tự do, sự đồng tình ủng hộ và sự tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Bác Hồ, Trung ương Đảng và Chính phủ Cách mạng của nhân dân Việt Nam.

Song song với việc lưu hành đồng tiền Tài chính - đồng bạc Cự Hồ như đề cập ở trên, ở Nam Bộ trong giai đoạn này còn lưu hành tín phiếu do Ủy ban Kháng chiến Trung Bộ phát hành có chữ ký đại diện Chính phủ Trung ương Bộ trưởng Bộ Tài chính Phạm Văn Đồng ký. Trên tờ tín phiếu có ghi rõ mệnh giá và được nhân dân tiếp nhận lưu hành như tờ giấy bạc Việt Nam trong vùng kháng chiến Nam Bộ.

Đánh hơi thấy chiến khu kháng chiến Nam Bộ lưu hành giấy bạc Việt Nam, thực dân Pháp vô cùng tức tối; tìm mọi cách chống phá để làm suy yếu nền kinh tế tài chính của Chính phủ Cách

mạng ở các vùng miền Nam Bộ, bằng cách cho in giả giấy bạc 100 đồng (kiểu giấy bạc Việt Nam của Trung ương phát hành) tung vào chiến khu kháng chiến Nam Bộ, hòng làm rối loạn tiền tệ, lưu thông hàng hóa để phá hoại kinh tế và làm mất uy tín của giấy bạc Việt Nam.

Để đấu tranh trên mặt trận tiền tệ với địch, dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ, các Ủy ban kháng chiến các tỉnh đã thực hiện biện pháp dán phiếu kiểm soát giấy bạc thiết có chữ ký của trưởng Ty ngân khố, chữ ký và dấu của Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến tỉnh trên tờ giấy bạc Việt Nam kiểu Trung ương cho phép lưu hành trong tỉnh. Nhân dân Nam Bộ gọi tiền này là tiền đắp nền.

Để động viên nguồn đóng góp của các tầng lớp nhân dân cho công cuộc kháng chiến, thực hiện Sắc lệnh số 160/SL ngày 5/4/1948 của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Nghị định số 43-BTC-BT ngày 24/4/1948

VIỆT NAM DÂN CHỦ
CỘNG HÒA

BỘ TÀI CHÍNH

Số 46

S Á C L E N H

099

về việc phát hành giấy bạc ở
nước Việt Nam

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ VIỆT NAM
DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Chiều theo to trình của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính
sau khi bàn Thuận, Trục Quốc Hội và Hội Đồng
Chính Phủ thảo Thuận,

RA SÁC LỆNH :

ĐIỀU THU NHẤT - Các giấy bạc phát hành sau
ngày 6 tháng 3 năm 1946 sẽ không được lưu hành trong
tên cõi nước Việt Nam nếu không được Chính Phủ thảo
nhận.

ĐIỀU THU HAI - Các thu giấy bạc lưu hành,
trái phép sẽ bị tịch thu.

ĐIỀU THU BA - Nghị định của Bộ Trưởng Bộ
Tài Chính sẽ đính thu giấy bạc nào phải liệt vào
hạng giấy bạc nội o điều thu nhất.

ĐIỀU THU TƯ - Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ và Bộ
Trưởng Bộ Tài Chính phụ trách thi hành sắc lệnh này./.

Hà-nội, ngày 5 tháng 4 năm 1946

Chủ tịch Chính phủ

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Handwritten signature

Bản sao
TTLTQG III

Handwritten signature



của Bộ Tài chính về thể lệ công phiếu kháng chiến, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đã nhanh chóng tổ chức in và phát hành công phiếu kháng chiến Nam Bộ. Đại diện Bộ trưởng Bộ Tài chính ở Nam Bộ, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ, ông Phạm Văn Bạch ký tên trên tờ Công phiếu kháng chiến.

Các loại Công phiếu kháng chiến ở Nam bộ được phát hành có 4 hạng gồm:

- Hạng A có giá trị 200 đồng
- Hạng B có giá trị 1000 đồng
- Hạng C có giá trị 5000 đồng
- Hạng D có giá trị 10000 đồng

Đây là công phiếu có giá trị rất cao vì trong thời điểm này ở Nam Bộ, giá một giá lúa chỉ là 1 hào (nhân dân Nam Bộ còn gọi là 1 cắc - 1 hào hay 1 cắc = 10 xu) nhưng với lòng yêu nước nồng nàn, nhân dân Nam Bộ đón nhận và nhiệt liệt ủng hộ công phiếu kháng chiến, coi đó như những đồng tiền của Cách mạng phát hành, nên quá trình

lưu thông khá thuận lợi.

Các tờ Công phiếu kháng chiến được nhân dân Nam Bộ dùng để mua bán, thanh toán nợ nần với nhau trong lưu thông không khác gì việc dung tiền trong lưu thông.

Tuy nhiên, tất cả những giải pháp nêu trên cũng chỉ giải quyết được những khó khăn trước mắt nhằm phục vụ kịp thời cho các nhu cầu của công cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Vấn đề cơ bản và có tính chất lâu dài là phải khẩn trương in và phát hành giấy bạc Việt Nam.

Sau khi Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ đã in thành công các loại giấy bạc có mệnh giá loại 1 đồng, 5 đồng, 20 đồng được chuyển vào ngân khố để Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ, phân phối cho Ủy ban Kháng chiến hành chính các tỉnh tổ chức phát hành.

Thời kỳ đầu do lượng tiền in ra chưa nhiều và việc vận chuyển tiền gặp

... Theo sự chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ và các tỉnh trong khu vực phải tập trung mọi mặt cả tinh thần và vật chất, tài chính và tiền tệ để chuẩn bị mở các chiến dịch tấn công quân sự, nhằm mở rộng vùng giải phóng, đẩy lùi và làm phá vỡ các âm mưu bình định Nam Bộ của thực dân Pháp...

nhiều khó khăn, nên việc phát hành chủ yếu ở khu căn cứ miền Tây bao gồm các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cần Thơ, Long Châu Hà... Để giúp các tỉnh khác tháo gỡ khó khăn về tài chính và tiền tệ, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đã chủ trương cho phép Ủy ban Kháng chiến hành chính các tỉnh Thủ Thiêm, Mỹ Tho, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Hà Tiên tự in, tự sáng tác mẫu các phiếu tiếp tế, phiếu đổi chác, Tín phiếu các loại 5 cắc (0,5 đồng), 1 đồng, 5 đồng, 10 đồng để lưu hành trong phạm vi tỉnh.

Ngoài ra, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ còn cho phép các tỉnh in loại giấy bạc 1 đồng giống như kiểu tiền 1 đồng của giấy bạc Nam Bộ nhưng màu sắc lựa chọn cho thích hợp và đồng tiền này cũng chỉ được phép lưu hành trong phạm vi địa phương.

Để giúp các địa phương thực hiện chủ trương trên, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ giao cho Ban Ấn

loát Đặc biệt Nam bộ làm các bảng
kẽm mẫu in tiền và chuyển giao cho
các tỉnh thực hiện việc in tiền.

Những loại phiếu và đồng tiền do các
tỉnh in về danh nghĩa là chỉ được lưu
hành trong phạm vi địa phương nhưng
trên thực tế đã lưu hành rộng rãi trong
vùng kháng chiến Nam Bộ, không còn
phân biệt ranh giới tỉnh đã ghi trên các
phiếu và đồng tiền. Điều này cho thấy,

nhân dân trong vùng kháng chiến Nam
Bộ luôn tin tưởng và nhiệt tình ủng hộ
Cách mạng, coi Ủy ban Kháng chiến
Hành chính các tỉnh cũng là Ủy ban
Kháng chiến chung, miễn là các loại
phiếu, đồng tiền ấy được phát hành ra
để phục vụ cho công cuộc kháng chiến
chống lại thực dân Pháp xâm lược.

Thực dân Pháp đánh hơi thấy được
chúng ta đã in và phát hành được rộng



Phiếu tiếp tế do Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ phát hành



Giấy bạc giả do thực dân Pháp in

rãi giấy bạc Việt Nam ở Nam Bộ, chúng vô cùng tức tối và cay cú, đã tìm mọi thủ đoạn để chống phá. Chúng tìm mọi cách phong tỏa chúng ta đưa máy móc, nguyên liệu, vật liệu phục vụ in tiền từ các vùng do chúng chiếm đóng vào căn cứ kháng chiến nhằm hạn chế ta in và phát hành tiền rộng rãi. Nhưng chúng đã nhầm, như việc chủ động nắm bắt âm mưu của địch nên chúng ta đã có bước chuẩn bị đối phó với tất

cả tình huống xảy ra từ trước, cho nên các thủ đoạn, âm mưu chống phá ta của bọn chúng đều phá sản, chúng ta vẫn in và phát hành những tờ giấy bạc Việt Nam để phục vụ kịp thời cho công cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

Với thủ đoạn xảo quyệt của kẻ xâm lược, chúng còn tìm cách làm giả giá trị và giảm sự tín nhiệm của nhân dân đối với tờ bạc Cụ Hồ. Một mặt chúng

cho in nhiều bạc giả và tung vào những vùng có lưu hành tiền của ta, hòng làm rối loạn tiền tệ trong lưu thông và mặt khác chúng rêu rao tuyên truyền giấy bạc Việt Nam không có giá trị, chê bai tiền Việt Nam xấu, dễ rách nát, đồng thời ra sức khủng bố những người trong vùng tạm chiến sử dụng giấy bạc Việt Nam trong tiêu dùng.

Tất cả những thủ đoạn của thực dân Pháp không làm thay đổi và lay chuyển được ý chí Cách mạng kiên cường của nhân dân Nam Bộ. Với lòng thù chung sắt son với Cách mạng, nhân dân Nam Bộ vẫn nhắc nhở nhau: “Người Việt Nam tiêu tiền Việt Nam, dù rách nát cũng sài, miễn là còn hình của Bác”. Thậm chí có người dân còn nói “Trên đồng tiền còn một sợi râu của Cụ Hồ là còn tiêu được”.

Lòng dân Nam Bộ đối với đồng tiền Tài chính, đồng bạc Cụ Hồ thật cảm động và đáng tự hào. Đó là biểu hiện của lòng yêu nước, yêu độc lập tự do, đồng thời qua đó cũng khẳng định vị

thế và chủ quyền đồng tiền tài chính, đồng bạc Cụ Hồ của một quốc gia độc lập.

Những năm 1950 - 1951, để cứu vãn tình thế quân sự ở miền Bắc sau khi thua to ở chiến dịch biên giới phía Bắc, thực dân Pháp ra sức tập trung lực lượng tiến hành càn quét các căn cứ kháng chiến của chúng ta ở Nam Bộ.

Tình hình chiến trường đã có tác động ảnh hưởng lớn đến mặt trận đấu tranh tiền tệ giữa ta và địch. Tiền của ta bị dồn ép về miền Tây Nam Bộ, nơi căn cứ kháng chiến của Nam Bộ vẫn vững vàng chiến đấu để bảo toàn lực lượng, tiếp tục chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Tuy nhiên, trong thời kỳ này do địch đánh phá mạnh, đồng tiền của chúng ta có phần bị giảm giá và bị tiền Đông Dương lấn áp. Lợi dụng tình hình đó, địch tung tiền Đông Dương lấn sâu vào những vùng lấn chiếm được và cả những vùng thuộc khu kháng chiến

của ta, vợ vét nông sản với giá rẻ, trong khi chúng ta phải mua hàng công nghệ tiêu dùng của chúng với giá cao, chẳng hạn 1 giạ lúa đáng giá 50 đồng nó chỉ mua với giá 30 đồng, còn 1m vải của chúng giá bán chỉ 12 đồng Đông Dương, chúng bán tới 20 đồng.

Nguyên nhân của tình hình trên có nhiều, nhưng về cơ bản có nguyên nhân sau:

Theo sự chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ và các tỉnh trong khu vực phải tập trung mọi mặt cả tinh thần và vật chất, tài chính và tiền tệ để chuẩn bị mở các chiến dịch tấn công quân sự, nhằm mở rộng vùng giải phóng, đẩy lùi và làm phá vỡ các âm mưu bình định Nam Bộ của thực dân Pháp.

Tuy nhiên, do đang trong thời kỳ chiến tranh, việc quản lý kinh tế tài chính có nhiều phức tạp, trong khi đó có một thực tế là lực lượng cán bộ quản lý kinh tế tài chính của chúng ta hầu hết chưa

được đào tạo bài bản, chủ yếu vừa làm vừa học, cho nên trong quá trình chỉ đạo tổ chức thực hiện khó tránh khỏi những sai sót, cho nên một số chủ trương và việc làm chưa thích hợp, nếu không nói là có những sai lầm, chẳng hạn ở một số địa phương đưa ra chủ trương bao vây, phong tỏa kinh tế địch, tẩy chay hàng hóa địch, đánh thuế xuất nhập khẩu cao trong khi chúng ta chưa hoàn toàn tự chủ được hoàn toàn về mặt kinh tế, vẫn phải sử dụng nhiều hàng hóa từ vùng tạm chiếm để giải quyết các nhu cầu đời sống sinh hoạt hàng ngày của các tầng lớp nhân dân và lực lượng cán bộ, quân đội trong vùng căn cứ kháng chiến.

Chúng ta đã không tính đến và xem xét kỹ hoàn cảnh chiến tranh cài răng lược giữa các vùng chiến khu của ta và các vùng do địch kiểm soát, vẫn cần có sự giao lưu kinh tế, giao thương hàng hóa. Cho nên những chủ trương nêu trên đã dẫn đến tình trạng nhân dân trong các vùng căn cứ kháng chiến, nông sản làm ra không bán được trong

khi hàng công nghệ phẩm thiếu không mua được từ các vùng địch kiểm soát, gây cho ta nhiều khó khăn về quản lý thị trường, giá cả và tiền tệ, làm cho nhân dân bất bình.

Trước tình hình đó, chúng ta đã thành lập Ban Kinh tài Nam Bộ trực thuộc Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ để đề ra các chủ trương, các biện pháp phù hợp để tháo gỡ khó khăn, tăng cường công tác quản lý kinh tế tài chính, đẩy mạnh sản xuất và lưu thông hàng hóa, khôi phục lại việc giao lưu hàng hóa giữa vùng căn cứ Cách mạng với các vùng địch đang chiếm có lợi cho ta. Nhờ vậy, đồng bào yên tâm phấn khởi sản xuất và bán được nông sản dư thừa, cũng như mua được các mặt hàng công nghệ phẩm thiết yếu chỉ có ở các vùng địch tạm chiến.

Với chủ trương và cách làm phù hợp, nhanh chóng và kịp thời, chúng ta đã khắc phục được những khó khăn bởi những chủ trương và cách làm chưa đúng trước đây, đặc biệt là chúng ta đã

nhanh chóng ổn định được tình hình kinh tế tài chính, nâng cao được giá trị đồng tiền của ta và thực hiện đấu tranh thắng lợi tỷ giá tiền của ta so với đồng tiền Đông Dương của địch, từ chỗ trước đây tỷ giá 1 đồng tiền Đông Dương đổi được 45 đồng tiền của ta, nay chỉ còn đổi được 36 - 40 đồng tiền của ta.

Nhưng điều quan trọng nhất là từ đây chúng ta mở rộng mặt trận đấu tranh tiền tệ với địch. Với lợi thế điều kiện kinh tế tài chính đã dần đủ mạnh và đi vào ổn định, chúng ta đã mở chiến dịch tấn công tờ bạc Đông Dương, đẩy lùi đồng tiền của địch ra khỏi vùng giải phóng, mở rộng lưu thông đồng tiền của ta ra tới tận các vùng tranh chấp, vùng ven, đẩy mạnh các mặt sản xuất kinh doanh và lưu thông hàng hóa, từng bước cải thiện đời sống sinh hoạt của nhân dân.

Chính vì vậy đồng bào Nam Bộ nhất là trong vùng giải phóng vô cùng phấn khởi và tin tưởng vào sự lãnh đạo của

Ủy ban kháng chiến Hành chính Nam Bộ, tin tưởng vào Cách mạng.

Ngày 5/6/1959, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành Sắc lệnh số 15/SL về việc thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, có nhiệm vụ in và phát hành giấy bạc Ngân hàng để thay thế đồng tiền tài chính, đồng bạc Cự Hồ nhằm phục vụ đắc lực cho sản xuất, lưu thông phân phối, ổn định giá cả và đời sống nhân dân, cũng như tạo ra nguồn lực tài chính, đẩy mạnh nhanh chóng đến thắng lợi.

Sau khi Sắc lệnh của Chính phủ được ban hành, ở miền Bắc và miền Trung, hệ thống Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lần lượt được thành lập, thực hiện việc in và phát hành tiền ngân hàng và thu đổi cho nhân dân để thu hồi toàn bộ số lượng đồng tiền tài chính, đồng bạc Cự Hồ đã in và phát hành những năm trước đây về Kho bạc Nhà nước.

Những công việc này được tiến hành trong khi công cuộc kháng chiến

chống thực dân Pháp chưa kết thúc, nhưng diễn ra hết sức thuận lợi và được đồng bào nhiệt tình ủng hộ. Có thể nói, đây là cuộc cải cách tiền tệ đầu tiên của nước ta dưới Chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chuyển từ chế độ phát hành để thực hiện mục đích chi tiêu cho ngân sách nhà nước sang chế độ phát hành tiền tệ phục vụ cho yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh, lưu thông hàng hóa là chính. Như vậy, việc phát hành tiền ngân hàng cũng có nghĩa chuyển từ chế độ tiền tệ quốc khổ do Bộ Tài chính phụ trách dần sang chế độ tiền tệ tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phụ trách.

Ở Nam Bộ, do những điều kiện đặc thù nên mãi đến tháng 2/1953 hệ thống Ngân hàng Nhân dân Nam Bộ mới được thành lập, chịu sự chỉ đạo của hệ thống dọc là Ngân hàng Nhà nước Trung ương về chủ trương đường lối, còn quá trình thực hiện nghiệp vụ cụ thể thì được mở rộng quyền hạn, được phép vận dụng linh hoạt cho sát với

tiến trình thực tế của địa phương.

Chính vì vậy cho nên trong Ngân hàng Nhân dân Nam Bộ được thành lập (trên cơ sở Nghị định số 39/NĐNB của Ủy ban Kháng chiến Hành chính chuyển Sở Ngân khố Nam Bộ thành Ngân hàng Nhân dân Nam Bộ, trụ sở đóng tại xã Tân Đức, Tân Hòa, Bạc Liêu và ông Trần Ngọc Hải được giao nhiệm vụ làm Giám đốc) nhưng chưa phát hành tiền ngân hàng mà vẫn sử dụng đồng tiền tài chính, đồng bạc Cự Hồ và các loại tín phiếu, phiếu tiếp tế... của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ và các tỉnh in, phát hành trước đây.

Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu thúc đẩy sản xuất kinh doanh, lưu thông hàng hóa và tạo nguồn lực tài chính phục vụ đặc lực cho công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang đến thời kỳ tổng phản công mạnh mẽ, được sự cho phép của Xứ ủy Nam kỳ, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ, Ngân hàng Nhân dân Nam Bộ đã

thực hiện động thái đầu tiên là cho in và phát hành Séc ghi tên có ghi rõ mệnh giá với 3 loại gồm:

- Séc ghi tên có mệnh giá 1000 đồng
- Séc ghi tên có mệnh giá 5000 đồng
- Séc ghi tên có mệnh giá 10.000 đồng

Séc ghi tên này thay cho tờ giấy bạc dùng để mua hàng ở các tổ chức mậu dịch quốc doanh, để đóng thuế cho Chính phủ hoặc đến Ngân hàng Nhân dân Nam Bộ đổi lấy tiền lẻ lúc nào cũng được.

Như vậy trong thời kỳ này, trên lĩnh vực lưu thông tiền tệ ở chiến khu Nam Bộ, ngoài đồng tiền tài chính, đồng bạc Cự Hồ, các loại tín phiếu, phiếu đổi chác... do Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ, các tỉnh in, phát hành còn có thêm Séc ghi tên do Ngân hàng Nhân dân Nam Bộ in phát hành, hình thành nên một thị trường tiền tệ phong phú, đa dạng, tạo ra một nguồn lực tài chính thiết thực, hiệu quả để phục vụ đặc lực



cho công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của chính quyền Cách mạng và nhân dân Nam Bộ.

Trong giai đoạn cuối năm 1953 đến năm 1954, ở Nam Bộ có một số loại tiền trong chúng ta đã in hoặc đã

chuẩn bị in nhưng chưa kịp phát hành thì cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân dân ta đã đi đến thắng lợi hoàn toàn bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, bắt buộc thực dân Pháp phải ngồi vào bàn đàm phán và ký với Chính phủ Việt Nam Dân chủ

Cộng hòa Hiệp định Giơnevơ ngày 20/7/1954.

Trước hết là loại giấy bạc Việt Nam mệnh giá 200 đồng và mệnh giá 500 đồng. Loại giấy bạc mệnh giá 200 đồng đã in xong, còn loại giấy bạc mệnh giá 500 đồng đã chuẩn bị xong bản vẽ nhưng chưa kịp in.

Còn một loại giấy bạc khác dự kiến để hỗ trợ cho lực lượng kháng chiến Campuchia. Đây là chủ trương của Xứ ủy Trung ương Cục và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ được Ngân hàng Nhân dân Nam Bộ, Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ cũng phối hợp thực hiện, đã làm xong mẫu vẽ nhưng cũng tương tự như giấy bạc Việt Nam mệnh giá 500 đồng, chưa kịp in thì tình hình thế cuộc đã thay đổi, tất cả phải dừng lại.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, trước khi rời khỏi Nam Bộ tập kết ra Bắc, Ngân hàng Nhân dân Nam Bộ thực hiện chỉ đạo của Xứ ủy Trung

ương Cục, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đã tiến hành đổi tiền cho nhân dân bằng cách dùng tiền Đông Dương (giấy bạc xanh) để đổi lấy các loại tiền do Chính phủ nhà nước Cách mạng in và phát hành ở Nam Bộ cho nhân dân, đồng thời tiêu hủy số tiền đã thu đổi được trước khi lên tàu tại cửa sông Ông Đốc tập kết ra Bắc.

Đến thời điểm này, đồng tiền tài chính, đồng bạc Cự Hồ mới chính thức kết thúc vai trò lịch sử, sau gần 10 năm tồn tại và phát triển. Trong thời gian không dài, đồng tiền tài chính - đồng bạc Cự Hồ trong những năm tháng đó đã để lại một mốc son lịch sử quan trọng trong đời sống chính trị và kinh tế xã hội của đất nước ta.

VAI TRÒ, Ý NGHĨA ĐỒNG TIỀN TÀI CHÍNH VIỆT NAM

Về ý nghĩa chính trị

Sau khi giành thắng lợi trong cuộc Cách mạng Tháng 8/1945, ngày 2/9/1945 tại quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đã đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, trong đó đã khẳng định trước quốc dân đồng bào và toàn thế giới, nước Việt Nam là một quốc gia độc lập “Sông có thể cạn, núi có thể mòn nhưng chân lý ấy không bao giờ thay đổi...”.

Tuy nhiên, thế và lực của nước ta lúc này chưa đủ mạnh để quét sạch bọn địch ra khỏi bờ cõi, trong khi đó thì

quân Anh vào giải giáp quân Pháp ở phía Nam lại tìm cách hỗ trợ thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Còn ở miền Bắc, quân Tàu Tưởng vào giải giáp thực dân Pháp tuy đã thất bại nhưng vẫn chưa từ bỏ âm mưu, thủ đoạn quay trở lại để thống trị Việt Nam, cho nên chúng ra sức sử dụng bọn Việt gian phản động chống phá nền độc lập tự do của chúng ta vừa giành được. Nguy hiểm hơn là bọn chúng sử dụng đồng tiền Đông Dương do Ngân hàng Đông Dương của thực dân Pháp phát hành vẫn còn đang hiện hữu trên đất nước ta làm công cụ, phương tiện để phá hoại, hòng làm suy yếu nền chính trị, kinh tế - tài chính

non trẻ của chúng ta.

Có thể nói tình hình chính trị, kinh tế tài chính xã hội của chúng ta trong thời điểm mới giành được độc lập là chưa thật sự ổn định hay nói đúng hơn là đang trong giai đoạn cực kỳ khó khăn, nhiều lúc rơi vào tình trạng ngàn cân treo trên sợi tóc.

Đứng trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Bác Hồ kính yêu, Đảng và Chính phủ lâm thời đã tìm mọi cách để bảo vệ những thành quả Cách mạng vừa giành được, bảo vệ nền độc lập tự do của đất nước.

Với những chính sách mềm dẻo, khéo léo và đấu tranh không khoan nhượng với kẻ địch, chúng ta đã dần dần nắm được thế chủ động. Để củng cố và đảm bảo cuộc đấu tranh trên mặt trận chính trị đạt được thắng lợi, Đảng và Chính phủ chủ trương phải đấu tranh mạnh mẽ trên mặt trận kinh tế - tài chính nhất là trên mặt trận tiền tệ, đặc biệt là phải biết dựa vào dân, động viên khích

lệ tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân.

Trên tinh thần ấy, ngay từ khi mới giành được độc lập, Đảng và Chính phủ đã chủ trương phải nhanh chóng phát hành đồng tiền riêng của Việt Nam vì một quốc gia độc lập có chủ quyền cần phải dựa trên một nền tảng vững chắc là độc lập chủ quyền về tài chính - tiền tệ.

Theo thông lệ quốc tế, phát hành tiền tệ là vai trò chức năng nhiệm vụ của ngân hàng quốc gia. Điều này Đảng và Chính phủ lâm thời đều nhận thức đầy đủ, nhưng trong thời điểm mới giành được độc lập, chúng ta chưa thành lập được hệ thống ngân hàng trong khi hệ thống tài chính đã được hình thành từ nhiều năm trước đó. Do đó việc phát hành tiền được giao cho Bộ Tài chính đảm nhận. Đây cũng chính là một sự vận dụng năng động sáng tạo của Đảng và Chính phủ lâm thời, bởi lẽ trong những thời điểm này như phần trên đã đề cập, nền chính trị của chúng

ta đang trong bối cảnh rơi vào tình trạng cực kỳ khó khăn, nếu đợi thành lập ngân hàng quốc gia xong rồi mới in và phát hành tiền sẽ mất rất nhiều thời gian và mất thời cơ có được một công cụ, một phương tiện, một vũ khí để đấu tranh trực diện trên mặt trận kinh tế - tài chính - tiền tệ với kẻ địch để củng cố, bảo vệ nền chính trị non trẻ của chúng ta.

Do vậy, việc phát hành tiền riêng của Nhà nước ta lúc này là việc làm cấp thiết không thể chờ đợi lâu hơn được nữa nhất là trong bối cảnh ngân khố đã trống rỗng, nhu cầu chi tiêu cho Chính phủ để bảo vệ nền độc lập tự do vừa giành được là rất lớn, trong khi kẻ địch đang dùng mọi âm mưu thủ đoạn để chống phá kịch liệt, nhất là chúng sử dụng ngay chính đồng tiền Đông Dương do ngân hàng Đông Dương phát hành và các loại đồng tiền khác mà quân Anh, quân Tàu Tưởng vào giải giáp thực dân Pháp mang vào để chống phá nền kinh tế tài chính - tiền tệ của chúng ta.

Chính vì vậy, việc quyết định in và phát hành đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ ở Bắc Bộ - sau khi phát hành đầu tiên ở Trung Bộ sau đó là thủ đô Hà Nội, trung tâm đầu não của Chính phủ lâm thời - cũng là nơi ta và địch đấu tranh quyết liệt với nhau trên các mặt trận chính trị, kinh tế tài chính, tiền tệ... đóng một vai trò, vị trí và tác dụng hết sức to lớn, không những để làm công cụ, phương tiện, vũ khí sắc bén, hiệu quả để đấu tranh trực diện trên mặt trận kinh tế xã hội, tài chính tiền tệ với kẻ địch, mà còn thực hiện mục đích cao cả là để đấu tranh trên mặt trận chính trị với địch, bảo vệ nền độc lập tự do mới giành được và chủ quyền của đất nước.

Đồng tiền tài chính phát hành ở Bắc Bộ qua hai giai đoạn: giai đoạn đầu là phát hành đồng tiền kim loại và giai đoạn sau là phát hành tiền giấy. Giai đoạn đầu phát hành tiền kim loại tuy số lượng không lớn nên chưa thực sự có tác dụng tích cực đấu tranh trên mặt trận kinh tế xã hội tài chính tiền

tệ với địch nhưng lại có một vai trò vô cùng to lớn là khẳng định chủ quyền của một quốc gia độc lập ngay từ ngày đầu giành chính quyền .

Giai đoạn phát hành tiền giấy và thường được gọi là đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ ở Bắc Bộ mới

là một chính sách có tính chất quyết định để giáng trả những âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ địch và bọn Việt gian phản động, đó là yếu tố và vai trò quan trọng để Đảng và Chính phủ Cách mạng giành thắng lợi trên mặt trận đấu tranh trên mặt trận kinh tế xã hội - tài chính tiền tệ với kẻ địch,



đảm bảo sự độc lập chủ quyền về tài chính - tiền tệ của đất nước ta, là cơ sở để các tầng lớp nhân dân tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ Cách mạng, nâng cao vị thế chính trị của nước ta trên trường quốc tế và bảo đảm vững chắc nền độc lập tự do của quốc gia. Đặc biệt, việc phát hành đồng tiền tài chính - giấy bạc Cụ Hồ còn giữ vai trò quan trọng là tạo ra tiền đề, động lực Cách mạng mới và là nền tảng vững chắc để Đảng và Chính phủ Cách mạng lãnh đạo toàn dân tiếp tục thực hiện công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lâu dài, gian khổ đi tới thắng lợi cuối cùng.

Có thể nói vai trò của việc phát hành đồng tiền tài chính, trước hết được ta quyết định in ấn ngay sau khi giành độc lập ở Bắc Bộ là cực kỳ to lớn, đó là một trong những yếu tố có tính chất quyết định để bảo vệ nền tảng chính trị của một quốc gia độc lập và củng cố niềm tin của các tầng lớp nhân dân đối với cách mạng, do Bác Hồ kính yêu và Đảng cộng sản quang vinh tổ chức và

lãnh đạo. Điều này đã thể hiện đầy đủ qua lịch sử Cách mạng Việt Nam thời kỳ đầu nước nhà mới giành được độc lập.

Ở Trung Bộ, như phần trên đã đề cập, đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ được Bác Hồ và Chính phủ Cách mạng quyết định phát hành đầu tiên ở Nam Trung Bộ từ vĩ tuyến 16 trở vào theo Sắc lệnh số 28/B ngày 31/01/1946 và ngày 3/02/1946 (tức ngày Mừng 2 tết năm Bính Tuất), giấy bạc Việt Nam được chính thức phát hành ở Quảng Ngãi.

Trong buổi lễ phát hành đồng tiền tài chính - giấy bạc Cụ Hồ đầu tiên trước toàn thể đồng bào tham dự, đại diện Chính quyền Cách mạng, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Hành chính tỉnh Quảng Ngãi đã trình trọng thay mặt Chính phủ Cách mạng đốt một tờ bạc “độc lu” 100 đồng tiền Đông Dương, tượng trưng cho sự hủy bỏ một nền tài chính - tiền tệ nô lệ của thực dân Pháp, mở ra một kỷ nguyên mới với một nền

tài chính - tiền tệ của Việt Nam - một quốc gia độc lập có chủ quyền.

Tháng 3/1946 trong kỳ họp Quốc hội khóa đầu tiên, đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Chính phủ đã trình trọng tuyên bố với quốc dân đồng bào và toàn thế giới biết “Tiền Việt Nam đã được phát hành ở miền Nam Trung Bộ, được nhân dân hoan nghênh và tín nhiệm” (Theo “40 mùa sen nở” của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - trang 158).

Việc chính thức phát hành Đồng tiền Tài chính - Giấy bạc Cụ Hồ ở Nam Trung Bộ là một thông điệp và cũng là một lần nữa tuyên bố thông cáo với toàn thế giới, nước Việt Nam là một quốc gia độc lập có chủ quyền về mọi mặt, không chỉ về mặt chính trị mà còn về mặt kinh tế tài chính, tiền tệ.

Việc phát hành tiền Việt Nam này đã củng cố vị thế chính trị của Việt Nam trên trường quốc tế và là đòn chính trị to lớn giáng mạnh vào kẻ thù, làm

cho chúng phải hoang mang, nao núng bởi trong thời điểm đó, chúng không thể ngờ rằng một quốc gia mới giành được độc lập chưa bao lâu, tình hình chính trị kinh tế xã hội còn gặp phải vô vàn khó khăn, thế mà không hiểu bằng cách nào đã nhanh chóng tổ chức in và phát hành được đồng tiền riêng của mình. Không những thế, đây còn là những tiền đề, điều kiện thuận lợi để nâng cao vị thế chính trị của Chính phủ trong quá trình đàm phán, đấu tranh trên mặt trận chính trị ngoại giao với kẻ địch, tạo cho chúng ta một thế và lực vững vàng của một quốc gia độc lập có chủ quyền.

Nhưng điều quan trọng nhất là đã ngày càng củng cố niềm tin, sự tin tưởng hoàn toàn của các tầng lớp nhân dân cả nước vào Cách mạng, vào sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Bác Hồ, của Đảng và Chính phủ Cách mạng, qua đó tăng thêm sự ủng hộ, sự đoàn kết sát cánh cùng Đảng, Chính phủ, quyết tâm hy sinh, đóng góp sức người sức của để bảo vệ những thành quả Cách

mạng vừa giành được và bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc.

Có thể nói, từ sau khi Chính phủ phát hành Đồng tiền Tài chính - Giấy bạc Cự Hồ, tinh thần Cách mạng của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân lên rất cao, đồng tiền phát hành ra được nhân dân hưởng ứng, đón nhận với tất cả tấm lòng vì Cách mạng, cho nên mặc dù theo quy định, đồng tiền Tài chính chỉ đổi ngang bằng giá trị 1 đồng tiền Đông Dương nhưng nhiều người sẵn sàng đổi 1,3 - 1,5 đồng tiền Đông Dương để lấy 1 đồng tiền Tài chính. Điều này cho thấy đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cự Hồ được cấu thành cả yếu tố chính trị, niềm tin và sự gửi gắm của tầng lớp nhân dân vào Cách mạng chứ không chỉ đơn thuần về mặt kinh tế.

Đây chính là một thắng lợi hết sức to lớn, một thắng lợi “kép” không những làm cho kẻ thù phải hoang mang, dao động mà còn làm cho tinh thần Cách mạng của nhân dân ngày càng được

nâng cao hơn bao giờ hết.

Vì vậy có thể khẳng định, việc phát hành đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cự Hồ ở Trung Bộ đã tạo ra một bước chuyển biến tích cực trên mặt trận đấu tranh chính trị với địch và tạo ra những hiệu ứng, hiệu quả vô cùng to lớn, hiệu quả để Đảng, Chính phủ Cách mạng nâng cao được vị thế của mình trong quá trình lãnh đạo nhân dân thực hiện công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và các thế lực thù địch để tới thắng lợi cuối cùng.

Còn ở Nam Bộ, tuy ở xa trung ương lại trong điều kiện bị o ép, gắt gao của thực dân Pháp, đồng tiền tài chính - đồng bạc Cự Hồ được lưu thông một cách linh hoạt, sáng tạo, chủ động đã góp phần giúp Chính phủ của Nhà nước Cách mạng đầu tiên ở Đông Nam Châu Á xây dựng được một nền tài chính tiền tệ riêng, đầy tính sáng tạo và bản chất Việt Nam.

Có thể nói, thông việc lưu hành tiền

tài chính tại Nam Bộ đã khẳng định ý chí sắt son, niềm tin theo Đảng, Bác Hồ, sự trung thành tuyệt đối, hướng về Cách mạng của đồng bào Nam Bộ. Đối với đồng bào Nam Bộ, đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ không chỉ hàm chứa nội dung giá trị tiền tệ thông thường mà còn mang ý nghĩa chính trị sâu sắc.

Trên mỗi đồng tiền dù mệnh giá lớn hay nhỏ đều có hình ảnh Bác Hồ và được in trên loại giấy thô sơ, mộc mạc nhưng đáng quý là có ngôi sao chìm năm cánh, trên mỗi loại đồng tiền mệnh giá khác nhau có các hình ảnh khác nhau như hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ, hay hình ảnh anh dân quân, chị du kích tay cầm cuốc, tay cầm súng, hình ảnh anh công nhân cầm búa, chị nông dân cầm trên tay bó lúa chín vàng, hoặc có loại đồng tiền in hình ảnh hai phụ nữ với cuốn sách, anh bộ đội cầm súng, anh nông dân với quả bí...

Tất cả những hình ảnh được in trên các loại đồng tiền đều hàm chứa nội dung

chính trị tư tưởng là đồng bào Nam Bộ luôn hướng về vị cha già dân tộc, về ngọn cờ thiêng liêng của Tổ quốc cũng như nội dung vừa chiến đấu vừa sản xuất hoặc quyết tâm thực hiện chủ trương diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.

Đồng tiền Tài chính - đồng bạc Cụ Hồ còn chính là lời hiệu triệu và phản ánh ý nguyện của đồng bào Nam Bộ về nền độc lập tự do của Tổ quốc, là sự động viên tuyên truyền sắc bén những chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ Cách mạng, là lời kêu gọi thiết tha lòng yêu nước của các tầng lớp nhân dân, tập hợp đoàn kết toàn dân để hình thành nên sức mạnh thực hiện công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi và kiến quốc thành công.

Chính vì lòng dân, ý chí độc lập tự do, tinh thần yêu nước, lòng tin vào Cách mạng, vào Đảng, Bác Hồ của mọi người dân Việt Nam, nên đồng tiền Tài chính - đồng bạc Cụ Hồ được in và

phát hành trong phạm vi cả nước dù ở bất cứ đâu đã đi vào lòng dân, do đó chỉ trong một thời gian ngắn đồng tiền tài chính - đồng bạc Cự Hồ đã đẩy lùi đồng tiền Đông Dương của thực dân Pháp và các loại tiền nước ngoài khác ra khỏi các vùng giải phóng, các vùng căn cứ kháng chiến, độc chiếm trên thị trường, vững vàng tồn tại và phát triển, không bị lệ thuộc vào đồng tiền Đông Dương của bọn chúng đã từng ngự trị hàng trăm năm nay trên đất nước ta.

Về ý nghĩa kinh tế - xã hội, tài chính - tiền tệ

Khi Cách mạng Tháng 8 thành công, Chính phủ Cách mạng tiếp quản ngân khố thì ngân khố hầu như trống rỗng. Mặc dù Đảng và Chính phủ lâm thời đã vận dụng mềm dẻo, linh hoạt để sử dụng ngay chính Ngân hàng Đông Dương để phục vụ cho các nhu cầu chi tiêu của chính quyền Cách mạng, nhưng không phải dễ dàng và luôn bị kiểm chế trong giới hạn nhất định. Hơn nữa, chính thực dân Pháp cũng đã sử dụng đồng tiền Đông Dương do Ngân hàng Đông Dương phát hành để chống phá ta về mặt kinh tế - xã hội, tài chính - tiền tệ, hòng làm suy yếu vị thế của Chính phủ Cách mạng.

Do đó thời kỳ này chúng ta rơi vào bối cảnh cực kỳ khó khăn, nguồn thu thì hầu như chưa có gì trong khi nhu cầu chi tiêu cho Chính phủ Cách mạng để giải quyết những vấn đề cấp thiết của đời sống kinh tế xã hội là vô cùng to lớn, mặt khác nhu cầu chi tiêu cho

quốc phòng để đảm bảo trật tự an ninh và chuẩn bị đối phó với những âm mưu quay trở lại xâm lược đất nước ta một lần nữa cũng là một vấn đề cấp thiết, đòi hỏi phải có một nguồn lực tài chính lớn.

Đảng và Chính phủ đã chủ trương đưa ra nhiều chính sách để động viên, khích lệ tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân tự nguyện tham gia đóng góp dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm huy động nguồn lực tài chính trong dân để hình thành một nguồn lực tài chính chung của đất nước, kịp thời giải quyết những khó khăn trước mắt và bảo vệ nền độc lập tự do mới giành được.

Tuy nhiên, trong bối cảnh những năm đầu của đất nước mới giành được độc lập, người dân Việt Nam đã bị thực dân Pháp đô hộ gắn một thế kỷ, đã bị bóc lột thậm tệ và rơi vào hoàn cảnh bán cùng hóa, đời sống kinh tế gần như là kiệt quệ, cụ thể là nạn đói năm 1944 - 1945 đã cướp sinh mạng của 2 triệu

người Việt Nam.

Do đó, mặc dù là rất giàu lòng yêu nước, sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp Cách mạng của đất nước, tích cực tham gia đóng góp tài chính cho Chính phủ, nhưng do thực trạng tình hình kinh tế xã hội, nên sự tham gia đóng góp của nhân dân cho Chính phủ có nhiều hạn chế, chưa thể hình thành nên một nguồn lực tài chính đủ mạnh để giải quyết những nhu cầu chi tiêu cấp thiết đặt ra, chủ yếu nguồn lực tài chính của Chính phủ Cách mạng trong thời điểm này chỉ đủ để giải quyết những nhu cầu chi tiêu thường xuyên hàng ngày nhưng cũng chỉ trong phạm vi hẹp, còn những nhu cầu chi tiêu lớn như chi tiêu cho hoạt động bộ máy của Chính phủ, nhu cầu chi tiêu cho quốc phòng... chưa đáp ứng được.

Chính vì vậy, việc phát hành đồng tiền tài chính - giấy bạc Cụ Hồ đã tạo cho Chính phủ Cách mạng có được một nguồn lực tài chính nhất định để chủ động giải quyết những nhu cầu chi tiêu



Địa điểm làm việc Nhà máy in tiền Khánh Thi - Chiêm Hóa, Tuyên Quang
(được Bảo tàng Tỉnh Tuyên Quang đặt mốc)

cấp thiết, để giải quyết những khó khăn trước mắt cũng như lâu dài, đặc biệt là giải quyết nhu cầu chi tiêu cho quốc phòng để đảm bảo giữ gìn an ninh trật tự, đối phó với âm mưu thủ đoạn của địch và Việt gian phản động đang từng ngày từng giờ chống phá nền độc lập tự do của đất nước, cũng như chuẩn bị để đối phó với âm mưu quay lại xâm lược nước ta một lần nữa.

Phát hành đồng tiền Tài chính cũng góp phần giúp cho Chính phủ Cách mạng thực thi hàng loạt chủ trương chính sách về kinh tế xã hội, về tài chính... đã đề ra, trong đó có việc ổn định nền kinh tế xã hội, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, lưu thông hàng hóa... để cải thiện đời sống nhân dân, nhất là các tầng lớp nhân dân lao động, trước hết là giải quyết được nạn đói, qua đó làm cho các tầng lớp nhân dân ngày càng thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ Cách mạng.

Ngoài ra, thông qua việc phát hành đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ,

chúng ta đã từng bước cải thiện ngân sách quốc gia, đảm bảo đủ nguồn tài chính để chi tiêu giải quyết những nhu cầu cấp thiết của Chính phủ Cách mạng, nhất là chi tiêu cho quốc phòng để đảm bảo an ninh trật tự và chuẩn bị cho công cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

Từ nguồn lực tài chính thông qua phát hành đồng tiền tài chính - giấy bạc Cụ Hồ, sản xuất kinh doanh, lưu thông hàng hóa... đã dần dần có bước chuyển hướng tích cực, làm cho nền kinh tế xã hội, tình hình tài chính - tiền tệ đi vào phát triển ổn định, đời sống tinh thần vật chất của nhân dân từng bước được cải thiện, nên cũng là những tiền đề, những cơ sở để tạo nên những nguồn thu mới cho ngân sách quốc gia, nhờ đó Chính phủ Cách mạng có thêm nguồn lực tài chính mới và điều kiện thuận lợi để đầu tư chi cho quốc phòng và các nhu cầu khác của nền kinh tế xã hội, bảo đảm đủ thể và lực để xây dựng và bảo vệ nền độc lập tự do của Tổ quốc.

Mặt khác, việc phát hành đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ ở Bắc Bộ còn có một vai trò đặc biệt quan trọng là khẳng định sự độc lập và chủ quyền về tài chính - tiền tệ của quốc gia, đồng thời là công cụ, là phương tiện, là vũ khí hiệu quả để đấu tranh trực diện trên mặt trận kinh tế tài chính - tiền tệ với địch, từng bước loại bỏ đồng tiền Đông Dương ra khỏi đời sống xã hội trong những vùng tự do nơi Chính phủ Cách mạng kiểm soát và quản lý, đồng thời sử dụng những đồng tiền Đông Dương của địch qua thu đổi đồng tiền tài chính - giấy bạc Cụ Hồ cho nhân dân để mua hàng hóa, nguyên liệu vật tư, thuốc men,... ở vùng tạm chiếm phục vụ cho các nhu cầu hữu ích của Chính phủ Cách mạng và đời sống sinh hoạt của nhân dân, góp phần ổn định tình hình kinh tế xã hội của chúng ta trong vùng tự do.

Việc chúng ta nhanh chóng in ấn, phát hành đồng tiền tài chính, đã tạo nên vai trò quan trọng và tầm ảnh hưởng nhiều mặt, giống như mũi tên bắn ra

trúng nhiều đích, vừa là củng cố vị thế chính trị của Chính phủ Cách mạng, vừa để đảm bảo thực hiện thắng lợi cuộc đấu tranh trên mặt trận kinh tế xã hội, tài chính tiền tệ với kẻ địch, bảo vệ nền độc lập tự do và chủ quyền của đất nước, củng cố và khích lệ niềm tin của các tầng lớp nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ Cách mạng, tạo lập một nền tài chính quốc gia độc lập, tự chủ và chuẩn bị nguồn lực tài chính để phục vụ cho công cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp đi tới thắng lợi cuối cùng.

Tiền tài chính - giấy bạc Cụ Hồ được Bác Hồ và Chính phủ Cách mạng quyết định phát hành đầu tiên ở Nam Trung Bộ từ vĩ tuyến 16 trở vào. Ngay từ đầu, thông qua việc phát hành đồng tiền Tài chính ở Trung Bộ, chúng ta đã thu đổi nắm giữ được một lượng tiền Đông Dương khá lớn và sử dụng số tiền Đông Dương này phục vụ cho mục đích, nhu cầu của Cách mạng. Số tiền Đông Dương thu đổi được đưa vào vùng địch tạm chiếm mua hàng

hóa, nguyên vật liệu, thuốc men, vũ khí, đạn dược... mang ra vùng tự do để phục vụ đời sống sinh hoạt và phục vụ các yêu cầu khác của công cuộc kháng chiến.

Như vậy, trên thực tế, chúng ta đã sử dụng chính ngay công cụ, phương tiện, vũ khí của địch để chống phá ta trên mặt trận kinh tế tài chính tiền tệ làm công cụ, phương tiện, vũ khí để đấu tranh lại với địch một cách thiết thực hiệu quả theo đúng phương châm lấy vũ khí địch chống lại kẻ địch.

Việc phát hành tiền tại miền Trung (mặc dù số lượng tiền in tại miền trung vẫn chưa được nhiều, chủ yếu phát hành tín phiếu kháng chiến, phần lớn vẫn là tiền in tại Bắc Bộ đưa vào) đã giúp cho Ủy ban Kháng chiến Hành chính Trung Bộ chủ động về ngân sách để chi tiêu cho các nhu cầu thiết yếu như chi thường xuyên và nhất là chi cho quốc phòng để chống các âm mưu chống phá của kẻ địch và các thế lực phản động, đồng thời đáp ứng cho các

yêu cầu thúc đẩy tăng gia sản xuất, lưu thông hàng hóa... như mô tả qua những vần thơ mộc mạc của ông Cao Đăng Tòng, công nhân Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ:

Tạo ra tiền trao đổi giao thương
Mua hàng dựng xưởng, trả lương
Kinh tài ổn định, chiến trường thắng to...

Thông qua phát hành tiền tại Trung Bộ, đã góp phần cho Ủy ban Kháng chiến Hành chính Trung ương chủ động về ngân sách còn có điều kiện để thực hiện các chủ trương chính sách của chính phủ, Bộ Tài chính tạo ra các nguồn lực kinh tế thuận lợi để đối phó với những âm mưu thủ đoạn, chống phá của kẻ địch và các thế lực thù địch, trên cơ sở đó củng cố vững chắc các vùng tự do, góp phần để Đảng, Chính phủ Cách mạng có điều kiện thuận lợi để tập trung đối phó với kẻ địch ở Bắc Bộ và Nam Bộ, đó là những khu vực mà giữa ta và địch còn “xen canh” lẫn nhau giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm đang hàng ngày đấu tranh

quyết liệt để giành giật sự ảnh hưởng và quyền quản lý về mình.

Đối với Nam Bộ, trong thời gian 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng tiền tài chính - đồng bạc Cộ Hồ được in và phát hành ở Nam Bộ (cộng với số tiền in ở Bắc Bộ và Trung Bộ thấm thấu vào Nam Bộ qua các con đường cán bộ được chi viện cho miền

Nam mang theo hoặc qua con đường lưu thông hàng hóa tự nhiên) thì ước tính lượng tiền tài chính - đồng bạc Cộ Hồ lưu hành ở Nam Bộ khoảng trên 3 tỷ đồng. (trên thực tế sau Hiệp định Giơnevơ ngày 21/7/1945 ta ký với Pháp, chúng ta đã thu đổi trước khi tập kết ra miền Bắc được 2 tỷ 519 triệu đồng theo tỷ giá 1 đồng Đông Dương bằng 30 - 40 đồng tiền Nam Bộ. Số tiền



còn lại không thu đổi về hết do nhiều lý do trong đó có một lý do hết sức ý nghĩa đó là nhân dân Nam Bộ rất trân trọng và yêu quý đồng tiền tài chính - đồng bạc Cự Hồ, nên muốn giữ lại như một kỷ niệm lịch sử).

Với lượng tiền đó đã giúp Trung ương Cục Miền Nam, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ các tỉnh Nam Bộ có đủ nguồn lực tài chính để lãnh đạo chỉ đạo công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, giải quyết được kịp thời những khó khăn về tài chính, ngân quỹ. Đồng thời, cũng giống như Bắc Bộ và Trung Bộ, thông qua việc phát hành đồng tiền tài chính chúng ta đã tập trung được một lượng khá lớn tiền Đông Dương để mua các hàng hóa cần thiết từ vùng bị địch tạm chiếm phục vụ cho các nhu cầu đời sống sinh hoạt, cũng như các nhu cầu khác nhất là nhu cầu về nguyên nhiên vật liệu, thiết bị máy móc... để thúc đẩy sản xuất kinh doanh của các cơ quan chính quyền Cách mạng và các tầng lớp nhân dân trong vùng căn cứ kháng chiến.

Việc in và phát hành đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cự Hồ ở Nam Bộ đã giúp cho Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ và các tỉnh tự chủ và chủ động hơn về kinh tế tài chính trong mọi tình huống, đảm bảo có đủ điều kiện để thúc đẩy mọi mặt hoạt động kinh tế xã hội trong vùng căn cứ kháng chiến, vượt qua mọi khó khăn thách thức nhất là trong điều kiện địch luôn dùng mọi thủ đoạn âm mưu để bao vây, cấm vận và phá hoại kinh tế tài chính, hòng làm suy yếu sự lãnh đạo của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ.

Sau khi Cách mạng Tháng 8 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập là một thất bại lớn về mặt chính trị của thực dân Pháp. Tuy nhiên trên lĩnh vực kinh tế thực dân Pháp vẫn tìm cách sử dụng là đồng tiền Đông Dương làm vũ khí để làm suy yếu chính quyền Cách mạng. Có thể nói chính Nam Bộ là một trong những nơi thể hiện sinh động nhất sự đấu tranh trực diện, sinh động nhất sự ảnh hưởng của đồng tiền tài

chính - đồng bạc Cự Hồ đối với đồng tiền Đông Dương của thực dân Pháp và đã đẩy lùi đồng tiền Đông Dương của thực dân Pháp và các loại tiền nước ngoài khác ra khỏi các vùng giải phóng, các vùng căn cứ kháng chiến,...


Xứ ủy Nam Bộ, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ và các tỉnh đã chuyển từ thế bị động sang thế chủ động trên mặt trận kinh tế tài chính; đáp ứng đủ nguồn ngân sách để chi tiêu cho bộ máy, xây dựng lực lượng quân đội, dân quân du kích, mua sắm vũ khí, thúc đẩy sự sản xuất kinh doanh và đáp ứng các nhu cầu chi tiêu khác, qua đó đã góp phần hình thành thế trận kiềng 3 chân vững chắc Chính trị - Quân sự - Kinh tế tài chính của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ một cách vững chắc trong công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp... Có thể nói, đây quả thực là một điều thần kỳ, đã làm cho thực dân Pháp hoàn toàn bất ngờ và không thể ngờ tới, bởi Nam Bộ ở cách xa Trung ương lại bị bọn chúng phong tỏa vẫn có thể in và

phát hành những đồng tiền riêng, tạo cho mình một ngân sách, một nguồn lực tài chính để chi tiêu nuôi bộ máy, nuôi quân đội và đảm bảo mọi mặt hoạt động kinh tế xã hội trong vùng giải phóng diễn ra bình thường.


Nói tóm lại, ở cả 3 miền ở đất nước Đồng tiền tài chính - giấy bạc Cự Hồ đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử, trong một giai đoạn khó khăn “nghìn cân treo sợi tóc” những ngày đầu của Chính quyền Cách mạng non trẻ và tiếp theo là xuyên suốt trong cả cuộc kháng chiến 9 năm đầy gian nan, thử thách của dân tộc.



Bia lưu niệm Ban Ấn loát đặc biệt Nam Bộ (khi chưa nâng cấp, cải tạo)



Các mẫu tiên, tín phiếu, trái phiếu... được Ban biên soạn giới thiệu dưới đây nhằm minh họa rõ hơn hoạt động in ấn, sử dụng đồng tiền Tài chính một cách linh hoạt, chủ động, sáng tạo trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp... Đồng thời đây cũng là những tư liệu cần thiết cho các nhà nghiên cứu và những người quan tâm, sưu tập đồng tiền Tài chính Việt Nam.





MỘT SỐ MẪU
TIỀN TÀI CHÍNH
VIỆT NAM
LƯU HÀNH TẠI BA MIỀN





Toàn cảnh Nhà máy in tiến Chi Nê (Hòa Bình)

TIỀN TÀI CHÍNH
PHÁT HÀNH
TẠI BẮC BỘ



Đồng Hai mươi xu



Đồng Năm hào



Đồng Một đồng



Đồng Hai đồng



Mệnh giá Một đồng





Mệnh giá Hai mươi đồng



Mệnh giá Năm mươi đồng



Mệnh giá Một trăm đồng





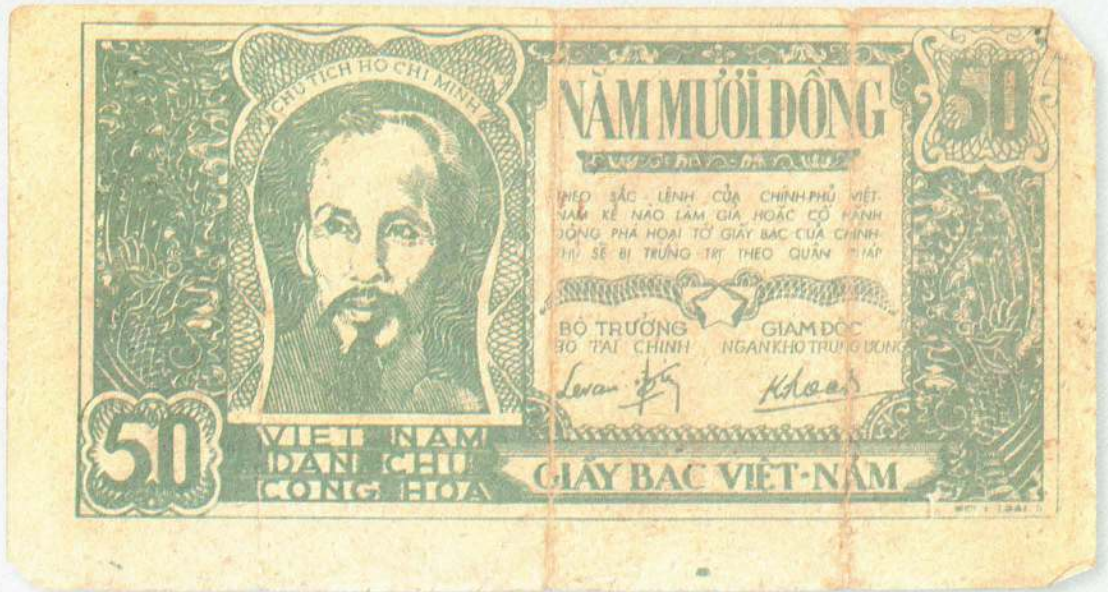
Mệnh giá Hai hào (20 xu)



Mệnh giá Năm hào (50 xu)



Mệnh giá Năm đồng



Mệnh giá Năm mươi đồng



Giấy bạc Một trăm đồng



Giấy bạc Hai mươi đồng



Giấy bạc Một trăm đồng



Giấy bạc Năm trăm đồng



Giấy bạc Năm mươi đồng





Giấy bạc Một trăm đồng





Bia lưu niệm Ban Ấn loát Trung Bộ

CÁC LOẠI TÍN PHIẾU PHÁT HÀNH TẠI TRUNG BỘ

Ngoài những loại tiền được in ở miền Bắc chuyển vào, cùng với tiền trực tiếp in tại một số tỉnh Trung Bộ, Ban Ấn loát Trung Bộ đã được Chính phủ cho phép in Tín phiếu được lưu hành có giá trị như đồng tiền Tài chính.



Tin phiếu mệnh giá Một đồng



Tin phiếu mệnh giá Năm đồng



Tín phiếu mệnh giá Hai mươi đồng



Tin phiếu mệnh giá Năm mươi đồng



Tín phiếu mệnh giá Một trăm đồng



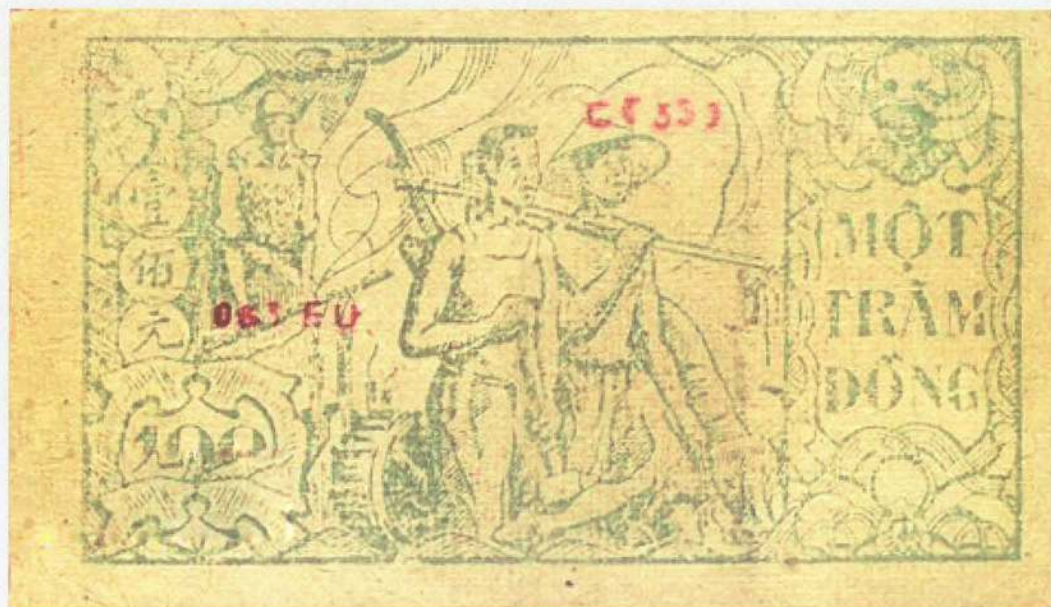
Tín phiếu mệnh giá Một đồng



Tín phiếu mệnh giá Năm mươi đồng



Tín phiếu mệnh giá Một trăm đồng





Tín phiếu mệnh giá Năm trăm đồng





Tín phiếu mệnh giá Một nghìn đồng



Bia kỷ niệm Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ

MẪU TIỀN TÀI CHÍNH PHÁT HÀNH TẠI NAM BỘ

Tại Nam Bộ, hoạt động lưu thông tiền tệ trong những năm đầu kháng chiến rất linh hoạt, phong phú và vai trò, vị thế đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cụ Hồ ngày càng được khẳng định. Các loại tiền tệ đưa vào lưu thông đều được Chính quyền Cách mạng vận dụng một cách hiệu quả nhất, có những loại tiền ban đầu chỉ được in và lưu thông tại một tỉnh nhất định, nhưng sau đó tùy hoàn cảnh cụ thể được cả Nam Bộ sử dụng... Có lẽ, sự lưu thông tiền tệ linh hoạt ở Nam Bộ khó thấy ở bất cứ quốc gia nào có được.

TIỀN ĐỒNG DƯƠNG
ĐƯỢC CÁC TỈNH NAM BỘ SỬ DỤNG
MỘT CÁCH LINH HOẠT TRONG NHỮNG NGÀY ĐẦU
GIÀNH ĐỘC LẬP



Mệnh giá Một trăm đồng vàng



Ủy ban kháng chiến Hành chính tỉnh Bến Tre đã thực hiện đóng dấu kiểm soát lên tờ giấy bạc 100 đồng đỏ. Tờ giấy bạc được xé đôi và in chữ “Ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh” để tăng lượng tiền mệnh giá thấp

Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Bạc Liêu đã đóng dấu kiểm soát lên tờ bạc 100 đồng vàng tiền Đông Dương cho lưu hành trong vùng kháng chiến Nam Bộ







Mệnh giá Năm đồng vàng



Mệnh giá Một đồng vàng

UBKCHC VIET NAM Đ. C. C. H. A. C. O. N. G. H. O. A.
 TINH Đ. C. - L. A. P. T. O. N. G. H. A. M. - P. H. U. C.
 VinhLong - - - - -

PHIEU KIEM SOAT GIAY BAC THIETJ.

Cho phép lưu-hành trong Tỉnh giays
 bac 100% V.N thiết-giao Trung-Uong.

So : S. D. 1006

Truong Ty N. a. n. - K. h. o. U. B. K. C. H. C. T. I. N. H.
 Q. C. H. u. - T. i. c. h.



Binh

Nguyen-Van-Nam.

Bui-Van-Binh



Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Vinh Long dán Phiếu kiểm soát
 giấy tờ trên tờ giấy bạc 100 đồng “kiểu Trung ương” - còn gọi là tiền
 “đắp mền” cho phép lưu hành trong tỉnh

CÁC LOẠI TIỀN TÀI CHÍNH - GIẤY BẠC CỤ HỒ
ĐƯA TỪ MIỀN BẮC VÀ DO BAN ẤN LOÁT ĐẶC BIỆT
NAM BỘ IN PHÁT HÀNH Ở NAM BỘ

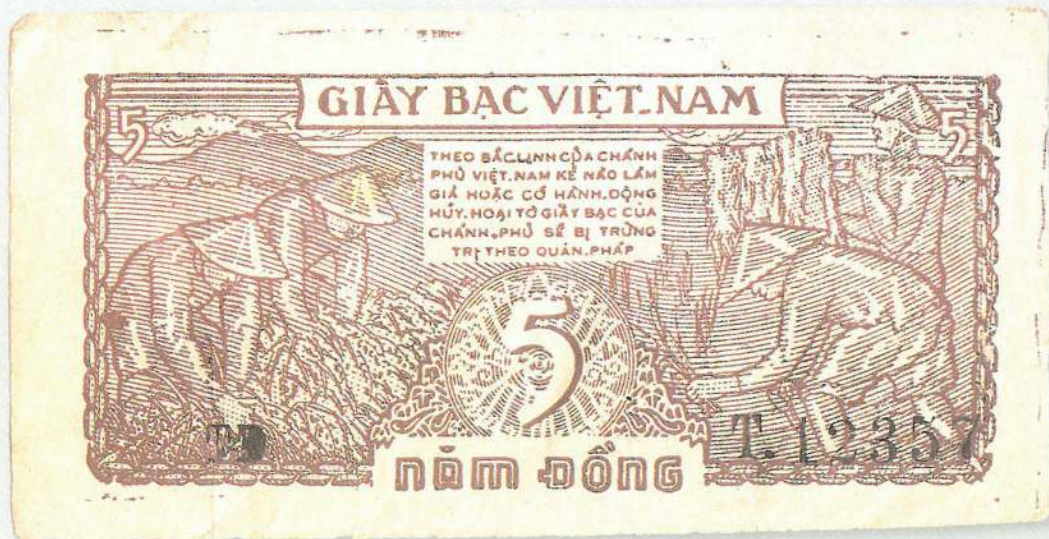


Mệnh giá Một đồng



Mệnh giá Một trăm đồng





Mệnh giá Năm đồng, lưu hành tại tỉnh Mỹ Tho



Mệnh giá Năm mươi đồng



Mệnh giá Một trăm đồng





Mệnh giá Mười đồng



Mệnh giá Hai mươi đồng



Mệnh giá Năm đồng - lưu hành tại tỉnh Long Châu Sa



MT 202

THEO SẤQLĨNH CỦA CHÁNH
PHỦ VIỆT-NAM KÉ NẢO LẦM
GIẢ HOẶC CỠ HÀNH-ĐỘNG
HỦY HẠI TỜ GIẤY BẠC CỦA
CHÁNH-PHỦ SẼ BỊ TRỪNG
TRỊ THEO QUẢN-PHÁP

QD

ĐẠI-ĐIỂN BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÁNH
CHỦ-TỊCH ỦY BAN N.C.H.C HẠN-BỘ

ĐẠI-ĐIỂN TỔNG GIÁM-ĐỐC
NGÂN-HỘ QUỐC-GIA
GIÁM-ĐỐC NGÂN HỘ, HẠN-BỘ



Mệnh giá Mười đồng

- lưu hành tại các tỉnh Cần Thơ, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Long Châu Sa



Mệnh giá Năm mươi đồng



Mệnh giá Một trăm đồng



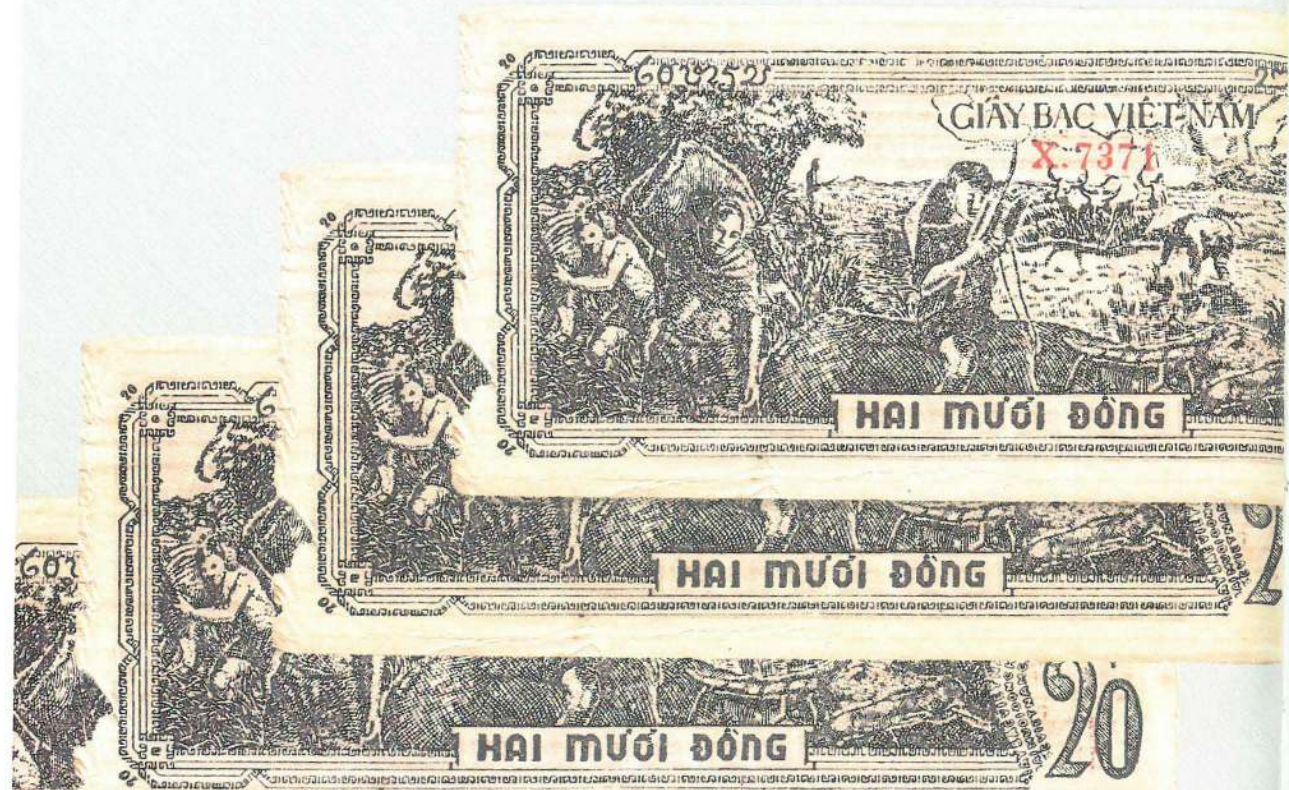
Mệnh giá Một trăm đồng



Mệnh giá Năm mươi đồng



Mệnh giá Năm đồng - lưu hành trong tỉnh Bạc Liêu



Giấy bạc Nam Bộ mệnh giá 20 đồng - lưu hành trong 5 tỉnh:
Cần Thơ - Sóc Trăng - Rạch Giá - Bạc Liêu - Long Châu Hà



Giấy bạc mệnh giá Năm đồng do Ban Ấn loát Đặt biệt Nam Bộ in xong chuyển về Sở Ngân khố Nam Bộ đóng số giấy bạc rồi phát hành





Mệnh giá 20 đồng được Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ in lưu hành tại 5 tỉnh Nam Bộ



Mệnh giá Năm đồng - lưu hành trong tỉnh Cần Thơ





Mệnh giá Hai mươi đồng - lưu hành tại các tỉnh Nam Bộ



Giấy bạc mệnh giá Mười đồng
lưu hành tại tỉnh Cần Thơ - Bạc Liêu - Sóc Trăng - Long Châu Hà



Giấy bạc mệnh giá Năm đồng
lưu hành trong tỉnh Long Châu Sa



Giấy bạc mệnh giá Mười đồng
lưu hành trong tỉnh Long Châu Sa



Giấy bạc mệnh giá Hai mươi đồng,
lưu hành tại hai tỉnh Vinh Trà - Bến Tre



Giấy bạc mệnh giá Một đồng - lưu hành trong tỉnh Bạc Liêu

CÁC LOẠI TÍN PHIẾU,
PHIẾU TIẾP TẾ... ĐƯỢC IN VÀ PHÁT HÀNH
TẠI CÁC TỈNH NAM BỘ



Tin phiếu mệnh giá Năm đồng



Tín phiếu Mệnh giá Năm đồng



Tỉnh Trà Vinh phát hành Tín phiếu
khu vực Huyện Cái Ngang và Thị xã Vinh Long



Tín phiếu Trung Bộ được lưu hành ở Nam Bộ



Phiếu Tiếp tế Mệnh giá Năm các





Phiếu Tiếp tế mệnh giá Năm cắc



Phiếu Tiếp tế mệnh giá Năm các





Phiếu Tiếp tế mệnh giá Một đồng



Phiếu Tiếp tế mệnh giá Một đồng



Phiếu Tiếp tế mệnh giá Hai đồng



Phiếu Tiếp tế mệnh giá Mười đồng



Tỉnh Bến Tre phát hành Tín phiếu mệnh giá Năm đồng



Tỉnh Trà Vinh phát hành Tín phiếu khu vực Châu Thành Thị xã
mệnh giá Năm đồng





Phiếu Tiếp tế phát hành tại Vinh Long



VIET-NAM DAN-CHU CONG-HOA

HAIDONG

TRUONG TY



PHIEU TIEP TE



HC-A

HAIDONG

VIET-NAM DAN-CHU CONG-HOA

HAIDONG

TRUONG TY
NGAN KHO TINH SOC TRANG

Thung



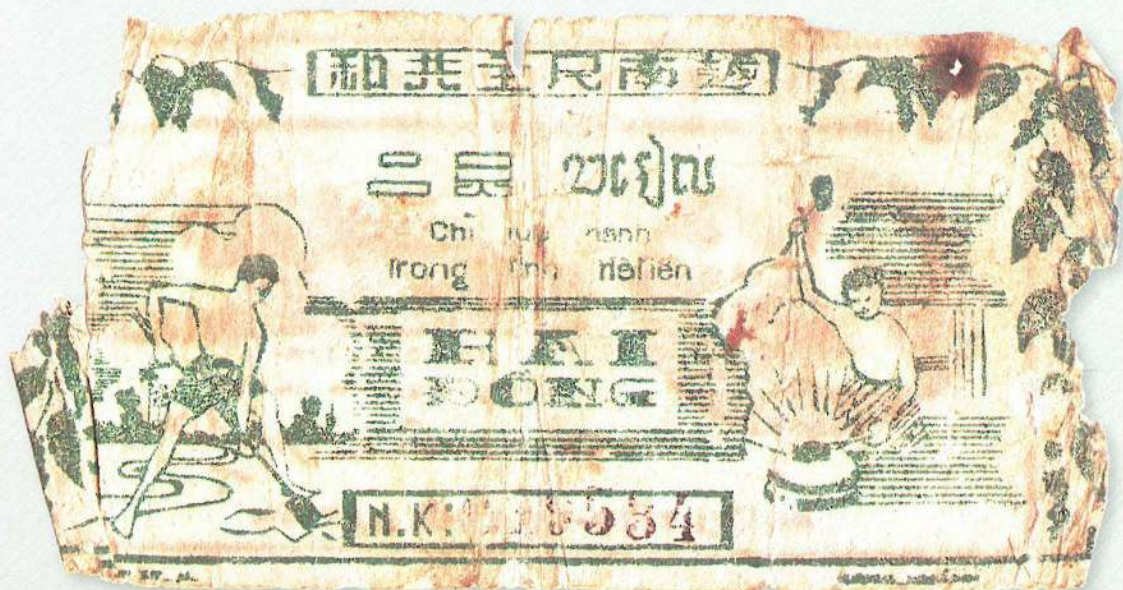
CHU TICH
UBKHC TINH SOC TRANG

Chau

Phiếu Tiếp tế phát hành tại Sóc Trăng



Tỉnh Cần Thơ phát hành Tín phiếu mệnh giá Năm đồng



Phiếu Tiếp tế tỉnh Hà Tiên



... Đoạn đường biển thực sự đi có 7 đêm nhưng chúng tôi phải mất hơn một tháng, vì bị gián đoạn ở nhiều trạm. Không bao giờ tôi quên chuyến vượt biển thành công này mà công lao hàng đầu thuộc về anh em thủy thủ giao liên vô cùng anh dũng, tài trí tuyệt vời trong đó đồng chí Riêu là thuyền trưởng chiếc nan chở chúng tôi. Trên trận địa giao thông này biết bao nhiêu anh em đồng chí thâm lặng ngày đêm làm nhiệm vụ trước mũi súng quân thù và có khi phải hy sinh không tìm được xác...

(Trích nhật ký của đồng chí **Hồ Văn Thế** - nguyên cán bộ Bộ Tài chính tăng cường cho Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ)

KÝ ỨC
KHÔNG PHAI

BAN ẤN LOÁT ĐẶC BIỆT NAM BỘ - GIẤY BẠC TÀI CHÍNH LƯU HÀNH TỪ MIỀN BẮC ĐẾN CÀ MAU

Tháng 11/1948, phái đoàn Quân dân chính đầu tiên của Nam Bộ ra đến Việt Bắc do đồng chí Trần Văn Trà làm Trưởng đoàn, trong các đề nghị chi viện cho Nam Bộ, phái đoàn có yêu cầu Chính phủ Trung ương chi viện về công tác in và phát hành giấy bạc tại Nam Bộ. Lúc bấy giờ các khu căn cứ và vùng giải phóng ở miền Nam cũng như trong toàn quốc khá rộng lớn nên Trung ương chủ trương cho từng bước phát hành giấy bạc tài chính theo mẫu giống nhất trong toàn quốc. Tháng

12/1948, một bộ phận của phái đoàn Nam Bộ do đồng chí Trần Bửu Kiếm dẫn đầu đến Cơ quan Ấn loát Đặc biệt Bộ Tài chính đóng tại Bản Thí để bàn bạc chi tiết kế hoạch tiến vào việc chi viện cho Nam Bộ. Theo lệnh của Chính phủ, Bộ Tài chính phải chuẩn bị gấp tư liệu chuyên môn, các tài liệu mật và Khánh Thi được Bộ Tài chính chỉ định sẽ phụ trách một đoàn chuyên viên vào giúp Nam Bộ. Đoàn gồm có một số cán bộ am hiểu in giấy bạc và một số cán bộ nắm được kỹ thuật làm giấy đặc biệt có bóng chìm ngôi sao

năm cánh.

Công cuộc chuẩn bị rất khẩn trương, bắt đầu ngay từ tháng 1 năm 1949. Anh Nguyễn Văn Hậu là người thợ ảnh khắc duy nhất của cơ quan đã làm việc bất kể ngày đêm. Về cán bộ và tài liệu mật chuẩn bị xong, những khâu ảnh khắc làm bản kẽm (matrice) các loại giấy bạc trực trặc do thiếu hóa chất, phải làm đi làm lại nhiều lần, chẳng những làm giấy đủ bản kẽm mẫu các loại bạc từ 1 đồng đến 200 đồng riêng cho Nam Bộ không thời, mà còn làm thêm một bộ cho Liên khu V để nhân tiện đoàn đi qua sẽ giao cho Ấn loát Đặc biệt Liên khu V. Do vậy mà mãi đến trung tuần tháng 8/1949 mới xong. Cuối cùng, tôi làm việc riêng với đồng chí Nguyễn Văn Ấn về các mật hiệu, mật mã đặc biệt cho giấy bạc phát hành ở Nam Bộ.

Đúng ngày kỷ niệm Cách mạng Tháng 8/1949, tập thể cơ quan ân cần tiễn đưa tôi lên đường về Bộ Tài chính để chuẩn bị cho đoàn vào Nam.

Trên đường về Bộ Tài chính, tôi và đồng chí Đỗ Phú, cán sự của bộ ghé qua Ủy ban sản xuất bạc Việt Nam đóng gần bến Bình Ca, ký nhận 200.000 đồng là tiền đoàn sẽ mang theo chỉ tiêu. Đồng chí Trịnh Văn Phú, Chủ tịch Ủy ban tiếp tôi để truyền đạt những nguyên tắc và một số kinh nghiệm về tỷ lệ phát hành giữa các loại bạc.

Về đến Bộ Tài chính, tôi còn phải chờ một tháng mới làm xong mọi thủ tục giấy tờ cần thiết và cũng để đợi tập hợp đầy đủ cán bộ thành lập đoàn, ở đây mọi việc chăm lo cho chúng tôi đều do đồng chí Ngô Văn Ngộ - Chánh văn phòng đảm nhiệm. Còn nhớ lúc đó ở cơ quan văn phòng Bộ rất thiếu lương thực, mỗi ngày chỉ được một bữa cơm sáng hai lưng bát, còn buổi chiều là ăn cháo, ai cũng vậy; kể cả đồng chí Bộ trưởng Lê Văn Hiến.

Quyết định cuối cùng; đoàn gồm có ba cán bộ ấn loát (Hồ Văn Thế, Nguyễn Thực và Tống Lợi) và ba cán bộ kỹ thuật rút từ các nhà máy giấy Hoàng

Văn Thụ (Nguyễn Đình Thư, Hoàng Phương và Nguyễn Văn Tân). Tất cả sáu người đều là đảng viên. Bộ chỉ định tôi làm Trưởng đoàn, đồng chí Nguyễn Đình Thư là Phó đoàn. Trong ba cán bộ ấn loát có hai đồng chí Thực và Lợi đang công tác ở Ấn loát Đặc biệt khu IV không phải tập trung ra Việt

Bắc mà được phép khi đoàn qua khu IV sẽ nhập đoàn cùng vào Nam.

Ngày 19/9/1949 đoàn bốn người chính thức lên đường đến Phòng liên lạc miền Nam là đầu mối giao thông có nhiệm vụ tổ chức cụ thể việc đưa đường cho đoàn. Lại nghỉ lưu lại đây



Giấy bạc Tài chính sử dụng tại Nam Bộ

một tuần để học tập các nguyên tắc bảo mật, kỹ thuật, phong cách, kinh nghiệm đi đường và kể cả kỹ thuật cất dấu hoặc thủ tiêu tài liệu nếu chẳng may rơi vào vòng vây của địch. Ở đây có chị Hai Sóc (Nguyễn Thị Sóc) Phó phòng hết lòng chăm sóc sửa chữa, trang bị các thứ cần thiết cho chuyến Nam tiến của chúng tôi. Một hôm chị lên T11 (ký hiệu mật chỗ Bác ở và làm việc) báo cáo với Bác về chuyến đi của đoàn; chúng tôi rất cảm động khi biết tin Bác còn gửi chị Hai mang về cho anh em trong đoàn một quả bí đỏ do Bác tặng gia sản xuất. Ngoài việc Bác thăm hỏi sức khỏe của anh em, Bác có căn dặn đoàn một ý lớn, bằng mọi giá phải tổ chức bảo vệ thật chu đáo những tài liệu mang theo nhất là những bản kềm mẫu giấy bạc, nếu để rơi vào tay địch thì tác hại sẽ lớn lao không thể lường được. Chị Hai tổ chức nấu chè bí đỏ nước cốt dừa theo kiểu Nam Bộ cho chúng tôi ăn một bữa no nê, quả bí đỏ Bác cho chẳng những trước mắt động viên chúng tôi nhiều mà mãi về sau ký ức này đã giúp chúng tôi vượt

được nhiều khó khăn trên đường thiên lý.

Phòng bố trí cho sáu liên lạc viên cùng xuất phát với đoàn. Dọc đường, đầu tiên từ Đại Từ xuôi về Bến Than (gần Việt Trì) tiến hành thuận lợi. Từ bến Than chúng tôi qua sông Thao rồi xuống Thanh Thủy. Trên đoạn đường này cả đoàn rơi vào mật trận càn rất ác liệt của lính Lê Dương Pháp. Chúng tôi phải chôn kỹ tài liệu, dầm mình dưới khe suối suốt ngày, về chiều địch rút, chúng tôi mới thoát được và ngay đêm hôm đó (khoảng thượng tuần tháng 10/1949), chúng tôi đi rất nhanh về hướng Tu Vũ. Rồi từ Tu Vũ sang sông Đà, dọc chân núi Tản đi về hướng Lương Sơn để chuẩn bị cho chuyến vượt “con đường máu” số 6. Đồng bào ở đây gọi như vậy vì nhiều đoàn cán bộ cũng như đồng bào làm ăn qua lại đường này phải trả giá bằng nhiều xương máu. Lúc bấy giờ có thể nói đường 6 là lá chắn chia cắt và ngăn chặn giao thông giữa miền xuôi và miền ngược...

Vượt qua đường 6, có thể ví như đoàn chúng tôi được trở lại khu an toàn, vì suốt từ Kim Bôi - Lạc Thủy - Nho Quan đến Cẩm Yên, chúng tôi không gặp một trở ngại nào và từ đây cứ ung dung trên quốc lộ 1 suốt ba tỉnh tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh. Mỗi ngày đi khoảng 40 km, tối đến lại họp bàn kế hoạch cụ thể cho hôm sau. Để đảm bảo bí mật đoàn qua vùng tự do, chúng tôi đều thay đổi cách ăn mặc cho phù hợp với địa phương và nghiêm chỉnh chấp hành một điều quan trọng trong nội quy là không ăn uống ở hàng quán và phải trọ ở những nơi do địa phương chỉ dẫn...

Đến Diễn Châu, chúng tôi rẽ lên Đô Lương để được gặp Khu ủy khu IV chuẩn bị cho việc vượt Trường Sơn vào Bình - Trị - Thiên. Từ Đô Lương chúng tôi đi ca nô qua Thanh Chương, Nam Đàn rồi vào Đức Thọ lên luôn chợ Hạ là đầu mối tổ chức đường dây vượt Trường Sơn. Khi ca nô chạy ngang Nam Đàn, tuy chúng tôi chưa biết cụ thể làng Sen ở hướng nào, nhưng mọi

người trong đoàn đều bồn chồn, cùng một tâm trạng, sung sướng thay, được qua mảnh đất quê hương của Bác kính yêu. Đến chợ Hạ mới biết rằng hai đồng chí Thực và Lợi vì nóng rã ruột đợi đoàn ở Bắc vào chậm quá nên đã nhập chung với một đoàn khác lên đường trước đó nửa tháng. Và sau khi chúng tôi vào đến Bồng Sơn (tháng 12/1949) mới đuổi kịp hai đồng chí này.

Từ đây, đường Nam tiến có hai phương án: Một là đi đường hạ, nhanh, ít vất vả nhưng khá nguy hiểm vì ven vùng địch chiếm dễ bị phục kích, hai là đi đường thượng dọc theo đỉnh Trường Sơn rất cực, chậm nhưng an toàn tuy cũng có cái nguy là lũ lụt bất thường và cũng có khi gặp thú dữ. Nhớ lời dặn của Bác, chúng tôi chọn đường thượng dù phải gian lao cực khổ đến mấy nhưng bảo đảm được an toàn cho tài liệu.

Cuối tháng 10/1949 vào đến đất Quảng Bình từ trạm 7 bắt đầu leo lên núi đá (tai mèo). Mấy ngày đầu leo dốc

Trường Sơn quả là một thử thách lớn.

Đường đi thượng lúc này còn rậm rạp, âm u, thậm chí có đoạn không thấy đường mòn, phải tự tìm vạch lối mới, khi lên dốc núi phải bò, phải leo, khi xuống dốc phải lết, phải tuột, có lúc chạy hết tốc lực để tránh vắt xanh, đêm nằm vông lưng lẳng trên cành cao để tránh hổ... ngày đi đêm đốt lửa sưởi ấm... và cứ như thế hết khe Ro đến khe Rớt, hết suối Mây đến Cà Roòng... vượt sông Gianh vào đất Vĩnh Linh mất đúng một tháng trời.

Đoàn tìm gặp Huyện ủy Vĩnh Linh để giúp đoàn qua đường 9 vào Ba Lòng, Huyện ủy cho biết lúc này ở đường 9 địch phục kích rất dày, nhiều đoàn qua đường bị tổn thất lớn, xác chết nhiều, hở ra tìm mỗi cũng hoạt động mạnh, Huyện ủy quyết định cho đi đường vòng chữ U. Chỉ nội trong một đêm, lực lượng vũ trang bảo vệ đoàn qua sông Bến Hải, băng qua quốc lộ 1 lúc hừng sáng và trực chỉ hướng Cửa Tùng, từ Cửa Tùng theo ven biển, trà trộn

trong nhân dân vào Cửa Việt, rồi vượt sông Cửa Việt qua Đông Hà vào Triệu Phong. Đoàn được giấu dưới hầm một ngày, đến đêm lại vượt quốc lộ 1 ngược lên Truồi để hôm sau đi đò ngược tiếp lên Ba Lòng. Thế là vượt được đường 9 mà không phải qua đường 9. Từ đây đến cuối tỉnh Thừa Thiên là một đoàn đường lý thú...

Đến Nam Động lại chuẩn bị vượt núi Bút, ranh giới giữa Thừa Thiên - Quảng Nam. Vượt núi này cái gay go không phải là vấn đề ăn mà là vấn đề uống. Vừa leo dốc thật nhanh, vừa tuột dốc thật cừ cũng phải mất đúng một ngày. Vì dốc đứng (như ngọn bút) nên dọc đường không có một khe suối nào, từng cá nhân phải đeo nước theo, đủ dùng cho bản thân. Đoàn xuất phát từ 5 giờ sáng mãi đến 7 giờ tối mới xuống được bên kia chân núi...

Đến Bồng Sơn vào cuối năm 1949, chúng tôi có gặp hai đồng chí Nguyễn Thực và Tống Lợi đang ở đợi để nhập đoàn. Hầu hết anh em trong đoàn đã

thấm mệt, riêng tôi lên cơn sốt liên miên. Do vậy đồng chí Nguyễn Đình Thư thay tôi cùng đồng chí Nguyễn Thực đi gặp Khu ủy và Ấn loát Đặc biệt liên khu V để bàn giao những tài liệu mang từ Bắc vào. Gánh nặng gần 40kg được vơi đi một nửa. Đoàn được đồng chí Nguyễn Duy Trinh tiếp xúc, giúp đỡ nhiều mặt, trong đó có việc cho đoàn đổi ngang giá tiền tài chính lấy 3.000 đồng tiền Đông Dương để đảm bảo cho việc chi tiêu của đoàn khi qua 3 tỉnh cực Nam Trung bộ (khu VI)...

Sau 15 ngày vừa làm việc vừa dưỡng sức ở Bồng Sơn, chúng tôi được Khu ủy giới thiệu vào Phú Yên tìm gặp đồng chí Tám Khâm (Nguyễn Duy Khâm), Giám đốc giao thông liên lạc để tiếp tục hành trình. Đường dây qua 3 tỉnh cực Nam Trung bộ lúc bấy giờ bị lộ và đứt nhiều đoạn, đồng chí Khâm yêu cầu chờ tình hình ổn định. Chúng tôi rất sốt ruột nằm đợi gần một tháng mà đường bộ vẫn chưa ổn, cuối cùng đồng chí Khâm và chúng tôi quyết định chia đoàn làm đôi để ba đồng chí có sức

khỏe khá (Thực, Lợi và Tân) cùng đi đường bộ với một đoàn có vũ trang, còn ba đồng chí Thế, Như và Phượng cùng tất cả tài liệu mang theo đi đường biển với ý kiến dự phòng nếu có rủi bị bắt thì cho tài liệu xuống biển.

Đoàn đi đường bộ len lỏi vào hướng Nha Trang, đoàn đi đường biển bằng ngang qua quốc lộ 1 thẳng luôn một mạch đến Ninh Tịnh - Hòn Hèo và ở đây hai ngày để tổ chức đoàn thuyền.

Từ đây (Hòn Tre một hòn đảo thuộc Nha Trang) vào đến Hàm Tân còn phải đi 5 chặng nữa, trong đó có hai chặng qua quân cảng Cam Ranh và qua Mũi Né (Phan Thiết) nguy hiểm và gay go nhất. Đến Ke-Gà, Hàm Tân là vùng giải phóng; chúng tôi đổ bộ tiếp tục lên đường vào Xuyên Mộc nơi Tỉnh ủy Bà Rịa đóng quân. Đoạn đường biển thực sự đi có 7 đêm nhưng chúng tôi phải mất hơn một tháng, vì bị gián đoạn ở nhiều trạm. Không bao giờ tôi quên chuyến vượt biển thành công này mà công lao hàng đầu thuộc về anh em



**Bia kỷ niệm An loát Đặc biệt Nam Bộ
tại xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau**

thủy thủ giao liên vô cùng anh dũng, tài trí tuyệt vời trong đó đồng chí Riều là thuyền trưởng chiếc nan chở chúng tôi. Trên trận địa giao thông này biết bao nhiêu anh em đồng chí trầm lặng ngày đêm làm nhiệm vụ trước mũi súng quân thù và có khi phải hy sinh

không tìm được xác.

Đường dây từ Bà Rịa xuống Đồng Tháp Mười phải đi theo chữ chi, băng qua nhiều lộ chằng chịt của khu VII, có lộ phải đi qua lại nhiều lần tùy tình hình hoạt động giữa ta và địch; có lần qua lộ,

sát lô cốt địch không đầy 50 mét, nghe cả tiếng cãi nhau ồn ào của lính trong đồn, anh em giao liên bảo đó là kẻ hở an toàn nhất đấy. Thật là mưu trí và táo bạo. Đến chiến khu D (quân khu VII) đoàn được bảo vệ rất chu đáo, được chụp ảnh lưu niệm. Quân khu thấy sức khỏe chúng tôi sa sút muốn giữ lại bồi dưỡng, nhưng chúng tôi nóng ruột xin lên đường. Quân khu cho lực lượng vũ trang bảo vệ chúng tôi đến tận Vàm Cỏ Đông.

Đọc theo vùng ven Sài Gòn - Gia Định đến đất thép Củ chi, chúng tôi còn nhớ lúc qua An Nhơn Tây là đúng vào ngày kỷ niệm Quốc tế lao động 1/5/1950, ở đây, ta tổ chức mít tinh rất lớn, cả một khu chợ mênh mông dưới rừng cao su nhộn nhịp tưng bừng. Đồng bào sản xuất, mua bán, làm ăn rất bình thường. Ở chợ mua thứ gì cũng có, kể cả những mặt hàng công nghệ phẩm mang từ nội thành ra; còn tiền thì loại nào cũng tiêu được: giấy bạc Tài chính có, giấy bạc Nam Bộ có, giấy bạc Đông Dương có và có cả “giấy

bạc địa phương” tức là loại tín phiếu của tỉnh mang tiêu đề “Phiếu tiếp tế” hoặc “Phiếu đổi chác” giá trị 1 đồng, 2 đồng, 5 đồng và 10 đồng có chú thích được lưu hành trong từng tỉnh, từng huyện, thậm chí trong từng liên xã như trường hợp tờ Phiếu đổi chác 1 đồng chỉ được lưu hành trong 5 xã Phú Mỹ Đông, An Nhơn Tây, Nhuận Đức, Phú Hòa Đông và Trung Lập mà hiện nay còn giữ lưu niệm. Trong các loại tiền nói trên, giấy bạc Tài chính của Trung ương rất có giá trị được đồng bào tín nhiệm và ưa thích nhất, dù có rách nát mấy vẫn tiêu được như thường; đồng bào nói “miễn còn ảnh Bác là xài hết”.

Giữa tháng 5/1950, đoàn đến Đồng Tháp Mười gặp quân khu VIII để được giúp đỡ tiếp tục xuống miền Tây. Chúng tôi được đưa lên Thiên Hộ và chỗ Ấn loát Đặc biệt đóng giữa rừng tràm, gặp đồng chí Thân Trọng Song là đồng chí phụ trách bộ phận Ấn loát Đặc biệt được để lại ở Đồng Tháp (Phân ban A) với một số máy in Victoria và một số

nguyên liệu cần thiết cho kỹ thuật in typograph. Hầu hết những máy in lớn, máy cắt và các bộ phận kỹ thuật khác đều được chuyển về khu căn cứ mới ở vùng rừng U Minh Bạc Liêu.

Chúng tôi lại phải đợi nửa tháng để tổ chức lực lượng bảo vệ đưa đi. Cuối tháng 5/1950 đoàn lên đường. Từ đây xuống miền Tây đi toàn bằng đường thủy, chúng tôi rất an tâm vì đường thủy thuận lợi cho việc bảo vệ tài liệu. Phương tiện giao thông chủ yếu là xuồng. Băng qua sóng nước hay đi vào sông rạch, kênh mương, hoặc qua sông Tiền, sông Hậu cũng đều bằng xuồng, có qua lộ thì khiêng xuồng qua, lúc về gần đến Sở giao thông Nam Bộ mới được đi tam bản bốn chèo có cả rèm che mưa nắng...

Chỉ còn một ngày đường nữa là đến trụ sở Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ. Ngày 17/6/1950, cả đoàn phấn khởi được đồng chí Phạm Văn Bạch, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ cùng nhiều đồng

chí lãnh đạo khác tiếp đoàn và mở tiệc chiêu đãi trọng hậu. Chúng tôi được lưu tại đây một tuần để được dưỡng sức đồng thời cũng làm nhiệm vụ tổng kết báo cáo toàn bộ cuộc hành trình, bàn giao tài liệu, thanh toán chi phí và chờ đợi sự phân công mới.

Chúng tôi được đồng chí Ngô Tấn Nhơn, Bộ trưởng Bộ canh nông kiêm Trưởng Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ cho biết rõ: ở Nam Bộ thành lập Ban Ấn loát Đặc biệt hoạt động từ 1948 tại Đồng Tháp, cũng in và cho lưu hành trong phạm vi toàn Nam Bộ 3 loại giấy bạc 1 đồng, 5 đồng và 20 đồng trang trí và màu sắc khá đẹp với tổng số phát hành là 325.812.888 đồng. Chúng tôi không ngờ rằng Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ có cả bộ phận ảnh khắc (photogravure) làm được bản kẽm in máy offset, tuy chỉ là loại máy offset Mann cũ của Đức. Lúc chúng tôi đến đây là lúc Phân ban B do đồng chí họa sĩ Huỳnh Văn Gấm phụ trách đã ổn định tổ chức và đang in loại giấy 50 đồng (kiểu I).

Với máy móc mới, nguyên vật liệu dồi dào, toàn Phân ban phát động phong trào thi đua sôi nổi, hoàn thành nhiệm vụ in bạc năm 1951, góp phần quan trọng vào việc thu hồi bạc Tài chính và đảm bảo chi phí ngày càng tăng của bộ máy kháng chiến.

Nhân dịp này để thực hiện bước đầu chủ trương thống nhất cách in số có mặt mã đặc biệt cho từng loại bạc. Ban Ấn loát giao nhiệm vụ cho hai đồng chí Thực và Lợi cùng Bác Năm Lưu thành lập Phân xưởng in số giấy bạc. Ba đồng chí Thư, Phương và Tấn phân công lên Tân Bằng - Cán Gáo xây dựng phân xưởng chuyển sản xuất giấy có bóng chìm ngôi sao năm cánh để cung cấp cho xưởng in giấy bạc, phân xưởng lấy tên là phân xưởng Hòa Bình do đồng chí Nguyễn Đình Thư làm quản đốc, tôi được cử làm Phó phân ban B.

Những bản kềm mẫu giấy bạc Tài chính mà đoàn chúng tôi khổ công mang vào chưa được Nam Bộ sử dụng, nguyên nhân như sau: Lúc bấy giờ (1950) loại giấy bạc Tài chính màu đỏ của ta bị bọn Ba Tàu Chợ Lớn làm giả rất nhiều, chúng cho bọn gian thương mang vào vùng giải phóng hàng bao tải để lũng đoạn kinh tế ta. Giấy bạc giả có nhiều kiểu khác nhau, đồng chí Nguyễn Thành Vĩnh, Ủy viên Tài chính Nam Bộ sơ tầm được đến

8 kiểu khả nghi là giả, nhưng cũng không một ai dám hoàn toàn khẳng định là giả vì ngay cả giấy bạc thật của ta cũng có lắm điểm khác nhau, như khác màu sắc do có lúc thiếu mực nên pha chế màu không thống nhất hoặc nét vẽ đứt đoạn này, mất đoạn kia do thiếu hóa chất, bản kẽm không đảm bảo kỹ thuật, máy offset Manimoni in loại bạc này của Ấn loát Đặc biệt Trung ương qua nhiều lần di chuyển đã xộc xệch hư hỏng nhiều... Đoàn được Ủy ban Kháng chiến Hành chính chất vấn về việc này; riêng tôi là người duy nhất của đoàn xuất phát từ nơi in loại bạc này được Ủy ban giao cho những tờ bạc nghi là giả nói trên để tra cứu xác minh và trả lời. Chỉ nhìn qua chữ và số in khác cỡ cũng đủ chứng minh là giả rồi; chữ và số của ta đúc liền nhau do máy linotype đúc ra với cỡ 12 (corpa 12) những tờ bạc này phần lớn dùng chữ số rời 11. Để được chắc chắn hơn, tôi nhận mang về tra cứu, dùng lupa xem kỹ lại hình vẽ, đối chiếu với các mật hiệu, đối chiếu các chữ số in ở 4 góc tờ bạc với mật mã,

thấy mật hiệu, mật mã đều sai; rõ ràng 8 tờ bạc 100 đồng đều giả cả. Tôi có làm một văn bản tường trình báo cáo lên Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đồng gửi Bộ Tài chính và Ủy ban sản xuất bạc Việt Nam. Thế là Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ có thêm một chứng cứ để khẳng định sự phát hiện trước đây.

Để ngăn chặn sự tác hại của giấy bạc giả ngày càng thâm lậu vào vùng giải phóng. Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đề nghị Trung ương cho phép Nam Bộ tiếp tục in và phát hành loại giấy bạc riêng cho Nam Bộ. Kiến nghị hợp lý này được Trung ương chấp nhận, nhưng muốn thực hiện được, ta phải có hẳn một khối lượng lớn giấy bạc mới để thay thế cho khối lượng thu hồi. Thế là Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ dốc toàn lực để in nhanh, in nhiều.

Để đảm bảo an toàn hơn, với sự giúp đỡ tích cực của Tỉnh ủy Bạc Liêu nhất là đồng chí Dương Kỳ Hiệp, Chủ tịch

tỉnh, toàn bộ phân ban B từ rừng U Minh được chuyển sâu xuống rừng đước Năm Căn. Giữa 1951, một chuyến hàng đặc biệt mua từ Nhật quá cảnh Bangkok rồi băng vịnh Thái Lan về miền Tây Nam Bộ (vào cửa sông Ông Đốc mang về cho Ấn loát Đặc biệt đầy đủ máy móc cần thiết, trong đó có hai máy Offset Hamada khá tối tân và rất nhiều nguyên vật liệu như giấy trắng, mực in đủ màu, chữ in, hóa chất...

Toàn thể Ban Ấn loát vô cùng phấn khởi, anh chị em công nhân rồi đây sẽ tha hồ mà thi thố tài năng chuyên môn vốn có của mình. Các đồng chí Lê Thân, Hoàng Hồ (Ngọ), Thông, Hùng, Số... sâm soi mãi hai máy Offset, các đồng chí Ba Gia, Tư Xinh Thúc (phân xưởng sửa chữa) vui mừng nhận cái máy phát điện lớn (alternateur) và hàng loạt moteur, máy nổ mới toanh. Các đồng chí Hai Trang, Ba Trâm, Tư Ngọ. Điều Cẩm Thiên, Khoái, Cúc, Kiện... sáng mắt lên vì khối lượng phim ảnh, hóa chất dồi dào, rồi đây bộ phận ảnh khắc tha hồ mà chụp,

rửa, làm cliché, lên bản kẽm... phòng hội họa của phân ban B, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Tư Gấm, tập hợp nhiều họa sĩ có tài như cụ Sáu Hộ, Lê Ba, Lê Thiên, Thuận... sáng tác nhiều mẫu giấy bạc màu sắc tươi sáng, hình vẽ sắc sảo phản ánh khí thế lao động sản xuất và tinh thần chiến đấu vô cùng anh dũng của quân dân Nam Bộ thời bấy giờ.

Với máy móc mới, nguyên vật liệu dồi dào, toàn Phân ban phát động phong trào thi đua sôi nổi, hoàn thành nhiệm vụ in bạc năm 1951, góp phần quan trọng vào việc thu hồi bạc Tài chính và đảm bảo chi phí ngày càng tăng của bộ máy kháng chiến.

Do yêu cầu công tác mới, đầu năm 1952 đồng chí Gấm được chuyển về trên; tôi được Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ bổ sung làm ủy viên Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ kiêm Trưởng phân ban B. Đến giữa năm 1952, địch tăng cường hoạt động nhất là cho máy bay thường xuyên do thám và oanh

tạc, bắn phá sau vào vùng căn cứ. Nam Bộ chủ trương phân tán nhỏ hơn nữa các cơ sở, Ban Ấn loát quyết định chia bớt Phân ban B ra để thành lập Phân ban D, đưa về đóng ở vùng Tây Đức, Đầm Dơi và cử đồng chí Nguyễn Thực làm Trưởng phân ban D (lúc bấy giờ ở khu VII có thành lập Phân ban C nhưng không hoạt động được vì khu căn cứ bị thu hẹp).

Hai phân ban B và D phát động thi đua in ngày, in đêm, được bao nhiêu thì đồng chí Trần Học Hải, Giám đốc Sở Ngân khố đã cho anh Trang Sĩ Liêm cùng cô Hạnh trực sẵn chuyển ngay đi bấy nhiêu.

Đầu 1953, đồng chí Trần Dương từ Trung ương vào đến Nam Bộ và giữa năm 1953 Ngân hàng Nhân dân Nam bộ được thành lập gồm có 4 phòng, Giám đốc là đồng chí Trần Học Hải, đồng chí Trần Dương là phó giám đốc. Để đủ cán bộ hoạt động tôi được điều về làm Trưởng phòng phát hành, đồng chí Ba Quý (Nguyễn Văn Quý) Trưởng

ty Ngân khố Bạc Liêu về làm phó phòng, Phòng kế toán do đồng chí Lâm và Đò đảm trách, phòng hành chính quản trị do đồng chí Tư Chương phụ trách và đồng chí Bảy Bắc (Vũ Trung Nhung) từ Mậu dịch Nam Bộ chuyển sang làm Trưởng phòng nghiệp vụ.

Đầu năm 1954, Nam Bộ chủ trương in và phát hành loại giấy bạc 200 đồng và 500 đồng. Đến giữa năm 1954 in xong loại 200 đồng chưa kịp phát hành thì Hiệp định Giơnevơ 20/7/1954 đã được ký, loại 500 đồng còn trên bản vẽ.

(Theo hồi ký của đồng chí
Hồ Văn Thế)

ĐỒNG TIỀN NAM BỘ KHÁNG CHIẾN

Thời tới bây giờ tôi vẫn còn giữ được gần đủ các loại giấy bạc Nam Bộ trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và những phiếu tiếp tế có giá trị lưu hành như giấy bạc của các tỉnh Rạch Giá, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cần Thơ... Trong số những giấy tờ, giấy bạc tôi giữ được có những tờ đã được chuyển qua tay nhiều người đến tay tôi là người thứ bao nhiêu rồi, nên mép tờ bạc đã bị sờn, vết gấp đã bị xơ ra chỉ dằng mảnh tay chút xíu là tờ bạc có thể bứt làm hai mảnh. Tôi nâng niu những tờ bạc bởi vì chúng tôi đã được bảo vệ không chỉ bằng sức lao động mà còn bằng nước mắt và xương máu của nhân dân Nam

Bộ. Tôi càng quý những tờ bạc đó vì tôi đã săn sóc chúng để chúng được in ra và được lưu hành trên thị trường, phục vụ cho sản xuất, chiến đấu và đời sống nhân dân. Mỗi tờ giấy bạc cũng như tờ phiếu tiếp tế mang một hình ảnh khác nhau của mảnh đất thành đồng Tổ quốc. Có tờ bạc mang hình ảnh người chiến sĩ du kích Đồng Tháp Mười tay cầm ngọn mác đang lao về phía trước nhằm thẳng phía quân thù xốc tới. Có tờ mang hình ảnh người nông dân Nam Bộ, nét mặt tươi rói, tay cầm liềm, đang đứng trước cánh đồng rộng mênh mông với những bông lúa sậm hạt. Tờ bạc 1 đồng màu đỏ gạch mang hình một đội nữ du kích sát cánh bên nhau với tư cách tư thế hiên ngang. Tờ

bạc 200 đồng màu xanh lá cây tươi mát mang hình một dòng kênh có những con thuyền vận chuyển hàng đang rẽ nước xuôi dòng.

Giờ lại những tờ bạc mang những hình ảnh trên, những tờ bạc cũ để kẹp lâu trong bì cứng không một nếp nhăn nhưng vẫn hằn vết tay của người nông dân lao động trong bưng biển Đồng Tháp hay vùng rừng tràm U Minh; biết bao nhiêu kỷ niệm về công tác chen lẫn tình cảm sâu sắc của nhân dân miền Đông cũng như miền Tây Nam Bộ đối với tôi và anh chị em công tác ở Sở Ngân khố Nam Bộ và Ngân hàng nhân dân Nam Bộ lại sống trở lại trong tôi.

Tôi có duyên nợ với công tác tiền bạc từ hồi còn bị cầm tù trong nhà lao đế quốc ở Côn Đảo. Hồi đó chi bộ nhà tù đã tìm cách đưa tôi ra làm thư ký kho bạc của Côn Lôn dưới quyền thẳng chúa ngục để tiện bề liên lạc với ngoài. Tuy là “Thư ký kho bạc” nhưng dưới con mắt thẳng chúa ngục,

tôi vẫn là một chính trị phạm đang bị cầm tù, nên mỗi khi chúng khủng bố anh em chính trị phạm trong những cuộc đấu tranh phản đối chế độ độc ác của nhà tù, chúng cũng chẳng chừa gì tôi và giam tôi trở lại hầm cấm cố như các anh em khác. Không hiểu có phải vì thế mà hồi tháng 5/1950 khi tôi đang làm Chánh Văn phòng Trung ương Cục thì anh Sáu Thọ biểu tôi sang nhận nhiệm vụ Phó Giám đốc Sở Ngân khố Nam Bộ thay đồng chí Phó giám đốc cũ được điều đi nhận công tác khác.

Lúc này, Sở Ngân khố Nam Bộ đóng làm hai nơi, đồng chí Lê. Giám đốc Sở ở với cơ quan của Sở đóng tại miền Đông, còn đồng chí Phó giám đốc thì ở phân Sở Ngân khố miền Tây.

Tôi từ cơ quan Trung ương Cục sang nhận công tác ngân khố tại kênh 12, miệt Tân Bằng (Bạc Liêu), gần một năm sau tôi lại được chỉ định thay anh Lê làm Giám đốc Sở Ngân khố Nam Bộ.

Thực ra lượng vốn nghiệp vụ thu chi cũng như nghiệp vụ kế toán kho bạc của tôi có được là bao, trong khi trình độ anh em trong cơ quan cũng không hơn tôi nhiều lắm. Sổ sách kế toán đâu có rõ ràng sạch sẽ như bây giờ, cột nợ ghi lẫn cột kia, khoản chi bằng tiền Đông Dương ghi lẫn vào cột chi bằng tiền Việt Nam, hoặc trên phiếu chi ghi bằng tiền Việt Nam ở trong sổ

lại ghi chép tiền Đông Dương... Tôi đã phải dành cả tháng cùng anh em chấn chỉnh lại sổ sách. Tôi tự lập ra một biểu đồ kế toán “hàng xén” tuy tốn công nhưng được cái bảo đảm số liệu chính xác, bất cứ lúc nào kiểm kê quỹ là tiền mặt với số liệu trên sổ sách và chứng từ thu chi đều khớp đúng cả.

Mãi sau này khi các anh Huỳnh Kỳ



Thanh và Lâm Văn Đò được điều sang thì sổ sách kế toán mới dần dần được đưa vào nề nếp.

Lúc đầu, một mặt tôi phải lo chấn chỉnh cơ quan, mặt khác lại phải chạy vạy lo đảm bảo chi cho ngân sách và chi cho chiến trường. Thật như thế, mỗi khi ta mở chiến dịch là tôi phải chạy xuống từng tỉnh năn nỉ về chuyện tiền nong, bởi vì mỗi tỉnh có một ngân sách riêng nên những khi đó tôi cứ như con thoi chạy trên kên.

Một đặc điểm về tiền tệ ở vùng kháng chiến Nam Bộ thời gian này là song song với việc lưu hành trên thị trường các loại bạc lớn 1 đồng, 5 đồng, 20 đồng do Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ in chi tại các tỉnh còn có các phiếu tiếp tế có giá trị như tiền nhưng chỉ lưu hành trong phạm vi một tỉnh. Bên cạnh các phiếu tiếp tế này, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ còn cho các tỉnh được phép in loại bạc 1 đồng giống như kiểu 1 đồng của Ủy ban Kháng chiến Hành chính nhưng

màu sắc này thì tùy từng tỉnh lựa chọn và phạm vi lưu hành đồng bạc này cũng chỉ giới hạn trong một tỉnh, đây là một trong những biện pháp để quản lý tiền tệ và thu chi tài chính của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ lúc đó. Ngoài ra, trên thị trường còn lưu hành một số bạc Tài chính từ các tỉnh miền Trung xâm nhập vào hoặc do các cán bộ từ Trung ương mang về theo và một số loại bạc Đông Dương lọt vào.

Lúc đó giữa vùng căn cứ kháng chiến và vùng địch tạm chiến có quan hệ mật thiết với nhau; vùng địch rất cần thóc gạo, hải sản, ngược lại, vùng kháng chiến lại thiếu hàng công nghệ phẩm. Chính vì vậy mà địch không cấm được việc giao lưu hàng hóa giữa hai vùng và tiền Đông Dương cũng từ đó lọt vào vùng kháng chiến. Vì thế vào những năm 1949 - 1950 lúc tiền ta có ít, ta đã đóng dấu Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ lên các tờ bạc loại 100 đồng IDEO (loại 100 đồng do nhà in Viễn Đông của Pháp ở Hà Nội in) và



các loại bạc của địch từ 1 đồng đến 20 đồng làm phương tiện giao hoán thay thế cho tiền ta. Thậm chí khi thiếu tiền lẻ, nhân dân ta tự xé đôi tờ bạc ra để tiêu và mặc nhiên địch cũng không cấm được việc lưu hành các loại bạc “Việt Nam hóa” đó trong các vùng giáp ranh. Tờ bạc của ta phát hành được

nhân dân rất quý, nhiều tờ bạc rách tèm nhem ra mà bà con vẫn dán lại để tiêu. Nhiều người nói: “Còn một sợi râu Cự Hồ là còn tiêu được”. Do tiền ta được nhân dân yêu quý như vậy nên vào khoảng năm 1949 - 1950 so với đồng bạc Đông Dương, tiền ta rất có giá trị; trên thị trường tỷ giá phổ biến là

1 ăn 1; cá biệt có nơi như ở Rạch Giá, 1 đồng Việt Nam ăn 1,2 đồng Đông Dương. Giá cả nông sản phẩm trong khu căn cứ kháng chiến lúc nào cũng rất rẻ: 1 giạ lúa (20 ký lô) chỉ có 1 đồng, có nơi không đến 1 đồng nữa, 1 trái dừa xiêm chỉ có 5 xu... cho nên cán bộ, bộ đội đi công tác đến đâu dân cho ăn đến đấy không phải dùng đến số gạo mang theo. Nhiều khi anh em bỏ gạo hoặc tiền ra trả, các má, các chị, còn mắng: “Bộ tao không nuôi bây nổi nữa sao!”.

Từ năm 1950, ta mở liên tiếp nhiều chiến dịch, nhu cầu chi tiêu cho chiến trường càng tăng, nên ta phải phát hành ra thêm. Nhà in đặc biệt của ta được thành lập tại miền Tây chia làm hai Phân ban và được dùng trang bị hai máy in ốp-sét kiểu Hamada của Nhật mua từ Thái Lan đem về, đã phục vụ kịp thời cho kế hoạch phát hành đó. Khi tập kết, hai máy in này đã đem được ra miền Bắc và vẫn sử dụng được tốt. Hiện một máy để ở Nhà in ngân hàng và một để ở Nhà in Tiến Bộ. Kế

sao cho hết được những cố gắng vượt bậc của cán bộ, công nhân nhà in từ khi xây dựng được cơ sở cho đến khi in ra được những tờ bạc lúc bấy giờ. Chuyển được những cỗ máy in nặng hàng tấn qua những cánh đồng lầy của đất U Minh đã là một kỳ công, lại dựng được nhà in, đặt được máy trên nền đất sinh lầy hễ đặt chân xuống là thụt đến bắp chân, rồi làm thế nào để máy chạy không bị rung mạnh, sản phẩm làm ra tốt, phải nói đó là một điều thần kỳ. Nhưng tờ bạc đầu tiên từ nhà in này in ra gồm các loại bạc 10 đồng, 20 đồng, 50 đồng ghi được rất rõ những hình ảnh chiến đấu và sản xuất của nhân dân Nam Bộ bằng những nét vẽ linh hoạt của các họa sĩ Huỳnh Văn Gấm, Lê Thiên, Lê Ba và nhiều họa sĩ khác đã được nhân dân yêu quý, càng nói lên óc sáng tạo và tinh thần làm chủ của anh em rất đáng được khâm phục.

Tôi không thể nào quên được đồng chí Ngô, Thân, Thế trong Ban quản đốc của hai Phân ban B và D, các đồng

chí Tài, Phước và nhiều anh em công nhân khác, những đồng chí có công lớn trong việc xây dựng nên nhà in bạc của ta ở Nam Bộ hồi đó. Tôi cũng không quên được những dòng kênh quen thuộc, những lối mòn trên đất Bà Hính, Bảy Háp, nơi các đồng chí công nhân nhà in đã sống qua những ngày gian khổ, thiếu thốn nhưng vẫn vui vẻ và hăng say sản xuất. Các đồng chí đó rất xứng đáng được nhận tấm Huân chương Kháng chiến hạng Nhất do Chính phủ tặng thưởng. Sau này kỹ thuật in của nhà in đặc biệt càng được nâng lên. Xưởng giấy Hòa Bình sản xuất ra được loại giấy đặc biệt để in bạc soi lên có bóng ngôi sao 5 cánh, nên tờ bạc in càng đẹp hơn, quý hơn.

Lúc đầu để giữ bí mật chính tôi đã tự tay gò lấy những thùng kẽm, đóng bạc và hàn lại, rồi cùng một số anh em bên những thùng bằng bẹ dừa, buộc những thùng bạc thành những chiếc ba lô trao cho từng chiến sỹ Quốc Vệ đội chuyển lên khu 7 và khu 8. Về sau địch tăng cường phá rối các đường

giao thông liên lạc của ta nên việc vận chuyển tiền xuống các khu đã giao cho các chiến sỹ Tiểu đoàn 307 lừng danh với những chiến công oanh liệt trên chiến trường Nam Bộ.

Cuối năm 1952, anh Trần Dương từ Ngân hàng Trung ương vào, anh đã đem vào cho chúng tôi một không khí mới, một nội dung mới trong công tác kinh tài mà bấy lâu chúng tôi vẫn mò mẫm. Anh đã khai thông cho chúng tôi bằng những lý luận tiền tệ, tín dụng, những khái niệm về phát hành, về quản lý tiền tệ, tín dụng. Anh được Trung ương Cục chỉ định tham gia Ban kinh tài Nam Bộ đồng thời làm Phó Giám đốc Ngân hàng nhân dân Nam Bộ được thành lập vào tháng 5/1953, cùng tôi lo xây dựng bộ máy của ngân hàng trên cơ sở hai cơ quan ngân khố và bộ phận tín dụng sản xuất tách từ Ban kinh tài ra nhập lại và chỉ đạo mặt nghiệp vụ ngân hàng.

Giữa lúc này có tin địch phá giá đồng bạc Đông Dương từ 1 đồng Đông

Dương ăn 12 phờ-răng Pháp xuống còn ăn có 10 phờ-răng, hồng cướp không tiền bạc của nhân dân ta. Lập tức một chiến dịch tiền tệ được mở ra song song với các biện pháp khác về kinh tế, tài chính nhằm đánh lui tiền địch mở rộng phạm vi lưu hành tiền ta. Hàng trăm cán bộ được huy động đi xuống cơ sở nói rõ chủ trương của Trung ương Cục và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ và vạch trần âm mưu của địch về vấn đề này. Kết quả tiền địch bị đẩy lui và tiền ta dần dần chiếm lĩnh trận địa. Tờ bạc Việt Nam được lưu hành rộng rãi trong các vùng căn cứ kháng chiến đánh dấu một thành tích khá nổi của công tác ngân hàng.

Tiếp đó Ban đấu tranh kinh tế với địch được thành lập, thành phần gồm các ngành thuế, mậu dịch và ngân hàng dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban kinh tài Nam Bộ nhằm quản lý việc xuất nhập khẩu hàng hóa có lợi cho ta. Riêng về ngành ngân hàng, một hệ thống ngân hàng xuất khẩu liên tỉnh

Trong công tác đấu tranh tiền tệ với địch, ngân hàng thực hiện biện pháp kết hối hai chiều, nghĩa là khi nhân dân mang hàng vào vùng địch bán đem tiền địch về bán lại cho ngân hàng, ngân hàng trao cho họ một giấy chứng nhận, khi cần mua hàng họ lại ra cửa khẩu và ngân hàng sẽ lại bán tiền địch cho. Biện pháp này được nhân dân hưởng ứng nhiệt liệt, nhờ đó ngân hàng đã tích lũy được số lớn ngoại tệ phục vụ cho nhu cầu chi tiêu của các chiến trường, đồng thời có lực lượng dự trữ để đấu tranh tỷ giá với địch.

Bạc - Cần - Sóc chỉ đạo thống nhất công tác đấu tranh tiền tệ, ở các mặt trận có các chỉ điểm ngân hàng xuất nhập khẩu nằm ở các cửa khẩu Ô Môn, Phụng Hiệp (Cần Thơ), An Biên (Rạch Giá), Cà Mau, Giá Rai (Bạc Liêu) đồng chí Trần Dương, Phó Giám đốc, trực tiếp chỉ đạo công tác này.

Trong công tác đấu tranh tiền tệ với địch, ngân hàng thực hiện biện pháp kết hồi hai chiều, nghĩa là khi nhân dân mang hàng vào vùng địch bán đem tiền địch về bán lại cho ngân hàng, ngân hàng trao cho họ một giấy chứng nhận, khi cần mua hàng họ lại ra cửa khẩu và ngân hàng sẽ lại bán tiền địch cho. Biện pháp này được nhân dân hưởng ứng nhiệt liệt, nhờ đó ngân hàng đã tích lũy được số lớn ngoại tệ phục vụ cho nhu cầu chi tiêu của các chiến trường, đồng thời có lực lượng dự trữ để đấu tranh tỷ giá với địch.

Do kết quả đạt được trong việc đấu tranh kinh tế và tiền tệ với địch, tình hình kinh tế trong vùng căn cứ kháng

chiến phát triển mạnh, giá cả được tương đối ổn định dù ta có phát hành ra nhiều cho nhu cầu chi tiêu của ngân sách và cho các chiến trường Nam Bộ và cả chiến trường khác. Tỷ giá giữa tiền ta và tiền Đông Dương vẫn giữ vững ở giữa mức 1 đồng Đông Dương ăn 36 đồng đến 40 đồng Việt Nam cho đến khi ra tập kết chuyển quân ra Bắc. Hoạt động thương nghiệp có nhiều tập nập hơn. Trên dọc các dòng sông, các dòng kênh, những quán bán hàng tạp phẩm, cửa hàng ăn mọc lên san sát, bán đủ các thứ tạp phẩm từ vùng địch đưa vào. Trên kênh rạch tập nập những ghe, xuồng đẩy áp trái cây hoặc củ được chở ra vùng tạm chiến bán. Cảnh tượng đó càng làm cho khu căn cứ kháng chiến thêm sầm uất.

Kết quả cuộc đấu tranh kinh tế và đấu tranh tiền tệ với địch mà chúng tôi có phần đóng góp tích cực đã cổ vũ chúng tôi rất nhiều trong công tác. Thực ra với điều kiện kinh tế của vùng kháng chiến Nam Bộ lúc đó, người nông dân không cần đến vốn, hoạt động công

nghiệp và thủ công nghiệp không đáng là bao, hoạt động thương nghiệp thì hầu hết do thương nhân buôn ngổ làm, mậu dịch xuất nhập khẩu mang tính chất nhân dân nên hoạt động tín dụng của Ngân hàng Nhân dân Nam Bộ hầu như không có gì. Chúng tôi chỉ tập trung chủ yếu vào việc phát hành giấy bạc và đấu tranh tiền tệ với địch.

Vào cuối năm 1953, đầu năm 1954 để giảm giá lượng giấy bạc phát hành, chúng tôi có cho in và phát hành loại séc 5.000 đồng và 10.000 đồng có ghi tên, màu lơ nhạt, khổ to hơn tờ bạc 10 đồng ngân hàng hiện nay để thay cho tiền mặt. Một số đồng người có tiền đã dùng séc này và dần dần việc sử dụng séc thay cho tiền mặt trở thành phổ biến.

Trong lúc này thì chiến thắng dồn dập từ ngoài Bắc dội vào, tin quân ta tại các chiến trường ở Trung Bộ và Nam Bộ phối hợp đánh mạnh và tiêu diệt được nhiều sinh lực địch làm nức lòng chúng tôi. Rồi tin quân ta chiến thắng

địch ở Điện Biên Phủ buộc thực dân Pháp phải ngồi vào bàn hội nghị ở Giơ-ne-vơ để điều chỉnh với ta làm anh em chúng tôi càng phấn khởi, có người đã nhảy cẫng lên. Tiếp đến tin hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, có tập kết và chuyển quân.

Thế là chúng tôi lao vào việc thu hồi tiền Việt Nam đang lưu hành trên các vùng thuộc Nam Bộ, lo đảm bảo cho nhu cầu chi tiêu của việc tập kết và thanh toán nhanh tài sản của các cơ quan, xí nghiệp trước khi tập kết.

Trong công tác thu hồi tiền Việt Nam, chúng tôi đã tiến hành theo ba bước gồm việc triệt thoái tiền Việt Nam tại các xã thuộc hai tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng, mở rộng việc cho hối đoái tự do tại các cửa khẩu và cuối cùng là thu hồi toàn bộ tiền Việt Nam còn lại trên vùng tập kết 30 ngày tại Cà Mau, Giá Rai, Tắc Vân và Hộ Phòng, làm thế nào đến cuối tháng 12/1954 phải xong.

Nhiệm vụ để ra thật là cấp bách, nhưng

chúng tôi đã chạy đua với thời gian hoàn thành một cách tốt đẹp. Việc triệt thoái tiền Việt Nam tại Cần Thơ, Sóc Trăng chúng tôi chỉ làm trong 10 ngày đã hoàn tất. Riêng việc bán lại tài sản không đem theo được, kể cả sắt vụn, chúng tôi đã thu hồi được một số tiền Việt Nam đáng kể, nhờ vậy đã giảm bớt được một số phần việc phải đưa tiền Đông Dương ra để đổi cho dân.

Chúng tôi dự đoán lúc đó còn khoảng gần 3.000 triệu tiền Việt Nam lưu hành trên thị trường, cho nên chúng tôi chuẩn bị một số tiền Đông Dương tương ứng để đổi cho nhân dân. Để việc thu hồi được triệt để bảo đảm tài sản của đồng bào chúng tôi đã cử cán bộ đến từng nhà, hoặc chống xuống rêu khắp các kênh gọi loa mời nhân dân đem tiền Việt Nam ra đổi, dù còn 5 xu, 1 cắt cũng đổi. Nhưng cho đến ngày cuối cùng số tiền Đông Dương chúng tôi chuẩn bị để đổi cho dân vẫn không dùng hết. Chúng tôi ước tính vẫn còn một số tiền Việt Nam chưa qua ngân hàng. Thì ra nhân dân nhiều

người không muốn đem đổi. Hình ảnh Bác Hồ đã in sâu trong lòng nhân dân miền Nam. Những người nông dân vốn trọng nghĩa khi sống trong bưng biển Đồng Tháp, trong vùng rừng U Minh hay trên những mảnh đất của miền Tây Nam Bộ không sao quên được Cách mạng đã đem lại cho họ ruộng đất. Họ muốn giữ lại những tờ bạc Cự Hồ để mãi mãi giữ lấy những kỷ niệm của Cách mạng. Anh Xích một trung nông nhà ở đối diện với nhà tôi ở kênh Đập Đá, nơi cơ quan chúng tôi đóng trong những ngày trước khi tập kết ra Bắc, một hôm sang thăm tôi. Sau câu chuyện mở đầu anh biểu tôi:

“Nè anh Hai, anh đổi cho tôi một ít tiền được hông?”. Tôi ngờ anh muốn đổi tiền Việt Nam ra tiền Đông Dương, tôi biểu anh có bao nhiêu cứ mang hết ra cơ quan anh em sẽ đổi cho cả. Không để tôi nói hết, anh cướp lấy lời: “Hông! Tôi muốn lấy tiền Việt Nam mỗi thớ 50 tờ để giữ làm kỷ niệm”. Tôi còn biết có ông già đã bọc một bọc tiền Việt Nam vào cái xà rồng lớn bằng cả gạ lúa đem

cất đi chớ không chịu đổi. Đấy lòng người dân Nam Bộ đối với Cách mạng, với kháng chiến là như thế đó. Thằng địch ra công xuyên tạc là Chính phủ kháng chiến “vỡ nợ dân”. Chúng nói với dân là “Việt Minh không có đủ tiền Đông Dương đâu mà đổi cho các anh”. Nhưng chúng nói mấy cũng không làm ngã được lòng dân. Và không chỉ riêng có anh Xích và ông già nọ, mà rất nhiều người đã làm như vậy. Chúng tôi sung sướng đến chảy nước mắt khi nói lại cho nhau những câu chuyện này.

Giấy bạc kháng chiến đã cùng nhân dân Nam Bộ đánh giặc, giữ nước, chống thực dân phản động Pháp, cùng nhân dân Nam Bộ vùng căn cứ kháng chiến chia bùi sẻ ngọt trong cuộc sống và trong sản xuất và đã góp phần làm nên những chiến thắng Giồng Trôm, Cầu Kè... Vai trò lịch sử của nó không phải đã chấm dứt sau khi quân ta chuyển quân tập kết ra Bắc. Nhiều tờ bạc Nam Bộ kháng chiến đã ở lại cùng nhân dân Nam Bộ nuôi chí Cách mạng góp phần mở ra phong trào đồng khởi

trong những năm 1960 đánh vào Mỹ Ngụy và phải chăng hình ảnh đội nữ du kích 5 người trên tờ bạc 1 đồng in tại Đồng Tháp Mười năm xưa nay được nhân lên thành đội quân tóc dài đang cùng nhân dân Nam Bộ bằng ba mũi giáp công tiến công vào Mỹ Ngụy lập nên những chiến công lừng lẫy như ngày nay.

Trần Học Hải - Nguyên Giám đốc
Ngân hàng Nhân dân Nam Bộ

CUỘC HÀNH TRÌNH GIAN KHỔ

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời phải đối phó với nhiều khó khăn thử thách. Bộ Tài chính đã khẩn trương chuẩn bị để ngày 31/1/1946 có Sắc lệnh cho phát hành giấy bạc Việt Nam. Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ ra đời với mục đích in ra bằng được tờ bạc Cự Hồ phục vụ cho yêu cầu Cách mạng. “In thật nhiều bạc, sản xuất thật nhiều vũ khí cho nhu cầu kháng chiến”. Đó là khẩu hiệu hành động của những người thợ ở đây đáp ứng lời kêu gọi thiêng liêng của Tổ quốc. Những cán bộ của Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ đã được cơ sở

in tiền thứ hai, chuẩn bị cho sự thống nhất mẫu tiền Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên toàn quốc.

Vào cuối năm 1949, anh Nguyễn Thực nhận nhiệm vụ vào Nam. Lúc đó chỉ còn một tháng nữa là Tết. Cũng như nhiều anh em ở Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ, đây không phải là cái Tết đầu tiên xa nhà, mọi người đã từng sống những Tết không nghỉ ngơi, đón năm mới bằng những tờ bạc cụ Hồ không ngừng in ra cho nhu cầu Tổ quốc.

Đoàn công tác gồm anh Nguyễn Thực chỉ huy cuộc hành trình, anh Tống Lới

là lực lượng bảo vệ và yểm trợ, có giao liên dẫn đường và trên 30 dân công gánh vác 500 bản mẫu bằng chì khá nặng - mỗi người chỉ bỏ vào sọt 15 - 20 tấm đủ gánh, để xoay trở dọc đường và để bảo vệ khi gặp sự cố. Cần nói thêm là 500 bản mẫu này rất quý và quan trọng, nhằm in cho kịp và thống nhất loại bạc cụ Hồ trên cả nước.

Cuộc hành trình hướng về Nam của họ cứ hết tỉnh này qua tỉnh khác. Hết địa phận núi rừng Hà Tĩnh, sang đất Quảng Bình, mọi người bắt đầu thực hiện ngày đi đêm nghỉ để đánh giặc phục kích hay đánh chặn ban ngày. 500 bản mẫu chì do lực lượng dân công địa phương nhận trách nhiệm vận chuyển, qua mỗi địa phương, dân công bàn giao cho dân công địa phương khác đảm nhiệm. Đường dây giao liên cũng vậy, hết trạm này có trạm khác đưa đi. Đoàn công tác cứ thế mà vượt rừng, vượt suối, vượt đốn bót địch cho đến Nam Bộ.

Vượt qua núi rừng Quảng Trị, từ Thừa

Thiên - Huế, Quảng Nam, Khánh Hòa, Bình Định trở đi cho đến vùng cực Nam Trung Bộ... đó là những đoạn đường đầy nguy hiểm. Trên trời, máy bay địch không ngừng oanh tạc, dưới đất bọn biệt kích khi ẩn khi hiện. Với cương vị là người chỉ huy - anh Thực lúc nào cũng động viên, nhắc nhở anh em luôn đề cao cảnh giác và sẵn sàng chiến đấu. Kỷ luật đi đường rất chặt chẽ. Ban đêm đi trong rừng, người này báo lấy lưng người kia mà đi, dứt đoạn nào thì ngồi lại đoạn đó, nếu tự động đi thế nào cũng bị lạc, cứ ngồi tại chỗ, giao liên sẽ trở lại dắt đi, khi họ thấy số lượng người trong đoàn bị thiếu. Có hôm mọi người đang đi, bỗng hàng đầu chững lại hỏi ra mới biết anh em đi trước hàng quân nhận được tín hiệu một nhánh cây bỏ ngang đường. Thế là biết có chuyện, nếu tiếp tục đường này sẽ bị phục kích ngay. Cả đoàn lại lần mò tìm một con đường khác vòng vèo hơn nhưng an toàn. Những ngày đầu đôi chân sưng tấy nhưng vẫn đi, đi được một tuần chân hết đau, quen dần và trở thành đôi chân vạn dặm. Đầu

... Suốt một năm trời như vậy cả đoàn đã phải trèo đèo lội suối, lên thác xuống ghềnh, ăn đói nhịn khát, vượt vòng dây của giặc mà đi mới đến được mảnh đất Thành đồng. Tại đây anh Thực được cử làm trưởng phân ban D - Cơ quan Ấn loát Tài chính Nam Bộ...

óc lúc nào cũng căng thẳng vì tìm mọi cách bảo vệ cho được 500 bản mẫu bạc đến được Nam Bộ an toàn không để mất mát, không để lọt vào tay giặc.

Điều kiện sinh hoạt vô cùng kham khổ. Có hôm trên đường đi anh em bắt được một kỳ nhông to đem làm thịt nhưng không biết lấy gì để nấu, mãi sau anh Thực nhớ ra có lọ mắm tôm đem theo để dành lúc không có gì ăn mang ra cho anh em nấu. Cả đoàn được một bữa kỳ nhông nấu mắm tôm, vừa húp vừa chan thế mà ngon đáo để.

Đến gần Thừa Thiên Huế, anh Thực có nhờ trạm giao liên bắt liên lạc với chị Huệ, vợ anh, trạm rất thông cảm với hoàn cảnh của anh nhưng cho biết Huế đang bị chiếm đóng, liên lạc rất khó khăn, nguy hiểm, nếu có bố trí được cũng phải từ 7 - 10 ngày. Anh Thực rất muốn gặp vợ mình, đã lâu lắm hai người không gặp nhau nhưng vì nhiệm vụ được giao không thể chần chừ, và anh quyết định lên đường, để lại sau mình Thành phố quê hương và người

vợ đang đau đầu mong tin chồng.

Vẫn còn may khi qua vùng Trầm, cách Mỹ Chánh 4 km về phía Tây, anh Thực mới liên lạc được với ông chủ gửi cho chị Huệ vài chữ và mấy trăm đồng bạc. Có ai ngờ rằng đó lại là sợi dây liên lạc cuối cùng giữa họ với nhau.

Đi đường được 3 tháng thì anh Thực bị ốm người lúc lạnh lúc nóng và sau đó là cơn sốt rét rừng quật anh dữ dội. Mọi người bàn với anh nghỉ lại vài bữa cho dứt cơn sốt hãy đi, anh xua tay lia lịa.

Không, ta cứ đi thôi. Nằm lại là nằm dài mãi đấy. Tôi uống thuốc rồi lợi dụng ban ngày không đi thì tôi nghỉ ngơi, đêm ta tranh thủ đi. Biện pháp chống sốt rét của tôi là đi, đi không nghỉ. Đi mới hoạt động và chặn được sốt rét rừng. Anh nói và làm như vậy.

Có một câu chuyện xảy ra trên đường đi mà anh Lới và những người cùng đoàn không thể nào quên được. Đó là khi đoàn công tác dặt chân trên khu

7. Qua một bản làng toàn anh em dân tộc ít người, anh Thực rủ anh Lới vào bản, tìm một già làng xin đổi một con heo to. Anh nói:

- Bí mật nghe. Mình nói cho Lới biết là đến khu 7 đoàn được nghỉ lại một thời gian. Anh em ta cũng như anh em giao liên, dân công quá vất vả, chúng ta sắp đến đích rồi, mình làm một bữa liên hoan bồi dưỡng cho anh em.

Tôi trợn tròn mắt hỏi:

- Lấy gì mà liên hoan, tiền đâu, gạo đâu mà mua đổi?

Anh tủm tỉm cười:

- Gạo thì trong ruột tượng mình còn đầy, ruột tượng của Lới cũng vậy, ai có nữa thì đổ ra hết. Còn thực phẩm thì có rau rừng và con heo mà mình sẽ đổi.

Tôi vẫn chưa tin:

- Anh Thực, anh đùa đấy à? Lấy tiền đâu mà mua, lấy vật gì mà đổi nào?

Anh chỉ cười:

- Mình nói là bí mật mà đừng hỏi nữa.



Thắp hương cho các đồng chí đã nằm xuống

Tôi đoán biết đó là kỷ vật rất quý đối với anh vì nghe anh nói: “Chẳng có gì quan trọng đâu mà dẫu có quan trọng đi nữa, rồi đây biết sống chết thế nào mà giữ, đổi cho anh em ăn lấy sức mà đi. Đến được Nam Bộ, ra được tờ bạc cụ Hồ là cái quan trọng nhất đó Lới à. Tôi im lặng nghĩ mà thương, quý anh đến chừng nào.

Đoàn công tác đến khu 8, vùng Đồng Tháp Mười thì được tin Cơ quan Ấn loát Đặc biệt đã di chuyển, cả đoàn lại tiếp tục hỏi đường đến khu 9, vùng Năm Căn nơi có rừng U Minh trùng

diệp. Ở đây cả đoàn chỉ độc đi thuyền theo kênh rạch, mày mò mãi, mọi người cũng đến được Cơ quan Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ. Đó là thời điểm của những tháng cuối năm 1950.

Suốt một năm trời như vậy cả đoàn đã phải trèo đèo lội suối, lên thác xuống ghềnh, ăn đói nhịn khát, vượt vòng dây của giặc mà đi mới đến được mảnh đất Thành đồng. Tại đây anh Thực được cử làm trưởng phân ban D - Cơ quan Ấn loát Tài chính Nam Bộ.

Vào khoảng tháng 9 năm 1953 anh

Thực đi công tác về thì bị ốm. Cơ sốt rất cao và kéo dài không ăn uống gì được, anh vẫn cố gắng điều hành công việc cho đến khi sốt nặng kéo dài, mê man mới chịu nằm nghỉ. anh chị em trong cơ quan rất thương, có những gì ngon đều dành cho nhưng anh chẳng ăn uống được gì. Cơ quan chỉ còn một con gà duy nhất cũng làm thịt, hầm lấy nước cho anh uống cho khỏe. Càng ngày sốt càng cao, mọi người cứ tưởng rằng anh bị sốt rét vì cả một quá trình gian khổ đi đường và những năm tháng ở rừng U Minh bị sên, muỗi hành hạ. Có ai ngờ rằng - mãi sau này mới biết không những anh bị sốt mà còn bị thương hàn nhập lý. Bệnh tình ngày càng trầm trọng, anh em đưa anh đến bệnh viện vùng căn cứ để chữa chạy. Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch - người biết rõ sự cố gắng của anh Thực lâu nay đã nhận mổ để cứu anh bằng được. Nhưng rồi bác sĩ cũng đành bó tay vì bệnh tình quá nặng, anh Thực đã qua đời vào ngày 30/10/1950. Trước lúc mất, anh trao lại chiếc đồng hồ mặt đen và một các ảnh nhỏ dạn

anh em khi nào có điều kiện thì trao lại cho vợ mình. Hành trang cả cuộc đời anh chỉ có vậy. Hai bộ và ba đen anh Thực mặc hàng ngày thì anh em bỏ vào quan tài khâm liệm anh luôn. Việc chôn cất anh được cơ quan và anh em Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ tiến hành chu đáo.

Hòa bình lập lại, hài cốt của liệt sĩ Nguyễn Thực được mai táng chu đáo và trang trọng tại Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Minh Hải (cũ) - mảnh đất tận cùng của Tổ quốc mà anh đã có một thời gắn bó, nặng nghĩa tình như đối với quê hương Thừa Thiên - Huế yêu thương của anh.

Theo **Tạp chí Tài chính**

(Viết về đồng chí **Nguyễn Thực**,

Trưởng phân ban - Cơ quan Ấn loát Tài chính Nam Bộ, qua đời tại chiến trường miền Nam năm 1950 qua lời kể của anh Tống Lới - người cùng tham gia trong đoàn công tác chiến trường Nam Bộ)

VIỆC IN TIỀN CỦA BAN ẤN LOÁT ĐẶC BIỆT NAM BỘ TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

Nhu cầu của Cách mạng

Sau ngày 2/9/1945, Cách Mạng thành công thành lập chính quyền nhưng chưa có tờ giấy bạc riêng của một quốc gia độc lập. Chính Phủ Việt Nam thấy rằng không có tiền thì không làm được việc, nào là xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng chính quyền cơ sở, trường học, bệnh viện... Sau năm 1946, bầu cử Quốc hội đầu tiên, Nhà Nước bắt đầu in giấy bạc của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Mặt trước có in

hình chủ tịch Hồ Chí Minh, mặt sau in hình công nông binh và có chữ ký của Bộ trưởng tài chính Phạm Văn Đồng.

Trong Nam, lúc đầu người dân còn xài tiền Đông Dương, nhưng lượng tiền này cũng thiếu, muốn xài 5 cắc thì phải lấy một đồng bạc giấy xé hai. Do việc chở tiền vào Nam khó khăn, Nhà nước cho phép từng địa phương in tín phiếu để lưu hành. Nào là Phiếu đổi chác, Phiếu tiếp tế. Liên tỉnh in ra tín phiếu

để xài, cụ thể như Ủy ban kháng chiến Nam Bộ cho phép các địa phương tự lo.

Từ năm 1945 - 1948, tình hình tiền tệ còn khan hiếm, người dân dùng tiền xanh có đóng dấu của Cách mạng là lưu hành.

Ở ngoài Bắc, đã có in tiền nhưng không thể chuyển vào Nam để người dân dùng vì giao thông khó khăn, nên cần giải quyết bằng nguồn tiền tại chỗ, phù hợp với chiến trường.

Thành lập phân ban

Khi tình hình như vậy Ủy ban Hành chính xin phép Trung ương để in tiền. Chẳng bao lâu Bác Hồ thay mặt Trung ương cho phép Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ in giấy bạc. Lãnh đạo là anh Nguyễn Thành Vinh đề xuất chọn một trong 3 phương án để thực hiện: Thuê nước ngoài là Thái Lan in; In tiền tại Sài Gòn và in trong chiến khu.

Cuối cùng là lãnh đạo chọn in ở Chiến Khu, vì chiến tranh của Việt Nam là trường kỳ kháng chiến, không biết bao giờ mới kết thúc mà thuê người in thì không ổn. Muốn chủ động tài chính phải được cung cấp tại chỗ. Việc in ấn theo chiến trường du kích không có khu ATK, mình tự lo cho mình. Khi thành lập ban, cử ông Kỹ sư nông nghiệp Ngô Tấn Nhơn làm Trưởng ban, người tỉnh Mỹ Tho, là thành viên của Ủy ban Hành chính Lâm thời Sài Gòn Gia Định Chợ Lớn. Ông là Bộ trưởng Bộ canh nông của Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa được Trung ương giao làm Trưởng ban tiếp tế Miền Nam đóng ở Quảng Ngãi. Sau này khi có xứ Ủy Nam Bộ thì giải thể Trung Ương Cục Miền Nam. Ông Phạm Văn Bạch về làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ, Ủy ban khai sinh ra Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ, trong đó có Phân ban A, nhiệm vụ in giấy bạc từ 1 đồng đến 20 đồng in theo kiểu typô.

Ban đầu, thợ thầy không có, phân ban



phải nhờ đến trí thức Sài Gòn hỗ trợ việc này, nên lúc đó có nhiều công nhân xí nghiệp nhập vô đây. Liên hiệp Công đoàn Nam bộ làm nhiệm vụ mời chuyên viên ấn loát có kỹ thuật vào để sử dụng máy. Anh em nào có gia đình thì cán bộ công đoàn đưa vô luôn, nhờ vậy mà chất lượng tờ giấy bạc cũng tạm được.

Phân ban A in tại Đồng Tháp Mười chất lượng không được cao, và in chậm nên không đủ dùng. Sau một năm hoạt

động, Trưởng ban Ngô Tấn Nhơn đánh giá in typo kỹ thuật không cao, năng suất thấp, tính ra không hiệu quả. Giá thành một tờ giấy bạc cao hơn giá trị đồng tiền mệnh giá thấp, nếu cứ in như thế này thì không đáp ứng được yêu cầu. Do đó, các anh đề xuất phải tổ chức thêm một đơn vị nữa là Phân ban B, trang bị máy tốt hơn là máy in offset. Quyết định đó được thực hiện tại Đồng Tháp Mười, với máy in cũ của Đức, in bằng ống tròn, bản kẽm, gọi là in lito thế hệ mới.

Việc in tiền

Sài gòn lúc đó có 2 nhà in lớn. Dù luận cho rằng, có người vận động công nhân nhà in ở Sài gòn làm hư máy để chủ bán và Cách Mạng mua lại. Năm 1949, Pháp mở rộng chiến tranh, tấn công Đồng Tháp Mười, vùng kiểm soát của ta ngày càng teo lại, Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ phải chạy về U Minh. Một bộ phận từ Đồng Tháp Mười về khu 9. Sau đó thì ta đặt máy mới, đến năm 1950 máy mới về.

Tháng 11/1949, Phân ban B dời đầu tiên về đồn điền quốc gia ở huyện Đầm Dơi, Cà Mau. Nơi đây có nhiều mương rạch, đơn vị nằm dưới bóng cây dừa. Lúc đó chiến trường Nam bộ nhiều nơi bị hẹp các cơ sở in của các tỉnh như Vĩnh Trà, Long Châu Sa... cũng dọn về đây. Trình độ nghiệp vụ in của Phân ban B cũng đáng gọi là công nghệ tiên tiến, nhưng còn thực hiện thì ở mức độ sơ khai của ngành in: máy chụp thô sơ, thiếu điện, trời nắng đẩy máy ra, có phim chụp được, in bản kẽm nhỏ, phải nhân bản, dùng giấy hồ, in

nhiều bản mới “mông-ta”. Máy typô đập chân, máy offset thì quay tay. Làm như vậy cũng cả năm. Nhập máy Nhật về cũng không có điện, lấy đầu máy xe hơi chiến lợi phẩm thu được của Pháp về kéo moteur. Ở rừng U Minh làm bản kẽm không có bi hóa chất vì mua khó. Thời kỳ sau, mua được hóa chất, keo làm cho mặt bản. mài bản, nên có thể nói là công nghệ tiên tiến, nhưng thực hiện thì “dưới đáy” kỹ thuật!

Nhà máy giấy

Năm 1952, thêm một cơ sở được thành lập để sản xuất giấy in giấy bạc tại Tân Bằng, huyện U Minh, Cà Mau. Xưởng giấy này, tiền thân là xưởng giấy nhỏ của Sở Thông Tin, sau nhập lại được thành xưởng giấy Hòa Bình, làm thủ công. Cung cấp cho nhà in trong thời kỳ khó khăn. Làm giấy thì phải có nhiều nước để tẩy cho trắng, giấy Tân Bằng không có tẩy, nước màu trà nên cho ra loại giấy đặc biệt không thể làm giả được. Tuy sử dụng giấy tự chế, nhưng nhờ có chuyên gia của Bộ Tài

Chính từ Hà Nội vô giúp nên tiền in có hình chìm như các giấy bạc khác. Nói tóm lại, Ban ấn loát đặc biệt Nam Bộ cũng là xưởng in tổng hợp, cần thiết cho cuộc kháng chiến, tiếc là địa bàn không an toàn, việc mua nguyên vật liệu cũng rất khó khăn. Cụ thể ví rằng muốn có ký giấy phải đổi một mạng người, hoặc phải nhờ chị em lấy vật tư, hy sinh cả tuổi xuân của họ.

Việc phát hành

Lúc đầu in giấy bạc xong, có người đếm và kiểm soát để không thất thoát ra ngoài. Những công nhân trong xưởng in đều là những người được tuyển chọn trong lớp thanh niên tình nguyện, có hạnh kiểm tốt. Khi đã vào đây thì quyết tâm với công việc in ấn, không làm nhiệm vụ gì khác. Họ ăn ở một chỗ và không đi đâu, cũng không được tiếp xúc với người bên ngoài, giống như lính kiểng. Có lẽ vì lý do đó mà những người trẻ trong Phân ban thích đi bộ đội để được đánh giặc hơn là làm nhiệm vụ in đến nỗi các cán

bộ cao cấp phải xuống thường xuyên làm công tác tư tưởng với anh em. Các đồng chí ấy cho rằng một đơn vị trong Phân ban là một tiểu đoàn, sư đoàn tác chiến, vì đơn vị này làm ra tiền để nuôi quân chiến đấu. Công lao của anh em cũng to lớn như chiến sĩ ngoài mặt trận. Đến năm 1951-1952 Chính phủ thành lập Sở Ngân khố Nam Bộ, giao cho ông Trần Ngọc Hải, một cán bộ lão thành vừa là ủy viên của Ban Kinh tài Nam Bộ, còn gọi là Giám đốc Sở Ngân khố Nam Bộ (Sở này, sau trở thành Ngân hàng nhân dân Nam Bộ). Sở Ngân khố Nam Bộ cử người sang để giám sát xưởng in và nhận tiền. Từ khi tờ giấy bạc được in hoàn chỉnh, người bên Sở đến đóng gói lại và đóng khăn niêm phong, ký tên nhận hàng rồi đưa về Sở Ngân khố.

Đời sống công nhân

Giai đoạn này anh em công nhân không có lương, nhưng thức ăn được văn phòng cung cấp khá đầy đủ. Những năm cuối của cuộc kháng



Giấy bạc loại Năm mươi đồng đã in một mặt, mặt sau có các chữ ký của công nhân thuộc Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ kính tặng Đại hội Đảng Lao động Việt Nam lần thứ II năm 1951 (bản chính hiện đang được lưu giữ tại Bảo tàng Cà Mau)

*Tư vấn thư "Lao Động chân tay" trí óc
Đ. 1. nghiệp Công &
(Hành chính, Kỹ thuật, Văn thư, Kế toán)*

Hiệu năng Đảng Lao Động Việt Nam.

| Tên Đoàn I | Tên Đoàn II | Tên Đoàn III | Tên Đoàn IV | Tên Đoàn V | Tên Đoàn VI |
|---|---|---|---|---|---|
| <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> |
| <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> |
| <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> |
| <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> |
| <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> |
| <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> |
| <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> |
| <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> |
| <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> | <i>[Handwritten names and signatures]</i> |

... Đến năm 1951 - 1952 Chính phủ thành lập Sở Ngân khố Nam Bộ, giao cho ông Trần Ngọc Hải, một cán bộ lão thành vừa là ủy viên của Ban Kinh tài Nam Bộ, còn gọi là Giám đốc Sở Ngân khố Nam Bộ (Sở này, sau trở thành Ngân hàng nhân dân Nam Bộ). Sở Ngân khố Nam Bộ cử người sang để giám sát xưởng in và nhận tiền. Từ khi tờ giấy bạc được in hoàn chỉnh, người bên Sở đến đóng gói lại và đóng khần niêm phong, ký tên nhận hàng rồi đưa về Sở Ngân khố...

chiến chống Pháp, Cách mạng gặp khó khăn nên công nhân được cấp lúa, đem về tự xay, tự giã còn rau củ thì tự sản xuất. thời gian này công nhân được trợ cấp mỗi tháng 5 đồng. Số tiền này, nếu không xài thì gửi về nhà, còn có nhu cầu gì khác thì gửi anh em bên văn phòng mua giùm. Lúc ở rừng dừa, họa sĩ Huỳnh Văn Gấm làm Trưởng phân ban B. Họa sĩ Gấm còn trẻ, tính tình rất văn nghệ nên anh em sống cũng thoải mái vui vẻ. Cả phân ban tập trung ở khắp rừng dừa, tổng cộng có tới 10 phòng, mỗi phòng phụ trách công tác chuyên môn. Ngoài giờ làm việc thì sáng thể dục, chiều đá bóng tại sân nhỏ rất vui.

Giá trị khác của tờ giấy bạc

Phòng hội họa để vẽ, có xưởng in offset, xưởng in tipo, đường đường là nơi để điều trị bệnh cho bộ đội, có y sĩ phụ trách, có ban tiếp tế lo ăn uống cho cán bộ tại chỗ. Một phân ban có đủ các bộ phận như trên. Dưới họa sĩ Huỳnh Văn Gấm có Trần Tấn Thanh,

Lê Ba, Lê Riêng. Ở thành phố còn ông Chí Phú (sau này hoạt động Bảo Tàng Mỹ Thuật), Viện phó Trường Mỹ thuật Gia Định, Nguyễn Văn Dinh. Một phòng họa có liên hệ với Hội Mỹ thuật nên họa sĩ Diệp Minh Châu là cộng tác viên. Các họa sỹ này có trình độ chính trị nên giấy bạc của mình được trình bày như tranh cổ động, xứng đáng với tên giấy bạc Cụ Hồ, do nhân dân tặng cho. Giấy bạc có 2 nội dung. Một là giá trị đồng tiền, một phần cổ động kháng chiến cứu quốc. Giấy bạc các nước được bảo đảm bằng vàng, giấy bạc của mình được bảo đảm bằng niềm tin. Người dân nghe theo Đảng, theo Bác Hồ để giải phóng dân tộc, nói đến Bác Hồ là dân mình tin tưởng gọi là tín chấp. Mặt trước của tờ giấy bạc đều có ảnh Bác, mặt sau là các hình ảnh để tài phục vụ của từng thời kỳ cho cuộc chiến. Tờ bạc của mình còn là tờ bạc kháng chiến.

Hồi đó mình chưa có báo chí tuyên truyền, trong Nam chỉ có một tờ Nhân dân Miền Nam, nên tờ giấy bạc còn là

công cụ tuyên truyền tốt. Nó có ảnh của Bác Hồ cho mọi người dân đều biết lãnh tụ của đất nước. Tờ giấy bạc in vào dịp Đại hội Đảng lần thứ II, năm 1951 thì trong đó mặt trước là ảnh Bác Hồ, mặt sau có in khẩu hiệu "Đoàn kết, Đoàn kết, Đại đoàn kết" đúng như cái nội dung của Đại hội Đảng lần thứ II mà tên Đảng được đổi thành Đảng Lao Động Việt Nam, cho nên ở phía sau có hình ba anh Công Nông Binh . Lúc này, cơ quan phát động thi đua "Chào mừng Đại hội Đảng" cho nên một tinh thần tập trung kháng chiến rất cao cho nên khẩu hiệu thi đua hàng ngày "Thi đua in nhiều giấy bạc, chuẩn bị tổng phản công." Công nhân cái xưởng in đó ký tên mặt sau tờ giấy bạc đã in một mặt rồi, mặt sau để trống ký tên của các anh em trong đơn vị gửi chào mừng Đại hội. Tờ giấy bạc in thử đó đã được lưu trữ đến bây giờ.

LƯƠNG MINH ghi

(Ghi theo lời kể của ông

Nguyễn Văn Hùng, Nguyên Phó Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ)

LÒNG DÂN ĐẶT TRỌN NIỀM TIN VÀO KHÁNG CHIẾN VÀ CÁN BỘ KINH TÀI

Gian nan phát hành tiền và đấu tranh chống bạc giả...

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nhiệm vụ của ngành Tài chính lúc này là chuẩn bị tiền để giải quyết các nhu cầu chi tiêu của bộ máy Nhà nước và quân đội. Đó là phải gấp rút chuẩn bị phát hành một loại tiền mới, vừa để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu cấp bách, vừa là bước chuẩn bị để xây dựng một chế độ tiền tệ độc lập, tự chủ. Cuối năm 1945, tiền hào lẻ của Ngân hàng Đông Dương do Pháp phát hành trên thị trường rất khan hiếm.

Đây chính là điều kiện thuận lợi để Cách mạng Việt nam phát hành thêm các loại tiền có mệnh giá nhỏ vào lưu thông. Ngày 1/12/1945, Bộ Tài chính đã cho phát hành loại tiền đúc bằng nhôm đầu tiên ra thị trường (loại 2 hào, 5 hào và 1 đồng). Từ kết quả bước đầu đó, ngày 30/11/1946 Chính phủ đã quyết định phát hành tờ giấy bạc tài chính đầu tiên có in hình Chủ tịch Hồ Chí Minh ở các tỉnh thuộc khu vực Trung Bộ, còn gọi là “giấy bạc Cụ Hồ”. Sau đó, tiền của ta đã nhanh chóng lan rộng ra các tỉnh miền Bắc và Nam. Để có một cơ quan chuyên môn, Sở Ngân

khố Nam Bộ được thành lập từ phân Sở Ngân khố, đặc trách nghiên cứu và giải quyết các vấn đề ngân sách, in và phát hành tiền tệ.

Năm 1947, khi Chính phủ Trung ương (TW) quyết định cho in tiền Việt Nam tại Nam Bộ, cũng như in tiền Việt Nam tại Trung Bộ thì lúc bấy giờ Xứ ủy Nam Kỳ, Ủy Ban Kháng Chiến Hành Chính (UBKCHC) Nam Bộ mới tiến hành thành lập Ban ấn loát đặc biệt Nam Bộ, cử ông Ngô Tấn Nhơn lúc bấy giờ là Bộ trưởng Bộ Canh nông, đặc phái viên của Chính phủ TW Nam Bộ về làm trưởng ban và ông Nguyễn Thành Vĩnh - luật sư, ủy viên UBKCHC Nam Bộ làm phó ban. Bấy giờ, công việc đầu tiên là đi gom góp tiền để mua máy móc. Thời điểm này, khi in tiền ra, có những lúc gặp sự cố in lỗi, đồng thời bối cảnh lịch sử bấy giờ giặc Pháp in tiền giả rất nhiều để chống phá đồng tiền của ta, trong đó đồng tiền TW (tức giấy bạc 100 đồng đỏ) là bị phá nhiều nhất. UBKCHC đã chỉ thị cho các tỉnh phải kiểm soát giấy bạc thật và làm

Trong kháng chiến, mỗi người cán bộ kinh tài vừa là người linh, vừa là người trực tiếp lo các vấn đề ngân sách, in và phát hành tiền tệ. Dù là cuộc đấu tranh chống bạc giả hay chính sách đổi tiền của Chính phủ đều được người dân ủng hộ hết lòng. Có thể nói, cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta đã đi qua rất lâu, nhưng những người cán bộ từng tham gia đổi tiền cho nhân dân hay trực tiếp ký tên xác nhận bạc thật lên những tờ giấy bạc bị in lỗi ngày ấy vẫn còn nhớ như in không khí của ngày nào...

phiếu kiểm soát dán lên trên tờ giấy bạc đó để xác định cho người dân biết, đồng thời chỉ được lưu hành trong tỉnh đấy thôi. Khi dán phiếu kiểm soát bạc thật lên người ta gọi là “giấy bạc đắp mền”. Tuy nhiên, thật sự đồng tiền này vẫn được lưu hành chung chứ không phải riêng tỉnh nào. Điều đó nói lên uy tín của chính quyền ta thời bấy giờ trong cuộc đấu tranh chống bạc giả. Sở Ngân khố Nam Bộ cử nhiều cán bộ sang ban ấn loát đặc biệt Nam Bộ để kiểm soát, nếu những đồng nào in sai mà không sửa được phải để nguyên và phát hành như vậy. Để xác nhận tiền thật, các cán bộ của Sở Ngân khố Nam Bộ trực tiếp ký tên lên trên tờ giấy bạc này, giới thiệu với các cơ quan và người dân biết đó là lỗi in sai chứ không phải tiền giả. Nếu thấy ký tên như vậy thì người dân đem đến Sở ngân khố các tỉnh để đổi lấy tiền in đúng về xài, vì thời điểm này mỗi tỉnh đều có Sở ngân khố riêng. Nhưng người dân thường ít đi đổi vì thấy đã có xác nhận tiền thật nhưng do in lỗi thì họ vẫn tin tưởng sử dụng. Vì vậy, thỉnh thoảng





Ông Trang Sĩ Liêm (người thứ hai bên phải) với Thứ trưởng Thường trực Bộ Tài chính Nguyễn Công Nghiệp trao đổi về “Đồng tiền Tài chính - giấy bạc Cự Hồ ở Nam Bộ”

vẫn thấy những tờ tiền có những chữ ký này lưu hành. “Thời điểm đó, có thể nói niềm tin của nhân dân Nam Bộ vào kháng chiến rất lớn, đối với tờ “giấy bạc đắp mền” người dân thấy có chữ ký của chính quyền, mặc dầu xác nhận chỉ lưu hành trong tỉnh nhưng vẫn được đồng bào tiêu xài trong toàn khu kháng chiến, không phân biệt địa phương. Một điểm đáng chú ý nữa đó là tiền ở Trung Bộ đưa vào giấy in rất xấu, rồi xài qua nhiều tay nên bị rách, nhàu nát, lúc bấy giờ người dân có một câu cửa miệng rằng “đây là bạc Cụ Hồ nên dù rách còn nhìn thấy cái râu cũng xài được”. Hiện giờ tôi vẫn còn lưu giữ các tờ giấy bạc nhàu nát như vậy, thậm chí không nhìn thấy rõ là 50 đồng hay là 100 đồng...”, ông Trang Sĩ Liêm - nguyên là cán bộ Sở Ngân khố Nam Bộ cho biết.

Người dân đặt trọn niềm tin vào kháng chiến

Giai đoạn 1952 - 1953, kháng chiến

của ta thẳng giòn già và lấn dần ra sát tận vùng tạm chiếm, đồng thời tiền của mình cũng lấn át đồng tiền của Ngân hàng Đông Dương (vì đa số có màu xanh nên còn gọi là đồng tiền xanh). Lúc bấy giờ, trong vùng kháng chiến thì đồng tiền của ta (giấy bạc Cụ Hồ) và tiền giặc Pháp (đồng tiền xanh Đông Dương) cùng lưu hành song song, do đó Chính phủ mới có chủ trương quét bạc giặc ra khỏi vùng kháng chiến. Cán bộ Sở Ngân khố Nam Bộ phải đi xuống từng địa phương và các vùng ven hạp đồng bào, hạp dân lại để tuyên truyền người dân nên xài tiền của mình, không xài bạc của giặc Pháp. Đồng thời, tổ chức thu đổi tiền kháng chiến cho người dân sử dụng trong vùng kháng chiến và khi họ có nhu cầu đi ra ngoài thì mình đổi tiền xanh lại cho họ.

Sau đó, đến hiệp định Giơnevơ 1954, Pháp đình chiến và xác định khu tập kết. Trước khi chuẩn bị tập kết ra Bắc, chủ trương của Xứ ủy và UBKC Hành chính Nam Bộ là phải tập trung tiền

xanh lại đổi cho đồng bào, thu hồi tiền kháng chiến do ta phát hành để đồng bào không bị thiệt thòi và có tiền tiêu xài trong thời điểm cán bộ ta đi tập kết. Vì vậy, từng cán bộ được huy động một mình một chiếc xuống chở tiền đi xuống các địa phương trực tiếp đổi tiền xanh cho đồng bào và thu hồi tiền Cự Hồ về. Vì tiền của mình phát hành từ 5 cắc, 10 cắc... có giá trị nhỏ nên khối lượng rất lớn, phải đến năm bảy xuống mới chở hết được. Do đó, phải phân loại và xếp lại từng bó tiền rồi theo đó mà tính toán. Được sự giúp đỡ của đồng bào nên việc đổi tiền không gặp sự cố khó khăn cũng như không bị mất mát một đồng nào, cắc nào. “Trong tay tôi lúc này chỉ có một mảnh giấy giới thiệu của lãnh đạo Sở Ngân khố phân công đi làm nhiệm vụ, thế nhưng được đồng bào tin tưởng giúp đỡ hết lòng, từ việc đổi tiền, tính toán đến cả việc vận chuyển tiền về đơn vị. Điều này cho thấy rằng lòng dân lúc bấy giờ tin tưởng tuyệt đối vào kháng chiến và người cán bộ kinh tài” ông Liêm xúc động kể lại.

Ngoài ra, khi UBKCHC Nam Bộ có một văn bản cho phép các tỉnh phát hành Tín phiếu và Phiếu tiếp tế (Nghị định số 267ND/28-8-49), có tỉnh còn ghi là Phiếu đổi chác, có chữ ký của chủ tịch tỉnh và giám đốc Ngân khố tỉnh; có tỉnh thì in Tín phiếu khu vực, quận huyện... Thật ra, không kể tỉnh nào hay quận huyện nào, hễ thấy các phiếu có chữ ký UBKCHC tỉnh và giám đốc Sở Ngân khố tỉnh là người dân tin tưởng tiêu dùng như tiền.

NGUYỄN PHẠM - VIỆT ÂU
(Ghi theo lời kể của ông **Trang Sĩ**
Liên, nguyên cán bộ Sở Ngân khố
Nam Bộ)

LƯU GIỮ NHỮNG ĐỒNG TIỀN NHỎ ĐỂ TRỞ THÀNH BỘ SƯU TẬP LỚN, MANG NHIỀU Ý NGHĨA LỊCH SỬ

Hướng tới đại hội thi đua yêu nước ngành Tài chính lần III và kỷ niệm 65 năm thành lập ngành (28/8/1945 - 28/8/2010), nhiều đơn vị đang có những hoạt động thi đua sôi nổi chào mừng các sự kiện này. Tuy nhiên, không phải ai cũng biết từng có nhiều thế hệ cán bộ Tài chính đã trải qua những khó khăn, gian khổ trong những ngày đầu thành lập ngành với những hi sinh thầm lặng... Tất cả họ đã cùng nhau xây dựng và phát triển

ngành Tài chính với cả niềm tin, nghị lực... Trong đó, ông Dương Minh Ngọc (sinh 1935), nguyên là cán bộ Ban Kinh tài Trung ương Cục miền Nam là một trong những người cán bộ lão thành Cách mạng mà chúng tôi đã có dịp trao đổi, ghi chép lại.

Giấy bạc xé đôi vẫn được tiêu thụ

Cách mạng Tháng Tám thành công cùng với sự ra đời của nước Việt Nam

Loại tiền này bị giả nhiều nên gọi là bạc “đắp nền”, vì được dán phiếu kiểm soát của UBKCHC mới được sử dụng.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, chiến sự bùng nổ khắp nơi, việc liên lạc giữa Trung ương và địa phương ngày càng khó khăn. Do đó từ năm 1947 - 1954, theo sự chỉ đạo của Trung ương mỗi vùng có một loại tiền riêng. Ở Trung bộ phát hành Tín phiếu, ở Nam Bộ phát

hành tiền Nam Bộ, Phiếu tiếp tế, Tín phiếu, Phiếu đổi chác... Năm 1953, các hoạt động ở Sở Ngân khố Nam Bộ (sau này đổi thành Ngân hàng Nam Bộ) đều rất bí mật nhất là bên bộ phận “ăn loát đặc biệt”, đây là đơn vị bí mật thuộc bộ phận mật mã cơ yếu, chỗ in tiền được gọi với tên ký danh là “Ban trồng tía số 10”, chỉ khi dính dáng tới việc đổi tiền hoặc những việc quan trọng khác thì mới tung người ở cơ quan đi.



Và bộ sưu tập tiền quý giá

Ông Dương Minh Ngọc tham gia Cách mạng năm 14 tuổi (1949), đến năm 1953 làm thư ký ở Sở Ngân khố Nam Bộ. Năm 1955, ông tập kết ra Bắc và làm kế toán tổng hợp tại Ngân hàng, sau đó làm kế toán ở Bộ Nông lâm. Năm 1972, ông đi B trở về trong Nam làm ở bộ phận C5 chuyên phụ trách về căn cứ, sản xuất... của Ban Kinh Tài miền Nam. Năm 1975 ông tham gia lực lượng tiếp quản Thành phố Hồ Chí Minh và công tác ở ngành lâm nghiệp cho tới khi về hưu (1995). Nhưng điều đáng quý nhất hiện nay là hiện tại ông Dương Minh Ngọc đang lưu giữ gần như đầy đủ bộ tiền giấy thời cha ông để lại do Ngân hàng Đông Dương từ thời Pháp phát hành cho đến những đồng tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành từ hơn 60 năm qua cho đến nay. Ngoài ra, ông Ngọc còn là người đang sở hữu bộ tiền các từ cổ chí kim của nước ta cũng như bộ sưu tập tiền giấy, tiền các của nhiều nước trên thế giới rất có giá trị.

Trò chuyện với chúng tôi, ông Dương Minh Ngọc cho hay: “Việc sưu tầm tiền của tôi chỉ như là “con nhà nghèo chơi tiền”, vì lúc đó người dân chỉ biết đến những đồng tiền có mệnh giá 20 đồng, 10 đồng, 5 đồng... còn những tờ tiền có mệnh giá lớn như tờ 100 đồng là rất ít thấy”. Điều đáng trân trọng hơn nữa là bộ sưu tập tiền và tiền xu các loại lưu hành trong hơn 100 năm qua tại Việt Nam đã được vị cán bộ kinh tài lão thành này cất giữ rất cẩn thận, nó mang một giá trị to lớn về mặt lịch sử đối với ngành tài chính. Qua đó, nó cũng giúp chúng ta hình dung được những khó khăn mà những cán bộ kinh tài năm xưa đã trải qua từ những ngày đầu thành lập ngành Tài chính đầy gian khổ, hy sinh và hết sức tâm huyết.

NGUYỄN PHẠM MAI

(Ghi theo lời kể
của ông Dương Minh Ngọc)

GẶP LẠI NHỮNG NHÂN CHỨNG SỞ ẤN LOÁT TRUNG BỘ NĂM XƯA..

Trong nghiệp làm báo mười năm có lẽ của mình, tôi từng gặp không biết bao chuyện buồn vui, thoáng chốc có, lâu lâu có, nhưng những kỷ niệm không bao giờ quên thì phải thật đặc biệt. Có lẽ câu chuyện của các cụ ở Sở Ấn loát Trung Bộ năm xưa là một trong những ký ức đó. Không biết có phải tôi “có duyên” với các cụ không bởi lần gặp nào cũng thật ngẫu nhiên. Mới đó đã hai năm kể từ ngày Bộ Tài chính tổ chức gặp mặt các cụ nguyên là những cán bộ công nhân viên Sở Ấn loát Trung Bộ thời kỳ chống Pháp

tại Hà Tĩnh (năm 2010), mà tôi là người được Thời báo Tài chính cử đi tác nghiệp, tôi lại được gặp lại các cụ - những nhân chứng sống của Sở Ấn loát Trung Bộ năm xưa...

Kể từ buổi Bộ Tài chính tổ chức buổi gặp mặt lần đó, đến nay đã có cụ mãi mãi không thể gặp lại đồng đội được nữa... Vẫn biết, các cụ bây giờ như chiếc lá cuối mùa, chỉ cần một cơn gió là lìa cành, nhưng tôi vẫn thấy trong lòng một nỗi buồn khó tả.

Cũng may nhờ Giới mà các cụ tôi gặp



Cụ Chinh và cụ Lan

lần này vẫn rất khỏe mạnh. Những cụ Chúc, cụ Cơ, cụ Lan, cụ Chinh... đều cười nói rộn ràng khi nhận ra người quen. Các cụ rất vui nói với tôi rằng, bao nhiêu năm làm cho Cách mạng, công việc lặng thầm không ai biết, nhờ Bộ Tài chính và được... lên báo nên nhiều người biết. Không phải như ngày xưa vì sự cần mật, nguyên tắc của

công việc mà lúc nào cũng giấu giấu, giếm giếm kể cả với người thân. Nhiều lúc bạn bè trách móc không biết bạn mình làm gì mà bí mật thế... Các cụ bảo rằng vẫn nhớ buổi gặp mặt ngày hôm ấy, các cụ như được sống lại cái thuở đôi mươi, hồn nhiên, chỉ biết cống hiến cho Đảng, cho Cách mạng, không một chút tư lợi cá nhân...

Trăm ngàn như để hồi tưởng lại quá khứ, cụ Chinh kể rằng: Hồi ấy chúng tôi trẻ lắm, khoảng 15 - 16 tuổi, vào xưởng in với tâm trạng háo hức vì được đi làm công việc hoàn toàn mới mẻ, khác với con trâu cái cày nhà nông. Tư trang chỉ là bộ quần áo, cái bát sắt, nhưng sống trong môi trường tập thể nên nỗi nhớ nhà cũng dần nguôi. Được các bác lãnh đạo Sở Ấn loát chỉ bảo tận tình, coi như con cháu trong nhà nên chúng tôi làm bất cứ việc gì cũng rất chinh chu với tinh thần “ăn trên bạc ngủ trên bạc nhưng không màng đến bạc”.

Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ ngày ấy được thành lập và trở thành Cơ quan Ấn loát Đặc biệt, chuyên lo in tiền tài chính mà nhân dân ta quen gọi là Giấy bạc Cụ Hồ đã được chuyển đi mọi nơi, đáp ứng kịp thời nhu cầu chi tiêu cấp bách của chính quyền Cách mạng, tạo niềm tin sâu sắc trong lòng nhân dân, góp phần quan trọng cho thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Do đó,

công việc in tiền đòi hỏi sự cẩn thận từng tý một, nhất là việc đánh số seri phải chuẩn xác theo thứ tự, chỉ cần lệch một khâu là toàn bộ công việc bị gián đoạn. Không ai bảo ai, nhưng tất cả chúng tôi khi làm việc đều rất trách nhiệm, cẩn trọng. Nhà máy in tiền hồi đó được đặt sâu trong rừng, ở nơi an toàn và bí mật để tránh sự nhòm ngó của quân địch và do thám. Cơ sở in tiền được chia thành 2 phân xưởng gồm phân xưởng 1 và 2 để thực hiện các công đoạn khác nhau, vì mỗi người chỉ phụ trách một khâu, không ai được biết cả. Đây cũng là yêu cầu công việc, để đảm bảo bí mật, chúng tôi không được phép tiết lộ kể cả với người thân. Ngoài việc in bạc Cụ Hồ, Sở còn in các tài liệu phục vụ kháng chiến. Làm việc vất vả không kể đêm ngày nhưng đời sống tinh thần chúng tôi rất phong phú. Tôi hồi đó làm Đội trưởng Đội Thiếu niên Phạm Hồng Thái nên ngoài giờ làm việc, chúng tôi còn tổ chức các đêm ca nhạc tập thể, nhân dịp các ngày lễ lớn thì dàn dựng cả một chương trình với những



Bia lưu niệm Sở An ninh Trung Bộ ở Hà Tĩnh

vở kịch, ca khúc Cách mạng nhằm thư giãn và tăng thêm khí thế cho anh em. Có những vở kịch được lãnh đạo khen ngợi và đi diễn phục vụ nhân dân. Những đêm diễn như thế, chúng tôi ca hát thật vui, tình quân dân vì thế mà thêm phần thắm thiết...

Cụ Lan ngồi gật gù từ đầu nghe đến đây đã thêm vào: Ngày ấy tôi ở cùng

với cụ Chinh. Chúng tôi ở cùng một phân xưởng gồm nhiều người ở mọi miền quê khác nhau, ở Hà Nội cũng có nhưng nay do tuổi cao, sức yếu nhiều cụ đã về với tổ tiên. Nói đến đây các cụ trầm ngâm, mắt cụ nào cũng đỏ hoe... Chờ qua cơn xúc động, giọng cụ Lan lại rồn rảng: Chúng tôi đúng là ngày ấy sống rất cực khổ, khi vào làm được phát một cái chăn, hằng tháng được 30



Đoàn cán bộ Tài chính tại Bia Ấn loát Trung Bộ

kg gạo nhưng phải ăn gạo mốc trước, gạo không mốc để lại sau. Cơm thường ngày chỉ có rau rừng, thỉnh thoảng mới được vài con cá khô để cải thiện nhưng không ai thấy đó là khổ cả, bởi tinh thần Cách mạng lúc nào cũng sôi sục.

Nghe cụ kể thì các công đoạn in tiền thật công phu bởi tất cả đều phải làm thủ công, bằng sự tỉ mỉ, khéo léo của con người là chính. Mùa đông lạnh thì phải đốt lửa cho ấm để lô in mềm dẻo và in cho đều, mùa nắng thì phải tưới nước để lô in cứng lại cho dễ in. Mỗi lần in hàng chục vạn bản, nhưng không được trùng số, nếu trùng thì coi như hỏng, vì vậy đòi hỏi phải có sự chính xác đến tuyệt đối. Tuy nhiên, theo cụ Lan thì công việc in tiền cũng có lúc bị lỗi nhưng sau đó đã đóng dấu chữ in hỏng.

Khi nói về ban lãnh đạo Sở Ấn loát ngày ấy, cụ Chúc bồi hồi cho biết, gia đình ông Lê Trọng Cự, nguyên Giám đốc Sở Ấn loát là khó khăn nhất. Ông đã mất, hiện bà vợ còn sống nhưng không có

nhà nên phải ở cùng con gái vì con trai cũng đau yếu không thể chăm sóc mẹ già. Trong ký ức của người con gái thì người cha chỉ được biết qua những lời kể của mẹ và đồng đội ông, bởi ông mất khi cô còn quá bé. Nguyện vọng của bà là đưa tên ông lên bia lưu niệm để ông được về lại nơi ông đã đồng cam cộng khổ cùng anh em đồng đội.

Trong buổi gặp mặt ngày hôm ấy còn có cụ Trần Trọng Triết, năm nay đã gần 90 tuổi nhưng cụ rất minh mẫn và khỏe mạnh. Ngày ấy, so với mọi người, cụ là người nhiều tuổi và đã có gia đình. Được tổ chức phân công phụ trách công đoàn, nên cụ phải luôn quan tâm đến đời sống sinh hoạt của mọi người... Cụ nói vui rằng, chúng tôi là những người “ba không” không biết, không nói, không hỏi. Đi công tác ghi đông xe đạp màu trắng thì phải bôi đen, áo trắng thì phải choàng khăn đen để che kín, tránh sự theo dõi, mật phục của do thám và quân địch.

Đặc biệt, trong cuộc trò chuyện rôm rả

còn có cụ Giao, cụ năm nay đã 87 tuổi, sức khỏe cũng đã yếu, từ đầu đến cuối, cụ chỉ ngồi nghe và thi thoảng lấy tay chấm chấm nước mắt vì xúc động. Cụ nói rằng được ngồi đây để gặp lại đồng đội, ôn lại những kỷ niệm một thời hào hùng, cụ thấy mình khỏe lại, cảm giác như được trở về với thời trai trẻ, sự sôi ý chí chiến đấu, một lòng một dạ theo Đảng, theo Bác Hồ.

Trong những năm hoạt động, Sở Ấn loát Tài Chính Trung Bộ đã cống hiến hết mình và góp một phần xứng đáng vào sự nghiệp chung của toàn dân tộc. Sự ra đời của đồng tiền tài chính Việt Nam là một công cụ đấu tranh có hiệu lực trên mặt trận tiền tệ với địch, góp phần xây dựng nền tài chính tiền tệ độc lập, tự chủ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Xác định được vai trò và trách nhiệm đối với lịch sử và cũng là vinh hạnh của thế hệ đi sau, Bộ Tài chính đã chỉ đạo Sở Tài chính Nghệ An, Hà Tĩnh phối hợp các đơn vị liên quan, đặc biệt là chính quyền và nhân dân địa phương nơi gắn bó

với di tích, những nhân chứng để có đầy đủ các cơ sở khoa học, tư liệu lịch sử, địa điểm in tiền để xây dựng bia tưởng niệm nhằm giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống hào hùng của cha anh. Và công việc cũng đã được hoàn thành nhờ sự giúp đỡ của các ban, ngành đoàn thể, vào tháng 8/2010, bia lưu niệm Sở Ấn loát Trung bộ ở Hà Tĩnh đã chính thức được khánh thành, trở thành địa chỉ giáo dục truyền thống ngành Tài chính đối với thế hệ trẻ.

Sau gần 3 giờ trò chuyện cùng các cụ, tôi ra về với lời hẹn gặp lần sau. Dẫu biết rằng thời gian không chờ đợi ai cả, nhất là tuổi già như chiếc lá cuối thu nhưng tôi vẫn mong rằng, lần gặp sau nhất định sẽ còn đủ đây để tôi lại được nghe những tâm sự chân thành, những lời giáo huấn cho con cháu tuy mộc mạc nhưng thật ý nghĩa của các cụ - những nhân chứng lịch sử của ngành Tài chính Việt Nam.

Huy Khánh (Ghi)

HÀNH TRÌNH VỀ QUÁ KHỨ...

Biết ý định của chúng tôi muốn tìm hiểu về Nhà máy in tiền Khánh Thi thời chống Pháp năm xưa, cụ Ma Duy Trân và cụ Ma Xuân Ông - một trong số những công nhân của nhà máy, nay đã trên dưới 80 tuổi hiện đang sinh sống đúng nơi nhà máy in tiền năm nào (nay là thôn Ngẫu 1 - xã Hùng Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang) bỗng trẻ trung, sôi nổi hơn hẳn. Các cụ hào hứng kể:

Sinh ra và lớn lên ở vùng quê Cách mạng nên các cụ đã sớm được giác ngộ, một lòng đi theo tiếng gọi của Đảng, của Bác Hồ. Vì vậy, khi Nhà máy In tiền Khánh Thi được chuyển

lên địa phương, cần nhân lực, các cụ đã xung phong tham gia ngay. Công việc hồi đó rất vất vả, cơ sở in tiền nằm sâu trong rừng và phải đảm bảo bí mật không để kẻ địch biết phá hoại sẽ ảnh hưởng đến tiến độ công việc. Những đồng bạc Cụ Hồ được làm ra đã phục vụ cho công tác hậu cần của quân, dân ta trong cuộc kháng chiến còn đầy khó khăn. Lúc đó, quân địch cũng không thể ngờ được rằng chúng ta lại làm ra được những đồng bạc từ bàn tay khối óc trong điều kiện ngặt nghèo như vậy.

Cụ Ma Văn Trân nhớ lại: Ngày ấy bước vào nhà máy in tiền tôi còn trẻ lắm, mới 16 tuổi, trẻ nhất trong số những

Ngày ấy bước vào nhà máy in tiền tôi còn trẻ lắm, mới 16 tuổi, trẻ nhất trong số những cán bộ làm việc nơi đây... Ban đầu tôi cũng không biết mình phải làm việc gì cứ thấy bảo theo Cách mạng là đi thôi...

cán bộ làm việc nơi đây... Ban đầu tôi cũng không biết mình phải làm việc gì cứ thấy bảo theo Cách mạng là đi thôi... Khi vào nhà máy, mới đầu tôi chỉ đứng ở phần cuối công đoạn nhặt những tờ tiền in, sau đó xếp vào một chỗ gọn gàng. Cứ như vậy sau nhiều lần làm việc và học hỏi kinh nghiệm của người khác, tôi dần trở nên thành thạo và được giao làm các công việc quan trọng khác. Tuy nhiên vì công việc bí mật nên người nào, khâu nào cũng chỉ biết việc, khâu đó. Quá trình công tác tại đây, tôi nhớ nhất là hai người lính Nhật được Cách mạng giác ngộ đã vào làm việc ở nhà máy, họ làm việc rất tốt và hăng say nên luôn được khen thưởng... Những đồng bạc Cự Hồ được in ấn rất đẹp và được vận chuyển kịp thời phục vụ kháng chiến. Ngoài ra, thời ấy những người cán bộ công nhân làm ở nhà máy in tiền chỉ toàn nam, nữ rất ít, việc đứng máy in thường do cánh đàn ông đảm nhiệm vì vất vả và nguy hiểm hơn...

“Ngày ấy chúng tôi làm việc hăng say



**Cụ Ma Duy Trân và cụ Ma Xuân Uông (ngồi giữa)
đang trò chuyện cùng đoàn cán bộ Bộ Tài chính và Sở Tài chính Tuyên Quang**

lắm không nề hà gì, lúc nào cũng vui như ngày hội. Xung quanh chỗ chúng tôi làm việc có bảo vệ, bộ đội nhiều lắm. Hết giờ lại về khu nhà tập thể gần đấy. Nhà tập thể có 2 khu, một khu dành cho những người có gia đình còn một khu dành cho những người chưa lập gia đình. Tất cả đều hồn nhiên và vui vẻ... Lúc đó, chúng tôi còn rất trẻ cũng mơ mộng nhưng chưa ai biết yêu, hay cũng tại nhà máy ít con gái”. Cụ

Trân hóm hỉnh nhớ lại.

Còn đối với cụ Uông, ngày ấy cụ không trực tiếp đứng máy in nhưng nhận nhiệm vụ đứng canh gác bảo vệ cho nhà máy in tiến hoạt động được an toàn. Cùng đứng gác với cụ có rất nhiều lực lượng chức năng, vòng trong có, vòng ngoài có, tất cả đều vì sự an toàn của đồng bạc Cụ Hồ. Các cụ làm việc suốt ngày đêm không quản mưa

“Ngày ấy chúng tôi làm việc hăng say lắm không nề hà gì, lúc nào cũng vui như ngày hội. Xung quanh chỗ chúng tôi làm việc có bảo vệ, bộ đội nhiều lắm. Hết giờ lại về khu nhà tập thể gần đấy. Nhà tập thể có 2 khu, một khu dành cho những người có gia đình còn một khu dành cho những người chưa lập gia đình. Tất cả đều hồn nhiên và vui vẻ... Lúc đó, chúng tôi còn rất trẻ cũng mơ mộng nhưng chưa ai biết yêu, hay cũng tại nhà mấy ít con gái”.

nặng và không bao giờ rời khỏi vị trí được giao. Chỉ cần nghe một tiếng động hoặc có thông tin gì lạ đều được báo cáo lại đầy đủ với ban chỉ huy để tìm hướng đối phó. Nhờ sự làm việc cẩn mẫn và trách nhiệm nên đã không để xảy ra sự cố đáng tiếc nào ngoài ý muốn.

... Khi ngồi ghi lại những lời kể này, tôi nhớ như in sự vui mừng và xúc động của các cụ khi “khoe” ngành Tài chính đang xây dựng bia lưu niệm ở chính nơi đặt Nhà máy in tiền Khánh Thi năm xưa... “Chúng tôi còn sống ngày nào mà nhìn thấy nơi một thời cống hiến tuổi trẻ, xương máu trở thành nơi lưu niệm cho con cháu được biết... thì lúc chết không ân hận gì rồi”.

Chúng kiến sự xúc động của các cụ, chúng tôi mới thấm thía hết ý nghĩa những việc làm của ngành Tài chính với quá lịch sử, quá khứ...

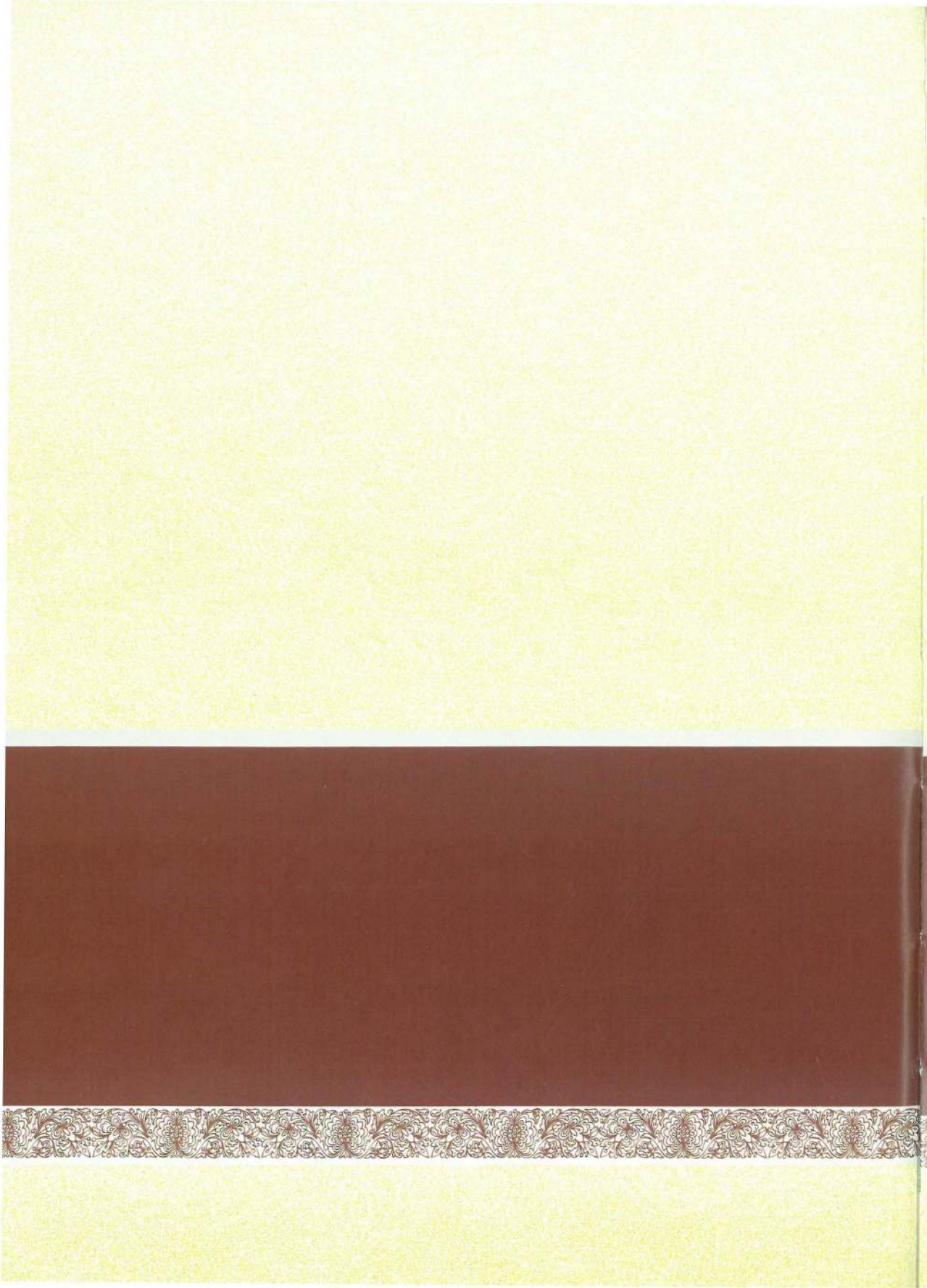
Năm tháng đã qua đi theo quy luật của thời gian, nhưng có lẽ lịch sử hào

hùng, vết son truyền thống của đất nước và ngành Tài chính trong những năm tháng không thể nào quên đó vẫn được tái hiện, còn nguyên vẹn trong tâm thức thế hệ lớp cán bộ tiếp bước cha anh.

“Không có điều gì và không có ai bị lãng quên” - đó chính là định hướng của những người đứng đầu ngành Tài chính đối với quá khứ, lịch sử, truyền thống của ngành. Nhiều năm qua, ngành Tài chính đã dành tâm sức nghiên cứu, tập hợp tư liệu, xây dựng phòng truyền thống, tổ chức đặt bia lưu niệm nhiều di tích trên cả 3 miền đất nước, xuất bản sách về lịch sử truyền thống, tôn vinh các bậc lão thành, người có công đóng góp xây dựng, phát triển ngành Tài chính. Hành trình về quá khứ, những câu chuyện sống động về lịch sử hào hùng về đồng tiền Tài chính Việt Nam - giấy bạc Cọ Hồ, các cơ sở in tiền năm xưa trong núi rừng hiểm trở năm xưa, nay đã trở thành di tích của ngành Tài chính, những cuộc gặp mặt đầy xúc động các bác nguyên

cán bộ Ban Ấn loát Đặc biệt, Ban Kinh tài ở cả ba miền... được Bộ Tài chính tổ chức đã thực sự thể hiện một cách sống động, nhân văn nhất về đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, giáo dục truyền thống, tri ân thế hệ đi trước... Và đó cũng là công việc thầm lặng, đầy ý thức trách nhiệm với lịch sử, trước hết xuất phát từ cái Tâm của lớp cán bộ ngành Tài chính hôm nay...

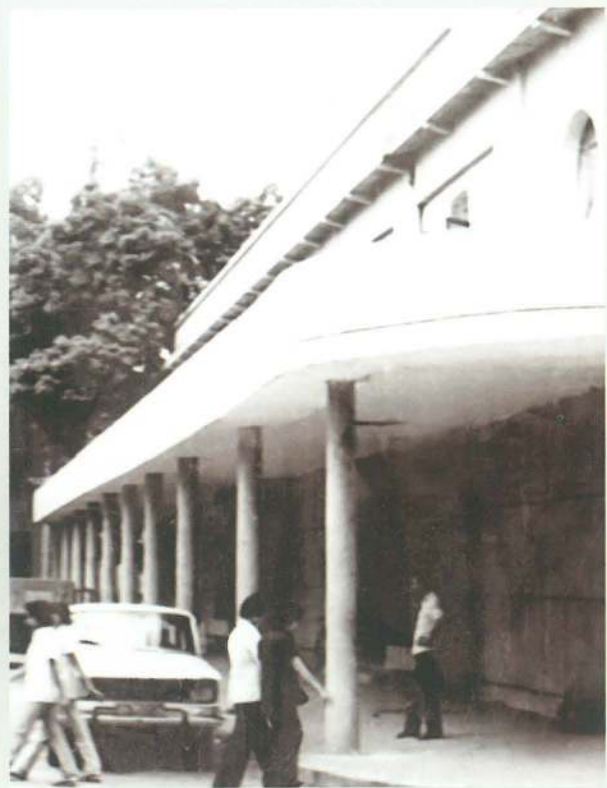
Hùng - Anh



MỘT SỐ HÌNH ẢNH
VỀ CÁC KHU DI TÍCH IN TIỀN
TÀI CHÍNH



Nhà in Tô-panh
- nay là Trung tâm
Thương mại - Số 5 Nam
Bộ (Hà Nội)





Bảo tàng Lịch sử Việt Nam - Số 1 Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
nơi đập tiền Tài chính kim loại - phát hành tháng 12/1945



Khu đồn điền Chi Nê - Hòa Bình, nơi đặt máy in tiền năm 1946 - 1947





Địa điểm kho chứa tiền (kho bạc) của Nhà máy in tiền Chi Nê

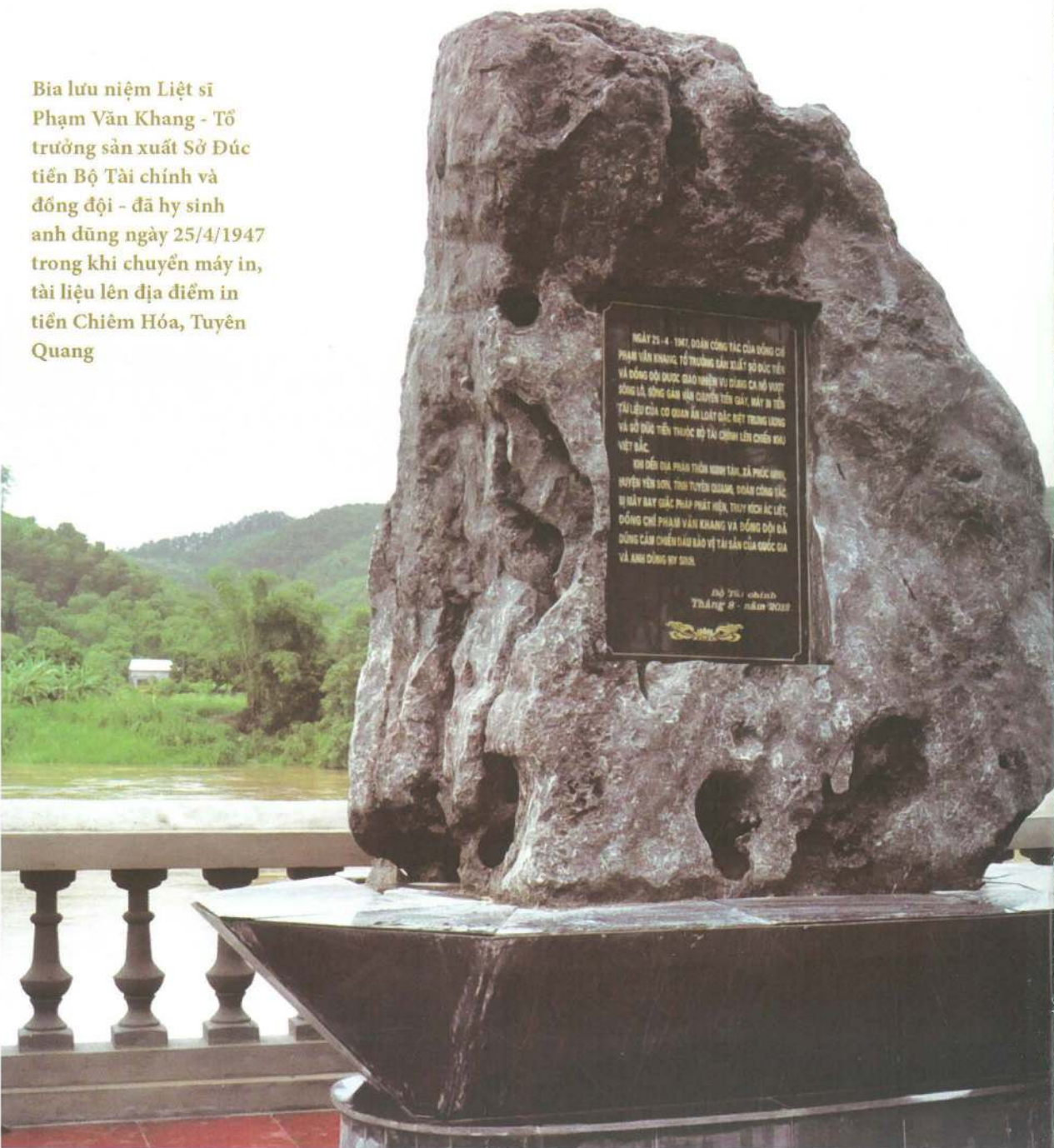


Lễ đón nhận bằng Di tích Lịch sử Cách mạng Quốc gia địa điểm Nhà máy in tiền Chi Nê




Thứ trưởng thường trực Bộ Tài chính Nguyễn Công Nghiệp phát biểu tại buổi lễ

Bia lưu niệm liệt sĩ
Phạm Văn Khang - Tổ
trưởng sản xuất Sở Đức
tiền Bộ Tài chính và
đồng đội - đã hy sinh
anh dũng ngày 25/4/1947
trong khi chuyển máy in,
tài liệu lên địa điểm in
tiền Chiêm Hóa, Tuyên
Quang



NGÀY 25 - 4 - 1947: ĐỒNG TÁC CỦA ĐỒNG CHÍ
PHẠM VĂN KHANG; TỔ TRƯỞNG SẢN XUẤT SỞ ĐỨC TIỀN
VÀ ĐỒNG ĐỘI ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ CHUYỂN CÁI MÁY VIẾT
SÓNG LÒ, ĐỒNG GÀM VÀ CHUYỂN TÊN GẤC, MÁY IN TIỀN
TÀI LIỆU CỦA CƠ QUAN AN LOẠI ĐẶC NỆY TRONG LƯNG
VÀ SỞ ĐỨC TIỀN THUỘC BỘ TÀI CHÍNH LÊN CHIẾN HOÀ
VIỆT ĐẮC.
KHI ĐẾN ĐỊA PHƯƠNG THÌ MÌNH TÀN, XÃ PHƯỚC MIỀN,
HUYỆN YÊN BAY, THỊA TUYÊN QUANG, ĐỒNG CÔNG ĐẮC,
TỰ BÂY BAY GIẶC PHÁP PHÁT HIỆP, THUY KỊCH ÁC LỆT,
ĐỒNG CHÍ PHẠM VĂN KHANG VÀ ĐỒNG ĐỘI ĐÃ
ĐỒNG CAM CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ TÀI SẢN CỦA QUỐC GIA
VÀ ANH DUNG HY SINH.

BỘ TÀI CHÍNH
THÁNG 8 - NĂM 2012





Khu mộ liệt sĩ Phạm Văn Khang và đồng đội tại thôn Minh Tân, xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang



Nhà văn hóa thôn Minh Tân trong khu tưởng niệm liệt sĩ Phạm Văn Khang và đồng đội



Lãnh đạo Bộ Tài chính và UBND tỉnh Tuyên Quang khảo sát khu di tích Nhà máy in tiền Khánh Thi, huyện Chiêm Hóa, Tuyên Quang



Khu di tích Nhà máy in tiền Khánh Thi đang được Bộ Tài chính đầu tư xây dựng



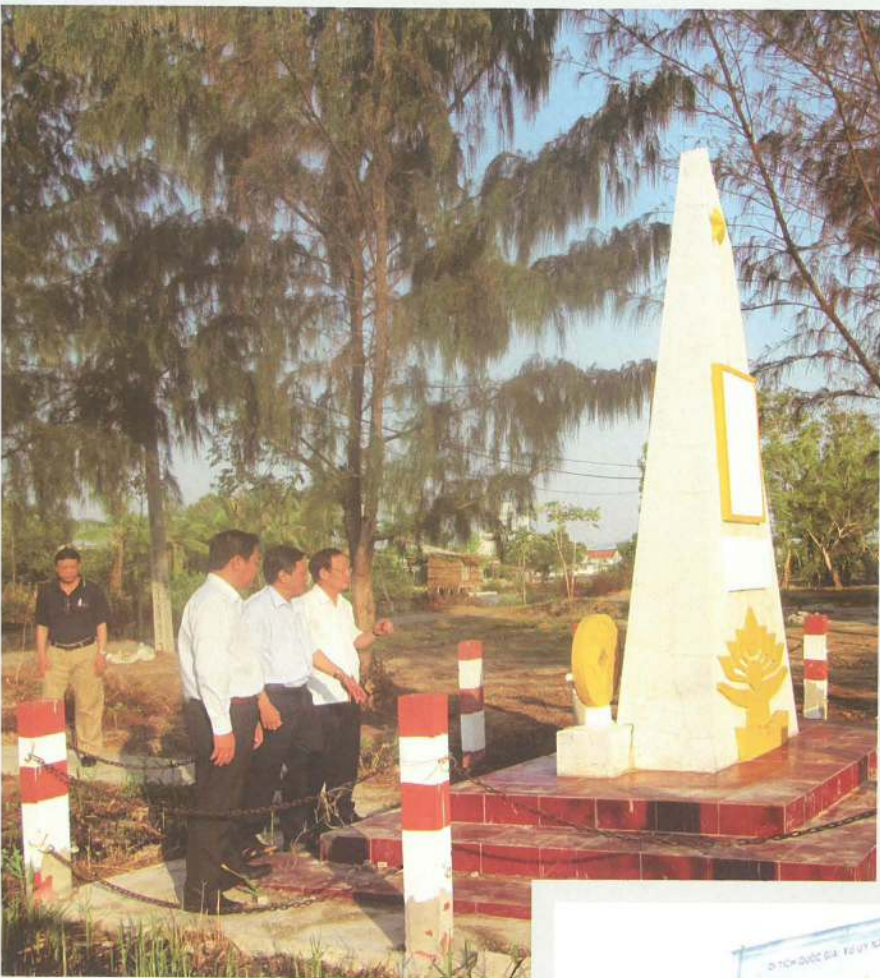
Khánh thành bia lưu niệm Địa điểm in tiền - Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ
tại xã Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh



Nguyên cán bộ công nhân Sở Ấn loát Trung Bộ
viếng lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh



Gặp mặt nguyên cán bộ, công nhân Sở Ấn loát Tài chính
Trung Bộ do Bộ Tài chính tổ chức tại Hà Tĩnh



Lãnh đạo Bộ Tài chính
khảo sát địa điểm Khu di tích
Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ
tại xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn,
tỉnh Cà Mau



Khởi công xây dựng Bia lưu niệm
Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ



Bia lưu niệm Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ



Gặp mặt nguyên cán bộ, công nhân Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ

MỘT SỐ HIỆN VẬT ĐƯỢC TRUNG BÀY TẠI PHÒNG TRUYỀN THỐNG BỘ TÀI CHÍNH



Đường ray phục vụ
chuyển nguyên liệu và
tiền tại Nhà máy in tiền
Khánh Thi, xã Hùng Mỹ,
huyện Chiêm Hóa,
tỉnh Tuyên Quang



Mẫu hiện vật tiền giấy



Đế máy dập tiền kim loại tại Nhà máy đúc tiền xã Bình Nhân,
huyện Chiêm Hóa, Tuyên Quang



Mẫu tiền kim loại và bản kẽm dùng in tiền



Mô hình nơi đặt Nhà máy in tiền
tại Đồn điền Chi Nê, tỉnh Hòa Bình

M Ụ C L Ụ C



LỜI GIỚI THIỆU | 02

BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ SỰ RA ĐỜI TẤT YẾU
CỦA ĐỒNG TIỀN TÀI CHÍNH VIỆT NAM | 05

ĐỒNG TIỀN TÀI CHÍNH VIỆT NAM | 41

ĐỒNG TIỀN TÀI CHÍNH TẠI BẮC BỘ

ĐỒNG TIỀN TÀI CHÍNH TẠI TRUNG BỘ

ĐỒNG TIỀN TÀI CHÍNH TẠI NAM BỘ

HÌNH ẢNH, ĐẶC ĐIỂM TIỀN TÀI CHÍNH
VIỆT NAM LƯU HÀNH TẠI BA MIỀN | 173

261

KÝ ỨC KHÔNG PHAI

BAN ẤN LOÁT ĐẶC BIỆT NAM BỘ GIẤY BẠC
TÀI CHÍNH LƯU HÀNH TỪ MIỀN BẮC ĐẾN CÀ MAU

ĐỒNG TIỀN NAM BỘ KHÁNG CHIẾN

CUỘC HÀNH TRÌNH GIAN KHỔ

VIỆC IN TIỀN CỦA BAN ẤN LOÁT ĐẶC BIỆT Ở NAM BỘ
TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

LÒNG DÂN ĐẶT TRỌN NIỀM TIN VÀO KHÁNG CHIẾN
VÀ CÁN BỘ KINH TÀI

LƯU GIỮ NHỮNG ĐỒNG TIỀN NHỎ ĐỂ TRỞ THÀNH BỘ
SUU TẬP LỚN, MANG NHIỀU Ý NGHĨA LỊCH SỬ

CHUYỆN NHỮNG NGƯỜI THEO CÁCH MẠNG... IN TIỀN

GẶP LẠI NHỮNG NHÂN CHỨNG SỞ ẤN LOÁT
TRUNG BỘ NĂM XƯA..

325

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ CÁC KHU DI TÍCH
IN TIỀN CỦA NGÀNH TÀI CHÍNH